

1a

0-10

②

- 0 a -

giáo lý bí truyền

KHÁI-LƯỢC ĐỜI SỐNG CỦA BÀ H.P. BLAVATSKY

Tác-giả : Joséphine Ransom

Địch-giả : Nguyễn-thị-Hai

Tập Đặc-biệt Số 1

KHÁI-LƯỢC ĐỜI SỐNG CỦA BÀ H.P. BLAVATSKY

Bà Helena Petrovna Blavatsky là một trong những nhân vật được nổi tiếng trên thế giới ở phần tư thế kỷ thứ 19 này. Bà là người đại-ky và rất phản-kháng đối với cái gì chính-thống, dù là chính-thống về tôn giáo, khoa học, triết học hay tâm lý học cũng vậy. Bà quả thật là một nhà bài-trừ hình tượng : bà xé tan từ mảnh những gì che lấp cái 'Thấy Thật-sự'. Nhưng từ khi đa số người đời còn bám víu vào những mảnh che lấp ; do tập quán tạo thành và do họ chưa quen với 'Cái Thật' thì họ tấn công và chửi rủa bà Blavatsky về sự cả-dám và sự can-đảm của bà, bởi bà đã lột trần cái gì mà họ xem như là phạm thượng đến thánh thần. Nhưng chắc chắn và dần dần, thời gian sẽ bào chữa giùm bà. Mặc dù bị hiểu lầm như vậy, bà vui lòng làm việc 'để phụng sự nhân loại' và bà tỏ lộ sự minh triết của bà bằng cách để cho thời đại tương lai phán xét cái giá trị phi thường của bà.

Bà Helena Petrovna von Hahn sanh non và vào nửa đêm 30 rạng 31 tháng 7 năm 1831 tại Ekaterinoslav trong tỉnh Ekaterinoslav tại miền Nam nước Nga. Có rất nhiều việc kỳ lạ, ngẫu nhiên xảy ra trong lúc sanh bà ra, trong lúc rửa tội cho bà, khiến cho những người Nga hầu-cận bà tiên đoán rằng : bà sẽ có một đời sống xáo trộn.

Bà Helena, vốn là một đứa bé bướng bỉnh, thuộc về dòng dõi của những người nam nữ có quyền thế và hùng mạnh. Lịch sử dòng dõi của bà là lịch sử của Nga-Sô. Nhiều thế kỷ đã qua, những người nô lệ vô định, đi tìm vợ, ở miền Trung và miền Tây của xứ Âu Châu. Họ có cách cai trị riêng của họ. Nhưng khi họ định cư tại Novgorod, thì họ lại chia rẽ do sự thù hận giữa gia đình này với gia đình kia ; họ không thể nào

- 2 -

hòa giải với nhau đặng. Họ mới cầu cứu đến một người lãnh tụ để giúp họ ; người lãnh tụ ấy lại là một vị cầm đầu nhóm người Miền Bắc đi tìm vợ vô định ấy. Những người này đi tìm thị trường và thế lực. Ông Rurik mới đến và lập tại Novgorod một chánh phủ đầu tiên dân sự, và một trung tâm thị trường giàu có cho miền Đông và miền Tây. Trong lúc sanh tiền, nhờ con trai là Igor và cháu trai là Oleg củng-cố quyền thế của người tại miền Tây và miền Nam. Ông Kiev trở thành một vị đại địa-vương, và người nào mà cai trị thì tức nhiên được người ta hiểu ngầm là vị vương giả của xứ Nga-Sô. Suốt nhiều thế kỷ, những con cháu của ông Rurik bành trướng oai quyền và chiếm hữu trọn cả nước Nga. Ông Vladimir I chọn đạo Thiên Chúa là tôn giáo cho dân tộc ông, và ông cưỡng ép mấy người ngoại đạo phải vô Thiên Chúa giáo cả bằng không thì phải chết. Ông Yaroslav - là nhà hiền sĩ - làm ra luật pháp và đặt 'uy quyền cho nước Nga Sô'. Từ ông Rurik cho tới đời thứ tám, thì có ông Yuri (1090-1157) ; ông là một công tước quyền oai cao cả tại tỉnh Kiev. Về sau, ông là người khởi móng cho đại đô thị Mạc-tư-Khoa (Moscow). Biệt hiệu của ông là : 'Dolgoroukov' nghĩa là 'bàn tay dài' hay là 'nắm chắc'. Nhờ ông mà triều đình trở nên mạnh mẽ về chính trị và hiếu động ; nước ông trở nên vĩ đại. Những nhóm người Mông-Cổ, năm 1224, đến khuấy rối và bắt thân nhảy lên cầm đầu những đám người (Nga) hỗn loạn và tất cả đều ganh đua với nhau về uy quyền và địa vị. Nhưng ông Ivan III, năm 1480, đuổi được người Mông-Cổ và thoát khỏi ách của họ. Ông Ivan IV, là người ghê gớm, ông đòi phong vương cho ông, và chiếm lấy uy quyền tối thượng của nước Nga cho chính ông. Đến khi con trai của ông là Tsar Fedor chết, hồi năm 1598, triều đình Rurik dài đằng đẵng của ông mới chấm dứt. Qua đời thứ 16, hai nhánh gia đình vương giả Rurik này sanh ra một vị thái tử

tên gọi là Obelensky. Ông ấy có một người cháu nội trai tên là A. Obelensky. Vì vậy, cũng vậy, lấy biệt hiệu là 'Dolgoroukov' nghĩa là 'bàn tay dài'. Ông lập ra gia đình Dolgoroukov, rất nổi tiếng và vượt lên trên cả nước Nga mà lịch sử còn lưu lại. Bà ngoại của bà H.P. Blavatsky là một bậc thiên tài và bác học. Bà được gọi là nữ hoàng Helena (Yelena) Pavlovna Dolgoroukov. Bà là người con út của nhánh thứ nhất trong gia đình ấy ; bà kết hôn với ông Andrey Mihaylovich de Fadeyev. Con gái của bà, cũng tên là Helena, vốn là mẹ của bà Blavatsky, đã kết hôn với đại tá Peter A von Hahn.

Thế thì gia quyến của bà Helena thuộc về nhánh thứ nhất của gia đình vương giả Nga-Sô mà toàn cả Âu-Châu đều biết danh và xác nhận về phẩm giá và về tập quán. Bà Helena có tính bướng bỉnh ; và từ khi còn bé cho tới giờ, bà bài xích lễ-nghi. Tuy nhiên, bà cảm giác rằng miễn sao việc làm của bà đừng chạm đến gia quyến bà, hoặc giả làm hư danh tiếng của nó. Cha bà là đại tá Peter von Hahn. Ông thuộc về dòng dõi Crusading Mecklenburg xưa, và về gia quyến Rottens-tern Hahn. Bởi vì mẹ của bà Blavatsky - là nhà đại văn hào - đã chết khi bà mới 11 tuổi đầu, nên bà phải sống đời con gái bên cạnh ông bà ngoại của bà tên là Fadeyev, trong một ngôi nhà vĩ đại ở Saratov. Cái nhà này chứa nhiều người trong gia quyến và một số đông gia nhơn, cùng những kẻ hầu hạ tùy tùng. Ông ngoại bà Blavatsky làm tiểu vương cai trị Tỉnh Saratov.

Bà Helena có bẩm tính tự nhiên và mãnh liệt về khả năng tâm linh. Thật ra, nó rất mãnh liệt cho đến nỗi nó trở thành cái đặc tính trội nhất của bà. Bà muốn chỉ rõ cái khả năng thông đồng của bà với những người ở cõi khác hơn và thanh hơn cõi trần, với những người khuất mặt mà người đời gọi là 'ma'. Cái khả năng thiên nhiên này cần phải tập luyện, mở mang lâu ngày mới có được. Sự giáo hóa của bà bị ảnh hưởng bởi

địa vị thế gian của gia quyến bà và cũng bởi nhiều yếu tố văn hóa lúc bấy giờ đang thịnh hành. Như đó, bà là nhà ngôn-ngữ-học tài ba và cũng là nhà nhạc sĩ nổi tiếng. Bà có sự tri giác và kinh nghiệm về khoa học. Bà lại nhờ sự học thức uyên thâm của bà ngoại bà chia sẻ cho bà. Và cái quan năng chia sẻ văn hóa của bà dường thể thường diễn ra trong gia đình.

Qua năm 1849, bà Helena được 18 tuổi, người ta gả bà cho một người đàn ông sồn sồn là ông Nikifor V. Blavatsky, phó tiểu vương của tỉnh Erivan. Có nhiều điều tính toán nên người ta mới bắt bà Helena gả cho ông Blavatsky. Nhưng, chắc chắn là từ buổi đầu, bà đã ghét điều đó lắm. Sau ba tháng vu qui, bà trốn chồng trở về gia quyến bà ; gia quyến bà mới gọi bà về cho cha bà. Sợ bị bắt ép trở về với ông Blavatsky, bà bèn trốn đi ; và bà lưu lạc nhiều năm như vậy với nhiều mạo hiểm phiêu lưu. Cha bà giữ liên lạc với bà và gọi tiền cho bà.

Năm 1851, Bà Helena bây giờ là bà Blavatsky (hay H.P.B.) lần đầu tiên gặp Đức Thầy hay Đấng Chơn Tiên (Adept) hay Đấng Huỳnh trưởng bằng xác thân. Ngài luôn luôn là Đấng phò hộ bà, giữ cho bà khỏi bị thương tích do những trò chơi nghịch nhát của bà ở buổi thiếu thời. Từ đấy về sau, bà hoàn toàn là đệ tử Chơn Tiên và hết lòng đáp ứng lại mỗi nét dấu hay mỗi lời chỉ dẫn của Sư Phụ. Nhờ Ngài huấn luyện, bà mới tập kiểm soát và điều khiển những thân lực (trước kia) nó cưỡng bách bà bởi bẩm tính bất thường của bà. Sự dịu dặt của Chơn Sư đưa bà qua trọn cả điều kinh nghiệm lạ lùng và dị biệt trong giới 'pháp thuật' và 'huyền môn'. Bà tập đem văn thơ từ Sư Phụ đến hộp thơ, và trong lúc đi đường, bà phải lướt qua mọi hiểm nguy và chịu đựng mọi khổ cực. Diễn tả sự phiêu lưu của bà trong thời kỳ tập sự làm người đệ tử là

xem bà làm việc cho toàn thế giới. Một phần thời giờ của bà dành để cho sự học tập trong những tu viện ở miền núi Hi-mã-lập-sơn. Nơi đây, có những vị giáo sư tinh thần của thời cổ. Các Ngài đưa ra những huấn thị mà người đời cần phải học hơn hết. Bà học các Sinh hoạt và những Định luật của những thế giới vô hình cùng những qui chế phải tuân theo mới bước được vào trong đó. Để chứng minh cái thời gian tập sự trong cuộc giáo hóa huyền môn của bà, bà có để lại những câu định lý trong 'Tiếng Nói VôThình' rất thanh tao và tinh thần.

Qua năm 1873, bà H.P. Blavatsky đi qua Mỹ Quốc để làm cái việc mà bà đã được luyện tập. Đối với kẻ thiếu can đảm, thì việc đó xem dường bất-khả-thì. Một người đàn bà Nga vô danh đâm mình trong cuộc biến động tinh thần, mà kích động được xứ Hoa Kỳ một cách mãnh liệt như thế đó, và cái ảnh hưởng còn lan ra nhiều nước khác nữa. Những đầu óc khoa học lấy làm bối rối trước ý nghĩa của sự phát minh những hiện tượng lạ kỳ. Và họ lấy làm khó khăn để vạch một con đường cho họ xuyên qua khối giả dối, và thất vọng để tìm ra chơn lý. Bà H.P. Blavatsky cố gắng giải nghĩa cho họ hiểu bằng hai phương cách sau đây :

1) Phương cách thứ nhất là chứng tỏ phép thần thông của bà.

2) Phương cách thứ nhì là tuyên bố rằng : có một sự hiểu biết uyên thâm và xa xưa về những Qui Luật của Sự Sống. Sự hiểu biết này đã được nghiên cứu và giữ gìn do những người đã xử dụng nó một cách an toàn và hữu ích; những người, mà theo cấp bậc cao của họ, được gọi là 'Chơn Sư' mặc dù cũng có nhiều danh hiệu khác như là : Chơn Tiên, Đức Chohan, Huynh trưởng, Đẳng cấp Huyền môn (Occult Hierarchy) và vân vân ...

Để thay thế lời tuyên bố, bà H.P. Blavatsky mới viết quyển 'Isis dévoilée' vào năm 1877, và bộ 'Giáo lý Bí truyền' (La Doctrine Secrète) vào năm 1888. Cả hai quyển sách này đều do Sư Phụ của bà 'ban ra'. Trong quyển 'Isis dévoilée', bà can đảm phóng đi với tất cả sức mạnh của những chứng minh- (mà bà lượm lặt được do những thánh kinh trong thế giới cùng những sách vở khác) - trước mặt của những tôn giáo chính thống, của khoa học vật chất, những tín ngưỡng mù quáng và dốt nát. Bà bị đón tiếp một cách vô lễ ; nhưng tư tưởng của thế giới đã được cảm nhiễm và tỏ-minh (do chơn lý của bà đã đưa ra).

Khi bà H.P.B. đã 'được gửi' qua Mỹ Quốc, thì một trong những trách nhiệm cần yếu nhất của bà là lập một cái Hội lấy tên -(lúc thành lập)- là Hội Thông Thiên Học, 'để thu nhặt và tung rãi ra sự hiểu biết về những định luật cai trị vũ trụ' (1) Hội ấy mời người cộng tác trong tinh huynh đệ để rán sức thực hiện sự hoạt động quan hệ của Hội và để có thiện cảm đối với những mục đích Nó. (2) Sự 'cộng tác trong tinh huynh đệ đó' trở thành mục đích thứ nhất trong ba mục đích của Hội Thông Thiên Học. Ba mục đích ấy được phác họa nhiều năm như sau :

Mục đích thứ nhất - Gây dựng giữa nhóm loại một trung tâm Huynh đệ Đại đồng, không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, nam nữ, đẳng cấp hay màu da.

Mục đích thứ **nhì** - Khuyến khích sự học hỏi bằng cách so sánh những Tôn giáo, Triết học và Khoa học.

 (1) Early By-Laws, Chap. 11.
 (2) Early preamble.

Mục đích thứ ba - Nghiên cứu những luật ẩn vi trong Tạo Hóa và những quyền năng còn tiềm tàng trong con người.

Bà Blavatsky được hướng dẫn gặp ông Đại tá Henry Steel Olcott để hai người cùng hiệp tác thành lập Hội T.T.H. Ông là người rất được kính nể và xã hội Hoa Kỳ đều biết danh ông. Cũng như bà H.P.B., ông hy sinh tất cả vì ích lợi cho công việc làm mà Đức Thầy giao phó cho ông.

Bà H.P.B. và ông H.S. Olcott sang Ấn Độ năm 1879 ; và, nơi đây, hai vị đặt viên đá đầu tiên cho nên tảng vững chắc của việc làm. Hội T.T.H. bành trướng mau lẹ, từ xứ này sang xứ khác. Những người nam và nữ giữ gìn nó một cách mạnh mẽ ; nó tuyên bố với họ là nó được thành lập ra là để 'phụng sự nhân loại'. Trên diễn đàn, nhờ tư tưởng uyên thâm của nó, nhờ cái triết lý rõ ràng và hợp lý của nó, và nhờ sự cảm ứng của sự dấn dấn tinh thần mà nó đem đến sự xác-tín (cho con người). Bà Blavatsky được Chơn Sư ủy nhiệm với trách nhiệm đưa ra 'Giáo lý Bí truyền' hay là 'Thông Thiên Học' cho người đời - bà là vị giáo sư tối thượng. Còn ông Đại tá Olcott thì được ủy nhiệm công việc tổ chức Hội - ; đó là điều mà ông làm thành công một cách rõ rệt. Tự nhiên là hai vị-đặc biệt là bà Blavatsky - đã gặp nhiều trở ngại và nhiều sự hiểu lầm. Nhưng bà đã được chuẩn bị trước để hy sinh bất cứ điều gì. Như bà đã viết nơi Lời Tựa của quyển 'Giáo lý Bí truyền' rằng : 'Lạm dụng bà đi, bà đã quen rồi. Vu khống bà đi, hằng ngày bà không lạ gì ; trước lời cáo oan, bà mỉm cười coi thường trong im lặng.''

Cuộc đời chói sáng và hữu hiệu nhất của bà H.F.B. có lẽ trong thời gian bà ở Anh Quốc từ năm 1887 tới năm 1891. Những hậu quả do cái Phúc trình bất chánh của 'Hội Tìm Hiểu Thân linh' năm 1885 nói về hiện tượng của bà, tác hợp với những nhà truyền giáo Thiên Chúa tán công bà ở Ấn Độ, nay

đã tiêu tan ! Luôn luôn, bà viết sách xuất bản và trả lời thư tín, bà còn thêm vào đó những huấn thị và những lời dạy dỗ các môn đồ của bà. Đó là công việc mà bà được ủy nhiệm phải làm. Để thi hành những điều này, bà tổ chức Trường Bí Giáo Thông Thiên Học với sự chấp thuận chính thức của ông Hội trưởng Olcott. Vào năm 1890 trên một ngàn học sinh, thuộc về nhiều nước trên thế giới, đều ở dưới quyền dắt dẫn của bà.

Danh hiệu 'Giáo lý Bí truyền' tự nó giải thích cho nó rồi. Quyển sách này đưa ra, 'chẳng phải là trọn cả Giáo lý bí truyền, nhưng nó chỉ chọn lọc một số nguyên lý chánh đại của nó mà thôi.' Nó tỏ lộ rằng : xuyên qua một sự so sánh về căn nguyên vũ trụ của người đời xưa, chúng ta có thể hoạch đắc được một sự nhận thức về vũ trụ thật sự. Nó đưa ra đầu dây (để cho chúng ta phăng) hầu gỡ rối cái lịch sử nhưn loại về sắc dân một cách xác thật. Nó vén màn những biểu tượng và những ký hiệu để lộ ra sự Tốt đẹp của Chơn lý. Nó trình cho trí thức sôi động, cho trực giác và cho tri giác tinh thần, 'những cái bí mật khoa học' của trời đất để được lãm thông. Bao giờ những cái bí mật này chưa thực hiện, thì chúng nó vẫn còn là 'bí mật'.

Bà H.P.B. lâm chung ngày 8 tháng 5 năm 1891 và bà để lại cho hậu thế một cái gia tài đồ sộ của một số tư tưởng thanh bai nhất luôn luôn được trình bày cho thế giới. Bà mở cánh cửa bí mật huyền môn đã đóng từ lâu. Một lần nữa, bà tiết lộ chơn lý về Con người và về Tạo hóa. Bà cưỡng ép cho người ta thấy rõ sự hiện diện của những 'Cấp Đẳng Huyền Môn' (Occult Hierarchy) dưới thế gian ; những Cấp Đẳng này gìn giữ và diu dắt nhưn loại. Bà được muôn triệu người kính

- 9 -

mền ; bởi vì dĩ vãng và hiện tại bà vẫn là một hải đăng
soi sáng con đường đi lên cao mà tất cả chúng ta đều
phải trèo.

Viết tại Adyar năm 1938

Joséphine Ransom

giáo lý bí truyền

BỘ 'GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN' ĐƯỢC VIẾT BẰNG CÁCH NÀO ?

Tác-giả : Joséphine Ransom

Dịch-giả : Nguyễn-thị-Hai

Tập Đặc-biệt Số 2

BỘ ' GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN' ĐƯỢC VIẾT BẰNG CÁCH NÀO ?

Năm 1879, bà H.P. Blavatsky lần đầu tiên vẽ chương trình cho quyển sách mới của bà. Ngày thứ sáu 23 tháng 5, năm 1879 (1) Đại tá Olcott hiến cho bà những đại ý cho quyển sách đó, những tư tưởng còn đơn sơ do ông dẫn khởi chớ chẳng phải ông muốn làm nhà viết văn. (2) Qua ngày 25 tháng 5, ông giúp bà H.P.B. đề Lời Tựa cho quyển sách mới của bà (3) và vào ngày thứ tư, 4 tháng 6, ông giúp bà H.P.B. hoàn tất Lời Tựa ... (4)

Nhiều năm như vậy, không có điều gì làm khác hơn là bà H.P.B. và Đại tá Olcott đã cam kết chặt chẽ lập Hội Thông Thiên Học, và cùng nhau hoạt động ở Ấn Độ, xuất bản tờ tạp chí 'Theosophist' và trả lời cả chồng thơ cao ngiêu.

Vào năm 1884, trong tờ tạp chí 'Theosophist', nơi phụ trang tháng Giêng, có đăng một bài quảng cáo về quyển 'Giáo lý Bí truyền' là một bài dịch mới của quyển 'Isis dévoilée'. Bài quảng cáo nói rằng : 'Có nhiều bức thơ gấp rút đã gửi tới từ bốn phương trời Ấn Độ để đòi hỏi một đường lối cho quyển sách ấy là : làm sao cho nội dung của cuốn 'Isis dévoilée' có trong đó, để cho những người không có bề thế mua mắc tiền tới hai lân - cũng một ý nghĩa - ; để cho họ chỉ mua một cuốn một lân mà có hai ý nghĩa mà thôi. Lại nữa, nhiều người cho đại cương của quyển 'Giáo lý Bí truyền'

(1) Col. Olcott's Diary.
(2) Ibid, 24 May.
(3) Ibid.
(4) Ibid. Xem 'Old Diary Leaves, II, p. 90.

- 2 -

là mù mờ, nên la vang rằng : 'Cho thêm ánh sáng.' và họ hiểu lầm lời dạy trong đây. Họ giả-định một cách sai lầm, cho quyển 'Giáo lý Bí truyền' là mâu thuẫn với những tiết lộ sau này, họ cho nó chẳng phải mâu thuẫn ở vài trường hợp mà gán trọn cả quyển sách. Tác giả, như đó, mới theo lời chỉ dẫn của bạn hữu là đề nghị xuất bản mỗi tháng một phần, và viết rõ ràng và dễ hiểu hơn ...

Bà Blavatsky viết cho ông A.P. Sinnett vào đầu năm 1883 rằng : khi ông cho ra đời quyển 'Bouddhisme ésotérique' thì trong quyển ấy có những mảnh vụn chơn lý huyền môn hoàn toàn. Tuy nhiên, chúng nó là 'tử phân' chơn lý, chớ chẳng phải là trọn tất cả chơn lý. Mặc dù bị bệnh nhiều, bà lại ngồi dậy trong đêm và xem lại trọn quyển 'Isis dévoilée', rồi nói : 'Nó là 'Giáo lý Bí truyền', tôi sẽ viết hai quyển đó làm ra ba quyển nếu không làm ra được bốn quyển. Ông Subba Row sẽ giúp tôi và viết đa số lời bình luận và lời giải thích.'⁽¹⁾

Bài quảng cáo in ra trong 'The Theosophist', nơi phụ trương tháng Tư, trang 68, có nói rằng : 'Bộ 'Giáo lý Bí truyền' là bản dịch mới của quyển 'Isis dévoilée'. Bản ấy được sắp xếp một cách mới mẻ, có thêm vào những tư tưởng phong phú và quan trọng, chúng nó không phải rút chếp ở đâu. Những bình luận và giải thích đều do bà Blavatsky. Nhờ ông T. Subba Row Garu, Cử nhưn Khoa học, Cử nhưn Văn chương, Hội viên T.T.H., là Cố vấn của Hội Thông Thiên Học trợ giúp ...'

Phần đầu của bộ 'Giáo lý Bí truyền' được xuất bản ngày 15 tháng 6. Người ta lập lời quảng cáo lại. Nhưng vào tháng 6, người ta dời qua ngày 15 tháng 8, rồi qua ngày 15 tháng 9 - rồi không còn quảng cáo gì thêm nữa.

(1) Trích trong 'The Letters of H.P. Blavatsky to A.P. Sinnett', edited by A.T. Barker, p. 64 (1925).

- 3 -

Bác sĩ A. Keightley nói cái tin đầu tiên mà ông biết về bộ 'Giáo lý Bí truyền' là lời rao trong 'The Theosophist'. 'Người ta nói với tôi vào năm 1884 rằng : bà Blavatsky có hứa hẹn viết một quyển sách ... gọi là 'Giáo lý Bí truyền'. Người ta nói rằng : có nhiều người đã được mời hỏi đến để xây dựng và tất cả điểm phải đem bàn cãi về Ấn Độ Giáo đã được đệ trình cho ông T. Subba Row ; ông này cũng đã đưa nhiều dẫn-ý để xây dựng. Sau đó, tôi thấy ông đã thực hiện như vậy, ông phác họa một cách thô-sơ cái lược-đồ ; nhưng cái lược-đồ đó lại không được theo. (1)

Khi bà H.P.B. đến Âu Châu, bà đem theo bản thảo để làm việc lúc rảnh rỗi. Khi đến Paris, từ tháng Tư đến tháng Sáu, bà viết thư cho ông Sinnett như vậy :

" Một trong những lý do mà ông (Mohini M. Chatterji) đến đây là để giúp tôi về Phạn-ngữ - choán một phần trong bộ 'Giáo lý Bí truyền' ... Tôi cảm ơn ông vì ông có ý viết Lời Tựa cho bộ 'Giáo lý Bí truyền'! Tôi không có nhờ ông làm điều đó. Nhưng những vị Mahatma, ông Mohini ở đây, và ông Subba Row ở đó đều rất đủ để giúp tôi. Nếu ông không nghĩ rằng 'cái chương trình có thể thực hiện được như đã tuyên bố' thì tôi lấy làm tiếc cho ông và cho trực giác của ông.

" Khi Chơn Sư suy nghĩ khác hơn điều của ông, thì tôi sẽ lấy cái may mắn của tôi mà theo Lời chỉ bảo và Huấn thị của Ngài hơn là của ông ... Nói rằng : Tôi muốn bảo, một cách khôn ngoan, là trả tiền lại cho mấy người đã ghi tên mua sách và rút lại những lời tuyên bố' đó mới đích thật là một việc ăn không ngồi rồi ... ! Tôi không muốn quyết

 (1) Reminiscences of H.P. Blavatsky and the 'Secret Doctrine', by Countess C. Wachtmeister and others, p. 96 (1893).

- 4 -

định viết lại và tự làm phiên mình với quyển sách âm-ty đó để tìm lấy cái vui cho chính mình đâu ... Nhưng sự ưa thích và ước vọng của chính tôi không dính dáng với bốn phần. Đức Sư Phụ tôi ra lệnh tôi và muốn cho tôi viết Bộ 'Giáo lý Bí truyền', và viết nó lại. Tôi muốn thế. Những người nào muốn giúp tôi làm cái chuyện buồn chán này là tốt đẹp bao nhiêu, thì những người nào không chịu giúp và không muốn giúp tôi là xấu tệ hơn bấy nhiêu ... (1)

Ông W. Q. Judge cũng tới Paris (tháng Ba và tháng Tư). Ông cũng giống như những người mà bà Blavatsky tưởng có thể giúp bà nên bà kéo vào làm việc. Tại một biệt thự vùng quê của ông bà bá-tước d'Adhémar, bà H.P.B. bảo ông Judge 'đọc cho rọt ráo, một cách thận trọng những trang sách 'Isis dévoilée', với mục đích là ghi chép bên lề sách cái đề tài nào sẽ luân giải và ... chính nó hết sức cần kíp cho bà. (2) Tài liệu hữu hình tiếp tục chông chất.

Qua năm 1885, trong quyển Nhật-ký, ngày 9 tháng Giêng, Đại tá Olcott có viết lời tựa rằng : 'Bà Blavatsky có lấy của Đức Thầy M. (3) cái lược đồ cho bộ 'Giáo lý Bí truyền' của bà. Thế là tuyệt hảo ! Ông Oakley và tôi đã rón mó tay vào nó tối hôm qua. Mà làm như vậy là tốt hơn nhiều. (4)

(1) Trích trong The Letters of H.P.Blavatsky to A.P. Sinnett, pp. 87-9.

(2) Reminiscences, p. 102.

(3) 'His Cryptogram only, in the Diary.

(4) Oakley là ông A.J. Cooper-Cakley. Xem Old Diary Leaves, III, pp. 199-200.

Âm mưu của ông bà Coulomb đã khiến cho bà H.F.B. phải từ giã Adyar vào tháng Ba để đi qua Âu Châu ở. Bà đem theo tập bản thảo quý báu. Bà nói : 'Khi tôi sửa soạn xuống tàu, ông Subba Row nói với tôi viết bộ 'Giáo lý Bí truyền' và hàng tuần gửi cho ông những bài tôi viết. Tôi đã hứa với ông và muốn giữ lời ... cũng như ông sẽ viết lời ghi chú và bình luận, rồi Hội T.T.H. sẽ xuất bản ra.'⁽¹⁾

Cũng trong năm đó, Đức Chơn Sư K.H. viết ⁽²⁾: 'Bộ 'Giáo lý Bí truyền', khi viết xong, sẽ là sản phẩm của Đức M., của Upasika và của (chính Ngài).'⁽³⁾

Sau khi làm việc đơn độc một mình trong vài tháng ở Würzburg, thì bà bá-tước Constance Wachtmeister được 'gửi đi' đến giúp bà H.P.B. Bà H.P.B. mới nói với bà bá-tước rằng : 'Việc làm, khi xong rồi, sẽ gồm có bốn quyển và sẽ đưa ra thế gian cho nhiều cũng như Giáo lý Huyền môn đã đưa ra đời trong thời kỳ tiến hóa hiện hữu vậy.'

Bà H.P.B. nói rằng : 'Bộ 'Giáo lý Bí truyền' sẽ không hiểu được phải đợi cho đến thế kỷ sắp tới, khi con người khởi sự hiểu và thảo luận bộ sách đó một cách khôn ngoan thì bấy giờ người ta mới hiểu nó được mà thôi.'⁽⁴⁾

Bà bá tước được ủy thác cái nhiệm vụ là làm cho những câu văn trong các bài chép tay của bà H.P.B. được êm dịu và trôi chảy.⁽⁵⁾ Bà diễn tả thế nào là bà H.P.B. bị thương tổn một cách sâu xa do bài tường thuật của Hội 'Tìm Tâm Linh' và

(1) The Theosophist, March, 1925, p. 784.

(2) Letters from the Masters of the Wisdom (Second Series). Transcribed and Annotated by C. Jinarajadasa (1925).

(3) 'Master and Kashmiri dictating in turn'. H.P.B. to H.S.O., 6 Jan. 1886.

(4) Reminiscences, p. 23.

(5) Ibid., p.24, 'She copies all', wrote HFB to HSO.

công việc của bà chịu ảnh hưởng vì đó đến bực nào.⁽¹⁾

... Bà bá-tước thuật rằng : 'Cái hoàn cảnh làm cho bà lưu ý nhất và kích động sự ngạc nhiên của bà là : Bà H.P.B. du lịch với thật ít sách vở. Tuy nhiên, những bản thảo của bà tràn đầy những đoạn văn chép những tác phẩm khác, những tham chiếu, những lời nói bóng gió của những quyển sách đủ loại nhất mà hiếm hoi và khó hiểu.' Có vài quyển sách ấy (hay tài liệu ấy) được tìm gặp chỉ tại Tòa thánh Vatican hay ở Bảo tàng viện Anh Quốc mà thôi. Bà bá tước, nhờ bạn bè, có thể tìm chúng nó được để kiểm soát những đoạn văn mà bà H.P.B. đã thấy trong 'ánh sáng cõi Trung giới', với danh hiệu quyển sách, thuộc về chương và trang thứ mấy, cùng những hình ảnh trong đó. Tất cả đều đúng y như vậy. Một lần thì quyển sách đó nằm trong Thư viện Bodleian (Oxford, England); một lần thì quyển sách khác viết bằng tay nằm ở Vatican.'⁽²⁾

Nhiều lời cầu xin bà H.P.B., nhiều lúc khác nhau, để được bà dạy dỗ kẻ khác như bà đã dạy dỗ Đại tá Olcott và ông Judge. Nhưng bà trả lời rằng : nếu bà bị phiền phức vì sự dạy dỗ, thì bà phải bỏ bộ 'Giáo lý Bí truyền'.⁽³⁾ Để cám dỗ bà, người ta đòi thọ cho bà một số tiền lớn, nếu bà chịu ra công viết 'cho báo Nga, bất cứ về đề tài nào mà bà muốn'. Bà từ chối bởi vì 'viết cho một điều như 'Giáo lý Bí truyền', tôi phải gom tất cả tư tưởng quay về chiều hướng đó'.⁽⁴⁾ Ngày này qua ngày kia, bà cứ mãi ngồi đấy và viết nhiều giờ như vậy.⁽⁵⁾

(1) Ibid., p. 32.
(2) Ibid., p. 35. See Lucifer, p. 355, (1888).
(3) Ibid., p. 41.
(4) Ibid., p. 48. (5) Ibid., p. 55.

- 7 -

Đối với Đại tá Olcott thì bà Blavatsky sẵn sàng gửi đến ba chương sách đã viết xong cho ông dạng trao cho ông Subba Row đọc và để 'sửa bản thảo hoặc thêm bớt chữ nào...' 'Nhưng ông Sinnett ạ, ông sẽ đọc hết lời 'Giới thiệu'. Nó luôn luôn hiển dưng. Và tôi không thể bằng lòng - trừ phi khi nào việc làm đó ích lợi cho Anh ngữ duyên dáng và cho những tư tưởng tốt lành hơn là sự xấp xếp một cách máy móc, có văn hoa mà không có gì là siêu hình học ...'(1)

Qua năm 1886, trong bức thư viết ngày 6 tháng Giêng cho Đại tá Olcott, dường thế bà Blavatsky đã bỏ ý định là quyển sách mới (tức là 'Giáo lý Bí truyền') không phải là quyển 'Isis dévoilée' tu chỉnh lại. Ông đã gửi đến cho bà một bài Tựa cho quyển Isis đã được sửa lại ; song bà đem đốt nó tức khắc và bà dặn ông Olcott lấy ra hai quyển Isis mà ông khen ngợi đó, và đang xuất bản nó một phân, để bán lấy tiền cho Hội (Thông Thiên Học). Chấn chấn điều này trấn an được mấy người đã đặt tiền trước để mua bộ 'Giáo lý Bí truyền'. (Họ tiếp một phân quyển Isis mỗi tháng một lần.) Thế thì còn lâu mới quan hệ đến bà, nhưng bà rán viết bộ 'Giáo lý Bí truyền' cho lẹ bởi vì đó là sự 'bào chữa' của bà. Bà cần phải có bộ 'Giáo lý Bí truyền' dưng lên, dù Đức Thầy có mặt tại đó hay không cũng vậy, để trả lời cho 'Hội Tìm Tâm Linh'. Hội này, trong tờ Tường trình, đã đóng dấu sắt bà là người lường gạt. Điều này còn mới mẻ trong trí nhớ của quân chúng. Lại nữa, bà thúc hối Đại tá Olcott củng cố sự giúp đỡ của ông Subba Row trên mọi lãnh vực nào liên hệ đến Advaitism và đến Huyền môn của tôn giáo Aryan xa xưa. Bà muốn ông Subba Row giúp bà về những đoạn văn cổ trích lục của một tác giả khác và những lời giải thích huyền môn, phối hiệp với những lời giải thích của bà. Bộ 'Giáo lý Bí truyền' đã hơn

(1) H.P. Blavatsky to H.S.O., 25 Nov. 1885.

- 8 -

hai chục lần uyên bác, huyền môn và chú thích. Bà H.P.B. nói bà muốn gởi ông hai hoặc ba chương sách ; trái lại, bà muốn khởi sự cho in liền.

Ngày 3 tháng Ba, bà H.P.B. viết cho ông Sinnett rằng: 'Nói về bộ 'Giáo lý Bí truyền', thì tôi sống lại hai đời sống. Có một sự phát triển mới và một cảnh vật mới, mỗi buổi sáng. Đức Thầy cho là rất khó cho tôi dòm một cách ý thức, vào ánh sáng Trung giới để viết bộ 'Giáo lý Bí truyền', và như thế ..., tôi phải được cho thấy tất cả trong giấc chiêm bao của tôi. Tôi thấy một cuộn giấy dài, trên đó có viết đầy chữ, tôi mới thu nhặt chúng nó lại. Như thế, tất cả những người trưởng lão, từ ông Adam tới ông Noah đều cho tôi thấy; song song với các vị Rishis và ở giữa mấy người này lại có ý nghĩa của biểu hiệu của họ - hoặc ý nghĩa về nhân cách của họ. Họ đứng chung với Bhrigu đại diện cho giống dân chánh và phụ thứ nhất (với ý nghĩa nhân-loại-học) - cùng những người biết nói lần đầu tiên thuộc về giống dân phụ của giống dân chánh thứ ba, và cái ý nghĩa hiện đại của năm mặt trời ...

Đó là những điều phức tạp, tôi mong sao cắt nghĩa đủ rõ ràng. Tôi đã viết xong bài Giới thiệu quá dài của tôi rồi. Ông có muốn gọi nó là lời mở đầu cũng được ; chính điều đó để chỉ tỏ cho độc giả thấy rằng : bản văn ấy, mỗi phần đều khởi sự bằng một trường dịch trong Sách Dzyan và Sách Huyền bí của 'Đức Phật Maytreya'. Chúng nó đều không hoang đường. Tôi được chỉ định phải làm như vậy, tôi phải làm lệ cái lược đồ về lịch sử đã biết và về văn chương, văn học và về những lịch sử thân bí và tà thân trong 500 năm trước thời đại Thiên Chúa giáo và 500 năm sau Thiên Chúa giáng sinh. Tôi phải làm cái lược đồ về ma thuật, về sự hiện diện của Giáo lý Bí truyền mà các nhà triết-ly và các nhà được Điểm Đạo của mỗi quốc gia đều biết ; cho đến đời nhiều giáo sĩ Thiên Chúa giáo như Clement thành Alexandrie, Origen và

còn nhiều người khác cũng biết nữa. Máy người này đã được Diễm Đạo.

Lại còn phải miêu tả những sự Bí Mật và vài thứ Lễ nghi. Và tôi có thể nói chắc chắn với ông rằng : hiện nay đã có nhiều chuyện kỳ lạ đã được tiết lộ cho đời, cùng trọn cả lịch sử 'đồng đình trên cây thập tự giá' vân vân... và chúng đã được tiết lộ và đã đặt trên một nền tảng nghi lễ xưa như trái đất. Trọn cả câu chuyện đó, người Phương Đông, đến nay, cũng chưa được rõ, dù nó có ở nơi công truyền ở trong kinh Purânas và Brâhmanas cũng vậy ; nơi đây có những câu chú giải bí truyền giải thích và bổ sung nữa ...⁽¹⁾ Bà bá-tước Wachtmeister viết ngày 12 tháng Ba từ Würzburg cho ông Sinnett. Bà nói bà rất lộn xộn về những Đoạn kinh (Stanzas) với những 'bài luận' nên bà không làm gì được : Bà H.P.B. liền viết những đoạn kinh Stanzas bằng mực đỏ và những 'bài luận' bằng mực đen ; và bây giờ rất dễ hiểu và không còn lộn xộn nữa.⁽²⁾

Bà H.P.B. nhất định sang Ostend vào mùa hè năm nay. Bà mang theo bản thảo của bộ 'Giáo lý Bí truyền'. Trên đường đi, bà bị vài sự đình trệ, nhưng chung qui, bà cũng đến nơi vào ngày 8 tháng Bảy và tìm gặp những căn phòng thích hợp với bà ; bà ở tầng dưới ; và nơi đây, bà bá tước đến cùng bà trong vài tháng. Bà viết cho ông Olcott ngày 14/7 rằng bà đã gửi bản thảo,⁽³⁾ và ông không được giữ nó hơn một tháng. Một phần nó phải khởi xuất bản vào mùa thu này, và người ta chỉ sẽ trả tiền trước cho cái gì đang ở trong tay của nhà xuất bản mà thôi.

(1) Letters of H.P.B. to A.P.S., pp. 194-5.

(2) Ibid., p. 204.

(3) H.P.B. to H.S.O., printed in The Theosophist, May 1908, p. 756.

- 10 -

... Ông Olcott tiếp nhận bản thảo vào ngày 10/12.⁽¹⁾ Ông nói trong bài diễn văn khai mạc Đại hội thường niên như vậy : 'Bản thảo của quyển thứ nhất đã gửi đến cho tôi; và người ta đang đọc nó lại ...' Thêm vào quyển thứ nhất đó, còn có lời Giới thiệu. Nó sẽ được xuất bản mau lẹ ở Londres và New York. Nhưng ông Subba Row không chịu làm gì hơn là đọc nó : bởi vì nó có đầy lỗi, ông muốn viết nó lại một cách hoàn toàn.

Năm 1886, bản thảo là một tài liệu lý thú và phi thường. Nó là bản viết tay của bà bá-tước Wachtmeister và nhiều người khác nữa, và có vài Đoạn văn (Stanzas) được viết bằng mực đỏ, cũng như đã dẫn-ý vậy. Nó khởi sự bằng một đoạn đầu : 'Cùng quý vị độc giả'. Chương thứ nhất khởi sự : 'Sự lâm lạc thì chạy nhào xuống cái mặt nghiêng, còn Chơn lý thì khổ nhọc trèo lên đồi'.⁽²⁾

Phần giới thiệu của quyển sách chào đời được tăng cường. Trong đó, có xen phần khởi đầu như vậy : 'Quyển Isis I khởi sự với sự tham khảo của một quyển sách xưa ; nó vốn là đoạn I của chương I trong bản thảo dù chỉ dùng có một phần và đã được nhuận bút rồi. Nó hứa bình luận những sách về sự Luyện Kim cùng những sách khác thuộc về thời cổ.

Đoạn II, nói về lý thuyết cùng thực hành của 'Hiắc Bạch Ma Thuật', đã được xuất bản rồi ; nó có phụ-cước và nhiều sự dị biệt ; nhứt là trong quyển III năm 1893, nó cũng diễn lại đúng y như vậy. Đoạn III, nói về Đại Học Số Siêu Việt (transcendental Algebra) và 'sự Trừu tiết lộ' viết ra bằng những Danh Từ Huyền Bí. Nó là đoạn X của quyển III. Nó chia

(1) Diary.

(2) See The Theosophist, August 1931, pp. 601-7.

lâm nhiều đoạn nhỏ về Toán Số và Kỹ Hà Học - chúng nó là những Chìa Khóa để giải đáp những bài toán đố của vũ trụ; trong khi những đoạn phụ trong bản thảo trở thành Đoạn chánh thứ XI - hình Lục-Giác với điểm trung ương v.v... trong quyển III.

Đoạn IV với đoạn phụ 'Ai là Chơn Tiên Tyana?'. Đoạn V trong quyển III nơi trang 315 dưới tựa đề 'Biểu Tượng của Mặt Trời và Ngôi Sao' có nói như vậy : 'Kabeiri hay những Thần Bí' - Hỏi những người xưa Cổ Điển nói gì về các Ngài? Đoạn V cũng khởi sự theo đường lối ấy với những câu văn trích lục ở Hermes. Nơi phụ lục I ở khoản 'Những Thiên Tinh tôn sùng trong Hội Thánh La Mã, sự củng cố lại của Hội Thánh, sự tiến triển và lịch sử của nó', bà H.P.B. khởi sự bằng cách nói rằng : 'Điều nói trên đây là do nhiều tài liệu sưu tập từ nhiều nguồn gốc, như ở Văn Khố của Vatican ...' Nó (là đoạn V đó) khởi sự 'từ giữa thế kỷ thứ 8 của kỷ nguyên Thiên Chúa, Tổng Giám mục Aldebert ở Magdebourg ...' Cái phụ lục này đã đăng trong quyển Lucifer, tháng Bảy năm 1888 nơi trang 355-65. Bà H.P.B. kéo dài nó ra và thêm vào nhiều cước chú.'

Nhân lễ Bách niên của bà H.P.B. năm 1931, Nhà xuất bản sách ở Adyar có ý định xuất bản lần đầu tiên, cái bản thảo vừa rời của quyển I của bộ 'Giáo lý Bí truyền' mà bà H.P.B. đã hoàn tất vào năm 1886, và đã gửi đến cho Đại tá Olcott để giao cho ông T. Subba Row đăng chấp thuận. Sự trì liệu này bị gạt bỏ vì rất khó mà có được bản thảo sẵn sàng để đưa vào máy in và để sửa từ trang này đến trang khác cho gần đúng y với bản chánh chừng nào hay chừng này ...

Phần thứ nhì của bản thảo (năm 1886) đề tựa rằng : 'Giáo lý Bí truyền phần I, Thời đại xa xưa ... Chương I, Thoáng nhìn vào cảnh Trường tôn. Sự Tiến hóa của Vũ trụ trong Bảy Giai đoạn.'

Đoạn I đề tựa như vậy 'Những trang nói về Thời đại tiên sử'. Nó mở đầu với những chữ này : 'Một Bản viết tay của thời cổ, một số lá kè (palme) (đỉnh nước không thấm, lửa và khí trời không đi xuyên qua được do một phương pháp bào chế nào không ai biết), đã nhạt được và đang ở trước mắt tác giả đây.' Rồi đi liền vô đề với một cái mặt tròn, ở chính giữa có một cái chấm, nhưng chưa lưu ý ngay đến cái lòng tròn trắng đó. Sau 24 trang thì tới đoạn Thánh kinh Dzyan ...

Bà H.P.B. viết cho đại tá Olcott ngày 4-1-1887 rằng : bà lấy làm vui mừng mà biết đại tá thích bài 'Tiền Đề' (Proem). Nhưng đó chỉ là đoạn đầu, còn cái bản nguyên giáo lý thì sẽ theo sau. Bà có nói đến một chàng trai Anh Quốc tên là E.D. Fawcett ; chàng trai ấy có giúp bà tại Wursburg và Ostend, và sau đó tại Anh Quốc, đặc biệt nhất là trong những chương của quyển II giải về cái giả thuyết tiến hóa. 'Anh E.D. Fawcett dẫn ý, sửa bài và viết. Anh ta viết nhiều trang trong bản thảo của anh ta mà bà H.P.B. trích đăng trong quyển sách của bà'. Anh ta cung cấp nhiều câu trích-văn rút trong sách khoa học, cũng như lấy trong nhiều xác-tín của giáo lý huyền môn vậy. (1)

Bà H.P.B. một lần nữa hỏi ông Subba Row có muốn xem bản thảo 'Giáo lý Bí truyền' không, và bà để cho ông làm gì nó thì làm. Bà nói : 'Tôi cho ông ấy toàn quyền. Tôi tin ở sự sáng suốt của ông hơn của tôi : bởi vì tôi có thể hiểu lắm nhiều điểm về Đức Thầy và về ông 'Thượng Lưu lớn tuổi'. Cả hai vị trao cho tôi những sự kiện xác thật mà thôi, chớ ít khi đọc cho tôi viết một cách liên tục ... Tôi biết rằng tất cả những sự kiện của tôi làm đều lạ và mới ...'

(1) Reminiscences, pp. 94-7, 99.

- 13 -

Qua tháng giêng, bà viết cho ông Sinnett rằng bà đã gửi cho ông cái Giáo lý Cổ thời, trước khi nó thật sự hoàn tất bởi vì bà 'còn phải viết nó lại, nhồi đi nhồi lại nó, cạo bỏ và thay thế với những câu cước chú của những 'Đấng Uy Quyền' của bà' ...

Tại Ostend, công việc làm cực nhọc của bà vẫn được trơn bết. Nhưng bà H.P.B. lại ngã bệnh và gần kê côi chết. Bà nghĩ rằng : 'cuối cùng Đức Thầy sẽ để cho bà được thông thả.' Bà rất xôn xang về bộ 'Giáo lý Bí truyền' và bà nói với bà bá tước phải giữ gìn hết sức kỹ lưỡng bản thảo đó và đưa nó cho đại tá Olcott với sự chỉ dẫn là đem nó in ra thành sách.⁽¹⁾ Nhưng bà H.P.B., một lần nữa, được cứu khỏi cơn bệnh một cách 'phi thường'. Bà nói rằng : 'Đức Thầy đã đến đây ; Ngài cho tôi lựa chọn : hoặc giả, tôi có thể chết và được rảnh rang, nếu tôi muốn, hoặc giả, tôi có thể sống và làm xong bộ 'Giáo lý Bí truyền' ... Khi tôi nghĩ đến những người học giả mà tôi sẽ được phép dạy họ chút ít, và khi tôi nghĩ đến Hội Thông Thiên Học - nói chung - mà tôi đã SẴN SÀNG CHO CÁ MÁU TÌM TÔI, thì tôi nhận chịu sự hy sinh này ...'⁽²⁾

Bác sĩ A. Keightley gặp bà H.P.B. tại Ostend đang làm việc cực nhọc. Ông nói : 'Người ta đưa tôi một bản thảo với lời yêu cầu sửa chữa, bôi cạo, thay đổi danh từ Anh-văn ... tức là coi nó như là vật sở hữu của tôi vậy... Bản thảo, lúc bấy giờ là những mảnh vụn bị rút rời ra, giống như những đoạn đề tựa là 'Biểu tượng' và 'Phụ lục' trong những quyển đã được xuất bản rồi vậy. Điều mà tôi thấy là một xấp bản thảo không thứ tự hẳn hoi, mà đa số do bà bá

(1) Reminiscences, p. 73.

(2) Ibid. p. 75.

tước Wachtmeister chép lại một cách nhẵn nại và tận tụy. Ý kiến, lúc bấy giờ, là giữ một bản tại Âu Châu, còn một bản kia thì đưa đi Ấn Độ để cho nhiều vị cộng-tác-viên bản xứ sửa chữa. Trên thực tế, thì đa số chương, về sau, đã được đưa đi, nhưng có vài lý do cản ngăn sự cộng tác này.

... Điều làm cho tôi ngạc nhiên nhất trong đoạn sách mà tôi đọc được, ấy là một số to tướng câu văn trích lục trong các sách của nhiều tác giả khác nhau. Tôi biết, nơi đó, không có thư viện để tra cứu, và ^{tôi} cố thể thấy rằng : sách của bà H.P.B. không quá 30 cuốn, mà đa số chỉ là những quyển tự điển và nhiều bộ có đôi, hoặc nhiều cuốn mà thôi. Trong lúc đó, tôi không có thấy những Đoạn Thánh kinh Stances de Dzyan, dù trong bản thảo có nhiều đoạn Huyền môn đại cương. (1)

Vào mùa Xuân, nhiều người hội viên T.T.H. Anh quốc thúc đẩy bà đến Luân Đôn để cho người ta có thể săn sóc bà hơn. Bà dời chỗ vào ngày 1 tháng 5, với tất cả bản thảo của bà. Trọn mùa hạ, vợ chồng ông Keightley chỉ lo đọc đi đọc lại bản thảo, sửa chữa và chép nó lại. Chồng bản thảo cao gần một thước. Ở Norwood vài tháng, bà H.P.B. sang Luân Đôn để định cư tại đường Lansdowne số 17, vào tháng 9. Bà trao xấp bản thảo đồ sộ cho hai người trai trẻ tận tâm và tài năng : ấy là Bác sĩ Keightley và người cháu của ông tên là Bertrand Keightley để tuyển chọn và dẫn ý về đó : bởi vì lúc bấy giờ bản thảo không có phác họa theo trật tự đại cương và mất liên lạc giữa ý tứ. Hai người trên đây, chung qui đều hướng ý rằng : quyển 'Giáo lý Bí truyền' phải chia làm bốn cuốn nói về :

- 1 - Sự Tiến hóa của Vũ trụ.
- 2 - Sự Tiến hóa của Con người.

(1) Ibid., pp. 96-97.

- 15 -

3 - Đời sống của vài vị Huyền bí trú danh.

4 - Huyền bí học thực hành.

Họ còn tiến-dẫn rằng : mỗi cuốn phải chia làm 3 phần:

1) Những đoạn Thánh kinh Dzyan và những lời bình luận.

2) Những biểu tượng.

3) Những Kiến thức (Science).

Những điều này đã được bà H.P.B. tán thành một cách đúng lý. Bước kế đó là đọc lại suốt bản thảo và sắp xếp một cách tổng quát những đầu đề về Vũ trụ học và Nhơn sinh học. Chúng nó phải là những bài luận trong hai quyển đầu của bộ sách. Khi tất cả điều trên đây đã được hoàn tất và đã được sự tán thành đúng lý của bà H.P.B., thì trọn cả bản thảo được những nhà chuyên viên đánh máy. Rồi người ta đọc lại, sửa chữa, và so sánh với bản thảo chánh và với tất cả câu trích lục Hy Lạp, Do Thái, Nam Phạm mà chúng tôi nhét vào. Thế thì trọn cả bài bình luận về những đoạn Thánh kinh Dzyan gom lại không ngoài hai mươi trang sách này : bởi vì bà H.P.B. không khép mình một cách chặt chẽ vào vấn đề mà bà đang viết. Chúng tôi có cất vấn bà một cách trang nghiêm và dẫn ý rằng bà nên viết một bài bình luận đúng với đề tài như bà đã hứa với độc giả của bà lúc ban đầu vậy ... Người ta giải quyết bài toán đó như thế này : 'Mỗi đoạn Thánh kinh Shloka des Stances, khi đã được viết ra (hoặc đã được cắt ra) từ nơi bản đánh máy, và dán trên chót tờ giấy, thì lại có ghi vào đó, một tờ giấy riêng có tất cả những câu hỏi về đoạn Shloka ấy mà chúng tôi có thì giờ tìm được ...

Bà H.P.B. gạt bỏ ra nhiều câu hỏi. Bà bảo chúng tôi viết thêm những câu giải thích của chúng tôi cho đầy đủ, hoặc những ý kiến riêng của chúng tôi ... về những gì mà độc giả của bà đang mong chờ bà nói và viết nhiều hơn về chính bà,

và về Thánh kinh Shloka đặc biệt này. Thế là công việc đã được hoàn tất.⁽¹⁾

Ông Bertrand viết rằng : 'Về hiện tượng liên hệ đến bộ 'Giáo lý Bí truyền', thì tôi chỉ có chút ít để nói mà thôi. Những câu trích lục với đầy đủ tham khảo rút trong những sách không hề có ở nhà - những câu trích lục được chứng minh, sau nhiều giờ tìm kiếm một cuốn sách quý trong Bảo tàng viện Anh Quốc (British Museum) - (điều này, tôi đã thấy và chứng kiến nhiều lần). Trong lúc kiểm soát, có khi tôi lấy làm lạ mà thấy số trích lục lại sắp ngược, tỷ như trang 321 lại viết 123. Điều này chỉ tỏ sự thấy đồ vật ngược chiều.⁽²⁾ Ngoài việc đó ra, những câu trích lục đúng trăm phân trăm.'⁽³⁾

Trong 'The Theosophist',⁽⁴⁾ đại tá Olcott viết : 'Rất vui mà biết bộ 'Giáo lý Bí truyền' tiến triển khả quan.' Ông Sinnett viết cho tôi rằng quyển sách ngang hàng với quyển 'Isis' đã ra đời ... Dù Ban chấp hành, từ lâu, đã hiến thời tiền lại cho mấy nhà đã ghi tên mua sách (lỗi 3.000 roupies) mà ít có ai đòi.'

Trong bài diễn văn thường niên nhằm tháng chạp, đại tá Olcott nói rằng bà H.P.B. đã gửi cho ông 'cái bản thảo của bốn trong năm quyển, chắc chắn là những quyển của bộ 'Giáo lý Bí truyền' để quan sát. Người ta mong sao cho quyển thứ nhất sẽ ra chào đời tại Luân Đôn trong mùa Xuân sắp đến.

(1) Reminiscences. pp. 92-93.

(2) Ibid., p. 94.

(3) The Theosophist Juillet 1881, p. 598.

(4) The Theosophist Octobre 1887, p. 62.

- 17 -

Năm 1888 - Đầu năm ấy, bà H.P.B. lại hiến gởi một lần nữa cái bản thảo cho ông Subba Row. Nhưng kết quả cũng không khác gì. Qua tháng hai, bà cho đại tá Olcott hay : ông Tookaram Tatya có viết rằng : ông Subba Row đã sẵn sàng giúp đỡ và sửa chữa 'cái bản thảo của tôi để cho tôi đừng rút ra câu trích lục nói về Chơn Sư! ' Hỏi ông Subba Row có phải ông muốn nói là : tôi phải phủ nhận các Đức Chơn Sư, hay là tôi không hiểu các Ngài, và diễn tả một cách sai lạc những sự kiện mà các Ngài trao cho tôi chẳng ? Chính tôi đưa ra bằng chứng là có sự hiện diện của các Đấng Chơn Sư chúng ta dưới thế gian và trong Hội Thông Thiên Học. Tôi làm điều ấy : bởi vì các Ngài đã sai tôi đến để làm chuyện đó như là một kinh nghiệm mới ở thế kỷ thứ 19 này ; và tôi đã làm nó hết sức theo sự hiểu biết của tôi ...' (1)

Ai cũng biết ông Subba Row cứ phủ nhận giúp bà H.P.B. Một nhóm người Hoa Kỳ, do ông Judge cầm đầu, viết cho bà H.P.B. để nói lên là họ đã nghe người ta đòi không cho xuất bản bộ 'Giáo lý Bí truyền' để làm vừa lòng vài ông đại triết gia Ấn Độ ; họ có thể tấn công bà và nhục báng bà. Mấy người ấy xin bà đừng quan tâm đến, mà lại cho bộ 'Giáo lý Bí truyền' ra mắt chào đời sớm chừng nào hay chừng nấy. Một nhóm người Ấn Độ, cầm đầu là hai ông N.D. Khandalavala và Tookaram Tatya, thừa cơ hội đó để nói rằng : nếu bà H.P.B. ở bên Ấn Độ thì bộ 'Giáo lý Bí truyền' đã chào đời lâu rồi. Họ nghĩ rằng : bà H.P.B. không được báo-cáo đúng đắn về những dẫn ý để làm cho bộ sách đúng với lời nói bông của văn hóa Ấn Độ, và họ cho rằng : vài người bạn thiện cảm có thể dàn-xếp một cách dễ dàng để cho bộ sách được kiểm soát lại. (2)

(1) D'une lettre des Archives datée du 24-2-1888.

(2) The Path Juin 1888, pp. 97-98.

- 18 -

Ông Bertrand Keightley từ Luân Đôn viết rằng : 'Sự xuất bản bộ 'Giáo lý Bí truyền' đã được khởi sự ; và chừng nào người ta tính được đàng hoàng sự vĩ đại và cái giá tiền đúng của nó rồi, thì chừng đó người ta mới định được số tiền phải đóng để ghi tên mua. Và sẽ gửi một tờ châu tri để cho người lựa chọn : hoặc giả giữ lại số tiền đã đóng, hoặc giả thu hồi nó lại. Người ta vẫn để nó y nguyên trong ngân hàng từ khi nhận nó.'

'Giáo lý Bí truyền' là một bài bình luận quá ư quảng đại ; nó chia ra nhiều chiều hướng, nên nó đòi hỏi một việc làm cực nhọc, không thể nào định trước được bao nhiêu quyển và thể-tích cân kíp của bộ sách dạng.' (1)

Bà H.P.B. viết rằng : Khi bản thảo của bộ 'Giáo lý Bí truyền' chưa rời khỏi bàn viết tôi thì thiên hạ chưa hoàn toàn biết về nó, và người ta bài xích nó chỉ là sản phẩm của trí óc tôi ...

Khi đại tá Olcott đang đi qua Anh Quốc vào tháng tám, thì ông có tiếp được trong buồng tàu của ông một bức thư do Đức Chơn Sư K.H. viết như vậy : 'Thầy cũng đã ghi tư tưởng của con về bộ 'Giáo lý Bí truyền' rồi ; con hãy tin chắc rằng điều gì mà H.P.B. không có chú giải, trong khi trích lục trong những sách khoa học hay những sách khác là do chúng ta giải thích hay dẫn ý. Tất cả lỗi hay những cương-yếu sai mà H.P.B. đã sửa chữa hay giải thích trong những quyển sách Thông Thiên Học là do chính Ta sửa chữa hoặc là do sự chỉ dẫn của Ta. Bộ 'Giáo lý Bí truyền' là một loại sách có giá trị hơn là quyển trước của nó (Isis dévoilée) ; nó trích yếu những chơn lý huyền môn, tạo thành một nguồn giáo dục và huấn thị cho những học giả trang nghiêm trong nhiều năm sắp tới.' (2)

(1) The Theosophist Mai 1888, supplément p. XXXVII.

(2) Lettres des Maîtres de Sagesse, p. 54 (1919).

- 19 -

Đến Luân-Đôn thì đại tá Olcott gặp bà H.P.B. đang ngồi làm việc tại bàn viết của bà từ sáng tới chiều để chuẩn bị bản thảo, đọc lại bản in sơ lượt của 'Giáo lý Bí truyền' để sửa chữa. Hai quyển 'Giáo lý Bí truyền' phải ra mắt chào đời một lượt nội trong một tháng, ấy là tháng tám. Xung quanh bà H.P.B. có một nhóm người Thông Thiên Học đã ứng trước 1.500 Anh-kim để in bộ 'Giáo lý Bí truyền' và những sách khác. Cũng có nửa tá người Thông Thiên Học đến giúp để xuất bản bộ 'Giáo lý Bí truyền'. 'Mấy người này giúp tôi sắp xếp bài vở, sửa Anh văn dõ của tôi và chuẩn bị bài đem tới nhà in. Nhưng điều mà từ người thứ nhất cho tới người thứ chót không hề một ai đòi hỏi là cái giáo lý căn bản, những bài kết luận, những lời huấn thị triết lý là chính của mình. Tôi không bày đặt gì tất cả về đó, nhưng tôi chỉ đưa ra một cách đơn giản như người ta đã dạy tôi vậy.'⁽¹⁾

Lúc bấy giờ bà H.P.B. tràn đầy công việc ; sức khỏe của bà lại sa sút. 'Chính đó là một trách nhiệm tăng-đại, vì lẽ thức quá sớm và làm việc quá khuya ... Những bản tính giá của nhà in được kiểm lại. Có vài sự đòi hỏi đặc biệt như khổ sách, lề sách cũng như bê dày của nó và tính chất của giấy, đều là quan trọng đối với bà H.P.B. Những điều trên đây đã được thông qua, rồi thì người ta mang sách đến nhà in ... Rồi lại đến việc viết bài tựa ; chung qui, bộ sách ra đời.'

Bà H.P.B. rất sung sướng ngày đó. Trong bài 'Giới thiệu' quyển thứ nhất bà có viết rằng : 'Đối với những vị quan tòa dĩ vãng và tương lai của tôi ..., tôi không có gì nói hết. Nhưng đối với vị độc-giả bộ 'Giáo lý Bí truyền', tôi có thể lặp lại điều mà tôi đã nói từ đầu chí cuối, và bây giờ tôi khoác lên những lời của ông Montaigne như vậy :

(1) H.P.B. dans 'Mes Livres', Lucifer Mai 1891, p. 246.

- 20 -

'Quý Vị, tôi chỉ làm một bó hoa, và tôi không cung cấp cái gì của riêng tôi hơn là một sợi dây để buộc hoa lại.'⁽¹⁾

Qua tháng 10, bộ 'Giáo lý Bí truyền', mà người chờ đợi rất lâu, đã được ra mắt chào đời ; đồng loạt, tại Luân Đôn và tại Nữ Ước cũng có xuất bản lần đầu tiên. Ở Anh Quốc 500 bộ đã bán hết, trước khi đưa ra công chúng ; và người ta phải chuẩn bị đặt xuất bản kỳ nhì.⁽²⁾ Cuối năm đó, xuất bản kỳ nhì mới xong.

Tất cả kỳ xuất bản đều giao cho nhà in 'The H.P.B. Press' là nhà in của Hội Thông Thiên Học.

Các báo không lưu ý gì mấy đến bộ 'Giáo lý Bí truyền', nhưng thơ từ gửi đến tấp không ngừng để đòi hỏi nói về đó. Báo 'Star' ở Luân Đôn nói rằng : 'Kỳ lạ thay, một quyển sách có tính cách huyền bí và khó khăn hơn bất cứ quyển nào đã có trước nó !'⁽³⁾

Trong Lời Tựa bà H.P.B. xin lỗi về sự trễ nải trong sự xuất bản này vì lý do đau ốm và vì công việc làm quá ư vĩ đại ...

Nói về những quyển sẽ đến, bà viết rằng : 'Trong quyển III của bộ 'Giáo lý Bí truyền' này - (quyển này và quyển IV gần xong) - có nói về lịch sử ngắn ngủi của những Đấng Chơn Sư cao cả mà các người thời cổ và hiện kim đã biết. Người ta sẽ nói đến các Ngài theo thứ tự thời gian đại ký (ordre chronologique) giống như cách nhìn tổng quát về sự Bí Mật của sự sanh, sự tiến, sự tàn ở buổi cuối cùng của các Ngài tại Âu Châu. Những điều đó, trong quyển này không nói đến.

(1) Edition 1888, p. XLVI.

(2) The Theosophist, Décembre 1888, supplément p. 69.

(3) Cité dans Lucifer, Décembre 1888, p. 346.

Quyển IV gần như hoàn toàn chuyên về Giáo lý huyền môn.'

Lời Kết luận bộ 'Giáo lý Bí truyền' năm 1888 của bà H.P.B. như vậy : 'Cái bước đầu là để đón ngã và triệt gốc những cây Upas (là những cây độc ở Ấn Độ). Chúng nó gieo rắc sự dị đoan, thành kiến và sự dốt nát hiệu danh; cho nên hai quyển này (I, II) phải là sự khai mở đầu tiên đúng đáng, để cho học giả bước sang qua hai quyển kế là III và IV ...

Qua năm 1890, bà H.P.B. có viết trong 'Lucifer' rằng : 'Sự đòi hỏi để 'hiểu biết về Huyền môn' quá nhiều, cho đến nỗi không thể nào thỏa mãn được.'

... Cuối năm 1891, bộ 'Giáo lý Bí truyền' in kỳ nhì đã hết sạch. Ông G.R.S. Mead và bà Annie Besant lo xuất bản nó lại một lần nữa. Ông Mead là thơ ký tư của bà H.P.B. được vài năm ; ông tin rằng đã xuất bản, bằng cách này hay bằng cách khác, tất cả cái gì mà bà H.P.B. đã viết bằng Anh văn. Chính ông là trưởng ban của cuộc xuất bản mới này vì ông dùng sự bác-học của ông cùng sự hiểu biết ý tứ của bà H.P.P. để cải sửa lại những chỗ sai về văn pháp hay về cái nào khác. Người ta đã cho đăng trong những Tạp chí chánh của Thông Thiên Học một 'Lược-giải quan trọng' như vậy : 'Về sự xuất bản bộ 'Giáo lý Bí truyền' vĩ đại của bà H.P.B.', xuất bản kỳ nhì, đã bán sạch rồi. Người ta khởi in lại liền kỳ ba. Tất cả mọi nỗ lực đều chú vào sự coi lại tận gốc kỳ xuất bản lần thứ ba này. Nhờ xuất bản yêu cầu thật nghiêm chỉnh tất cả độc-giả nào đã đọc qua 'Lời Lược giải' này hãy gửi đến chúng tôi bản thống kê, đầy đủ càng hay, những điều sai thất. Sự kiểm soát những câu trích lục và những lời viện-ngữ (do lỗi nhà in hay ở mục lục chỉ nơi trang không đúng v.v...) Rất cần là những điều sai thất ở phần đầu quyển I phải được gửi đến liền.'

Annie Besant và G.R.S. Mead

1895 - Qua năm 1895, sự xem xét lại bản thảo để xuất bản là một công trình cực nhọc vĩ đại và tất cả cố gắng của nhà xuất bản đều chú vào sự kiểm soát mỗi câu việ-n-gữ (citation) và sửa chữa nhiều chỗ sai thất ở văn-thể trong những lần xuất bản trước. Nhà xuất bản không có quyền đã động gì đến nội dung của nó. Mục lục của bộ sách xuất bản lần thứ nhất và lần thứ nhì chưa được hoàn bị. Ông A.J. Faulding chuyên chú vào sự chuẩn bị để in một mục lục mới rất phong phú, khâu riêng vào. 'Đối với việc làm vĩ đại này, chúng ta đều thọ ơn nó, cũng như tất cả học giả vậy.' (1) Cái mục lục mới này từ đây được thỏa mãn. Có vài điều phụ thêm trong bản in ở Adyar ; nơi đây người ta gom những mục lục của mọi quyển vô một quyển.

1896 - Dĩ nhiên có nhiều đoạn bản thảo của bà H.P.B. còn sót lại. Bà A. Besant mới giữ lấy và chuẩn bị để xuất bản. Trong khi bà chuẩn bị như thế, người ta lại phát giác được vài bản thảo xem dường không dính líu gì đến chính bộ 'Giáo lý Bí truyền'. Chúng nó đã được đăng trong 'Lucifer' :

- a) Nhiều thứ tinh linh.
- b) Phât giáo, Thiên Chúa giáo, Dương Tử sùng bái (Phallisme). (2)
- c) Những đoạn văn còn sót lại, Ngẫu tượng sùng bái (Idolâtrie), Thiên thân giảng lâm, Những cuộc Tuân huấn, Những chỗ Sai thất hiện kim. (3)

1897 - Quyển III lần lượt bán ra đúng ngày 14 tháng 6 tại Chicago và Luân Đôn. Người ta tiếp nhận nó với lòng ái mộ và sách bán chạy đều đều. (4)

(1) Préface de la Troisième édition revue, 1893.
 (2) Juin 1896, p. 273.
 (3) Juillet 1896, p. 361.
 (4) Voir Theosophist, Septembre 1897, p. 765.

- 23 -

... Ông James Morgan cũng có xuất bản bộ 'Giáo lý Bí truyền'. Năm 1926 ông đã viết trong Tạp chí 'The Canadian Theosophist' như sau :

'Khi tôi đã in xong quyển I và II rồi thì bà A. Besant đặt quyển III trong tay tôi... Bà H.P.B. đã viết đi viết lại nhiều trang ; bà bôi chỗ này, đổi chỗ kia, nhưng không có cái gì chỉ cho chúng tôi thấy những câu văn hẳn định là thế nào. Bà Besant phải rần hết sức để quyết định.

'Về lại nội dung của quyển này kém nhiều đạt ý hơn những quyển trước, bà Besant mới nói với tôi rằng bà sẽ thêm vào những Huấn thị của Trường Bí giáo Thông Thiên Học : vì bà H.P.B. đã nói với bà Besant là bà có thể làm dạng. Nên lưu ý rằng : những Huấn thị đó choán gần bằng cái nội dung đã đề nghị cho quyển IV, mà người ta chỉ gặp lại vài trang, đúng chỗ đánh dấu để chỉ bà H.P.B. ngưng viết. Tôi có khuynh hướng tưởng rằng : bà H.P.P. có ý định xen vào quyển IV những Huấn thị ấy ; và bà có ý nghĩ đó trong đầu, khi bà viết, một cách rất lạc quan, rằng : hai quyển đã gần xong. Có một số lớn bản thảo đã tìm gặp, sau khi bà H.P.B. qua đời. Nhưng người ta phát giác rằng : đó là những bản thảo cũ của hai quyển đầu do nhà in đưa lại.'

Bà A. Besant viết trong 'Lucifer' rằng : 'Giá trị của bộ 'Giáo lý Bí truyền' không ở trong những yếu tố rời rã, mà nó ở trong sự xây dựng với mấy yếu tố đó, để tạo thành một 'Toàn thể' dính khắn với nhau. Cũng giống như vậy, giá trị của bản-đồ kiến trúc không vì cái nhà cất bằng gạch do tay kẻ khác làm mà kém đi. Bà H.P.B. không nghiêm khắc trong sự hành văn của bà và bà dùng những câu văn trích

lục để làm căn cứ. Bà rút những câu văn trích lục đó bất cứ nguồn gốc hông trần hay trung giới nào, mà không buồn để dấu ngoặc. Hỏi ông Mead và tôi (là bà Besant) có khổ sở nhiều không, khi chúng tôi xuất bản bộ 'Giáo lý Bí truyền' kỳ sau này bằng cách đó ?

'Hỏi các huynh đệ tứ xứ, các huynh đệ đã nhờ bà H.P.B. mới học đặng những Chơn lý Chánh đại, những Chơn lý đã làm thực hiện đời sống tinh thần. Chúng ta hãy đứng mãi trong sự bảo hộ bà bằng cách đừng đòi hỏi bà phải là người hoàn toàn và đừng bắt bà phải được người nhìn nhận như là 'một uy quyền'. Nhưng, sự kiện của mối liên lạc giữa bà với các Đấng Chơn Sư, sự quên mình tuyệt diệu của đời sống bà, sự giúp đỡ vô giá của bà đối với tinh thần thế gian, làm cho chúng ta nhận chắc sự hiểu biết của bà là đúng. Khi tất cả sự tán công sẽ được quên đi, thì những cái tước-vị biết ơn vĩnh cửu của hậu tấn sẽ được tồn tại.

Do bà Joséphine RANSOM
biên tập.

Adyar 1938



Tác giả : H.P. Blavatsky

Dịch giả : Nguyễn thị Hai

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

HỘI THÔNG THIÊN HỌC VIỆT NAM

CHI BỘ 'DUNG HẠNH'

1 9 6 9

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

(La Doctrine Secrète)

Tác giả : Bà H.P. Blavatsky

Dịch giả : Nguyễn thị Hai

Lời Phi-lộ của Dịch-giả

Bộ 'Giáo lý Bí truyền' này gồm có 6 quyển. Nó là kim khoa ngọc luật của người tu hành. Nó chú trọng vào sự tiến hóa của nhơn sinh. Nó chỉ sự Minh triết Thiêng liêng từ thuở khai thiên lập địa cho tới bây giờ. Các vị Giáo chủ, các Đấng Hiên triết - xuyên qua các thời đại - đã lượm lặt nó lại mà truyền bá cho đời.

Nay thời kỳ Hoàng-Kim sắp đến, Đức Di Lạc Bồ tát sắp ra đời, nhơn loại đã tiến tới khá nhiều rồi - nhứt là về mặt khoa học - còn về mặt tinh thần, thì cũng có thể hiểu được ít nhiều giáo lý bí truyền. Lại nữa, để giúp người đời tiến bước trên đường tinh thần cho đúng mức, Hội Thông Thiên Học mới ra đời vào ngày 17 tháng 11 năm 1875. Mà tác giả bộ 'Giáo lý Bí truyền' là bà H.P. Blavatsky lại là người sáng lập ra nó. Bà mới đem những bông hoa Minh triết, từ cổ chí kim ấy, mà hiến dâng cho nhơn loại hiện đại. Thật ra, bà

- 2 -

Blavatsky không tài nào biết hết những nổi bí ẩn của Thiên Cơ. Nhưng Bà nhờ Sư-Phụ của Bà - là Đấng Đế Quân Cao cả M.-truyền thân cho bà, lúc bà viết. Trong khi bà viết, tay bà không ngừng, tâm trí bà vẫn tỉnh táo như thường, chớ chẳng phải lâm vào tình trạng hôn-mê. Sư Phụ của bà đứng sau lưng bà, phóng vào đầu bà những sự bí mật Trời Đất, rồi tự tay bà làm khí cụ diễn tả ra.

Tục ngữ thường nói : 'Thiên-Cơ bất khả lậu!' Nhưng nơi đây, Thiên-Cơ đã được vén màn bí mật một phần nào cho nhơn loại rồi! Nay, chúng tôi là nhà học-giả. Chúng tôi đã hiểu cái giá trị của bộ 'Giáo lý Bí truyền'. Chúng tôi thấy mình phải trả ơn nó bằng cách làm cho nhiều người cùng hiểu. Chúng tôi cố gắng dịch nó ra với những danh từ dễ hiểu mới có thể phổ-thông đặng những tài liệu của Bà Blavatsky do Đức Sư Phụ bà trao lại ! Nhưng than ôi ! Sách đã khó dịch lại có rất nhiều chữ Bắc Phạn và Nam Phạn và nghĩa lại bí-ẩn ! Chúng tôi cố gắng hết sức để lượm lặt được bông hoa nào hay bông hoa nấy ; đồng thời chúng tôi không dịch ra từ chữ, mà chỉ rán dịch sao cho dễ hiểu và không lạc nghĩa mà thôi. Lại nữa, nếu có sự lặp đi lặp lại nhiều lần, chúng tôi xin mạn phép bớt đi.

Với công phu hèn mọn này, chúng tôi xin góp sức xây dựng phần nào nền triết-học thiêng-liêng siêu đẳng của nước nhà.

Saigon, ngày 9 tháng Giêng năm 1969

Nguyễn thị Hai

'Giáo lý tôi không phải là của tôi,
 mà là của Đấng sai tôi đến.'
 (Thánh Jean VII, 10)

Khoa học tân tiến nhấn mạnh về sự tiến hóa ; lý trí con người và Giáo lý bí truyền cũng đồng làm như thế. Quan niệm này được những thánh-truyện cổ-tích và những thần-thoại xưa củng-cố thêm lên, cho đến sách Phân Thiên-Chúa-Giáo -(khi người ta hiểu nghĩa ngậm của nó)- cũng làm như thế.

Chúng ta thấy một búp hoa từ từ mở ra để hóa thành một đóa hoa ; còn cái búp hoa là do hạt giống tạo thành. Mà ở đâu có cái hạt giống ấy -cái hạt giống- với cả một chương trình nảy nở một cách hữu hình đã được đặt sẵn trước, và với mãnh lực vô hình -(tức là tinh thần)- của nó làm phát triển dần dần hình thể nó, màu sắc nó và mùi hương nó ? Danh từ 'Tiến hóa' tự nó nói cho nó. Cái mầm giống của dân tộc loài người hiện nay đã phải có trước trong giống dân nào sanh ra nó ; cũng giống như hạt giống vậy. Trong lòng nó có ẩn tàng một đóa hoa của mùa hạ sắp tới ; nó đang vươn mình lên dần dần để sanh ra hạt giống khác. Vật phát sinh có thể chỉ hơi khác một tí với vật tạo sinh, chớ không khác nhiều mấy. Cha mẹ thuở xưa của con voi và con rắn mới có thể là con tượng khổng lồ và con xà-đâu-long. Vậy tại sao tổ tiên của loài người lại không phải là 'người khổng lồ' đã nói trong Kinh Phê-Đà, trong sách 'Voluspa' và 'Le Livre de la Genèse'. Vậy, thật là phi lý

- 4 -

khi tin rằng : 'muốn thay đổi nòi giống' thì phải làm theo cách duy-vật của những người theo phe 'Tiến-Hóa-Luận'. Đó là lẽ dĩ-nhiên, khi người ta nghĩ rằng : mỗi loài, từ loài sò hén cho chí người khỉ đều biến đổi từ hình thể đặc biệt đầu tiên của chúng nó.

Trích lục quyển

'Isis dévoilée', I, 285

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

Lời nói đầu

Tác giả -là bà H.P. Blavatsky- cảm thấy cần phải cáo lỗi vì sách này ra hơi trễ bởi lý do bệnh hoạn và bởi công việc làm quá ư to tát. Dù hai quyển sách Giáo lý Bí truyền hiện nay đã xong, nhưng nó không đủ nói lên trọn cả ý nghĩa. Có một số lớn vật liệu đã chuẩn bị sẵn sàng để đưa ra với lịch sử huyền môn ; chúng nó thuộc về đời sống của những Đấng Chơn Sư của giống dân chánh thứ năm ; chúng nó chỉ tỏ một triết lý huyền môn trong đời sống hàng ngày. Đó là điều phải có mới được.

Mong rằng quyển sách này sẽ được đời chấp nhận một cách ưu đãi. Quyển thứ ba đã viết xong ; quyển thứ tư cũng vậy.

Bộ 'Giáo lý Bí truyền' này không phải là bản dịch của quyển 'Isis dévoilée' một cách sâu rộng hơn đâu. Mà nó chỉ có chừng hơn mười trường trích lục trong quyển 'Isis dévoilée' mà thôi.

Tác giả thấy không cần phải cáo lỗi với độc giả để được khoan dung và khỏi bị chỉ trích về văn chương cùng những danh từ bất toàn về Anh-ngữ (có thể xảy ra) vì tác giả là người Nga và biết tiếng Anh rất trễ trong đời sống bà. Anh ngữ được dùng để phổ biến chơn lý một cách rộng rãi hơn trong thế giới ; cho nên bà phải dùng nó.

Chơn lý không phải là một cái gì đưa ra như một sự 'Tiết-lậu' và tác giả cũng không muốn tỏ mình là một nhà 'Tiết-lậu Huyền-môn'. Nay lần thứ nhất, những chơn lý này được đưa ra công chúng ; đó là một nét son trong lịch sử loài người. Bởi vì, nội dung quyển sách này có thể gặp rải rác trong cả ngàn quyển kinh ở Đại Á-Châu và trong những tôn giáo cận đại ở Âu-Châu. Chúng nó ẩn dưới những biểu tượng và những nét khắc-lỗm trong cây hay đá, bởi vậy không ai hiểu được chúng nó. Nay chúng nó được lược lật, lại và được gom thành một đơn vị không đứt đoạn và điều hòa. Cái ưu-thế đặc biệt của tác giả là không cần đến sự khảo-sát và lập-luận của cá nhân : bởi vì : công phu này một phần là do những lời dạy bảo của các vị tiến hóa cao, một phần là do sự học hỏi và quan sát chút ít riêng của mình.

Không cần giải nghĩa rằng bộ 'Giáo lý Bí truyền' này không phải là hoàn toàn bí mật. Nó là một tập-lục được chọn lọc một số nguyên-lý chánh-đại, mà nhiều tác giả đã lưu ý, và đã vận méo.

Nhưng có thể nên tuyên bố một cách minh bạch rằng : những lời dạy trong mấy quyển 'Giáo lý Bí truyền' này, -(mặc dù đứt đoạn và chưa hoàn toàn)- không thuộc về Ấn-Độ-Giáo, Hỏa-Giáo, Chaldean Giáo, hay là Ai-Cập-Giáo, Phật-Giáo, Hồi-Giáo, Do-Thái-Giáo hay chỉ riêng là của Thiên-Chúa-Giáo đâu. Giáo lý Bí truyền là tinh-hoa của các tôn giáo trên đây. Lúc khởi thủy, thì các tôn giáo đi từ cái tinh hoa ấy mà vươn mình lên ; ngày nay, chúng nó đồng hợp nhất trở về nguồn cội của chúng nó. Khi chúng nó vươn mình lên khỏi cội, thì tất cả sự bí mật đều vật-chất-hóa.

Chắc chắn rằng bộ 'Giáo lý Bí truyền' này sẽ được một phân quân chúng xem như là một chuyện thân thoại hoang

đàng nhất : bởi vì họ chưa bao giờ nghe qua quyển Dzyân (là Kinh thánh thật xưa). Tuy nhiên, tác giả đã chuẩn bị đầy đủ để hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với nội dung của bộ sách, và cũng vui lòng nếu phải đương đầu với những lời buộc tội là đã bày đặt ra tất cả. Tác giả cũng biết có nhiều thiếu sót. Nhưng điều mong muốn của tác giả là nó được sự kính nể, chẳng phải vì lý do kêu gọi đến uy quyền độc-đoán nào, mà vì nó liên-đối với Thiên-Nhiên, và nó theo định-luật bất biến của Vũ-trụ.

Tôn chỉ của sách này có thể chỉ tỏ rằng : Thiên-Nhiên ấy không phải là 'một sự tranh-giành ngẫu-nhiên của những nguyên-tử' đâu ; nó còn chỉ-định cái chỗ đứng cho con người trong bàn cờ Tạo Hóa ; nó cứu thoát những chơn lý xa xưa bị suy đồi ; chính những chơn lý này là nền-tảng của tất cả tôn giáo ; nó cũng hé mở ít nhiều sự duy nhất căn bản và từ sự duy nhất đó, tất cả tôn giáo đều vươn mình lên để diễn tiến giữa loài người. Rốt lại, tôn chỉ của bộ 'Giáo lý Bí truyền' này là tuyên bố rằng : phân huyền-bí của Thiên-Nhiên không bao giờ kê-cận với khoa-học của nền văn minh cận đại này được.

Nếu những điều trên đây được thực hiện một phần nào là tác giả thỏa nguyện lắm rồi. Sách này viết ra để phụng sự hơn loại và vì hơn loại. Nó phải do người đời sau xét đoán nó ...

H.F. Blavatsky

London,
tháng 10, năm 1888

Lời tựa

a) Học 'Giáo lý Bí truyền' bằng cách nào ?

Những lời cước chú của Giáo lý này là do bà H.F. Blavatsky đã đưa ra lúc bà gần từ-giã cõi đời. Chúng nó đã được đăng nhiều lần trong nhiều tạp chí. Đó là nhờ công phu của một vị sĩ quan hàng hải là Robert Bowen. Ông này lúc lão thành đã được thu nhận vào tập-đoàn của bà Blavatsky. Ông ân cần hỏi bà Blavatsky về tư cách phải có của một học giả đối với bộ 'Giáo lý Bí truyền', rồi ông mới ghi chép kỹ lưỡng câu trả lời ; về sau ông có đọc lại cho bà nghe để biết coi ông có hiểu trúng không ? Kỳ xuất bản đầu tiên được in trong tạp chí 'Theosophy in Ireland' (tháng giêng-tháng ba năm 1932) do công phu của quan ba P.G.B. Bowen, con trai của ông Robert Bowen.

Cái giá trị của những câu cước chú do ông Bowen đó được tăng thêm là bởi nó hàm chứa những nguyên lý không phải chỉ áp dụng cho sự học hỏi 'Giáo lý Bí truyền' thôi, mà còn cho tất cả sự học hỏi về Thông Thiên Học. Chúng nhấn đi nhấn lại rằng : không có một đồ hình nào của Thông Thiên Học mà cần phải đúng y với hình ảnh của vũ trụ. Nó chỉ là hình vẽ phụ thuộc trong lúc thực nghiệm một cái Chơn lý tuyệt đối nào đó mà ta không thể dùng lời phạm diễn tả ra được, bởi nó ở ngoài vòng giá trị tương đối. Một cái giáo lý Thông Thiên Học như thế không nhằm diễn tả Chơn lý, mà là để đưa người đến Chơn lý ấy.

Theo tiêu chuẩn trên đây, người ta sẽ thấy : cái giá trị và uy lực của một thứ Thông Thiên Học phác họa nào đó (une Théosophie descriptive) không cần phải được xét đoán

theo sự kiện hoặc theo nguyên-lý khoa học, hoặc theo ý-kiến diễn tả Thông Thiên Học của một tác giả nào. Cái giá trị của Thông Thiên Học phải được biểu lộ xuyên qua sự kinh-nghiệm uyên-thâm có thể đưa học giả nào đó được chút ít can đảm và sức mạnh đi lướt qua khỏi phân vật chất của hình thể, để đến sự thật hiển-nhiên huyền-bí hay ẩn-tàng.

Còn một lời khuyên khác đã được lặp đi lặp lại khắp trong mấy câu cước chú trên, để giúp độc giả hiểu rõ rệt hơn ; ấy là : bất cứ giáo lý Thông Thiên Học nào cũng đều được sắp xếp trong một khuôn khổ vũ trụ. Bà Blavatsky căn dặn một cách quyết liệt rằng : muốn thành công phải rán sức đoạt cho được sự hiểu biết uyên-thâm Ba Đê-Khởi Chánh Đại nói ở đâu bộ 'Giáo lý Bí truyền'. Những Đê-Khởi này được sao lại nơi đây để dễ tìm và dễ học.

H.S.

b) Giáo lý Bí truyền và sự học hỏi nó.

Bà H.P. Blavatsky đặc biệt thiết tha về vấn đề 'Giáo lý Bí truyền' trong tuần qua. Tốt hơn là tôi ⁽¹⁾ rán tuyển chọn tất cả cước chú này và viết ra trên giấy cho chắc chắn, trong khi chúng nó còn ở trong trí tôi. Cũng như chính bà Blavatsky đã nói rằng : có thể điều đó sẽ hữu ích cho ai trong ba mươi hoặc bốn mươi năm sau.

Vậy trước nhất, 'Giáo lý Bí truyền' chỉ là một phần nhỏ tí của Bí giáo mà các Đấng cao cấp trong Quân Tiên Hội

(1) Là ông Robert Bowen.

đã rõ. Nó chỉ chứa đựng (như Bà Blavatsky đã nói), đúng những gì mà Thế-gian, trong thế kỷ sắp tới, có thể thu nhận được. Điều này gợi lên một câu hỏi mà bà giải đáp như sau :

'Thế-gian' đây có nghĩa là Con Người sống trong Bản tính Cá nhân. 'Thế-gian' này sẽ tìm gặp, trong hai quyển đầu của bộ 'Giáo lý Bí truyền', tất cả cái gì mà sự hiểu biết quảng đại nhất của nó có thể thu nhận được. Chỉ có thế thôi ! Nhưng điều này không có nghĩa rằng : người đệ tử không sống trong Thế gian lại chẳng tìm gặp trong sách những gì hơn Thế gian sao ? Mỗi hình thế, dù bất toàn đến đâu, cũng đều có sự bí ẩn bên trong của nó cả : sự bí ẩn ấy là hình dáng của Vị Hóa-Sanh ra nó. Đối với tác phẩm của một tác giả nào đó - dù không tên tuổi- thì cũng giống như thế. Nó cũng chứa đựng một sự ẩn tàng tức là sự hiểu biết của tác giả. Lấy đó mà suy, thì bộ 'Giáo lý Bí truyền' phải chứa đựng tất cả cái gì mà chính bà Blavatsky phải biết, và còn có cái gì cao siêu nhiều hơn nữa : bởi vì một phần lớn của nó là thuộc về những Đấng hiểu biết sâu rộng cực độ hơn bà. Nó còn ám chỉ rằng : người nào đó có thể tìm gặp trong sách một sự hiểu biết mới lạ cho mình.

... Tóm lại, chúng tôi sắp xếp thế nào để cho bà Blavatsky nói rõ với chúng tôi phải học 'Giáo lý Bí truyền' bằng cách nào ? Tôi viết ra trong lúc tư tưởng còn nóng hổi trong đầu tôi. Đọc 'Giáo lý Bí truyền' trang này qua trang khác, cũng như quyển sách nào khác (Bà Blavatsky nói) thì chỉ đem đến sự lộn xộn mà thôi. Điều đầu tiên phải làm - dù phải làm nhiều năm- là hiểu rõ về Ba Đê Khởi Chánh Đại đã nói trong 'Lời Giới thiệu'. Phải học ôn lại những điểm đã ghi số trong bài toát yếu của quyển I (phần nhất) rồi chép lại để nhớ những đoạn đầu (quyển II) cùng đoạn kết (quyển III).

Bà H.P.B. xem dường có những ý niệm thật rõ rệt về tâm quan trọng của 'Giáo lý Bí truyền' (trong đoạn kết); lúc bà nói về thời gian sanh sản của những giống dân chánh và những giống dân phụ ... Bà nói : 'Không có giống dân nào đang đến, giống dân nào tàn mà là một sự tiến hóa vĩnh cửu. Giống Dân Chánh Thứ Tư vẫn còn sống. Giống Dân Chánh Thứ Ba và Thứ Hai và Thứ Nhất cũng vẫn còn - nhưng còn là những gì chúng nó biểu lộ trên cõi hữu hình của chúng ta. Tôi ngẫm nghĩ thì biết bà Blavatsky nói gì rồi; nhưng tôi bất tài không thể diễn ra bằng từ ngữ đặng. Cũng y như thế, hiện giờ đã có Giống Dân Phụ Thứ Sáu, Giống Dân Chánh Thứ Sáu, Giống Dân Chánh Thứ Bảy và cho chí những vị thuộc cuộc Tuần Hườn ở tương lai. Chung qui, thì những điều trên đây có thể hiểu được. Các vị Đệ tử Chơn Tiên, các Đấng Chơn Sư không phải thuộc về Giống Dân Phụ Thứ Năm như thường tình đâu : bởi vì hễ nói giống dân là nói con người còn trong tình trạng tiến hóa.

Nhưng chắc chắn rằng : khi nhìn toàn thể nhơn loại cả trăm năm sau, cách biệt tình trạng tiến hóa hiện giờ với sự tiến hóa của Giống Dân Phụ Thứ Sáu, tôi cho là bà Blavatsky hình như băng-khoản, và bà cứ mãi nhấn mạnh về đó. Bà đã ám chỉ về 'những mối nguy hiểm và ảo ảnh' sẽ đến xuyên qua ý niệm rằng : Giống Dân Mới đã sanh ra đời hẳn rồi. Theo bà, thì thời gian của một Giống Dân Phụ trong toàn thể nhơn loại thì phù hợp với Năm Hành-Tinh (Année sidérale) tức là lối 25.000 năm. Như thế, con đường của giống dân mới phải xa muôn dặm !

Chúng tôi có dự một kỳ-hội tuyệt hảo để học về 'Giáo lý Bí truyền' trong thời gian ba tuần lễ vừa qua. Tôi phải chọn lọc lại những câu cước chú của tôi và biên chúng nó trên giấy để khỏi lạc mất.

Bà Blavatsky còn giảng rất hay về 'Cái Nguyên lý Chánh đại' (Principe Fondamental). Bà nói rằng : 'Nếu ai tưởng tượng rằng mình sẽ nhờ Giáo lý Bí truyền mà có được một tấm tranh về sự tạo lập vũ trụ một cách tốt đẹp, thì người ấy chỉ rước lấy một sự rắc rối trong bài học của mình mà thôi. Bà không tài-quyết chung cuộc về sự hiện tồn của vũ trụ, mà Bà chỉ DẮT DẪN ĐẾN CHƠN LÝ. Bà lặp đi lặp lại nhiều lần lời này. Và bà nói : 'Đã không ích-lợi mà còn tai hại hơn, khi ta đến những người mà ta tưởng tượng là nhà học giả uyên-thâm để nhờ họ 'giải nghĩa' hộ cho ta về Giáo lý Bí truyền. Họ không làm đặng đâu. Nếu họ rần sức, thì họ chỉ đưa ra những bài dịch công-truyền vụn-vặt và khô khan ; chúng không giống với Chơn lý, dù là trại trại một chút cũng không nữa.' Nhìn nhận sự giảng-giải như thế ấy cũng như tự bám-víu vào những ý niệm cố chấp; còn Chơn lý thì đứng trên tất cả ý-niệm được giảng-giải ra bằng lời nói.

Những lời giảng-giải ấy có trách nhiệm của chúng nó. Bà Blavatsky không lên án chúng nó, và cho chúng nó như những cây tên chỉ đường cho những người sơ-học ; ngoài đó ra, không chi hơn cả. Tự nhiên, trong Hội Thông Thiên Học, đang có và sẽ có trong tương lai rất nhiều người không có khả năng đi hơn ranh giới của giáo lý công truyền. Nhưng cũng có và sẽ có nhiều người khác nữa, và chính những người này, mà Bà Blavatsky, chỉ cho dưới đây, coi Đường để đến gần Giáo lý Bí truyền.

Bà nói : 'Các bạn hãy học Giáo lý Bí truyền bằng một cách không ước-vọng gì để đoạt cái Chơn lý cuối cùng của đời sống, hoặc giả bạn đừng có một ý niệm nào khác hơn là thấy nó có thể đưa đến Chơn lý tới mực-độ nào. Các bạn hãy thấy, trong sự học Giáo lý Bí truyền này, một phương châm tập-luyện và sử dụng cái trí mà những khoa khác không bao giờ

chạm đến. Các bạn hãy lưu ý đến những định luật sau này :
(Dù học điều chi trong Giáo lý Bí truyền cũng không quan hệ gì, sự quan hệ là cái trí phải bám-chặt vào những ý niệm sau đây, như là nền tảng của lý tưởng nó) :

1 - Sự Duy nhất căn bản của mọi sự sống (L'unité fondamentale de toute existence). Sự Duy nhất này hoàn toàn khác biệt với sự duy nhất thường tình mà người ta hiểu, khi người ta nói đến sự hiệp nhất của một quốc-gia hay của quân-đội, hoặc giả nói hành tinh này hiệp nhất với hành tinh kia bằng những đường diễn-lực vân vân ... Không phải là sự Duy nhất nói ở đây đâu. Sự Duy nhất ở đây ám chỉ sự hiện tồn của chỉ 'Một Vật' mà thôi, chớ chẳng phải của nhiều vật hiệp-một lại. Thật ra, trên Căn bản, chỉ có Một Đấng Duy Nhất. Đấng ấy có hai trạng-thái : Âm và Dương ; Dương là linh thân hay là Tâm thức , còn Âm là Vật chất hay là duyên do của Tâm thức (le sujet de la conscience). Đấng ấy là Tuyệt đối, trong sự Biểu lộ đầu tiên của Ngài. Ngài là Tuyệt đối là vì không có cái chi ở ngoài Ngài cả. Ngài là Tất Cả. Ngài không thể Phân Cắt ra đặng ; bằng chẳng vậy thì làm sao là Tuyệt đối được ? Nếu một phần của Ngài đã bị cắt xén đi, thì cái còn lại đâu phải là Tuyệt đối : bởi vì sẽ xảy ra vấn đề So-Sánh giữa Ngài và phần tử bị cắt xén đó. Sự So-Sánh không thể có được nếu nói về tuyệt đối. Vậy, sự Sống Duy nhất Căn bản đó, hay là Đấng Tuyệt đối, phải là một Thực Tại trong mỗi hình-thể hiện-tồn.

Tôi nói rằng : dù điều này, đối với tôi rất rõ rệt, nhưng tôi không hiểu nhiều người trong các Chi bộ có lãnh hội nó được không. Bà Blavatsky nói rằng : Thông Thiên Học để cho những người biết suy nghĩ hay tập suy nghĩ, chớ nó không phải để cho những người có cái trí lưỡi biếng, chậm chạp. Bà nói : những người học giả bực trung là 'cái sọ dày' (crâne épais).

Hột Nguyên tử, Con Người, Đức Thượng Đế (bà nói) mỗi phân đều riêng biệt cũng như tất cả gom lại làm một. Phân tích sau cùng của những phân tử này, thì cái Cá Tính Thật Sự của chúng nó chính là ĐÁNG TUYỆT ĐỐI. Đó là cái ý niệm luôn luôn phải có ở hậu trường cái trí để hiểu bất cứ điều gì khi học Giáo lý Bí truyền. Bao giờ người ta bỏ qua nó -(điều này rất dễ khi người ta bị bận-rộn, với nhiều trạng thái phức tạp của triết học bí truyền)- thì cái ý Chia Rẽ sẽ hiện đến, và sự học hỏi sẽ mất đi giá trị.

2 - Cái Ý-Niệm Thứ Nhì nên nhớ kỹ là : không có Chát Chết. Một hột nguyên tử nhỏ tí cũng là sống nữa. Phải như thế mới được : vì một hột nguyên tử, trên căn bản vốn thuộc về ĐÁNG TUYỆT ĐỐI. Vậy không có cái không-gian nào bằng dĩ thái hay bằng chất tư tưởng thượng thiên hay bằng chất nào cũng được, mà có các vị Thiên-thân hay các tinh-linh lội như cá mè lội trong nước vậy ! Nghĩ như thế là tầm thường lắm. Cái ý niệm chơn chánh là : mỗi một hột nguyên tử bằng chất khí của bất cứ cõi nào, đều có chứa đựng một sự Sống liên trung của nó.

3 - Cái Ý-Niệm Căn Bản Thứ Ba là : Con Người là Tiểu-Thiên-Địa. Nếu như thế thì bên trong của con người đều có tất cả Giai-Đẳng trên cõi trời. Nhưng thật ra, không có Đại Vũ trụ và Tiểu Vũ trụ, mà chỉ có Một Sự Sống Duy Nhất mà thôi ; Đại Vũ trụ và Tiểu Vũ trụ là chỉ do sự thấy của một tâm thức bị hạn chế đó thôi.

4 - Cái Ý-Niệm Căn Bản Thứ Tư và cũng là cái ý niệm chót, cần phải nhớ là cái ý niệm trong những câu Định-Lý Vĩ Đại của Thân Mercure⁽¹⁾. Thật ra, nó tóm tắt và tổng-hợp tất cả các ý niệm khác.

 (1) Đã định sẵn, không ai sửa đổi được. (lời dịch giả)

Bên Ngoài cũng như Bên Trong, Nhỏ cũng như Lớn, Trên cũng như Dưới ; chỉ có Một Sự Sống và Một Định Luật. Còn Đấng làm cho huy động tất cả là Đấng Duy Nhất. Trong Phép Tác của Tạo Hóa, thì không có Bên Ngoài và Bên Trong, không có Cái Nào Lớn và Cái Nào Nhỏ, không có Cái Nào Cao và Cái Nào Thấp.

Dù đoạn nào trong Giáo lý Bí truyền, người ta cũng phải ghép vào những ý niệm căn bản này.

Tôi (là ông Bowen) lên tiếng trước rằng : đó là một sự luyện trí tối nhọc. Bà H.P. Blavatsky mỉm cười và gạt đầu tán thành. Bà nói rằng : đừng có khờ khạo mà đi con đường vào nhà thương điên bằng cách rán sức quá độ ở bước đầu. Cái óc là một dụng cụ của tâm thức lúc thức, và mọi hình ảnh tư tưởng đã được tạo ra, đều lồi cuốn sự thay đổi và sự tàn phá những hột nguyên tử cái óc. Sự hoạt động thường xuyên của cái óc là đi bằng những đường lối đã lập sẵn nên không mệt nhọc gì, không có sự chinh đốn thành lĩnh và không có sự tàn phá tế bào của nó. Nhưng nay cái óc làm một công việc rất khác với thường lệ ; nó cần phải rán sức ; nó cần phải vẽ thành những đường lối mới mẻ trong óc, và cần phải sắp xếp trong nhiều thứ tự, những sự sống nhỏ bé đang được xây dựng. Nếu người ta làm những điều đó mà không xét đoán và bị ép buộc, thì sẽ có thể xảy ra sự xáo trộn quan trọng trong óc.

Cách suy gẫm này, (bà nói) người Ấn Độ gọi là Jnana Yoga. Trong khi tiến tới bằng phép Jnana Yoga, thì người ta cảm thấy hoặc không cảm thấy, - nổi lên trong tư tưởng nhiều quan niệm mà không thể hình dung được hoặc nói lên bằng lời nói được. Chính lúc đó là lúc cần phải thận trọng đừng để mình lâm tưởng rằng : cái hình ảnh tư tưởng mới lạ và tuyệt hảo đó là chỉ tỏ sự Thực-Tế. Nhưng không phải như

thế đầu. Trong khi tiếp tục suy nghĩ, người ta thấy cái hình ảnh tư tưởng mà mình hoan nghinh đó, lại trở thành màu xám rồi lầy làm bất mãn. Rốt cuộc, hình ấy tan mất hay là bị xua vớt đi. Chính đó mới là một điều nguy hiểm khác : bởi vì trong một lúc người ta bị để vào cõi trống không, chẳng có một khái niệm nào để hộ-trợ cả; rồi người ta cố khuynh hướng làm sống lại cái hình ảnh tư tưởng đã bị vớt đi đó, vì lý do thiếu cái gì tuyệt-hảo hơn để bám-víu. Tuy nhiên, người học giả chơn chánh sẽ tiếp tục hoạt động một cách vô-tư-lự ; và những cái loáng thấy mới lạ vô hình lại đến làm bồi bậc lên một cái hình ảnh to hơn và đẹp hơn cái trước. Nhưng bấy giờ nhà học giả sẽ biết rằng : không có một bức họa nào sẽ miêu-tả dạng Chơn lý. Bức tranh tuyệt-mỹ sau cùng này sẽ lu-mờ và sẽ tan mất cũng như mây cối trước. Rồi cứ mãi diễn tiến như thế đó, cho tới rốt cuộc lại, cái trí và những hình ảnh nó vượt lên quá mức và nhà học giả đi vào và trú ngụ nơi Thế Giới Vô Sắc Tướng. Nơi đây, nói là Vô Sắc Tướng, chớ tất cả hình ảnh đều có, mà chúng nó chỉ là những phản ảnh bị thu hẹp lại thôi, chớ chẳng phải là những hình ảnh thật sự (cho nên người ta gọi là cảnh vô sắc giới).

Nhà học giả chơn chánh của Giáo lý Bí truyền là nhà Yogi Jnana⁽¹⁾; và con Đường Yoga đó là Con Đường Chơn Chánh cho những nhà học giả Tây Phương. Chính muốn giúp cho họ những 'cột trụ chỉ đường', bà Blavatsky mới viết ra bộ 'Giáo lý Bí truyền' này.

(Những câu cước chú sau như thế này :)

Tôi đọc lại cho Bà H.F. Blavatsky nghe bài tôi đã thọ giáo với bà, và hỏi bà coi tôi có hiểu trúng không ?

(1) Là thành Đạo nhờ sự Minh triết và Bác ái.

Bà cho tôi là 'Sợ dầy' vì đã tưởng tượng rằng : bất cứ cái gì cũng luôn luôn có thể diễn tả ra đúng bằng lời nói đặng. Nhưng bà cũng mỉm cười và gạt đầu ưng chịu. Bà nói với tôi : là thật ra, tôi diễn tả lại bài của bà còn hay hơn tự bao giờ người ta đã làm, và còn hay hơn là do bà nữa vì tự bà không biết làm.⁽¹⁾

Tôi tự hỏi tại sao tôi gom nhặt tất cả những lời ghi chép này, chúng nó phải được đưa ra cho đời. Nhưng tôi đã già quá rồi, không thể làm chuyện này được. Ở gần bà H.F.B. tôi cảm thấy mình là một đứa bé, mặc dầu, năm nay tôi đã lớn hơn Bà 20! Bà đã thay đổi nhiều, từ khi tôi gặp bà, cách hai năm về trước. Thật là phi-thường, khi thấy bà cường lại đặng trước cơn bệnh nguy hiểm. Nếu ai không biết gì hết thì không tin gì hết. Bà Blavatsky muốn xác-thực rằng : bà là một cái gì ở ngoài xác thân và trí óc, và còn ở trên cao hơn nữa. Tôi đặc-biệt cảm thấy trong những buổi nhóm họp sau này và từ khi xác thân bà trở nên vô-dụng, chúng ta đang tiếp nhận những bài học từ một hành tinh cao hơn đưa xuống. Dường như chúng ta cảm thấy và Biết cái gì mà bà muốn nói hơn là nghe bà nói với lỗ tai bằng thịt của chúng ta. Ông X., chiều hôm qua, cũng lưu ý chúng ta nhiều về sự này.

Ký tên :
Robert Bowen,
Cmdr. R.N.

19 tháng Tư năm 1891

(1) Thường bà Blavatsky diễn thuyết không soạn bài công phu như ta, vì bà có nhãn-quang, và lãnh hội một cách dễ dàng những tư tưởng huyền-linh từ cõi trên đưa xuống.
(lời dịch-giả)

BA ĐỀ KHỞI

rút trong 'Giáo lý Bí truyền'
cần phải nhớ trước khi học Nó.

1 - Một Nguyên Lý Toàn Diện, Trường Tôn, Vô Biên, Bất Di Bất Dịch, Bất Khả Tư Nghị, vì nó vượt khỏi sức hiểu biết của con người ; và nếu con người diễn tả Nó hay chép lại những lời nói về Nó, thì chỉ làm cho Nó thấp bé đi mà thôi. Tư tưởng của con người không thể nào vói tới Nó được - theo lời nói của Kinh Mandûkya thì Nó không thể lấy ra để suy luận, hay bàn luận được (impensable et indicible).

2 - Sự Trường Cửu của Càn-Khôn cũng như một Cõi Vô-Biên. Từng lúc, Nó là sân trường của vô số vũ trụ, hiện lên, rồi tan rã, cứ mãi như thế, không ngừng, không nghỉ. Chúng nó được gọi là những 'Ngôi Sao' mọc (des Etoiles qui se manifestent) hay là 'Ánh Sáng của Vĩnh-Cửu' (Etincelles de l'Eternité).

Sách Dzyan cho rằng : 'Sự Vĩnh-Cửu của người Hành Hương (1) là một nháy mắt của Đời Sống Chơn Ngã (Soi-Existence).

Sự Hiện và Tan của vũ trụ cũng giống như nước ròng và nước lớn, trở đi, trở lại một cách điều hòa.

(1) Người hành hương đây có nghĩa là con người xuống cõi trần, trọn kiếp để hành Đạo Trời, dù nói mình tu, hay không tu cũng vậy. Người cố ý tu là người đang gieo lúa, để gặt lúc lâm-chung. Còn người không cố ý tu, thì không chịu gieo gì cả, sẽ đi về tay không.

Đề-Khởi thứ nhì của Giáo lý Bí truyền nói về luật Tuân-Tự, cũng như nước khi ròng, khi lớn, cũng như sự thăng và sự trâm mà khoa vật-lý-học đã nhận thấy trong Thiên-Nhiên.

Sự vãn-xoay ngày và đêm, sống và chết, ngủ và thức là chuyện quá thường, quá phổ thông ; chúng ta dễ mà thấy trong đó Một trong những Định-Luật Căn-Bản của vũ-trụ.

3 - Thánh kinh Dzyan còn quả quyết rằng : Tất cả linh hồn (âme) trên căn bản, đều giống với Linh Hồn Tối Cao (La Sur-Âme Universelle). Mà Linh Hồn Tối Cao của vũ trụ là một trạng thái của một Nguồn Gốc Bất-Khả-Tri (Racine Inconnue).

Còn mỗi Linh Hồn -là một tia lửa của cái Nguồn Gốc Bất-Khả-Tri ấy- đều bị bắt buộc phải đi Hành Hương, xuyên qua nhiều kiếp Luân Hồi sanh tử, đồng nhịp với Luật Chu-Kỳ (loi cyclique) và Nhơn Quả.

Vậy sự Hành hương của Linh hồn là điều cần thiết.
Hay nói cách khác :

Không có một Tâm-Pô-Đê⁽¹⁾ nào hoàn toàn linh thiêng và hoạch đắc được cá-tính, mà không có tách mình từ cái Linh Hồn Tối Cao⁽²⁾ ấy, để lân lượt mang tất cả hình hài, sắc tướng, nơi cõi hiện tượng này (tức là cõi trần). Sự tách mình đi hành hương đó là do sự xui giục thúc đẩy tự

(1) Tâm-Bô-Pê đây là Buddhi của con người, hay là Chơn-Thân (Monade).

(2) Là Đức Tử-Phụ (Dieu le Père) là Đấng Cha Chung của muôn loài vạn vật.

nhiên hay do sự cả-quyết bên trong của chính mình (sự này đặt dưới sự chỉ định của Nhơn Quả).

Linh hồn Hành hương đó đi từ bậc tri-thức thấp, đến bậc tri-thức cao, từ loài kim thạch, thảo mộc lên đến Bậc Hành tinh Thượng Đế.

Giáo lý Bí truyền không nhìn nhận một sự Đặc-ân nào trong đó, hay là một Thiên-Tư đặc biệt nào ban riêng cho con người. Mấy điều đó là do con người tự mình rán sức tạo ra cho mình mà thôi. Ấy là nhờ con người gạt hái xuyên qua nhiều kiếp luân hồi⁽¹⁾. Nhơn đó, mà những sự thay đổi về thân-linh, tâm-linh, và vật chất chỉ xảy ra tại cõi trần mà thôi. Nghĩa là chỉ tại cõi trần, con người mới có thể biến đổi những trạng thái này từ xấu ra tốt.

o
o o

(1) Mỗi kiếp Luân hồi, con người học khôn hơn và kinh nghiệm nhiều hơn. (lời dịch giả)

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

(Tập số 2)

Lời Giới thiệu

Từ khi Thông Thiên Học mới ra đời tại Anh Quốc, người ta có thói quen gọi nó là 'Phật Giáo Bí truyền'. Đó là một sự sai lầm lớn lao vì lẽ :

1) Nó hạn chế 'Thông Thiên Học' (là sự Minh triết thiêng liêng) trong vòng Phật Giáo.

2) Nó làm lộn triết lý Phật Giáo với những nét đại cương của quyển 'Bouddhisme ésotérique' do ông Sinnett viết năm 1883 ...

3) Nó là khí giới chống Thông Thiên Học : bởi lẽ nó hạ thấp Thông Thiên Học bằng cách nói nó là 'Phật Giáo Bí truyền' mà trong quyển đó không có cái gì là bí truyền và cái gì là Phật Giáo cả. Tại sao ?

Vì : 1) sách đó đã đưa ra công chúng nên nó hết bí truyền.

2) Sách ấy không nói về Phật Giáo mà chỉ nói một vài lý thuyết của một giáo lý bí truyền đã giữ kín từ lâu nay đem phổ biến cho đời. Những lý thuyết đó hiện nay đang được giải nghĩa và bổ túc cùng chung với những lý thuyết khác trong quyển 'Giáo lý Bí truyền'. Dù quyển này có trình bày nhiều điểm căn bản của Giáo lý Huyền môn bên Phương Đông đi nữa, thì nó chỉ vén lên một góc màn dày đặc đang bao trùm nó mà thôi.

Quyển 'Bouddhisme ésotérique' là một quyển rất hay, với một đầu đề chọn không đúng.

Người ta phản ứng về đầu-đề nhưng không giải nghĩa sự dị đồng của những danh từ sau đây : 'Bouddhisme' viết với 2 chữ 'd' có nghĩa là Phật Giáo do Đức Phật Gautama truyền dạy (là Vidya có nghĩa là Minh Triết). 'Bouddha' là Đấng đã đoạt sự Minh Triết, sự Sáng Suốt (Illuminé). Gốc chữ Bouddha là Budh có nghĩa là Hiểu biết (connaître). Về sau, người ta rần sửa đổi sự sai lầm bằng cách viết Bouddhisme (tôn giáo) mà đọc là 'Bouddhaisme', còn người theo đạo là Bouddhaïste. Còn viết thì một chữ 'd' (Bouddhisme), chớ không phải là hai chữ 'd' (Bouddhisme).

Những lời giảng trên đây rất hữu ích cho sự khởi đầu một tác phẩm như quyển 'Giáo lý Bí truyền'. Cái 'Tôn giáo Minh triết' là gia tài chung cho tất cả quốc gia trên địa cầu.

Ông Sinnett cho rằng : những huyền bí mà ông đã trình trong quyển 'Bouddhisme ésotérique' là những điều bí mật huyền môn chưa hề ai biết được. Nhưng bà Blavatsky - tác giả quyển 'Giáo lý Bí truyền' - đã biết tất cả mọi điều lộ của ông và còn nhiều điều bí mật khác hơn nữa trong nhiều năm về trước. Bằng cố là bà đã chia sót chúng nó năm 1880 một đoạn nhỏ cho 2 người Âu. Một người trong đó là ông Sinnett, tác giả quyển 'Bouddhisme ésotérique'. Lại nữa, một phần lớn triết lý do ông Sinnett trình bày đã đem truyền bên Mỹ Châu - (trước khi quyển 'Isis dévoilée' ra đời) - cho 2 người Âu và người cộng tác viên với bà Blavatsky là đại tá Olcott. Ông Olcott có 3 vị Sư Phụ : 1) vị là Hongrois, 2) vị là Ai Cập, 3) vị là Ấn Độ. Ông Olcott được phép đặc biệt đem truyền bá vài giáo lý huyền môn này bằng nhiều cách. Hai người Âu Châu, Mỹ Châu kia cùng học với ông Olcott không được phép làm như vậy vì chưa đúng thời kỳ làm việc công khai.

Điều quan trọng

Không một tác giả nào được phép cho mình là người có thẩm quyền trong Thông Thiên Học.

Adi hay Adhi Budha có nghĩa là Duy Nhất (hay Đâu tiên và sự Minh triết tuyệt đối). Đó là một danh từ đã được Đức Aryasanga dùng đến trong những bài luận văn huyền bí của Ngài và hiện đã được các Phật giáo đồ Bắc Tông áp dụng. Nó cũng là một danh từ Bắc Phạn mà người dân 'Aryans' dùng để gọi Thượng Đế mà mình không biết (bất khả tư nghị) (Arya = Saint).

Danh từ Brahma chưa có trong kinh Phệ-Đà và cũng không có trong kinh nào trước đó. Nó có nghĩa là sự Minh triết Tuyệt đối. Ông Fitzedward Hall dịch là Adhi-Bhûta là 'Nguyên nhân của vạn vật'.

Bôdha có nghĩa có tự nhiên sự minh mẫn hay là có tự nhiên cái khả năng hiểu biết thiêng liêng, hay là sự Minh triết Thiêng liêng.

Bouddha là Đấng đã nhờ công phu của mình mà hoạch đắc được sự Minh triết Thiêng liêng.

Buddhi là cái năng khiếu hiểu biết. Nó là con kinh di chuyển sự hiểu biết thiêng liêng đến Chơn Tâm (Ego). Nó là sự phân biệt giữa thiện và ác, và nó cũng là sự hiểu biết thiêng liêng (connaissance divine) và cũng là tâm thức thiêng liêng hay là linh hồn thiêng liêng (conscience divine ou âme spirituelle) để làm khí cụ cho Atma (Ý chí). Khi Buddhi thu hút (hay hủy diệt) sự ích kỷ của ta với những đặc tánh của nó thì Thượng Đế (hay là Avalokiteshvara) Ngôi Hai^{se} biểu lộ nơi ta, và ta sẽ đạt được Niết Bàn (hay là sự giải thoát chí phước của những sự trở ngại của Ma Vương (Maya) hay là những Ảo ảnh.

- 24 -

Bôdhi cũng là danh từ của một trạng thái đặc biệt cùng sự xuất thần (trance) gọi là Samâdhi. Trong lúc đó, đương sự đoạt được sự hiểu biết thiêng liêng đến mức cực độ.

Người Bà la môn khinh suất Phật Giáo là vì họ cho Phật Giáo có những nguyên lý sai biệt với đặc tánh 'Nhất Thần-Giáo' (Monothéisme) của họ. Như đó họ thù ghét luôn sự Minh triết Thiêng liêng, chối bỏ những giáo lý bí truyền mà giáo lý này chính là giáo lý của họ (Bà la môn).

Giáo lý Bí truyền.

Kẻ nghiên cứu giáo lý này phải hoàn toàn lánh xa những thần tượng cá nhân, những tín điều độc đoán, những tôn giáo riêng biệt, mà phải thu gồm và hòa giải các tôn giáo, lột bỏ cái vỏ bên ngoài mà con người đã phủ lên tôn giáo. Giáo lý này đưa ra cái căn nguyên, cái tinh hoa của mỗi tôn giáo. Nó không chối bỏ thân mình, cùng Thượng Đế trong thiên nhiên. Nó cũng không chối bỏ những Đấng Vô hình tuyệt đối và trừu tượng. Nó chỉ chối bỏ, không công nhận những vị Thượng Đế mà các tôn giáo được mệnh danh là Nhất Thần đã chế tạo ra, giống như con người thành những bức họa phạm thượng và đáng buồn.

Lại nữa, những tài liệu mà chúng tôi sắp trình cho độc giả có chứa đựng giáo lý huyền môn của thế giới, kể từ khi mới có nhưn loại ; và sự huyền môn của Phật giáo chỉ choán có một chỗ xứng hợp với nó mà thôi.

Tóm lại những cái bí truyền của DAN⁽¹⁾ hay là Jan-na

(1) Dan, Jan-na. Tâu gọi là Chhan là danh từ chung của Trường học Huyền môn, là sự cải cách của chính mình nhờ sự hiểu biết và sự tham thiên. Nó là cái Chơn Ngã thứ nhì ở bên trong. Do đó mà DZAN đọc DJAN (livre de Dzan).

(Dyâna) trong siêu hình học của Đức Phật Gautama - có vẻ vĩ đại, khi người ta không rõ cái Tôn Giáo Minh Triết (Religion Sagesse) chỉ là một phần nhỏ của đại thể mà thôi.

Nhà cải cách tôn giáo Ấn Độ (tức là Đức Phật Gautama) chỉ hạn chế giáo lý của Ngài vào khuôn khổ thuần túy sinh lý và luân lý của cái Tôn Giáo Minh Triết đó mà thôi, nghĩa là Ngài chỉ dạy về con người và về phương diện sinh lý và đạo đức của con người mà thôi. Còn những điều thuộc về phân vô hình và bí ẩn của con người, những việc bên ngoài võ trụ của ta đang ở thì Đức Phật tuyệt nhiên không đề cập đến. Ngài dành những chơn lý bí truyền về các vấn đề trên đó cho những vị La Hán do Ngài chọn lựa mà thôi. Những vị La Hán này được điểm đạo (initié) trong hang Saptaparna (la grotte Sattapani Mahâvansa) gần núi Râjâ-griha, kinh đô của Magaha. Chính đó là hang Cheta Fahian mà nhà khảo cổ M. Beylor, kỹ sư ở Buddha-gâya mới phát giác ra được.

Một khi giáo lý của Đức Phật được đem ra khỏi hang Cheta kín đáo và linh thiêng của các vị La-Hán để truyền sang Miến Điện, Thái Lan, Tàu và Nhật, và nhất là với thời gian và trí tưởng tượng của loài người, cái giáo lý huyền môn của Đức Phật đã bị sai lạc và bị bóp méo. Người ta sẽ thấy sự tinh túy đầu tiên của nó bị sửa đổi lâm lạc bằng cách nghiên cứu một vài hệ thống Phật Giáo mà người ta gọi là 'Phật giáo bí truyền của thời cổ' được khoác lên trên mình nó những chiếc áo tân thời. Điều này chẳng những đã xảy ra bên Trung Hoa và trong những xứ Phật Giáo nói chung, mà cho tới những trường dạy Phật Giáo bên Tây Tạng do các vị Lama chưa được điểm đạo và những nhà Canh tân Mông Cổ thì cũng y như vậy.

Nên ghi nhớ :

1) Phật Giáo Chính Thống (Bouddhisme orthodoxe).
nghĩa là những giáo lý công truyền của Đức Phật Gautama.

2) Phật Giáo Bí truyền nghĩa là sự Minh Triết
huyền môn của Ngài. Sự Minh Triết Bí truyền của Ngài
giống y với giáo lý bí truyền của các vị Bà la môn đã được
điểm đạo trong thời kỳ Ngài.

Đức Phật ở trong giai cấp quý phái bên Ấn Độ
(Kshattriya) và là đệ tử của các vị Bà la môn đã được điểm
đạo ; vì vậy giáo lý của Ngài không thể nào khác biệt với
giáo lý Bà la môn đặng : vì lẽ tất cả sự canh tân của
Phật Giáo chỉ làm tỏ hiện một phần nào cái giáo lý bí
truyền dành riêng cho một nhóm nhỏ mà thôi (nhóm nhỏ ấy
gồm có những vị được điểm đạo, những vị tu ẩn mình.) Vì
Đức Phật đã thệ nguyện không được phép truyền dạy tất cả
điều Ngài đã học, Ngài chỉ dạy cho thế gian cái vỏ hữu
hình của giáo lý, và giữ lại cái linh hồn giáo lý cho
những bậc được Ngài lựa chọn mà thôi. Nhiều người muốn
biết cái 'Giáo lý linh hồn' này mà không ai rõ đặng. Giáo
lý linh hồn ấy được giữ gìn trong màn bí mật, làm cho nhiều
người nổi giận đến nổi về sau, vì bất lực, không thể giải
đáp vấn đề một cách hợp lý và thỏa mãn, không thể cởi mở
những gút mắt nên tuyên bố rằng : Niết Bàn có nghĩa là sự
hủy diệt hoàn toàn.

Vào cuối 1/4 thứ nhất của thế kỷ này (lối năm 1824-
25), một loạt tác phẩm đặc biệt được ra đời, ảnh hưởng của
nó mỗi lúc mỗi sâu rộng. Người ta cho rằng : chúng nó căn
cứ trên những kinh nghiệm thông thái của nhà văn thạo
Nam Phạm (Sanskritistes) và những nhà văn hóa Đông Phương
nói chung. Nhưn đó mà chúng nó được cho là hợp lý, có
tính cách khoa học. Trong Ấn Độ Giáo, Ai Cập Giáo, các tôn

- 27 -

giáo cổ xưa khác, các thân thoại, người ta dùng biểu tượng để biểu lộ cái ý bên trong, nhưng lại thường trái nghịch ; người ta lại đưa ra cái vỏ bên ngoài thay vì cái ý nghĩa bên trong. Những sách này, vì soạn thảo một cách sai lầm, nên thiếu sót không có kết luận, nhưng đáng lẽ để chúng nó trong đoạn kết luận, lại để ở lời tựa. Tuy nhiên, chúng nó chứa đựng những sự suy luận và ước đoán khôn khéo. Những tác phẩm này được xuất bản liên tục rất nhanh với những luận đề Sinh lý học, hơn là với những biểu tượng thật sự. Tác phẩm này nói trái ngược tác phẩm kia.

Có lẽ đó là lý do chánh đáng để cho một số ít chơn lý căn bản của 'Giáo lý Bí truyền' của những Thời đại tối cổ được phác sơ qua và trình bày ra, sau bao nhiêu ngàn năm giữ kín và im lặng một cách thâm sâu. Tôi có ý nói : 'một số ít' chơn lý, vì nếu viết hết những điều tiết lộ thì cả trăm quyển cũng chưa đủ.

Dù sao 'một số ít' còn hơn là không. Thế giới ngày nay điên cuồng chạy theo điều xa lạ, chưa ai được biết (l'inconnu), khi nỗ lực không ra bài toán đó thì nó sẵn sàng nhằm lẫn điều chưa biết với điều không thể biết. Cho nên thế giới ngày nay tiến nhanh về phía vật chất, trái ngược với phân tinh thần. Nó là một đại đấu trường, một nơi đầy dẫy sự bất hòa, sự đấu tranh không dứt, một nghĩa địa chôn vùi những nguyện vọng cao cả về thánh thiện nhất của Hồn thiêng chúng ta. Mỗi một thời đại mới thì cái linh hồn thiêng liêng ấy càng teo héo và tê liệt hơn nữa. Nhưng trong nhóm người lêu lổng ấy cũng có một thiểu số cần mẫn đáng được hiểu biết chơn lý.

Có một điều trở ngại lớn nhất đối với quyển 'Giáo lý Bí truyền' là người ta nghi ngờ sự đúng đắn của nó, nhất là, có lẽ, do những câu thơ mở đầu (stances préliminaires) vì khó mà kiểm soát chúng nó. Bản chánh không có bên Âu Châu ; như quyển DZYAN hay là DZAN trong giới triết lý gia

không ai biết cả. Nhưng điều đó khó với nhà học giả thường, chớ đối với nhà huyền bí học, và tất cả người huyền bí học chơn chánh thì dễ. Phần chánh của giáo lý có rải rác trong cả trăm cả ngàn quyển viết tay bằng tiếng Phạn : có câu phiên dịch ra và đã bị vặn méo rồi (như thường lệ), còn có câu khác cũng sẽ bị vặn méo như vậy. Nhà thông thái có dịp kiểm soát những lời tuyên bố trong quyển sách này. Người ta sẽ gặp nhiều điều mới lạ (chỉ mới lạ cho những người Á Đông phàm tình) những đoạn khó theo dõi tới cội nguồn của nó. Lại nữa, có nhiều đoạn thuộc về loại khẩu truyền.

Dù sự chỉ trích tác giả là thế nào đi nữa, ta đừng quên một việc thực tế là : những nhơn viên của nhiều trường bí giáo mà gốc ở ngoài Hy-mã-lập-sơn và nhánh ở Tàu, Nhật, Ấn Độ, Tây Tạng, cho tới Syrie không kể Nam Mỹ Châu, đều tự hào đã cổ trong tay 'Trọn tất cả tác phẩm linh thiêng và triết học viết bằng tay, bằng mọi thứ tiếng, từ đầu chí cuối.'

Nhưng theo quyển 'Isis dévoilée' (III, trang 38) thì từ khi thơ viện Alexandre bị cháy, mọi sách nói về giáo lý bí truyền đã được nhơn viên Quân Tiên Hội tìm một cách chu đáo. Những người hiểu biết còn thêm rằng : khi những quyển sách bí truyền đó đã tìm được rồi, thì người ta tiêu hủy chúng nó, chỉ trừ ba quyển được giấu kín. Bên Ấn Độ, những sách quý, viết tay, sau cùng đã tìm được và giấu kín dưới thời Hoàng Đế Akbar.

Người ta cũng cho rằng những loại sách bí truyền như thế, nội dung không được giấu kín, nói bằng biểu tượng không được che giấu dù người ta đã viết chúng nó bằng một thứ chữ bí mật (cryptographiques) và đã tiêu hủy cho tới cuốn cuối cùng. Dưới đời Hoàng đế Akbar, quân thần không ưa thấy vua mình mộ đạo bí truyền (như ông Badâônî chẳng hạn), mới giấu những loại sách thuộc về đó.

Chính ông Bađâônî viết trong quyển 'Muntakhah at Tamarikh' của ông như vậy : 'Những người Shramana và Brâhmanes giảng về giáo lý đạo đức, giỏi về khoa vật lý học và biết về khoa bí truyền hơn ai hết. Họ đưa ra những bằng chứng hợp lý và đem truyền bá giáo lý họ một cách mạnh mẽ, cho đến đời không ai làm thế nào cho Hoàng đế nghi ngờ gì được dù là một mảy may. Hoàng đế đã lấy lý lịch và điều tra các nhà tín đồ phản bội này ; họ có không biết bao nhiêu là sách tiết lộ huyền bí.'

Lại trong tất cả tu viện Lạt-Ma lớn đều có nhiều hầm mộ, thờ việu đào trong đá. Dài theo đỉnh núi Altyn Tag, không có một bước chơn người Âu Châu nào leo đến, có nhiều hầm mộ như vậy ; có một cái làng ẩn núp nơi eo núi sâu. Đó là một xóm nhà chớ chẳng phải là tu viện. Trong làng có một đền thờ đáng nghèo nàn do ông Lạt-Ma già giữ. Ông này sống theo điệu nhà sư ẩn dật. Người ta nói rằng : những hầm, ngổ dưới đất của đền thờ này có một số sách thật nhiều vô kể.

Theo tục truyền như thế, người ta cho rằng những nơi mà bây giờ là hoang vu thiếu nước vùng Tarim (ở sa mạc Turkestan) trước kia là đô thị lớn.

Chắc chắn những điều này làm cho độc giả nở một nụ cười hoài nghi. Nhưng trước khi độc giả noài nghi sự thật của mấy câu chuyện kể trên, xin hãy suy nghĩ kỹ những chuyện sau đây mà ai cũng biết.

Những nhà nghiên cứu về ngôn ngữ học bằng cách so sánh, và về khoa học tôn giáo đều đưa đến kết quả này :

'Có vô số tác phẩm viết bằng tay và in ra thành sách mà người ta biết, không thể tìm được nữa.' Những sách này mất tiêu không còn để lại dấu vết gì. Nếu chúng nó là những sách không giá trị thì cũng không nói làm gì, nhưng chúng nó là những then chốt để hiểu Đạo. Có nhiều quyển sách, nếu mất những 'cước chú' thì không hiểu được, tỷ như tác phẩm của Lão Tử, là tiên bối của Khổng-Tử.

Người ta nói rằng : Lão Tử đã viết 930 quyển sách về luân lý và tôn giáo, 70 cuốn kinh về Pháp thuật (Magie). Tổng cộng 1000 cuốn tất cả. Vậy mà tác phẩm chánh của Ngài là cuốn Đạo-Đức-Kinh, trái tim của Đạo Ngài, chỉ vồn vẹn có 5000 chữ, lối 12 trang, lại thiếu lời bình luận. Giáo sư Max Muller nói rằng bản kinh 'Đạo-Đức-Kinh' không thể hiểu được nếu không có lời cước chú (commentaires). Lén đổi ông Julien, muốn phiên dịch cuốn kinh ấy, phải hỏi ý kiến hơn 60 nhà bình luận (commentateurs) cổ nhất trong nhóm ở vào năm 163 trước Thiên Chúa giáng sinh (chớ không sớm hơn năm ấy). Bốn trăm năm chục năm đã qua, trước khi có nhà bình luận tối cổ đó, đạo lý chơn truyền của Lão-Tử có đủ thời giờ để được giấu kín đi và chỉ tiết lộ cho các vị tăng sĩ đã được điểm đạo của Lão-Tử mà thôi. Những tăng sĩ Nhật Bản, trong đó có những vị thông thái nhất của Đạo Lão chỉ cười rộ lên khi thấy những sự sai lầm lớn lao và những giả thuyết của các học giả Âu Châu nghiên cứu chữ Trung Hoa.

Người ta còn cho rằng : những lời bình luận mà người Âu Châu được đọc là những lời không phải huyền bí thật sự. Chúng chỉ là những tấm màn che kín dụng ý.

Ta hãy nghe ông Muller nói về Đạo Khổng : 'Đạo Khổng căn cứ vào Ngũ Kinh và Tứ Thư với những lời bình luận rất

- 31 -

dài. Nếu không có những lời bình luận này, thì các học giả thông thái nhất cũng không thể mạo hiểm đi sâu vào những qui tắc tôn giáo thánh thiện ấy được.'

Nếu ta xem qua những kinh sách cổ về tôn giáo Sê-mít (sémitique), những thánh kinh xứ Cấn-Đê (Chaldéenne) là giáo sư nếu không phải là nguồn cội của Thánh kinh Môi-se (mosaïque) mà Môi-se là căn bản của Thiên Chúa Giáo, thì ta sẽ có cái gì còn lại để lưu kỷ niệm cho các nhà thông thái nhớ đến các tôn giáo xưa ở Babylone với những thời vĩ đại trong đó các nhà pháp thuật Cấn-Đê nhận xét nhiều về Thiên văn học để chứng minh truyền thuyết của cái kho tàng văn chương lộng lẫy huy hoàng và rất đặc sắc của họ ?

- Chỉ còn lại một ít mảnh vụn mà thôi. Chúng nó phân đông lại vô giá trị : Chúng nó chỉ là một dấu hiệu để cho ta biết được đoạn kinh nào mất. Chúng nó đã đi qua bàn tay của Đức Giám mục Césarée có quyền kiểm duyệt và xuất bản những thánh kinh khác tôn giáo của mình. Như đó mà các thánh kinh nói trên hiện nay hãy còn mang dấu vết của bàn tay sửa chữa chơn thánh và đáng tin nhiệm của ông.

Vậy do đâu có bài luận về tôn giáo vĩ đại của thành Babylone ?

- Nó do ông Borosus - một vị tăng sĩ của đền thờ Bélus viết bằng tiếng Hy Lạp - cho đại đế Alexandre le Grand đọc. Quyển luận văn bây giờ đã mất tiêu. Ông Alexander Polyhistor đã trích nhiều đoạn trong bài luận văn đó. Nhưng cũng vẫn bị mất luôn (thế kỷ thứ nhất trước Chúa giáng sinh). Ông Eusèbe dùng những đoạn luận văn đó để viết tác phẩm Chronicon của ông (270-340 sau Chúa giáng sinh). Những điểm giống nhau - có thể nói là giống hệt - giữa thánh kinh Do-Thái và thánh kinh Cấn-Đê, khiến cho nhiệm vụ bảo vệ và bình

5 cân Anh (livres). Người ta đã không biết gì về Lạt-ma giáo

Kinh

Sadharmalankara, về qui tắc và hạnh kiểm có 29.368.000 chữ ; nếu không kể những bài luận văn, thì nó dài gấp 5 hay 6 lần nội dung cuốn Thánh Thư Thiên Chúa Giáo La Bible. Cuốn Bible chỉ có 3.567.180 chữ mà thôi. Bộ Kanjur có 108 cuốn, bộ Tanjur có 225 cuốn. Tất cả có 333 cuốn.

Những người dịch kinh lại dịch không đúng. Họ viết lẫn lộn nội dung kinh đó với những lời phê bình riêng của họ.

Theo một truyền thuyết của phái Nam Tông và Bắc Tông thì thoát tiên, những qui điều Phật Giáo thiêng liêng liêng gồm có 80.000 hay 84.000 bài luận ngắn, nhưng đa số bài này đã mất đi, chỉ còn lại có 6.000 bài.

Căn cứ trên tám lòng sùng kính của Phật tử đối với kinh Pháp nhà Phật, thì sự thất lạc 76.000 bài luận văn đó thật là một sự lạ lùng. Người ta nghĩ rằng chúng nó có thể bị tiêu hủy trong thời kỳ cấm Đạo Phật ở Ấn Độ và trong những cuộc di-giáo các nơi khác. Nhưng người ta biết chắc chắn các vị La Hán Phật Giáo đã di cư để truyền giáo rất sớm từ năm 300 trước Chúa giáng sinh và đã đi đến nước Trung Hoa năm 61 sau Chúa giáng sinh để truyền bá tôn giáo mới ra khỏi miền Kashmir và núi Hy-mã-lạp-sơn, khi Đức Kashyapa được Hoàng đế Minh-Trị mời đến dạy Phật giáo cho con Trời ở Trung Hoa (là Hoàng đế). Những học giả đương như không hề cho rằng những kinh sách đó bị mất đi đối với họ và đối với Tây Phương, hoặc giả họ cho rằng dân tộc Á Châu đã vô cùng táo bạo gìn giữ các kinh sách thiêng liêng quý giá nhất của họ, không cho người ngoại quốc chạm đến, sợ rằng đời sẽ làm cho thánh kinh ấy ô uế đi, và cũng sợ những dân tộc dù tấn hóa hơn họ cũng có thể lạm dụng chúng nó.

- 34 -

Tóm lại :

1) Những học giả các tôn giáo xưa có rất ít tài liệu để kết luận rõ ràng về những tôn giáo xưa.

2) Tuy thiếu tài liệu, họ vẫn mãi dựng lên giáo lý này, giáo lý nọ.

Người ta có thể tưởng tượng rằng : nhờ nhiều lời ghi chú về khoa thần thông và phép tác Ai Cập, và nhờ những sự bí mật trong kinh sách cổ điển mà các lễ nghi và tín điều Ai Cập trong thời các vị Pharaons ít nhất cũng được người đời hiểu đúng. Nhưng nhà thông thái ngôn ngữ học của Đại học đường Oxford đã phải thú nhận rằng :

'Chúng tôi thấy các kim-tự-tháp còn sờ sờ đó cùng với những di-tích của những đền thờ (temples) với những đường đi quanh co và những vách tường có khắc đầy chữ Ai Cập tượng hình, với những bức họa kỳ lạ về các thần nam và thần nữ nơi những đoạn Thánh kinh Ai Cập, nhưng cái phân chính yếu của tôn giáo Ai Cập và cái ý nghĩa nguyên thủy của các lễ nghi thờ phượng cũng chưa được hoàn toàn tiết lộ cho chúng ta.'

Tóm lại : những tài liệu bí mật viết bằng chữ Ai Cập thì vẫn còn đó, nhưng cái chìa khóa duy nhất để hiểu được chúng nó thì lại biến mất

Quả thật vậy, học giả tài ba cũng không biết gì về những nghi lễ ma chay của dân Ai Cập cùng những dấu hiệu nam nữ của các xác ướp để lâu năm. Cho đến đời người ta lột xác ướp của Đức Sesostris - là một vị vua tối cao của Ai Cập - với xác ướp của vợ một người Pharaon tầm thường. Tuy nhiên, giáo sư kết luận là : giáo sư đã tìm được một nền tảng có tính cách lịch sử để nghiên cứu một cách khoa học các tôn giáo chánh đại trên thế gian vì lẽ ông tìm thấy :

1) Có một sự liên lạc tự nhiên giữa ngôn ngữ và tôn giáo.

2) Trước khi giống dân Aryen bị chia rẽ, thì có một tôn giáo chung Aryen.

3) Trước khi giống dân Sê-mít (Sémitique) bị chia rẽ, thì có một tôn giáo Sê-mít chung.

4) Trước khi giống dân Tu-ra-niêng (Touranienne) bị chia rẽ, thì có một tôn giáo Tu-ra-niêng chung.

o o

Phương càng thêm chú ý và thận trọng. Họ then thò và phản ứng bằng cách kết luận quá mức, và trách nghịch lại cho đến đổi họ cần tuyên bố rằng : hầu hết những bản kinh tối cổ chép tay bằng tiếng Bắc Phạn là những sách viết mới đây. Điều này làm cho những nhà truyền giáo Thiên Chúa lợi dụng một cách phi lý, bằng cách cố gắng chứng tỏ rằng : 'Trọn vẹn câu chuyện về Đức Krishna trong kinh Puranas của Ấn Độ là do người Bà la môn viết ra với sự góp nhặt ở Thánh Thơ Thiên Chúa giáo.' Vì giáo sư ở Đại học đường Oxford đã lợi dụng cơ hội ấy, và đã thêm những đoạn văn mới vào những tác phẩm cũ. Việc này đã làm lợi cho ông, nhưng về sau ông thất thế, buồn rầu vì sự thật cả Tân ước kinh (Nouveau Testament) và Cựu ước kinh (Ancien Testament) không hề góp nhặt những tài liệu trong những tôn giáo cổ của người Bà la môn và người Phật giáo. Vậy người Do Thái đã không góp nhặt những điều họ biết từ các kinh thánh Chaldée ; những kinh thánh Chaldée này về sau bị Giám mục Eusebius cất xén đi. Còn đối với người Chaldée, thì chắc chắn là họ đã nhận văn khoa đầu tiên do người Bà la môn dạy, và ông Rawlinson chứng tỏ rằng : trong truyện thân thoại của thành Babylone, người ta thấy có ảnh hưởng của kinh Vêda Ấn Độ. Và ông Đại tá Vans Kennedy đã tuyên bố từ lâu là : từ lúc mới được tạo lập nên thành Babylone thì thành ấy là cứ điểm của nền văn hóa Bà la môn và Bắc Phạn. Nhưng tất cả những bằng cứ này đều mất giá trị trước lý thuyết mới nhất của giáo sư Max Müller. Tuy nhiên, dù các vị thân của các quốc gia có khác nhau thế nào đi nữa. Đạo luật và âm ngữ liên kết được. Tỷ như Mẹ của Thân Mercure là Maya, Mẹ của Đức Phật Gautama là Mâyá, Mẹ của Chúa Jêsus là Maya hay là Maria. Maya là ảo tưởng. Mary nghĩa là Mare, là Biển, tượng trưng của Đại Ảo tưởng. Tuy nhiên, trước khi ông Bopp sáng tạo luật 'âm ngữ' của ông thì ba danh từ này không có một sự liên quan nào.

Các nhà học giả khảo cứu Đông Phương quả thật táo bạo khi họ cho rằng : các ngành mỹ thuật và khoa học cao siêu không thể nào có được trong những thời đại rất xa xưa. Nhưng họ lầm to vì : 'Hiện giờ người ta tìm thấy ở trung tâm Á Châu những dấu vết của một nền văn minh cao cả.'

Bức tường ^{núi} đá khổng lồ và liên tiếp bao vây quanh toàn thể cao nguyên xứ Tây Tạng, từ khúc trên sông Khuan-Khé cho tới ngọn đồi Kara-Korum đã chứng kiến một nền văn minh lâu dài hàng bao nhiêu ngàn năm. Miên này còn giữ biết bao nhiêu là bí mật lạ lùng. Miên Nam Shan và Altyn Tagh -là phía đông và trung tâm của vùng Kara-Korum- và sông Khuan-Khé, trước kia có nhiều đô thị phồn thịnh giống như thành Babylone. Giữa lưu vực Tarim, các đô thị đó bị địa chấn quét sạch. Mặc dù địa chấn lớn lao nhưng có những chỗ gọi là thánh thiện thì các trận phong ba này không thể hủy diệt đặng. Đó là những kho được đào ngầm dưới đất, và được xây ngay trong lòng đất. Và những lối đi vào đó đều được giấu kín trong vùng nước mát giữa sa mạc. Nó giấu được kín cho đến nỗi nhiều đạo binh cũng không tìm ra đặng. Bởi vì :

'Người ta không trông thấy một cái ao, một bụi cây, một cái nhà nào cả.

'Chỉ thấy những dãy núi làm thành một tấm bình phong gồ ghề khúc khuỷu.

'Xung quanh những miếng đất cằn cháy của sa mạc khô queo.'

Người ta không cần đến đào sa mạc mới thấy đặng di tích văn minh này. Ngay tại đô thị có người cư ngụ cũng thuộc về xứ ấy. Người ta cũng khám phá được những bằng cứ giống hệt của nền văn minh cổ xưa. Thí dụ như vùng ốc-đảo (oasis là nơi có nước ở sa mạc) Chertchen cao độ chừng 1.219m trên mực sông Chertchen. Xung quanh ốc-đảo -hiện nay- có những di tích của những đô thị tối cổ. Ở đó có độ chừng

- 40 -

3.000 người là di tích còn lại của độ 100 quốc gia. Các nhà nhân chủng học hiện đại không biết tên của những giống dân đó, và không thể phân loại được, vì các giống dân còn sót lại biết rất ít về tổ tiên họ. Họ chẳng khác ở trên Cung Hằng rơi xuống vậy. Họ cho là có một vị Thần lớn của sa mạc đã cai trị các người dân đầu tiên của dòng giống họ. Cái ý nghĩ này có thể được căn cứ trên truyền thuyết nguyên thủy. Chỉ riêng có bộ lạc Korasan là tuyên bố đã tự miền Afghanistan đến từ xưa, trước thời Đại đế Alexandre rất lâu. Nhà du lịch Nga là Đại tướng Prjevalsky thấy gần ốc-đảo Chertchen có những di tích của hai đô thị rất lớn. Theo truyền thuyết, thì một trong hai đô thị đó bị một vị anh hùng hay một người khổng lồ tiêu hủy đi cách đây 3.000 năm. Còn đô thị thứ hai thì bị người Mông Cổ tiêu hủy trong thế kỷ thứ X, sau Thiên Chúa G.S.

'Vị cát hay di chuyển, và vì gió ở sa mạc, nên hiện giờ có những di tích lạ lùng đủ loại tại địa điểm của hai đô thị đó : nào là đồ sứ Trung Hoa bể vỡ, nào là nồi chảo và xương người. Có những đồng tiền làm bằng đồng và bằng vàng, những thỏi bạc chảy, những hột kim cương, những nữ trang lam ngọc, có cả đồ thủy tinh bể vỡ, những cổ quan tài không mục nát, những vải lụa quần quanh xác ướp rất đẹp ... Những xác ướp đàn ông thì cao lớn lẳn, có người lực lưỡng với tóc dài dợn sóng. Người ta tìm thấy một cái hầm, trong đó 12 người chết đang ngồi với nhau. Có một thiếu nữ trong một cổ quan tài riêng biệt. Những hình tròn đẹp bằng vàng đóng kín mắt cô lại. Có một vòng bằng vàng đi từ dưới cằm lên đỉnh đầu để giữ hàm cô khỏi rớt xuống. Cô mặt y phục bằng len chặt sát người, những ngôi sao bằng vàng phủ lên ngực cô, và hai bàn chân để trần.'

Đó là lời của nhà du lịch Nga đang tiếng Prjevalsky. Ông còn nói rằng : Có chuyện thân thoại nói đến 23 đô thị

đã bị chôn vùi từ lâu dưới những làn cát di chuyển của sa mạc. Tại Lob-Nor và ốc-đảo Keriya (ở miền Trung Đông Trung Hoa) cũng có truyền thuyết như vậy.

Do những tài liệu đó, các nhà học thức và thông thái ở Ấn Độ và Mông Cổ bảo đảm là có những thư viện mệnh mông đảo ở dưới đất lên cùng những di tích Pháp thuật thời cổ còn nguyên vẹn.

Tóm lại, 'Giáo lý Bí truyền' là tôn giáo thế giới cổ xưa và tiền sử đã được truyền bá khắp hoàn vũ. Hiện nay trong các hầm mộ bí mật của các thư viện của Quân Tiên Hội có bằng chứng rằng : Giáo lý Bí truyền đã được truyền bá đi với những tài liệu xác thực, cùng với những lời giáo huấn của các vị Chơn Tiên cao cả. Lời tuyên bố này đáng tin cậy là vì : truyền thuyết được ghi khắc trên hàng ngàn cuộn da cổ xưa được giữ lại, sau khi thư viện Alexandrie bị phá hủy. Hàng ngàn tác phẩm Bắc Phạn đã biến đi mất tại Ấn Độ dưới thời vua Akbar. Những kinh sách huyền bí thiêng liêng có nhiều thứ của thành Babylone đã biến mất. Những chìa khóa duy nhất khiến ta hiểu được hàng ngàn câu kinh tối nghĩa, hiểm hóc ghi trong những bài viết bằng chữ tượng-hình Ai Cập cũng bị mất đi. Theo truyền thuyết Ấn Độ thì những lời bình luận và bí mật về Kinh Véda (Phệ-Đà) cũng bị mất và chỉ có người được Điểm Đạo hiểu nổi mà thôi. Những tài liệu bí truyền này cùng những kinh sách bí mật của Phật giáo cũng được giấu kín trong những hang đá và những hầm mộ bí mật.

Có những phân của khoa học huyền bí đã được giấu kín không cho mắt phàm ngó thấy, từ biết bao thời đại xa xăm các Đấng Cao Cả giấu kín chúng nó, chẳng phải vì ích kỷ, mà vì quân chúng chưa chuẩn bị để biết những điều bí mật như thế, thì chẳng khác nào đưa cho một đứa bé một cây nến được đốt cháy ở kho thuốc súng.

- 42 -

Người ta phản đối sự giấu kín này như vậy : giấu quân chúng sự bí mật của năng lực VRIL⁽¹⁾ hay sức mạnh nào có thể hủy diệt được núi, nhưng có nguy hiểm gì khi người ta tiết lộ cho chúng tôi biết một giáo lý hoàn toàn triết học, thí dụ như sự tiến hóa của các Dãy hành tinh.

— Sự nguy hiểm là ở chỗ cái Dấu Hiệu của Dãy Hành tinh hay Bảy Giống dân chánh, khiến cho ta nghĩ đến bảy thể khác nhau của loài người ; vì mỗi thể đều liên quan đến một cảnh giới một hành tinh, một giống dân. Và trên mỗi cảnh giới, các thể con người đều liên quan đến sức mạnh huyền bí. Ở trên những cõi cao siêu những sức mạnh này là những thần lực kinh khủng. Vậy bất cứ một hệ thống nào của số 7 (Division septénaire) đều là chìa khóa khiến ta hiểu được thần lực huyền bí rất mạnh. Sự lạm dụng những thần lực này thật vô cùng tai hại cho nhân loại. Có lẽ chìa khóa này chưa hẳn là một dấu hiệu huyền bí thật sự cho thế hệ hiện đại, nhất là đối với người Tây Phương mù quáng và duy vật hiện giờ. Nhờ họ không tin tưởng những điều huyền bí nên họ được che chở. Nhưng dấu hiệu này là dấu hiệu thực sự trong những thế kỷ đầu tiên của Thiên Chúa giáo. Đối với những người tin ở sự huyền bí, mà đứng trước ngưỡng cửa của một thời đại tồi bại, khiến cho họ lạm dụng những quyền phép huyền bí và phép phù thủy hạ cấp nhất. Đó là mối nguy hại.

Những tài liệu được giấu kín thật. Nhưng các khoa bí truyền không bao giờ xem là bí truyền đối với nhà Tư giáo (Đại Tăng đọc chữ khắc trên đá hay trên cây để hiểu được sự bí mật của chữ) Hiérophante ở trong đền thờ. Nơi đây, những phép Bí Tích (Les Mystères) đã biến thành những qui tắc để kích thích đức tánh và hạnh kiểm. Đó là những lời truyền tin

 (1) Vril = Force intra-atomique que les anciens Atlantes auraient su dégager et utiliser.

rất xưa mà các Đấng Chơn Sư cao cả, từ Đức Pythagore và Platon tới các môn đồ của Phái Tân Platon (Néo-Platonicien) đã công bố nhiều lần.

Lại còn một điều lý thú nữa là : một nhà đáng tin cậy giúp việc trong Sứ Quán Nga có nói với tác giả (là Bà Blavatsky) rằng trong các Thư viện Hoàng gia ở Saint Péter-burg có nhiều tài liệu chứng minh rằng : trong những ngày gần đây, khi Hội Tam Điểm Tự Do (Franc-Maçonnerie) và những Hội Bí Mật (Les Mystiques) đã được mở tự do tại nước Nga, (nhất là ở cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này) có hơn một người thân bí Nga đã đến Tây Tạng xuyên qua dãy núi Ural để tìm Đạo và tìm sự Điểm Đạo trong các hầm mộ bí mật tại trung tâm Á Châu, và nhiều năm sau, hơn một người đã trở về với một kho tài liệu và tin tức phong phú đến nỗi không nơi nào tại Âu Châu có thể có được.

Còn nhiều trường hợp khác tương tự như vậy. Ai muốn kiểm điểm sự kiện nói trên thì hãy nhìn vào bảng niên giám và lịch sử Hội Tam Điểm Tự Do bên Nga thì biết.

Thông Thiên Học không phải là một tôn giáo, và giáo lý Thông Thiên Học cũng không 'mới mẻ' gì : vì nó rất cổ xưa, nó có từ loài người biết suy nghĩ. Giáo lý Thông Thiên Học không phải là lần đầu tiên được công bố, mà nó đã được đưa ra đời từ lâu, do một người Âu Châu được Điểm Đạo mang nó ra dạy cho đời.

Từ dòng dõi Aryen, Sémite hay Touranien không có ai bày ra tôn giáo mới hay một Chơn lý mới. Những người sáng lập tôn giáo đều là những người Truyền giáo (des Transmetteurs) chớ không phải là những vị Giáo chủ nguyên thủy. Còn các Chơn lý làm nền tảng cho giáo lý của họ thì cổ xưa như nguyên thủy loài người. Các nhà truyền giáo mới chọn lấy một hay nhiều Chơn lý cao cả và tiết lộ cho đại chúng, và

lấy tích thân thoại mà che giấu Chơn lý. Chi nên chính Đức Khổng Tử cũng nhận là mình là người truyền đạo, chớ chẳng phải là người lập đạo. Ngài nói : 'Ta chỉ truyền lại mà thôi. Ta không thể tạo nên những điều mới mẻ. Ta tin ở cổ nhân và ta yêu mến cổ nhân.'

Bà Blavatsky, tác giả bộ 'Giáo lý Bí truyền' cũng yêu mến cổ nhân và tin tưởng cổ nhân. Như đó Bà truyền đạt lại những gì Bà đã thu thập và học hỏi ở cổ nhân. Tất cả những gì được tiết lộ trong sách ấy đều được lựa chọn trong các giáo lý khẩu truyền cũng như những giáo lý đã được viết thành sách, nhất là căn cứ ở đoạn đầu trên Thánh kinh DZYAN (Stances de Dzyan). Quyển 'Stances de Dzyan' là những lời ghi chép của một dân tộc mà Khoa Nhân chủng học không biết tới. Người ta nói rằng : những tư tưởng của 'Stances de Dzyan' là do Huyền bí học. Chúng nó bị khoa học và đời chối bỏ. Chúng nó cũng sẽ bị chế riếu và chối bỏ ngay tức khắc. Trong thế kỷ này (nhưng chỉ trong thế kỷ XIX này mà thôi), vì qua thế kỷ XX, người ta sẽ bắt đầu nhìn nhận rằng: Giáo lý Bí truyền không phải là lời nói ngoa, nhưng trái lại nó có trước kinh Phệ-Đà. Người ta chứng minh cho thế gian biết rằng : Huyền bí học không phải là điều mê tín dị đoan. Kinh Phệ-Đà xưa kia lại không bị thế gian chế riếu, chối bỏ và bị gọi là 'sự giả mạo tân thời' hay sao ? Người ta lại không ngờ những thánh kinh của Bà la môn, của các nhà Pháp thuật (Mages) và của Phật giáo là có thật hay sao ? Hỏi có ai dịch được một giòng kinh Phệ-Đà, kinh Zend Avesta hay Tripitaka bouddhiste Tam Tạng chẳng ? Mà ngày nay, người ta lại chứng minh rằng : kinh Phệ-Đà là kinh tối cổ, và giữ được nó cho tới ngày nay là một điều kỳ diệu phi thường.

Người ta cũng sẽ nói như thế về Giáo lý Bí truyền tối cổ, khi người ta có những chứng cứ xác đáng về nó.

Ta phải đợi nhiều thế kỷ nữa, cái Giáo lý Bí truyền mới được tiết lộ nhiều hơn. Bà Blavatsky nói trong quyển 'Isis dévoilée' của Bà rằng : 'Cái chìa khóa huyền môn của Hoàng Đạo (Mystères du Zodiaque) phải quay bảy vòng mới tiết lộ được cả hệ thống. Chúng tôi sẽ chỉ quay nơi đây có một vòng thôi, là cốt để cho kẻ phàm tục liếc mắt nhìn vào sự bí mật. Hữu phước thay cho ai hiểu được tất cả ! '

Trong quyển 'Isis dévoilée' sự bí mật chỉ hé mở ra có một vòng chìa khóa mà thôi. Nhiều điều khác sẽ được giảng trong cuốn 'Giáo lý Bí truyền'. Đến thế kỷ XX này, người ta tiến hóa nhiều hơn, các Chơn sư Minh triết cho phép đưa ra những bằng cứ rõ ràng, không thể chối cãi được, để chứng tỏ rằng : có một khoa học gọi là 'Gupta Vidya'. Nó giống như nguồn cội của Sông Nil rất bí mật. Nó là nguồn cội của tất cả tôn giáo và triết học hiện kim - đã bị quên lãng trong bao nhiêu thế kỷ -, nay thế gian được biết.

Một bài 'Tựa' đơn giản này không đủ để giới thiệu một tác phẩm như bộ 'Giáo lý Bí truyền' này. Phải cần đến cả một quyển sách mới được : vì quyển 'Giáo lý Bí truyền' không phải chứa đựng những bài luận mơ hồ, mà nó tiết lộ những gì cần thiết cho thế gian hiện hữu. Tác giả phải đưa ra những tên tuổi đáng tin cậy trong lịch sử, những văn sĩ nổi tiếng, những nhà nghệ thuật và khoa học bí truyền.

Độc giả sẽ thấy trong quyển thứ năm của bộ 'Giáo lý Bí truyền' tất cả tài liệu cần thiết về các điều bí mật của các thời đại tối thượng.

Trong quyển sách thứ năm đó, người ta sẽ tóm tắt về những vị Chơn Tiên chánh đại mà lịch sử đã biết. Trong quyển đó có nói về sự suy đồi của Bí giáo. Sau sự suy đồi ấy, người ta khởi xóa nhòa trong trí nhớ loài người cái bản tính thật sự của sự Điểm Đạo và của Khoa học thiêng liêng. Bắt đầu từ thời đó, giáo lý trở nên huyền bí.

- 46 -

Trong những thế kỷ đầu tiên, những kẻ cuồng tín đã hết sức cố gắng xóa bỏ những dấu vết lý trí của những nhà ngoại đạo (des païens) đều vô hiệu quả. Dù các Ông Cố đạo đầu tiên của Thiên Chúa giáo có cố gắng một cách phi thường đi nữa để xóa bỏ 'Giáo lý Bí truyền' khỏi trí nhớ của loài người, nhưng tất cả đều thất bại : vì người ta không thể giết chết Chơn lý được, và quét sạch mọi dấu vết của Minh triết cổ xưa trên mặt đất, dù có cả triệu cuốn sách chép tay đã bị đốt đi, và những đền đài đã tiết lộ những sự minh triết ấy bằng nét dấu đã bị đốt đi.

Quả thật, vì cuồng tín một cách ma-quái nên Thiên Chúa giáo vào thời Trung Cổ và Đạo Hồi Hồi, cả hai lúc ban đầu đã khiến cho

' ... mặt trời đỏ như máu,
Trái đất giống như nấm mỡ ...'

Cả hai tôn giáo này đã lấy lưới gươm mà thu nhận tín đồ và xây giáo đường của mình trên những đồng thấy người chông chát cao tận mây xanh ! Trên ngưỡng cửa của thế kỷ thứ nhất sau Thiên Chúa giáng sinh, những hàng chữ ghê gớm 'Nghịch quả của xứ Israël' (Le Karma d'Israël) đã chói lòa một cách kinh khủng. Lại còn nghịch quả của tội ác tinh quái đã bịa đặt ra lịch sử, cố ý làm sai lạc những sự việc đã xảy ra, đã vu cáo và phỉ báng những tâm hồn cao thượng và nghiêm nát họ dưới hai bánh xe khổng lồ của Vishnou là . Jagannâtha. Ấy là hai bánh xe Cuồng tín và Duy vật. Ở dưới đất, con người chiến đấu về tôn giáo; trên Thiên Đàng, họ sẽ khám phá ra rằng : chỉ có một tôn giáo duy nhất và thực sự mà thôi. Đó là : Sự thờ phượng cái Tinh thần Thiêng liêng của Thượng Đế. Hay nói cách khác : 'Không tôn giáo nào qua Chơn lý' (Sâtyat nâsti paro dharmah). Câu Chơn ngôn này là của một vị đại vương Mahârâjah tại Bénarès mà Hội Thông Thiên Học đã mượn để xử dụng.

Tác phẩm 'Giáo lý Bí truyền' không phải là tác phẩm 'Isis dévoilée' soạn lại, nhưng nó giảng cho người ta hiểu quyển 'Isis dévoilée'. Nó không dính líu gì đến quyển 'Isis dévoilée'. Tác phẩm 'Giáo lý Bí truyền' là cái kết quả tự nhiên của tác phẩm 'Isis dévoilée'. Những người Thông Thiên Học thời đó khó hiểu được tác phẩm 'Isis dévoilée'. Bây giờ tác phẩm 'Giáo lý Bí truyền' sẽ soi sáng nhiều vấn đề trong 'Isis dévoilée' -nhút là ở những trang đầu-, mà người ta chưa bao giờ hiểu được.

'Isis dévoilée' gồm có 2 quyển. Nhưng cả hai chỉ cho ta thấy thoáng qua Huyền bí học một cách tổng quát mà thôi.

Trong tác phẩm 'Giáo lý Bí truyền' thứ I, Bà Blavatsky nói về sự tạo lập vũ trụ (Cosmogonie) với nhiều chi tiết, với bốn giống dân chánh đã có trước giống dân chánh thứ năm của nhân loại bây giờ. Còn bốn cuốn sau của bộ 'Giáo lý Bí truyền' thì giảng giải những điều đã nêu ra nơi trang nhất của tác phẩm 'Isis dévoilée' và trong những lời nói bóng gió rải rác nơi khác của quyển sách đó.

Quyển nhất của 'Isis dévoilée' nơi mở đầu có nói đến một 'cuốn sách cổ xưa'. Nó cổ xưa cho đến nỗi người buôn đồ cổ thời nay cũng chưa biết được vật liệu gì dùng để làm những tờ sách ấy. Đó là bản chánh duy nhất còn lại hiện nay, nó là di tích của một nền văn chương xưa. 'Một trong những bức vẽ trong quyển sách cổ đó trình bày Tinh chất thiêng liêng (l'Essence divine) từ ADAM xông lên giống như vòng cung (arc) chói sáng đang thông xuống để làm vòng tròn (cercle). Và khi đã tiến đến điểm cao nhất, cái Tinh hoa của Thượng Đế, cái vinh quang không thể tả, liền quay trở xuống để về với trái đất, hầu đưa một hạng người cao cả hơn vào trung tâm của Nó. Khi vòng cung càng đến gần trái đất, nó

- 48 -

càng trở nên đen tối, và khi nó chạm đến mặt đất thì nó trở nên đen thui.'

Tác phẩm 'tối cổ này' là nguồn cội của những tác phẩm Kiu-Ti và Siprah Dzenioutha cùng những tác phẩm Sepher-Yetzireh (nhà bí học Hébreux cho là chính ông tổ của họ là Abraham đã viết quyển này). Nhưng thánh kinh như Puranas bên Ấn Độ, cuốn Lý-Số của Chaldée, những quyển thánh kinh của Thoth-Hermès bên Ai Cập và ngay tác phẩm Pentateuque đều nhờ cuốn sách tối cổ bé nhỏ nói trên mà được soạn thảo ra. Sách tối cổ ấy, theo truyền thuyết, được viết bằng chữ Senzar - là lối chữ bí mật của giai cấp tăng sĩ - theo lời dạy của các Đấng Thiêng liêng tiết lộ cho các vị Tinh Quân (Êtres de la Lumière) miền Trung Á Châu, ghi chép lại lúc giống dân chánh thứ năm mới ra đời : vì có một thời kỳ, ngôn ngữ Senzar được các vị được Điểm Đạo trong tất cả quốc gia đều biết, và tổ tiên của giống dân Toltèque đều hiểu như dân Atlantide. Dân Atlantide này biết được tiếng Senzar là do các nhà hiền triết của giống dân chánh thứ ba truyền lại. Các vị hiền ấy là Mânushis, các Ngài học ngôn ngữ Senzar trực tiếp với các vị Thiên Thân của giống dân chánh thứ nhất và thứ nhì. Cái hình vẽ, trong quyển 'Isis dévoilée' đã nói ở trước, liên quan đến sự tiến hóa của các giống dân này và đến các giống dân chánh thứ tư và thứ năm của nhóm loại trong Cuộc Tuần hườn (Ronde). Mỗi một cuộc Tuần hườn gồm 7 thời kỳ tiến hóa của nhóm loại hay là 7 Yugas. Hồn cuộc tuần hườn đã trôi qua trong chu kỳ của Đời Sống chúng ta. Nhóm loại đã đi gần cái điểm trung bình của vòng thứ năm. Ngoài ra những điều tiết lộ ấy (sự tiến hóa của vũ trụ nguồn cội của vạn vật trên trái đất gồm cả con người hữu hình, lịch sử của các giống dân 1, 2, 3, 4, 5) cuốn sách tối cổ này không

tiết lộ gì thêm. Nó ngưng ngay tại đầu chu kỳ Kali-Yuga (là Age Noir) đúng 4.989 (năm 1880) năm trước đây, khi Đức Krishna từ trần.

Còn một cuốn sách cổ nữa, nó ra đời lúc đầu chu kỳ Kali-Yuga (lỗi 5.000 năm), nhưng người ta không cho nó là cổ. Lời tiên tri chót trong quyển sách đó sẽ được thực hiện và không bao lâu chúng ta sẽ thấy buổi bình minh của một ngày mới, ngày ấy sẽ thanh toán tất cả và các giống dân sẽ được đặt để rõ rệt. Quyển Tiên tri thứ hai đã viết vào thời kỳ Đức Shankarâchârya, là vị Đại kế vị của Đức Phật.

Còn một điều quan trọng nên ghi nhớ là : cái giáo lý bí truyền đó ít nhất một phần nhỏ, được nhiều nhà cổ đạo Thiên Chúa giáo biết. Người ta chứng tỏ, theo lịch sử, rằng Origène, Synésius cho chí Clément d'Alexandrie đều được Điểm Đạo theo phép Thần Bí (Mystères) dưới tấm màn Thiên Chúa giáo. Lại nữa, có vài bài bí mật được cất giữ tại tòa thánh Vatican. Hội thánh La-Mã mới trộn vào đó những hình ảnh biến-chân (défiguré). Do đó, hiện nay mới có sự tin tưởng ở sự 'Tinh khiết hoài thai' (Immaculée Conception). Cũng do đó mới có những sự đại-hành-khổ (grandes persécutions) do Hội thánh La-Mã đối với Huyền môn và Hội Tam Điểm Tự Do (Maçonnerie). Người ta thủ tiêu những gì bí truyền của các tôn giáo cổ. Tuy nhiên, cũng còn sót lại những bài luận chỉ tỏ một giáo lý mẹ (Une doctrine-mère) là một vòi nước duy nhất, một cái suối không bao giờ cạn. Cái suối này được các tôn giáo xưa bổ-xung (alimenter). Ấy là : Phật giáo, Pythagore và sau cùng là Néo-Platoniciens (Tân phái Platon) và Gnostique (Thần bí Triết học). Điều này chứng tỏ sự cần thiết của tác phẩm 'Giáo lý Bí truyền' phải căn cứ vào những sự kiện rút ở dĩ vãng đáng tin cậy nhất bằng cách nương vào lịch sử.

Còn một điều nữa là Đại chúng phải được báo trước về sự cố gắng của một số Chơn Sư -hiện đang sống tại cõi trần-, của những nhà thi sĩ, những nhà được Điểm Đạo xuyên qua nhiều thế kỷ, để lưu giữ trong văn hóa nhưn loại, một triết học như thế. Bất cứ thời đại nào cũng đều có các vị đại nhưn được Điểm Đạo ấy. Có nhiều sách nói về các Ngài trước và sau thời kỳ Đại Hồng thủy. Vậy, những sự hiểu biết về Huyền môn và những nguyên năng còn tiềm tàng trong con người không phải là điều ảo tưởng mà là một sự Thật đã có từ xưa kia xưa kia - lâu như trái đất.

Tác giả quyển 'Giáo lý Bí truyền' là Bà Blavatsky, để cho độc giả tự do bình phẩm. Bà nói theo văn sĩ Montaigne rằng : 'Thưa quý vị, tôi chỉ đưa ra nơi đây một bó hoa chọn lọc, tôi chỉ đưa cái gì của tôi ra là sợi dây để cột chúng nó.' Vậy quý vị cắt sợi dây đi, để chúng nó rải rác ra là tùy ý. Còn những sự kiện (là những đóa hoa) thì quý vị không thể phủ nhận được hay tiêu hủy được. Quý vị có thể không biết, chỉ có thể thôi.

Trước khi chấm dứt 'Lời Giới thiệu' này, Bà Blavatsky muốn nói vài lời về quyển thứ I của bộ 'Giáo lý Bí truyền'. Nơi bài Tựa nhập đề có nói về sự tạo lập võ trụ, thuộc về một phần của một quyển sách khác, mà ta không thể làm ngơ đặng.

Dĩ vãng sẽ giúp ta hiểu Hiện tại và Hiện tại làm cho ta chuộng Dĩ vãng hơn. Nhờ dĩ vãng mà ta phỏng đoán đặng tương lai bằng cách 'Cái-nhiên Toán-pháp' (Calcul des Probabilités) hay là Tính Xác-Xuất.

Kho tàng Hàn-lâm-viện Khoa học tại Ba lê có đưa ra cái kết quả của 'Cái-nhiên Toán-pháp' như sau :

Nếu 2 người cùng chứng một chuyện. Mỗi người đưa đến 5/6 sự thật, còn chuyện ấy có 35/36 sự thật nghĩa là theo Cái-Nhiên Toán-pháp thì sự thật không biết được, vì với tỷ lượng 35/1.

Nếu có 3 người chứng như vậy thì sự thật sẽ là 215/216.

Nếu có 10 người chứng như vậy (mỗi người đưa 1/2 sự thật) thì sự thật sẽ là 1023/1024 vân vân ...

Nhà bí học có thể được thỏa mãn và không đòi hỏi gì hơn nữa.

(Hết phần 'Lời Giới thiệu')

TÍNH-XÁC-XUẤT hay là CÁI-NHIÊN TOÁN-PHÁP (Calcul des Probabilités)

Tỷ lệ $\frac{5}{6}$.

Một chuyện thật là $\frac{6}{6}$. Một người kia chứng nó với $\frac{5}{6}$ sự thật. Còn lại $(6-5) = 1$ sự thật chưa chứng minh được.

$\frac{6}{6} - \frac{5}{6} = \frac{1}{6}$ sự thật.

Hay nói cách khác : sự thật là 6 phần, người kia chỉ chứng minh có 5 phần. Còn lại 1 phần (A).

2 người tin

Bây giờ có 2 người chứng minh. Mỗi người là $\frac{5}{6}$ sự thật. Tất cả 2 người là $\frac{5 \times 6 + 1}{6 \times 6}$ hay là $\frac{5 \times (6+1)}{6^2} = \frac{35}{36}$ sự thật.

Con số 1 đó là do công-thức (formule) người ta đưa ra vì cho rằng nơi (A) 6 phần trừ 5 phần còn lại 1 phần.

3 người tin

$$\frac{5x(6+1)x6+1}{6x6x6} \text{ hay là } \frac{5x(7x6)+1}{6^3} \text{ hay là } \frac{(35x6)+1}{36x6}$$

Tỷ lệ $\frac{1}{2}$.

Nếu 1 người chúng có $\frac{1}{2}$ sự thật thì 2 người chúng :

$$\frac{1x(2+1)}{2x2} = \frac{3}{4}$$

3 người tin :

$$\frac{1x(3x2)+1}{2x2x2} = \frac{7}{8} \text{ hay là } \frac{1x((3x2)+1)}{2^3} = \frac{7}{8}$$

4 người tin :

$$\frac{1x((3x2)+1)x2+1}{2x2x2x2} = \frac{15}{16} \text{ hay là } \frac{1x((7x2)+1)}{2^4} = \frac{15}{16}$$

5 người tin :

$$\frac{1x(3x2)+1x2+1x2+1}{2x2x2x2x2} = \frac{31}{32} \text{ hay là } \frac{1x(15x2)+1}{2^5} = \frac{31}{32}$$

6 người tin :

$$\frac{1x3x2+1x2+1x2+1x2+1}{2x2x2x2x2x2} = \frac{63}{64} \text{ hay là } \frac{1x31x2+1}{2^6} = \frac{63}{64}$$

7 người tin :

$$\frac{1x3x2+1x2+1x2+1x2+1x2+1}{2x2x2x2x2x2x2} = \frac{127}{128} \text{ hay là } \frac{1x(63x2)+1}{2^7} = \frac{127}{128}$$

8 người tin : $\frac{1x(127x2)+1}{2^8} = \frac{255}{256}$

9 người tin : $\frac{1x(255x2)+1}{2^9} = \frac{511}{512}$

10 người tin : $\frac{1x(511x2)+1}{2^{10}} = \frac{1023}{1024} \dots$

(Hết tập số 3)

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

Lời Tựa

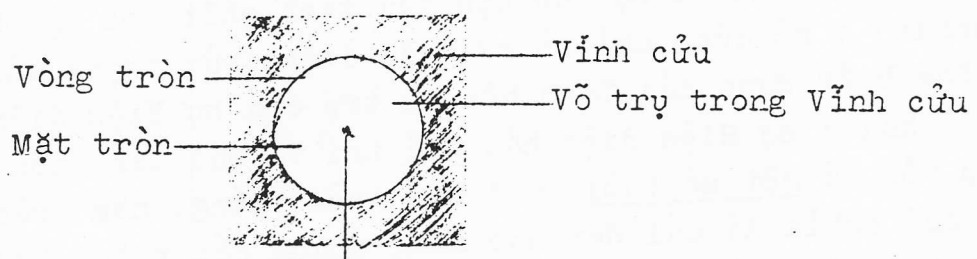
Một quyển sách tôi cố làm bằng lá buông không bị sức tàn phá của nước, lửa và không khí - đang được để trước mắt tác giả của bộ 'Giáo lý Bí truyền'. Nơi trang đầu người ta thấy một mặt tròn trắng tinh để trên nền đen. Nơi trang kế, cũng có một mặt tròn trắng tinh như vậy, nhưng có một chấm chính giữa. Cái mặt tròn trắng tinh thứ nhất là chỉ tổ Càn khôn trong vĩnh cửu, trước khi Thân Lực còn đang ngủ, được chỗi dậy. Còn cái điểm chấm ở giữa mặt tròn là chỉ sự bắt đầu phân hóa cái chất tinh vi trong mặt tròn trước kia. Chất tinh vi trong mặt tròn đó là biểu tượng Không gian và Vĩnh Cửu trong thời kỳ ngơi nghỉ (l'espace et l'Eternité en Pralaya). Chất đó tinh khiết là khi nào thân lực chưa xạ xuống. Cái điểm giữa mặt tròn là Mâm sanh ra vũ trụ (l'oeuf du monde). Cái mâm ấy lúc tiềm tàng, lúc khởi động. Cái vòng tròn xung quanh mặt tròn chỉ cái đơn vị thiêng liêng duy nhất (l'unité divine). Cái đơn vị này là nơi mà tất cả trở về. Cái vòng tròn của nó thì tất nhiên tượng trưng một cách hữu hạn và nhưn đó nó chỉ tổ sự hữu hạn của tinh chất con người (Esprit humain) ; nó cũng chỉ tổ sự Hiện diện trừu tượng luôn luôn không biết được cái Linh hồn vũ trụ của sự Hiện diện này. Cả hai : sự Hiện diện bất khả tri và cái Linh hồn của vũ trụ vốn là Một mà thôi. Cái mặt tròn trắng, nằm trên nền đen, đó chỉ nghĩa là cái đen bao xung quanh cái trắng tượng trưng cõi trần đen tối ; cái trắng tượng trưng linh hồn, linh hồn phải nhập thế, và cõi trần là một cõi duy nhất để cho con người học hỏi, hiểu biết mà thôi, dù cõi trần xem dường đen tối.

Chính tại cõi này, mới khởi có thời kỳ linh động (manifestations Manvantariques) : bởi vì trong cái Linh hồn này trong thời kỳ Ngồi nghỉ, có Tư tưởng của Đức Thượng Đế đang ngủ. Trong Tư tưởng Ngài có ẩn tàng một bản đồ vũ trụ và thế hệ thần linh (cosmogonie et theogonie).

Chính cái Tư tưởng ấy là Sự Sống Duy nhất, Trường tồn, không thấy được. Nhưng đâu đâu cũng có nó. Nó vô thủy, vô chung ; nhưng nó có đều đều trong các thời kỳ biểu lộ của nó.

Giữa hai thời kỳ biểu lộ (hay linh động) thì có sự bí ẩn đen tối của sự vô sinh. Đó là thời kỳ ngồi nghỉ. Sự Sống Duy nhất ấy xem dường vô-tri-thức, nhưng quả là ý thức tuyệt đối, giống như không thật tế, nhưng chỉ có Nó là sự có thật mà thôi. Tóm lại, đối với giác quan thì sự Sống ấy là 'hỗn loạn', nhưng đối với lý trí thì nó là vũ trụ : bởi lẽ người đời thấy sự sống khắp cùng, rồi cho là 'hỗn loạn', còn đối với người hiểu Chơn lý thì thấy sự sống là nền móng để tạo lập vũ trụ. Sự Sống là sự vận hành luôn luôn và trường tồn bất diệt. Theo danh từ Huyền môn thì người ta gọi Nó là 'Hơi Thở Vĩ Đại'. Hơi thở đó là sự Vận Hành liên tiếp của vũ trụ, trong vòng không gian. Cái gì 'bất vận hành' thì không thuộc về Trời. Thật ra, không có cái chi 'bất vận hành' một cách tuyệt đối trong Linh hồn Vũ trụ cả.

Giải nghĩa :



Không gian vô Vĩnh cửu trong thời kỳ Ngồi nghỉ hay là sự bắt đầu phân hóa cái tinh chất trong mặt tròn trắng kia.

- 55 -

Vòng tròn = ranh giới, chỉ sự giới hạn.

Cõi của Nó = Linh hồn vạn vật.

Mặt tròn = Võ trụ trong Vĩnh cửu.

Mặt tròn trắng trên nền đen = Chỉ có sự hiểu biết đó đáng học mà thôi.

Điểm giữa = Mâm sanh võ trụ.

Gần năm thế kỷ trước Chúa giáng sinh, ông Leucippe quả quyết rằng : không gian chứa đựng mãi mãi những hạt nguyên tử luôn luôn vận hành, và khi những hạt nguyên tử này lập hợp lại, chúng nó lại vận hành theo vòng tròn. Và khi chúng nó đụng chạm nhau thì lại vận hành theo chiều ngang.

Ông Epicure và Lucrece cũng dạy giống vậy, nhưng ông chỉ thêm vào sự vận hành chiều ngang một ý niệm huyền môn để dạy dỗ con người.

Từ khi con người khởi biết mình có một cái gia tài thiêng liêng, từ khi bầu thế giới mà trên đó chúng ta đang ở được thành lập, thì vị Thần linh hay Thượng Đế ẩn bên trong đã được con người biết, và đã được con người nhìn nhận dưới hình thức Vận hành trong võ trụ, và sự Rung rẩy của Hơi thở Đức Thượng Đế trong Thiên nhiên mà Huyền môn giải nghĩa là : Sự Hiện tồn Duy nhất', là Đức Thượng Đế hay là 'Lửa Sống' (đang vận hành) và những bằng chứng cho sự hiện diện vô hình ấy (là sự Sống Duy nhất) là Ánh Sáng, Hơi nóng và Ẩm ướt. Chúng là nguyên nhân của tất cả Hiện tượng trong Thiên nhiên. Sự vận hành ở bên trong võ trụ thì vĩnh viễn và liên tục, còn sự vận hành của võ trụ thì thấy được (tỷ như ta trực nghiệm được về sự vận hành của trái đất) và nó xảy ra từng chập. Sự Hiện diện Vĩnh cửu của Đức Thượng Đế là biểu lộ sự Trừu tượng Vĩnh cửu. Sự biểu lộ của Đức Thượng Đế tượng trưng bằng sự hạn

định vừa trong đường lối đến và vừa trong đường lối đi. Cả hai (cái đến và cái đi) là thủy (alpha) và mạt (oméga) hay là đầu và đuôi của sự kiến thiết (võ trụ) liên tiếp. Võ trụ là hình tượng của tư tưởng Đức Thượng Đế. Ngài là sự vận chuyển của võ trụ. Ngài là hơi thở trong Thiên nhiên.

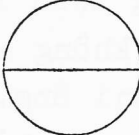
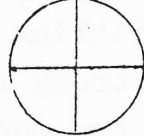
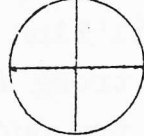

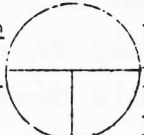
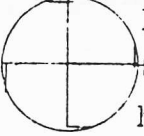
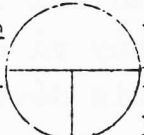
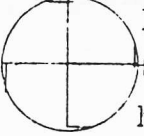
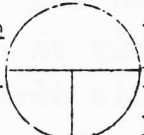
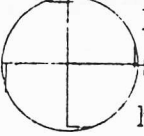
Gần đây, người ta tuyên bố rằng : 'Giáo lý Bí truyền' dạy giống như Phật giáo, Bà la môn giáo và cả Thân Thống giáo (la Cabale) rằng : Cái Tinh hoa duy nhất, vô cùng vô tận và bất khả tri đã có từ ngàn đời ; khi thì Nó hoạt động, khi thì Nó nghỉ ngơi, cứ nối tiếp như thế một cách đều đặn và nhịp nhàng. Theo lối nói văn hoa của Đức Bàn Cổ : 'Những thời kỳ đó gọi là Ngày và Đêm của Brahma hay là Đức Thượng Đế. Khi thì Ngài 'Thức', khi thì Ngài 'Ngủ'. Các người Svâbhâvikas là các Triết lý gia của phái tối cổ của Phật giáo - hãy còn tồn tại ở Népal - chỉ nghiên cứu về trạng thái hoạt động của 'Tinh hoa' này, mà họ gọi là Svâbhâvat, và họ cho rằng : bản về lý thuyết trừu tượng của cái 'Tinh hoa' bất khả tri trong trạng thái thụ động này là một điều vô lối. Do đó mà họ bị các nhà thần học Thiên Chúa và các nhà thông thái tân thời gọi là vô thần, bởi vì cả hai hạng người này đều không hiểu được cái triết lý thâm sâu hợp lý của họ. Các nhà thần học Thiên Chúa thì không nhìn nhận vị Thượng Đế nào khác hơn là những sức mạnh phụ thuộc, được thần-cách hóa (personnification) đã tạo nên vũ trụ hữu hình ; vị Thượng Đế được tạo ra đây biến thành vị Thượng Đế mang hình dáng con người của các tín đồ Thiên Chúa giáo, tỹ như Thần Jéhovah găm thét giữa sấm sét. Người ta cho những Phật giáo đồ và những người Svâbhâvikas là những nhà 'Thực nghiệm' (positivistes) của thời đại cổ. Tín đồ Phật giáo quả quyết rằng không có một vị Thượng Đế được sáng tạo (le Créateur) mà có vô số thần lực sáng tạo (des puissances créatrices). Tất cả những thần lực này hợp thành một thực thể trường tồn, bất khả tư nghị ;


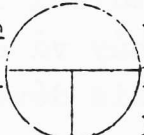
chi nên đó không phải là một đề tài suy luận cho một triết lý gia chơn chánh nào tỷ như Ông Socrate chẳng hạn, ông luôn luôn từ chối bàn về hệ thống của một 'Đấng vũ trụ' nhưng không ai cho ông là 'người vô thân' ngoại trừ những kẻ muốn hại ông. Giáo lý Bí truyền nói rằng : 'Trước khi khởi đầu một chu kỳ hoạt động, cái 'Tinh hoa thiêng liêng' nảy nở từ ngoài vào trong, và từ trong ra ngoài tuân theo định luật nghìn đời bất biến, rồi vũ trụ được phát sinh.' Đó là cái kết quả rất ráo của bao nhiêu năng lực trong càn khôn nối tiếp nhau vận hành và diễn tiến. Cũng giống như thế, lúc bắt đầu thời kỳ thụ động, cái 'Tinh hoa thiêng liêng' có rút lại, và những tạo vật được thành lập trước kia, nay từ từ hư hoại. Vũ trụ hữu hình bị tan rã, và các vật liệu đã xây dựng vũ trụ bị tan tác khắp nơi. Rồi một lần nữa, 'Tối tăm' bao phủ lên 'Vực thẳm'. Nói một cách khác dễ hiểu hơn : 'Khi chất Tinh hoa huyền diệu' thở ra thì vũ trụ được thành lập và khi Nó hít vào thì vũ trụ tan rã. Sự này tiếp diễn từ muôn thuở, và vũ trụ hiện giờ của chúng ta chỉ là một trong vô số vũ trụ khác ; tất cả đều không có thủy và cũng không có chung. (Đoạn này trích trong quyển 'Isis dévoilée' III.)

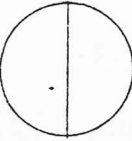

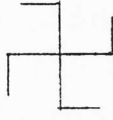

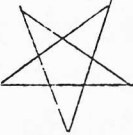
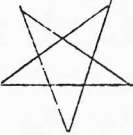
Giải nghĩa những dấu hiệu Huyền môn

Hình vẽ đầu tiên là một hình tròn đơn giản. Hình vẽ thứ nhì là một hình tròn có một chấm ở giữa. Nó là một biểu tượng tối cổ để chỉ sự phân hóa (différenciation) đầu tiên trong sự biểu lộ chu kỳ của Thiên nhiên vô tận chưa phân âm dương.

Cái chấm . ở giữa mặt tròn là không gian (espace potentiel) ở trong không gian trừu tượng (espace abstrait) (Aditi dans Cela).

Trong thời kỳ thứ ba, cái chấm . ấy trở thành đường kính.  Nó tượng trưng Mẹ-Thiên-nhiên (Mère-Nature) thiêng liêng và tinh khiết trong vô tận tuyệt đối, và bao gồm tất cả. Khi đường kính thẳng cắt đường kính ngang, thì ta có hình chữ thập của thế gian.  Khi nhưn loại đã tiến đến giống dân chánh thứ ba thì đời sống của nhưn loại mới bắt đầu (vì hai  giống dân chánh thứ I và II chưa có hình người mà giống hình cái bị, đến giống dân chánh thứ III thì nhưn loại mới có hình người và khởi sự phân nam nữ. Qua đến giống dân chánh thứ IV thì nhưn loại mới đúng là nhưn loại.) Khi vòng tròn biến mất, và chỉ để lại hình chữ thập, thì đó là dấu  hiệu chỉ tỏ con người đã hoàn toàn chìm đắm trong vật chất, và cũng là lúc giống dân chánh thứ IV bắt đầu. Chữ thập trong vòng tròn tượng trưng cho thuyết Phiếm thân giáo (Panthéisme). Khi bỏ vòng tròn, còn hình chữ thập không, thì nó tượng trưng cho cơ quan nam sinh dục (phallique). Nó có nghĩa giống như chữ TAU nằm trong vòng tròn  và còn nhiều nghĩa khác nữa,  là nó giống cái  Búa của Thân Thor, hay hình  thập tự Jaina  hay Svastica tức là hình chữ Vạn,  hay chữ thập ngược.

Biểu tượng thứ ba - là một tròn có đường kính chia làm hai - có nghĩa là sự biểu lộ đầu tiên của Thiên nhiên sáng tạo hãy còn thụ động, vì thuộc về âm (nữ tính). Cái tri giác đầu tiên và lỗ mở của con người về sự sanh sản thì quan hệ đến nữ tính : vì con người biết mẹ nhiều hơn là biết cha. Nhưn đó mà các nữ thần được tôn thờ nhiều hơn là nam thần. Vậy Thiên nhiên thuộc về ÂM, còn cái nguyên lực làm cho Nó hóa sinh thì lại tiềm tàng. Khi người ta thêm vào đường kính thẳng một đường ngang thì người ta có chữ Tau  một thứ chữ tối cổ. Chữ Tau là biểu tượng sự ghi dấu của  giống dân chánh

thứ III, khi giống dân này được phân chia nam nữ dành rành và hình vẽ trở thành  Đó chỉ nghĩa nam, nữ đã phân chia (hết bán nam, bán nữ). Trong những giống phụ của giống dân chánh thứ V, chữ Tau này trở thành 'Sacra' trong biểu tượng học. Nó cũng trở thành 'N'cabvah' trong ngôn ngữ Hébrieux trong những giống dân chánh đầu tiên. Rồi chữ Tau lại biến thành hình tượng trưng đời sống Ai Cập là  Về sau, nó biến thành dấu hiệu của Kim tinh.  Rồi đến chữ  (hay hình Búa của thân Thor hay là hình chữ Thập của Khoa luyện kim) hoàn toàn  là bỏ vòng tròn nếu nó chỉ tượng trưng cơ quan sinh dục của nam nhi mà thôi. Kali Yuga (tức là thời kỳ đen tối hay Mạt pháp) được tượng trưng trong bí giáo bằng ngôi sao năm cánh  lộn ngược hai cánh chĩa lên. Ngôi sao năm cánh lộn ngược là dấu hiệu của thuật phù thủy trong nhưn  loại có hai cái sừng chĩa lên trời. Ngôi sao năm cánh lộn ngược này là biểu tượng của Tà Đạo dùng trong lúc làm phép phù thủy.

Thật là bất công khi nói Phật giáo và những nhà bí-học của phái Advaita là những kẻ Vô Thân. Nếu tất cả mấy người này không phải đều là triết lý gia, ít ra họ cũng có lý luận đúng đắn. Nếu cho Parabrahman của người Ấn Độ là đại diện cho các thần minh ẩn tàng và vô danh trong các quốc gia khác, thì cái nguyên lý tuyệt đối này có thể là căn bản phát sinh ra mọi nguyên lý khác

Parabrahman không phải là Thượng Đế (God hay Dieu) vì đó là cái gì vừa Tối Cao vừa không Tối Cao (Paravara). Khi là nguyên do thì cái Đó là tối cao, khi là kết quả thì cái Đó không tối cao. Parabrahman là 'một thực tại' độc nhất vô nhị, là Vô trụ càn khôn chứa đựng tất cả -, hoặc giả Parabrahman là Không gian vô cùng-, dĩ nhiên là nói theo cái

- 60 -

ý nghĩa cao thượng và thiêng liêng nhất.

Brahman (nói theo ý nghĩa Trung lập) là gốc rễ, là căn nguyên tối cao, không hư hoại, tự do, tinh khiết, bất biến, là sự sống duy nhất và chơn chánh, là Paramârthika (Thượng Đế Duy nhất) là Chit (tâm thức = conscience abstraite - Dict. Rhéa), là Chaitanya (là trí huệ = Intelligence, conscience - Dict. Rhéa). Brahman không thể là một cá nhân hiểu biết : vì 'Cái Đó' không thể có đối tượng để hiểu biết. Người ta có thể gọi Ngọn lửa là Tinh hoa của lửa không ? Tinh hoa của Lửa là Đời Sống, là Ánh Sáng của vũ trụ. Còn Lửa và Ngọn lửa là hữu hình, là sự tàn phá, chết chóc và sự xấu xa ... 'Lửa và Ngọn lửa tiêu hủy xác thân của vị La Hán, nhưng Tinh hoa của chúng nó làm cho vị La Hán bất tử.' (Tinh hoa của chúng nó làm Linh hồn của vị La Hán.)

'Cái Đó (Cela) là 'Tinh hoa của Lửa' chứ chẳng phải Lửa. Vậy những đặc tánh của Lửa (như nhiệt-độ hay ngọn lửa) thì không phải là đặc tánh của Hồn Lửa, của Tinh hoa của Lửa, mà là đặc tánh của những gì do Lửa tạo ra một cách vô tâm.' Câu này của Phái Rosicrucian.

Những người thờ Bách Thân (Panthéistes) cũng nói như kinh Upanishad hay Giáo lý Bí truyền rằng : Cái này (Ceci) không thể sáng tạo. Nhưng họ không chối bỏ một Vị Thượng Đế Sáng tạo hay tổng hợp các Đấng Sáng tạo ; nhưng họ chỉ chối bỏ rất hữu lý việc gán cho 'vật được sáng tạo' (tức là vật hữu hạn) một Nguyên lý vô hạn. Đối với mấy người này Parabrahman là một căn do thụ động (cause passive) bởi vì nó Tuyệt đối, là một Chơn thần đã được giải thoát tử sanh (Mukta).⁽¹⁾ Những người này chỉ từ chối không chịu gán cho

(1) Mukta hay là Muktam : Con người giải thoát khỏi nghiệp quả và luân hồi.

cái Căn nguyên tuyệt đối ấy sự toàn tri, toàn năng có giới hạn bởi vì chúng nó vẫn còn là những đặc tính, và bởi vì Parabrahman là Đại Tối Cao, là Linh hồn và Tinh thần luôn luôn vô hình của Thiên nhiên, bất biến và trường tồn, nên Parabrahman không thể có đặc tánh dạng. Danh từ 'tuyệt đối' tự nhiên loại bỏ tất cả cái gì hữu hạn hoặc bị hạn định và nếu những người trong môn phái Védanta nghĩ rằng : những đặc tánh thì chỉ thuộc về hóa thân của Parabrahman mà thôi nghĩa là Ishvara cộng với Maya và Avidya, thì khó mà thấy được thuyết Vô Thân trong quan niệm này. Bởi vì không thể có hai điều Vô Cùng Tận hoặc hai điều Tuyệt đối trong một võ trụ dạng (mà võ trụ này được xem là vô biên).

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 5

Lời tựa (Tiếp theo)

Nârâyana theo tự điển Rhéa là Tinh thân của Đức Thượng Đế trên đường hóa-thân. Nó cũng có nghĩa là Brahman nổi trên mặt nước (nước là không gian), hay là Ánh Sáng thiêng liêng bị đưa xuống các cõi thấp.

Bên Ấn Độ, người ta có biểu tượng Nârâyana bằng một người đứng trên nước, ở không gian trầu tượng trở thành nước của vật chất, nước này do 'người đó' làm đầy động. 'Người đó' tượng trưng Đức Thượng Đế hiện thân (Logos manifesté).

Những người Pa la môn chính-thông-giáo, những người chống với phái đa thân nhiều hơn hết, những người Advaitas mà họ cho là vô thân - bắt buộc phải nhìn nhận rằng : mỗi một sự tỏ ra của Đức Hóa sinh là vạn vật đều chết hay là Đức Hóa sinh 'chết'. Nhưng chữ 'chết' đây có nghĩa khác hơn là chữ 'chết' của ta hiểu. Họ hiểu 'chết' là 'sự ngơi nghỉ từng hồi' (repos périodique).

Những nhà huyền môn đồng ý với những triết lý gia Phệ Đà (Védantins) về điểm nói trên. Trên lãnh vực triết học, họ chứng tỏ rằng : không thể nào chấp thuận cái ý niệm là Đức Hóa Công tạo ra hay làm phát triển Kim noãn rồi chui vào trong để hóa thành là vị Thượng Đế Sáng tạo các Thân mình và tất cả vũ trụ hữu hình (do sự nảy nở về sau của Ngài.)

Những người này cho rằng : 'Đơn vị tuyệt đối không thể trở thành 'vô số' được (infinité) vì 'vô số' đòi hỏi sự phát triển vô cùng tận, và sự lâu bền của một 'vật gì'.

- 64 -

Còn 'Đơn vị duy nhất' (le Tout-Un) - như không gian (Espace) không phải là một 'vật gì' (un objet) hay một vấn đề để tri thức (un sujet de perception). Nếu người ta cho rằng : Cái Đơn vị Duy nhất ấy trong khi ở trong Vĩnh cửu, lại trở thành một cái võ trụ biểu lộ, thì cái Đơn vị Duy nhất này không còn là Duy Nhất nữa. Ông Locke cho rằng : 'Không gian thuần túy không thể chống kháng và vận hành được.' Ông làm vậy : bởi vì không gian không phải là chỗ trống không vô tận, nó cũng không phải là sự 'tràn đầy' bị hạn định. Nhưng nó là cả hai vậy.

Trên cảnh giới trừu tượng tuyệt đối, đó là Thượng Đế bất khả tư nghị (inconnaissable). Ngài là sự trống rỗng đối với trí hữu hạn của con người. Còn trên cõi giới đầy ảo tưởng, thì đó là cái Chứa đựng tuyệt đối của vạn vật hữu hình và vô hình. Như đó mà Cái Đơn vị duy nhất đó là tuyệt đối (c'est par conséquent ce Tout Absolu). Cũng với ý niệm này, vị Tông đồ Thiên Chúa giáo nói rằng : 'Trong Ngài chúng ta sống và vận hành. Nơi Ngài chúng ta có bản thể của chúng ta.' Nhà hiền giả (Rishi) Ấn Độ nói : 'Võ trụ sống trong Brahmâ, do Brahmâ mà phát sinh ra, và sẽ trở về với Brahmâ' bởi vì Brahmâ là vô hình ; là cái võ trụ ẩn tàng (không biểu lộ) còn Brahmâ hữu hình là cái võ trụ biểu lộ, có nam có nữ.

Theo Bí Giáo, thì Thượng Đế vừa là không gian hữu hình, vừa là không gian vô hình.

Theo ngôn ngữ bí giáo, thì Không gian được gọi là 'Cha và Mẹ trường tồn có bảy lớp da' (Mère-Père éternel aux sept peaux!). (Tức là Đức Thượng Đế Vĩnh cửu, hiện thân trong 7 cõi Trời). Từ cõi nguyên thủy nghĩa là trong trạng thái bất biến hóa, đến cõi biến hóa. Cõi biến hóa là cõi sanh hóa do Đức Thượng Đế chủ động. Sách Bí giáo Căn bản

(Catéchisme ésotérique) viết bằng tiếng Senzar có câu hỏi này : 'Cái điều trước kia đã có, bây giờ đang có, sau này vẫn có, ... dù có võ trụ hay không, dù có các vị Thân Minh hay không, điều đó là gì vậy ?'

Và câu trả lời là :

- Điều đó là võ trụ.

Người ta không chối bỏ Đức Thượng Đế duy nhất (Dieu Un), huyền bí, trường tồn, toàn diện, nhưng người ta chối bỏ vị Tượng Đế do tín điều của con người tạo ra. Vị Thượng Đế đó bị 'nhân cách hóa' do sự tự đắc ; sự bất tài của con người tạo ra với những tài liệu và kiến thức có sẵn trong đầu óc hẹp hòi. Đã vậy, con người còn bắt đồng-loại phải chấp nhận điều đó như là một sự tiết lộ trực tiếp của Không gian duy nhất và huyền vi. Người huyền bí học chấp nhận sự tiết lộ này như một sự phát sinh nơi các Đấng Thiêng liêng còn hữu hạn, nơi các Đấng hữu hình chớ không phải phát sinh nơi Đấng Duy nhất, vô hình. Óc con người tạo ra những Đấng gọi là 'con người nguyên thủy' (Homme primordial) các vị Vô Tướng Phật (Dhyani-Buddha) hay Huyền Thiên Thượng đế (Dhyan Chohan) các vị Sáng tạo gọi là 'Seigneur de la Création' hay 'Rishi-Prajapati' của người Hindou, các thân lực sáng tạo của Thượng Đế của người Do Thái (Elohim hay là Con Thượng Đế) các vị Hành-tinh-quân của mọi quốc gia. Các vị này đều là các vị Thượng Đế đối với con người.

Nhà huyền bí học cũng coi Adi-Shakti là phát sinh ngay từ Mûlaprakriti. Mûlaprakriti là căn nguyên vĩnh cửu của 'Cái Đó'. Nó cũng là cái khía cạnh 'Nữ Tính' của Căn nguyên sáng tạo (Brahmâ).

Mûlaprakriti gồm 2 chữ 'Mûla' nghĩa là cội rễ và 'Prakriti' nghĩa là bản tánh. Mûlaprakriti nghĩa là chất

- 66 -

khí đầu tiên chưa biểu lộ, nhà hóa học Phương Tây gọi nó là 'Terre d'Adam'. Chất khí đầu tiên này khi chưa bị hóa thân (chưa có thần lực Đức Thượng Đế xạ vào) thì gọi Mûla-prakriti. Khi nó bị hóa thân thì gọi là Vyakta.

Người ta cũng gọi Mûlaprakriti là Tiên Thiên khí.

Những tôn giáo cổ nhất là Ấn Độ giáo, tôn giáo ở Ba Tư và Ai Cập, rồi đến tôn giáo Chaldée là sản phẩm của mấy tôn giáo trên, nay đã mất tích, nó chỉ còn ghi dấu méo mó ở tôn giáo Sabéisme mà những nhà khảo cổ đã tìm ra. Tôn giáo Do Thái - trong phạm vi bí giáo - theo con đường của khoa pháp thuật thành Babylone. Còn trong phạm vi công truyền, thì tôn giáo Do Thái có tính cách thần thoại, ngụ ngôn y như trong quyển Genèse và Pentateuque (Genèse = Võ trụ luận, và Pentateuque là quyển đầu của Cựu ước kinh.)

Cuốn Bản-kinh huyền môn có những đoạn sau đây :

- Cái gì luôn luôn hiện diện ?
- Đó là Không gian, là Anupadaka trường cửu.
- Cái gì đã luôn luôn hiện diện.
- Chính là Mâm trong Rễ.
- Cái gì luôn luôn đến và luôn luôn đi không ngừng không nghỉ ?

- Đó là Hơi Thở Vĩ Đại.



(Hơi Thở Vĩ Đại là Khí Thiêng của Đức Thượng Đế xạ vào vật chất và rút đi.)

- Vậy phải có Ba Thực Thể Trường Tôn chăng ?
- Không phải. Ba Thực Thể chỉ là Một. Cái gì luôn luôn có là Một. Cái gì luôn luôn đã có là Một. Cái gì luôn luôn hiện diện và luôn luôn biến đổi là Một và đó là Không gian.

-- 67 --

Hỡi người đệ tử, hãy giải nghĩa đi.

- Thực thể Duy nhất là một mặt tròn không có chu vi (un cercle sans circonférence), vì Nó không ở đâu cả và hiện diện khắp nơi.

Thực thể Duy nhất (l'Un) là cõi vô biên của hình tròn. Nó biểu lộ bằng một đường kính trong ^{những} thời kỳ hoạt động của thế giới hữu hình mà thôi. Thực thể Duy nhất là cái chấm . bất khả phân chia, mà người ta không thể tìm thấy ở nơi nào, chỉ tìm thấy trong những thời kỳ hoạt động ấy mà thôi. Độ là những đường thẳng đứng  và ngang. Đường thẳng đứng là Cha. Đường ngang là  Mẹ.

Khi Hơi Thở Đức Thượng đế thở ra, thì Mẹ lan rộng và được rải rác khắp nơi. Khi Nó co rút thì Mẹ thu mình và thu kết quả lại. Khi Hơi Thở Vĩnh Cửu này đi từ ngoài vào trong, thì Nó hiện diện khắp nơi. Khi nó diển tiến từ trong ra ngoài, thì Nó không hiện diện ở đâu cả.

Bởi Hơi Thở ra và Hơi Thở vô làm nảy sinh những Chu kỳ Tiến hóa và những Chu kỳ Tan rã, tức là Manvantara và Pralaya. Mầm móng thì vô hình và cứng thành.

Cảnh giới của Vòng Tròn là Cội Rễ. Cội Rễ thì mát (nói bóng). Nhưng trong chu kỳ Hoạt động và Tiến hóa, thì áo Mẹ lạnh và chói sáng.

Hơi thở nóng là Cha. Hơi thở mát là Mẹ.

Mẹ hoài-thai, sanh sản và đón tiếp các con khi chúng quay trở về lòng Mẹ để Mẹ tái tạo chúng lúc Bình minh tới.

Bình minh của một ngày của Brahma hay là của một Đại Kiếp (là Thời kỳ Đại Hoạt động Manvantara.)

Để độc giả hiểu rõ hơn, ta phải tuyên bố rằng :
 'Khoa học huyền bí nhìn nhận 7 Nguyên tố Càn khôn (7 éléments cosmiques) : bốn Nguyên tố thì hoàn toàn vật chất và Nguyên tố thứ năm (dĩ thái) thì bán vật chất. Vào cuối cuộc Tuần hườn thứ tư của chúng ta, chất dĩ thái này sẽ trở nên hữu hình trong không khí, rồi nó sẽ ngự trị trên các chất khác trong suốt cuộc Tuần hườn thứ năm. Hai Nguyên tố còn lại, thì tuyệt đối vượt khỏi tầm hiểu biết của con người. Tuy nhiên, chúng nó sẽ hiện ra một cách tượng trưng, trong Giồng dân chánh thứ Sáu và thứ Bảy trong cuộc Tuần hườn thứ tư này. Chúng nó sẽ tuần tự được người ta biết đến trong cuộc Tuần hườn thứ sáu và thứ bảy.

Bảy Nguyên tố này với vô số nguyên tố phụ (sous-éléments) của chúng nó nhiều hơn là cái số mà khoa học đã biết. Chúng nó chỉ là những cái biến hóa có giới hạn và những trạng thái của một Nguyên tố Duy nhất. Nguyên tố Duy nhất này không phải là Dĩ thái, cũng không phải là chất Akasha mà nó là Nguồn gốc của Dĩ thái và Akasha.

Nguyên tố thứ năm này đã được khoa học hiện nay nhìn nhận - không phải là chất Dĩ thái giả-tượng của Sir Isaac Newton, mặc dù ông đã dùng danh từ Dĩ thái mà gọi nguyên tố đó, có lẽ trong lúc đó, trong trí ông liên kết nguyên tố 'éther' với 'AETHER. Mà Aether đồng nghĩa với Akasha, là 'Cha Mẹ' sanh hóa ra hình tướng vạn vật. Nói theo trực giác của ông Newton thì :

'Thiên nhiên là một Hóa công làm việc luôn luôn theo Chu kỳ, cứ nhái đi, nhái lại trong vòng tròn. Tỷ như vật lỏng, Thiên nhiên làm cho đặc, chất đặc làm thành chất hơi, rồi chất hơi làm thành chất đặc ; còn chất nặng trước làm thành chất thanh nhẹ, và chất thanh nhẹ làm thành chất nặng trước.' (Hypothèse, 1675) Như thế thì có lẽ vạn vật đều do éther phát sinh ra.

Độc giả nên nhớ rằng những câu thơ Stances de Dzyan công bố ra đây chỉ nói về sự Tạo lập Vũ trụ (Cosmogonie) của Dãy hành tinh chúng ta đang ở với những gì hữu hình xung quanh nó, sau thời kỳ Ngồi nghỉ (Pralaya) của Thái dương hệ. Những giáo lý bí mật liên quan đến sự Tiến hóa của Vũ trụ Càn khôn (Cosmos) thì không thể công bố ra được vì những trí óc cao cả nhất của thời đại này cũng ^{không} thể hiểu được ; và dường như chỉ có một số ít người đã được Điểm đạo mới được phép suy luận về đề tài này mà thôi. Hơn nữa, các Đấng Chơn Sư nói thẳng rằng : cho đến đời các vị Huyền thiên Thượng đế ⁽¹⁾ (Dhyani-Chohans) cao cả nhất, cũng không rõ được sự bí mật ở phía bên kia biên giới ngăn cách hàng tỷ thái dương hệ với Mặt trời trung ương. Vì vậy, những điều được trình bày chỉ liên quan đến Vũ trụ hữu hình của chúng ta, sau một đêm của Brahma (dài đến 4.320.000.000 năm).

Những đoạn thơ trong Thánh kinh Stances de Dzyan là nền tảng của bộ sách 'Giáo lý Bí truyền' này. Độc giả phải biết rõ một ít quan niệm căn bản nông cốt. Những ý niệm căn bản này thì rất ít, nhưng phải hiểu rõ chúng mới hiểu được mọi điều theo sau.

(1) Người ta cũng gọi các Ngài là Hành tinh Thượng đế.

1970

... ..

017

1970

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 6

BA ĐỀ KHỞI CỦA GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

1 - Một Nguyên lý toàn diện, trường tồn, vô biên, bất di bất dịch, bất khả tư nghị : vì nó vượt khỏi sức hiểu biết của con người. Và nếu con người diễn tả Nó hay chép lại những lời nói về Nó thì chỉ làm cho Nó thấp kém đi mà thôi. Tư tưởng không thể nào với tới Nó được. Theo lời của kinh Mandûkya thì Nó không thể lấy ra để suy luận hay bàn luận được.

2 - Sự Trường tồn của Chân khôn cũng như một cõi vô biên. Nó, tuần lúc, là sản trường của vô số vũ trụ, hiện lên, rồi tan rã, cứ mãi như thế không ngừng. Chúng nó được gọi là 'Ngôi Sao mọc' hay là 'Ánh Sáng của Vĩnh cửu'.

Sách Dzyan cho rằng : 'sự vĩnh cửu của người hành hương⁽¹⁾ là một nháy mắt của đời Sống Chơn Ngã.

Sự hiện và tan của vũ trụ cũng giống như nước ròng và nước lớn, trở đi trở lại một cách điều hòa.

Đề khởi thứ nhì của Giáo lý Bí truyền nói về Luật Tuần tự, cũng như nước ròng nước lớn, cũng như sự thăng và sự trầm mà khoa vật lý học đã nhận thấy trong Thiên nhiên.

Sự vận xoay ngày và đêm, sống và chết, ngủ và thức, là chuyện quá thường, quá phổ thông, chúng ta dễ mà thấy trong đó một trong những định luật căn bản của vũ trụ.

(1) Người Hành hương đây có nghĩa là con người xuống cõi trần trọn kiếp để hành Đạo Trời, dù y nói mình tu hay không tu cũng vậy.

3 - Thánh kinh Stances de Dzyan còn quả quyết rằng :
Tất cả linh hồn đều giống (trên căn bản) với Linh hồn Tối Cao (la Sur-Ame universelle). Mà Linh hồn Tối Cao của vũ trụ là một trạng thái của một Nguồn gốc Bất khả tri. Còn mỗi Linh hồn (âme) - là một tia lửa của cái Nguồn gốc Bất khả tri ấy - đều bị bắt buộc phải đi hành hương ⁽¹⁾ xuyên qua nhiều kiếp luân hồi, sanh tử, theo nhịp với Luật chu kỳ và Nhơn quả. Vậy sự hành hương của linh hồn là điều cần thiết. Hay nói cách khác : không có một Tâm Bồ đề nào hoàn toàn linh thiêng và hoạch đắc được cá tính --(do sự xui giục tự nhiên hay do sự cả quyết bên trong (sự này cũng do Karma chỉ định) - mà không có tách mình từ cái Linh hồn Tối Cao ấy để lần lượt mang tất cả hình hài sắc tướng nơi cõi hiện tượng. Linh hồn đó đi từ bậc tri-thức thấp đến bậc tri-thức cao, từ loài kim thạch, thảo mộc lên đến Bậc Hành tinh Thượng đế.

Giáo lý Bí truyền không nhìn nhận một sự đặc ân nào trong đó, hay là một Thiên-tư nào đặc biệt ban riêng cho con người. Những điều đó là do con người tự mình rán sức tạo ra cho mình xuyên qua nhiều kiếp luân hồi. Nhơn đó, mà những sự thay đổi về thân linh, tâm linh và vật chất chỉ xảy ra tại cõi trần mà thôi. (Nghĩa là chỉ tại cõi trần con người mới có thể biến đổi những trạng thái này từ xấu ra tốt).

x
x x

(1) Hành hương là danh từ gán cho Chơn thốn (Morade) trong thời gian đi đầu thai.

Để đại chúng đọc giả hiểu những ý niệm ấy rõ ràng : ta hãy đưa ra cái giả thuyết này là : có một Thực tại Tuyệt đối và Duy nhất. Nó có trước mọi sinh linh hữu hình và hữu hạn. Cái Thực tại Duy nhất và tuyệt đối đó là Cội rễ Nguyên thủy của mọi điều đã có, đang có và sẽ có. Dĩ nhiên là nó không có những đặc tánh, và triệt để không liên quan gì đến các sắc tướng. Nó là 'Sự Sống' chứ chẳng phải là một 'Vị Sống' (SAT). 'Sat' là danh từ Phạn-ngữ (Bắc Phạn). Sự Sống này vượt khỏi tâm tư tưởng của loài người.

Trong Giáo lý Bí truyền : Sự Sống này (l'Étre-té) được tượng trưng bằng hai phương diện. Ở một phương diện Nó là Không gian trừu tượng tuyệt đối. Nó chỉ sự chú quan. Nó là điều duy nhất mà trí con người hiểu không được. Ở một mặt khác, Nó là sự Vận hành tuyệt đối, triu tượng, tượng trưng cho cái Tâm thức Vô hạn định (Conscience inconditionnée).

Cái trạng thái thứ hai của Sự Sống tượng trưng bằng danh từ Hơi Thở Vĩ Đại. Vậy cái ý định căn bản đầu tiên của Giáo lý Bí truyền là cái Sự Sống Tuyệt đối Siêu hình đó được trí khôn hữu hạn của con người tượng trưng bằng 'Ba Ngôi Trời' (Trinité théologique). Ông Herbert Spencer giải thêm rằng : ông xác nhận cái bản chất của Căn nguyên đầu tiên⁽¹⁾ là do Căn nguyên Trường tồn, Bất khả tri mà phát sinh ra. Có thể nó chính là căn nguyên của Tâm thức trong chúng ta. Ông còn xác nhận rằng : cái thực thể vô tư thậm nhuần căn khôn là chính cái thực thể thuần khiết của tư tưởng. Bước

(1) Đầu tiên đây có nghĩa là 'sinh ra trước nhất', là hạng nhất trong không gian, trong thời gian và trong hàng ngũ, nghĩa là cái gì có giới hạn và đã nhất định. Hễ đầu tiên thì không thể tuyệt đối vì đó là một sự biểu lộ.

tiên này của ông đưa ông đến rất gần Giáo lý Huyền môn của đạo Védantine.⁽¹⁾

Parabrahman là cái Thực tại Duy nhất, Tuyệt đối. Nó là sân trường của Tâm thức tuyệt đối, nghĩa là của cái Tinh hoa không dính dáng gì với đời sống hữu hoại. Đời sống ý thức là cái tượng trưng hữu hạn của cái Tinh hoa đó. Tinh thần đối chọi với vật chất. Chủ thể (objet) đối chọi với đối tượng (sujet).

Tinh thần (Esprit) hay là Tâm thức (Conscience) và vật chất (Matière) không thể xem như những thực tại độc lập (des réalités indépendantes) mà như hai khía cạnh hay hai trạng thái của Tuyệt đối (L'Absolu, Parabrahman) ; chúng nó là nền tảng của con người hữu hạn dù chủ quan hay khách quan.

Thực thể Cội rễ (Mulaprakriti) có từ trước khi Vô trụ thành hình. Nó là một khía cạnh của Tuyệt đối. Nó là căn bản của mọi cảnh giới hữu hình trong Thiên nhiên.

Vì vậy nên trong đời sống của 'vô trụ hữu hình', sự đối chọi giữa hai khía cạnh : tinh thần và vật chất là điều cốt yếu.

(1) Védantine là một trong những trường của Phái Védanta. Védantine là một trường lớn nhất của Phái ấy. Védantine cũng gọi là Shankara. Người đệ tử Védanta phải là một linh hồn tiên hóa. Sự tiên hóa của y chia ra 3 bậc : 1) Học kinh Gita là kinh dạy luân lý cao siêu; 2) Học kinh Upanishads là kinh mở rộng trí trừu tượng và 3) Tham thiền theo Brahma-Sutras. Brahma-Sutras là nền tảng thuần túy tinh thần đưa đến trạng thái Samâdhi. Samâdhi là mục đích tối thượng của Yoga. Yoga là sự hiệp nhất Ngã của cá tính với Ngã Vô trụ.

Nếu không có vật chất thì Tinh thần biểu lộ không đặng. Tinh thần biểu lộ đây là tượng trưng bằng tâm thức cá nhân. Bởi xuyên qua một cái thể bằng vật chất mà tâm thức nhảy vọt ra được với sự nhận thức là : 'Tôi là Chơn ngã.' Một căn cứ vật chất cần thiết để cho tia sáng của Đại Trí Huệ của Võ trụ (là Trời) gom lại ở một mực-độ phức tạp nào đó. Còn trái lại, nếu vật chất rời xa tinh thần thiêng liêng, thì tâm thức không thể hiện ra được.

Vậy cái 'võ trụ hữu hình', đã thấm nhuần Tinh thần và vật chất, là nhị nguyên tức là các Tinh hoa thiết yếu của Đời Sống. Nhờ nhị nguyên đó võ trụ mới biểu lộ. Tinh thần và vật chất là hai khía cạnh của một đơn vị. Trong đơn vị này, cả hai mới tổng hợp lại. Vậy trong cái võ trụ hữu hình có 'cái vật gì' nối liền tinh thần với vật chất và nó cũng nối liền chủ quan với khách quan ?? Nhà Bí học gọi 'cái vật ấy' là Fohat mà hiện nay Tây Phương chưa biết đến. Fohat là 'cái cầu' nhờ đó mà những ý niệm đã có sẵn trong Tư tưởng Thượng Đế được in xuống vật chất trong võ trụ dưới danh nghĩa 'Định luật của Thiên nhiên'. Vậy Fohat là Thần lực Sống động của Thiên Ý (Idéation Cosmique) hay nói cách khác, Nó là cái sức mạnh trung gian khôn khéo, cái quyền năng dẫn dắt mọi Biểu lộ của Tư tưởng Thiêng liêng do các vị Hành tinh Thượng Đế truyền đi. Các vị Hành tinh Thượng Đế là các Đấng tạo ra cõi Hồng trần. Ấy vậy, Tinh thần của Võ trụ sinh ra Tâm thức của chúng ta. Còn vật^{chất} của võ trụ thì sinh ra những thể xác (hay khí cụ) cho Tinh thần dùng để biểu lộ, ban đầu là Cá-nhơn-thức, để tiến tới Đại Ngã-thức hay trở thành cái Tâm thức phản ảnh của Tâm thức Thiêng liêng. Còn Fohat - xuyên qua nhiều cách biểu lộ - là sợi dây bí mật nối liền tinh thần và vật chất. Fohat là cái nguyên lý linh động truyền điện lực cho mọi nguyên tử, và đem sự sống đến cho chúng nó.

Để đọc giả hiểu rõ hơn, xin tóm tắt như sau :

1) Tuyệt đối Parabrahman (theo môn phái Védanta) hay là Thực thể Duy nhất 'Sat' mà Hegels đã nói. Cái thực thể ấy vừa là Thực thể Tuyệt đối vừa là Hư vô.

2) Thượng Đế Ngôi Nhất là Vô Ngã. Còn theo triết học thì là Thượng Đế vô hình (không biểu lộ). Đó là cái căn nguyên thứ nhất, cái nguyên nhân vô ý thức của những người Âu Châu tin về thuyết Đa Thần.

3) Thượng Đế Ngôi Hai. Tinh thần và Vật chất. Sự Sống là Tinh thần của Võ trụ. Purusha là Tinh thần, còn Prakriti là vật chất.

4) Thượng Đế Ngôi Ba. Cái Cơ của Võ trụ (Idéation cosmique - Mahat hay là Đại Trí Huệ (Intelligence) Linh hồn của thế gian. Cái thực thể của Vật chất trong võ trụ, Cái Căn bản của mọi tác động khôn ngoan của Thiên Nhiên, trong Thiên Nhiên. Cái đó người ta cũng gọi là Đại Bồ Đề (Mahat-Buddhi). Một Thực tại Duy nhất với hai khía cạnh của nó trong Võ trụ hữu hạn.

x x x

Có Tinh thần và vật chất mới làm ra võ trụ. Chi nên người Ấn Độ mới nói rằng : võ trụ là Brahmá và Brahman. Brahman = là nguồn cội của sự sống. Brahmá = (có dấu "trên a) là quyền năng sáng tạo.

Brahman hiện diện trong từ nguyên tử trong võ trụ. Sáu nguyên thể của thiên nhiên là sản phẩm của cái Nguyên thể thứ bảy và Duy nhất của Thực thể duy nhất trong võ trụ (dù là đại vũ trụ hay tiểu vũ trụ). Vì thế nên siêu hình học coi những sự thay đổi, biến chất là ảo tưởng, dù đó là

sự thay đổi về tâm linh, tinh thần hay vật chất ; trong cảnh giới hữu hình của Nguyên thể thứ sáu. (Brahmā là vật cụ của Brahman). Ví dụ cội rễ của mỗi nguyên tử (nói riêng, hay của hình hài nói chung) là cái Nguyên thể thứ bảy đó, nhưng nó không rõ ràng minh bạch gì hơn là một ảo tưởng chóng tàn của giác quan chúng ta, khi nó tự biểu lộ xuyên qua những hình dáng phù du và nhất thời.

Cái Nguyên thể duy nhất trong cái tuyệt đối tịnh thì không Âm không Dương. Hai khía cạnh của nó là Parabrahman và Mulaprakriti. Nó vô hạn định và trường tồn. Sự biểu lộ là tuần tự của nó trong Đại kiếp (Manvantara) - hay là một tia sáng nguyên thủy - chỉ là Một: phi âm, phi dương và có hạn định nhất thời. Khi tới phiên tia sáng này chói lòa ra, thì những tia sáng do nó phát sinh cũng phi âm, phi dương, rồi sau này, trong những trạng thái thấp, chúng nó mới có nam có nữ. Sau thời kỳ Ngồi nghỉ (Pralaya) - dù là Đại Ngồi nghỉ hay Tiểu Ngồi nghỉ) cái Nguyên thể thứ nhất khởi thức là chất Akāsha dễ uốn nắn. Chất ấy là Cha và Mẹ, Tinh thần và linh hồn của Dĩ thái hay là cảnh giới của hình tròn. Khi không gian chưa hoạt động thì ta gọi nó là Mẹ ; khi nó vừa mới hoạt động ta gọi nó là Cha-Mẹ.

Trong kinh Cabale⁽¹⁾ bí giáo Do thái cũng có nói 'Cha - Mẹ - Con'. Nhưng trong Giáo lý Đông phương, 'Cha-Mẹ-Con' là cái Nguyên thể thứ bảy của vũ trụ hữu hình hay là 'Atma-Buddhi-Manas'. Tam vị nhất thể này vươn ra ngoài và chia làm bảy Nguyên thể của vũ trụ và bảy nguyên thể của con người ;


(1) Cabale hay Kabbale là kinh bí truyền của Do thái người ta chép nó trong những chữ khắc. Nó có mặt vào thế kỷ thứ XII. Nó nối tiếp và hoàn tất kinh Talmud là kinh nói về huyền môn, thì đó là Jéhova ái nam ái nữ (mâle-femelle) Jah-Havah.

theo kinh bí giáo Cabale Do thái Tây Phương của các nhà thần bí Thiên Chúa giáo, thì đó là Tam vị nhất thể (la Triade) hay là Thượng Đế Ba Ngôi (la Trinité) và đối với các nhà thần bí và triết gia Đông Phương. Chính đó là điều dị biệt giữa Thượng Đế Ba Ngôi của Bí giáo và của Thiên Chúa giáo.

Các nhà thần bí và các triết gia, những người Đa thần Đông Phương và Tây Phương tổng hợp 'Tam vị nhất thể' này trong một quan niệm trừu tượng thiêng liêng và thuần khiết. Những người theo Chính thống giáo Thiên Chúa lại gán cho Tam vị nhất thể này hình dáng con người. Hiranyagarba, Hari và Shankara là ba Thực thể của Tinh thần tuyệt đối, Tối cao mà địa cầu dùng nó để chào mừng Vishnou khi Ngài hóa thân lần thứ nhất (Premier Avâtar) - là những đặc tánh trừu tượng, triệt để siêu hình của sự sáng tạo, sự bảo tồn và sự phá hủy và là ba Avasthâr, tức là ba Thực thể thiêng liêng của cái gì Bất diệt đối với những vật đã được sáng tạo (hay là Achynta (bất biến) một danh hiệu của Đức Vishnu. Còn những người Thiên Chúa giáo chính thống thì chia vị Thượng Đế Sáng tạo của họ ra Ba Vị⁽¹⁾ và không thừa nhận một vị Thượng Đế nào cao hơn ba vị ấy. Trong Huyền bí học, Thượng đế tượng trưng bằng hình Tam giác trừu tượng (Triangle abstract), Còn đối với những người Chính thống giáo, thì Ngài tượng trưng bằng Hình Lập thể hoàn bị (un cube parfait). Những triết gia Đông Phương cho Thượng Đế Sáng tạo hay cho toàn thể Thân Minh Sáng tạo là những Bhrantidarsanata (là hình dáng giả, là ảo ảnh) vì những vẻ bề ngoài sai lạc nên bị coi là những hình hài vật chất, và người ta giải nghĩa rằng : những vị Thần Minh đó sanh ra do cái quan niệm ảo tưởng của linh hồn ích kỷ đầy cá tính riêng tư (cái nguyên

(1) Ba Vị ấy là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần.

thể thấp thứ năm). Điều này được trình bày, một cách nên thơ, trong bản dịch mới của Kinh Vishnou Purâna do ông Wilson dịch. Nói một cách tổng quát thì Brahmâ có vẻ giống vật chất được tiến hóa và không tiến hóa (Mulaprakriti). Nó cũng có vẻ Tinh thần và Thời gian. Ôi ! Tinh thần, hai lân sanh - là vẻ chánh yếu của Brahmâ tối cao. Nguyên thể kế tiếp có hai khía cạnh hay trạng thái : a) Prakriti là vật chất biến hóa ; b) Thời gian là vật chất trịnh nguyên.

Khi vũ trụ được thức tỉnh trong giai đoạn này, thì người ta biểu tượng vũ trụ đang thức bằng một vòng tròn hơn với cái chấm ở giữa. Dấu hiệu này rất phổ biến. Dấu hiệu này cũng thấy trong kinh bí giáo Do thái nữa. Tuy nhiên kinh ấy bị lọt vào tay những nhà thần bí Thiên Chúa giáo hiện nay, nên họ không biết đến dấu hiệu này ; tuy trong kinh Zohar có nói đến nó. Những kẻ chia rẽ này bắt đầu bằng đoạn chốt và lấy hình này  tượng trưng cho vũ trụ Tiên Sinh (Cronos prégénétique) và gọi là 'Sự hợp nhất của Hoa Hường với Thập Tự giá', đó là sự bí mật vĩ đại của sinh lý huyền bí, cho nên mới có danh từ 'Rose-Croix' hay 'Rosicrucian' (Thánh giá và Hoa Hường).

Như đã thấy, các nhà thần bí tân thời cũng chưa bao giờ hiểu được một trong những biểu tượng quan trọng nhất và phổ thông nhất của môn phái Rosicrucian. Biểu tượng này là tượng trưng con Chàng Bè tự xé ngực ra để nuôi bầy đứa con của nó. Đó là tín ngưỡng thật sự của chư huyh Rose-Croix - là sản phẩm trực tiếp của Giáo lý Bí Truyền Đông Phương.

Người ta gọi Brahmâ (neutre) là Kalahansa (theo sự giải nghĩa của các học giả Tây Phương khảo cứu văn hóa Đông Phương). Danh từ Kalahansa có nghĩa là con Thiên Nga trưởng tồn.

Đối với Brahmâ, thì người cũng tượng trưng như vậy để chỉ tỏ Thượng Đế sáng tạo. Nơi đây, ta sửa một lỗi lầm trọng đại. Chính Brahman (neutre = trung lập) mà người ta phải nói là Hamsa-Vâhana. Hamsa-Vâhana là Đấng cỡi Thiên-Nga, chớ không phải Brahmâ là Đức Sáng tạo. Bởi Đức Sáng-tạo mới thật là Kâlahamsa. Còn Brahman (trung lập) là Hamsa và Ahamsa cũng như giải nghĩa trong phần bình luận. Phải hiểu rõ những danh từ Brahmâ và Parabrahman, chúng được dùng nơi đây không phải tại chúng là những danh từ bí giáo, mà vì các sinh viên Tây Phương quen thuộc với chúng hơn. Cả hai danh từ này đều hoàn toàn tương đương với các danh từ : một, ba và bảy, tượng trưng cho Đại thể Duy nhất, 'Đấng Duy nhất Tuyệt đối'. Đó là những quan niệm căn bản của Giáo lý Bí truyền.

Nơi đây không phải là chỗ để bênh vực hay chứng minh sự hữu lý đương nhiên của những quan niệm này mặc dầu những triết lý xứng đáng đều có nó. Mỗi khi độc giả hiểu biết rõ ràng về những quan niệm trên và ý thức được cái ánh sáng soi tỏ mọi vấn đề của đời sống thì họ không cần đến sự chứng minh trước mắt nữa. Vì thế tôi xin đi tới và đề cập đến các đoạn Thánh kinh được đưa ra trong cuốn sách này. Tôi thêm vào đó một đoạn tóm tắt đại cương, hy vọng rằng : như vậy công việc học tập của sinh viên sẽ được dễ dàng hơn. Muốn vậy, tôi trình bày với sinh viên các quan niệm tổng quát được giảng giải vấn tắt dưới đây.

Như vậy lịch sử của Võ trụ (cũng giống như Thánh kinh Stances giảng giải); cái công thức đại-số trừu-tượng (la formule algébrique abstraite) của sự tiên hóa ấy. Học giả đừng hy vọng tìm thấy ở đây một sự tường thuật về mọi giai đoạn và mọi sự biến đổi xảy ra trong võ trụ cho đến

thời đại của chúng ta đây. Một sự tương thuật như vậy là một việc không sao có thể làm được, mà con người cũng không thể hiểu được : vì y không thể lãnh hội cái bản tính của cảnh giới nào cao hơn cảnh giới hiện hữu của tâm thức y vì tâm thức của y là hạn định.

Những đoạn Thánh kinh Stances đưa ra một công thức trừu tượng, có thể áp dụng được cho mọi hệ thống tiến hóa, áp dụng cho Trái đất nhỏ của ta, áp dụng cho dãy hành tinh này, trong đó có trái đất của ta, áp dụng cho Thái dương hệ này và vân vân ... càng ngày càng lên cao mãi mãi cho tới khi nào cái trí con người bị kiệt lực mệt mỏi ra vì cố gắng quá nhiều. Bảy đoạn Thánh kinh trong cuốn sách này tượng trưng cho bảy giai đoạn của công trình trừu tượng nói trên. Chúng trình bày bảy giai đoạn vĩ đại của diễn trình tiến hóa đã được đề cập đến trong kinh Purâna như là 'Bảy lần Sáng tạo' và được miêu tả trong Bản kinh Thiên Chúa giáo như là 'Những ngày Sáng tạo'.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 7

BẢY ĐOẠN THÁNH KINH STANCES DE DZYAN

Đoạn Thánh kinh I -

Miêu tả cái trạng thái của Đại thể Duy nhất trong thời kỳ Ngồi nghĩ trước khi vũ trụ rộng mình tỉnh dậy và hiện ra.

Một lúc suy nghĩ cho ta thấy rằng : một trạng thái như thế chỉ là tượng trưng mà thôi ; ta không sao miêu tả nó được : bởi vì đó là một trạng thái Tuyệt đối cố hữu. Nó không có một đặc tính nào khiến ta có thể miêu tả sự vật một cách xác định được. Vì vậy ta chỉ phác họa trạng thái bằng những danh từ tiêu cực của những đặc tính trừu tượng nhất mà con người cảm biết hơn là hiểu được. Đó là cái biên giới xa xôi nhất mà họ có thể ý niệm được.

Đoạn Thánh kinh II -

Đối với tư tưởng Tây Phương thì đoạn này miêu tả một trạng thái gần giống với đoạn Thánh kinh I. Như thế là để nói rằng : muốn miêu tả sự dị-biệt giữa hai đoạn I và II, thì phải viết trọn vẹn một quyển riêng về đó. Vì thế, người ta phải để cho trực giác và quan năng cao cả nhất của độc-giả cố gắng hiểu lấy ý nghĩa của những câu ngụ ngôn trong sách. Quả thật, những đoạn Thánh kinh này cần được hiểu bằng những năng khiếu nội tâm hơn là bằng sự hiểu biết thông thường của trí óc.

Đoạn Thánh kinh III -

Miêu tả sự tỉnh thức của vũ trụ để sống lại sau thời kỳ ngơ ngẩn. Nó miêu tả sự biểu lộ của Chơn Thân từ trạng thái ngủ yên trong lòng Đấng Duy Nhất. Đó là giai đoạn đầu tiên và cao cả nhất trong sự tạo lập các bầu vũ trụ. Danh từ 'Chơn Thân' (Monad) cũng có thể áp dụng cho Thái Dương hệ vĩ đại nhất, cũng như hạt nguyên tử bé li ti.

Đoạn Thánh kinh IV -

Diễn tả sự biến hóa của Mãn vũ trụ, thành Hệ thống Thân Minh với bảy đẳng cấp với những Uy quyền thiêng liêng có ý thức. Những uy quyền này là những cái biểu lộ linh động của Thân lực Tối cao và Duy nhất.

Bảy vị Thân Minh (Uy Quyền này đóng khung, đắp hình, tóm lại, các Ngài là những Bậc Sáng tạo trọn cả vũ trụ hữu hình với cái ý nghĩa độc nhất, khiến ta hiểu được danh từ 'ĐẰNG SÁNG TẠO' là gì ?

Các Ngài cho vũ trụ một cái hình thể và diu dắt nó. Các Ngài là những Đấng Thân Minh điều hòa và kiểm soát sự Tiến hóa. Các Ngài là hiện thân của Định luật Duy nhất mà ta gọi là 'Định luật Thiên nhiên'. Thường thường, các Ngài được biết dưới danh hiệu 'Hành tinh Thượng Đế' (Dhyân Chohan) mặc dù mỗi nhóm lại mang tên riêng trong Giáo lý Bí truyền.

Trong Thân thoại Ấn Độ, người ta gọi giai đoạn Tiến hóa này là 'Sự Sáng tạo Thân Minh'.

Đoạn Thánh kinh V -

Miêu tả sự thành lập thế giới. Trước tiên, vật chất của vũ trụ rải rác khắp nơi, rồi đến 'Luồng gió lốc bằng lửa' nổi lên. Đó là giai đoạn đầu tiên để tạo ra một tinh vân. Tinh vân này đông đặc lại, và sau nhiều lần biến hóa, nó trở thành một Thái dương hệ hay một dãy Hành tinh, hay một hành tinh đơn độc, tùy trường hợp.

Đoạn Thánh kinh VI -

Chỉ những giai đoạn kế tiếp của sự tạo lập một bầu Hành tinh. Nó cũng miêu tả sự tiến hóa của thế giới đó từ ban sơ đến chu kỳ vĩ đại thứ tư của nó, chính là cái chu kỳ của chúng ta đang sống đây.

Đoạn Thánh kinh VII -

Tiếp tục kể chuyện và phác họa cuộc hành trình của Sự Sống nhập vào vật chất cho tới lúc có hình hài con người. Đến đây là hết cuốn I của bộ sách 'Giác lý Bí truyền'.

Cuốn III và IV sẽ nói đến sự phát triển của con người từ khi có mặt trên trái đất trong cuộc Tuần huấn này cho tới trạng thái hiện tại của y.

Người ta dùng ngôn ngữ kim thời để dịch trọn quyển Thánh kinh, vì nếu dùng cổ văn của nguyên bản, thì đề tài trở nên khó khăn hơn với cách hành văn và danh từ lạ lùng làm cho rối trí thêm.

Có những đoạn được trích từ những bản dịch ra tiếng Trung Hoa, Tây Tạng, Bắc Phạn, nguyên bản là những lời bình luận và chú thích viết bằng tiếng Senzar thuộc về Thánh kinh Dzyan, nay lần đầu tiên được dịch ra một ngôn ngữ Âu Châu. Bảy đoạn Thánh kinh chỉ được trình bày có một phần mà thôi. Nếu trình bày ra hết thì không ai hiểu cả, trừ phi những nhà huyền môn cao cấp. Tác giả sách này, hay nói đúng hơn, là kẻ hèn mọn này ghi chép kinh cũng không hiểu nữa.

Để dễ đọc và khỏi phải luôn luôn xem những chú thích ở cuối trang, người viết nghĩ rằng tốt hơn là xếp nguyên văn với những lời chú thích gần bên nhau, và chỉ dùng những tên riêng Bắc Phạn và Tây Tạng khi nào không tránh được, hơn là đưa nguyên văn ra.

Ta càng nên làm như thế : vì những danh từ nói trên đều là những tiếng đồng nghĩa và danh từ Tây Tạng chỉ được dùng giữa Sư Phụ và đệ tử mà thôi. Vì vậy, khi dịch kinh ra Anh văn, nếu chỉ dùng những danh từ và những tiếng chuyên môn giống như trong bản kinh viết bằng tiếng Tây Tạng và Senzar thì đoạn Thánh kinh I sẽ như vậy :

'Tho-ag trong Zhi-gyu ngũ yếm trong bảy Korlos Zos-
manas Zhiba. Tất cả Ny ug ngục vân vân ...'

Như vậy còn ai hiểu được gì nữa ? ... Bởi lẽ tác phẩm này soạn ra để cho các nhà huyền môn học, chứ chẳng phải để cho các nhà ngữ-học dùng. Chúng ta nên tránh những danh từ ngoại quốc có thể tránh được.

Những danh từ tiếng Bắc Phạn dùng nơi đây là những danh từ mới phát triển và liên quan đến Giông dân chánh thứ năm.

Nếu độc giả không phải là người Thông Thiên Học, thì nếu muốn, xin hãy coi tất cả những điều sẽ được trình bày ra sau đây như là một câu chuyện thần tiên, hay hơn nữa, như là những sự suy luận vô bằng cớ của những kẻ mơ mộng, hoặc thấp hơn nữa, xin hãy coi đó là một giả-thuyết được thêm vào nhiều giả-thuyết khoa học khác của dĩ vãng, hiện tại và tương lai. Trong những giả-thuyết này, có cái được công bố rồi, có cái còn do dự, chưa được công bố. Các khía cạnh khoa học của Giáo lý Bí truyền không kén những lý thuyết khác được mệnh danh là 'khoa học', và dù sao thì nó cũng đáng tin hơn và có tính cách triết lý hơn.

Ngoài phân giải nghĩa và bình luận cần thiết và phong phú, có những điều ghi chú để tham khảo ở mỗi trang sách và được đánh dấu theo lối thông thường. Còn những câu kinh được bình luận, thì được đánh dấu bằng những mẫu-tự.

Trong những Chương nói về 'Biểu tượng học' có thêm tài liệu khác, các Chương này chứa đầy những điều nên biết hơn là những lời nghị luận.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 8

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH THỨ NHẤT

1 - 'Cha Mẹ muôn năm mặc những lớp áo không bao giờ thấy
đặng, lại lim dim ngủ trong bảy Chu kỳ (Aeon)'.

Cha Mẹ đây là 'Không gian', là Căn nguyên Vĩnh cửu của vạn vật, luôn luôn hiện diện. 'Áo vô hình' của Ngài là nguồn cội huyền bí của mọi vật chất và mọi vũ trụ. Ngài là Thần minh bất khả tư nghi.

Không gian là một điệu Vĩnh cửu Duy nhất mà ta có thể tưởng tượng được dễ dàng hơn hết : Không gian bất biến, bất di dịch trong tính trừu tượng của nó. Nó không bị ảnh hưởng bởi sự vong hay tồn của một bầu vũ trụ thực tại nào. Đâu đâu cũng có nó. Nó không có khuôn khổ nghĩa là không lớn nhỏ, rộng hẹp gì cả. Nó sinh tồn là do nơi Nó.

Tinh thần xạ vào vật chất là sự 'biến' hóa đầu tiên' của cái Đó (Cela) mà cái Đó là cái Nguyên nhân vô thủy (sans cause) của Tinh thần và Vật chất.

Như trong Bản kinh Huyền môn có dạy rằng : 'Cái Đó không phải là cái 'trống không vô biên giới'. Nó cũng không phải là cái 'Đầy tràn hữu hạn', mà Nó là cả hai. Nó đã có từ bao giờ và sẽ có mãi mãi ...'

Thế thì 'những Chiếc áo' đây là chỉ cái ý chất còn khôn chưa biến hóa. Cái ý chất còn khôn này không phải là chất khí mà ta biết ; nó là cái tinh ba tinh thân của chất khí. Nó cũng Vĩnh cửu và Duy nhất với Không gian theo nghĩa trừu tượng của nó. Cái 'Rễ Căn bản' cũng là nguồn cội của tinh chất thanh nhẹ vô hình của vật chất hữu hình. Có thể nói nó là Linh hồn của cái Tinh thân Duy nhất và vô cùng. Người Ấn Độ gọi Nó là Mûlaprakriti và nói rằng : chính cái chất đầu tiên là nền tảng của Upâdhi hay là bản thể của mỗi hiện tượng vật chất, thần linh hay trí tuệ. Chính Nó là nguồn gốc phát sinh tia sáng Akâsha.

Còn 'Bảy Chu kỳ' có nghĩa là những 'Ae ons' (là những 10 triệu năm). Danh từ 'Chu kỳ' trong giáo lý Thiên Chúa không đồng nghĩa với danh từ mà người Á Đông hiểu, trừ ra khi nào áp dụng nó trong câu văn 'Sự Sinh tôn duy nhất ...' Còn danh từ 'Vĩnh cửu' (sempiternel) chỉ nói về tương lai mà thôi, nó cũng là một sự gọi lầm lẫn mà thôi. Những danh từ này trước khi có Giáo hội Thiên Chúa thì không có. Bảy Chu kỳ nghĩa là Bảy thời gian, liên quan đến 7 thời kỳ của Manvantara hay là một Đại thế (Mahakalpa). Đại thế là 100 năm của Brahmâ, là 311.040.000.000.000. Mỗi một năm của Brahmâ có 360 ngày và 360 đêm. Một ngày của Brahmâ có 4.320.000.000 năm.

Những 'Chu kỳ' này là kết quả của những bài toán bí mật ; và muốn có một tổng số đúng đắn, thì mỗi số phải là 7^x Cái chỉ số (exposant)^x thay đổi tùy theo bản tính của Chu kỳ trong giới thực tại. Còn những số chỉ những Chu kỳ khác nhau từ cái lớn đến cái nhỏ - trong giới trừu tượng - phải là một bội số (multiple) 7^x . Khó mà có chìa khóa của những phép toán này : bởi vì chúng nó có ẩn giấu một sự bí mật huyền môn.

Kinh Cabale nói rằng : 'Số 7 là một Đại Số của sự Bí mật Thiên liêng.' Số 10 là một Đại Số của sự hiểu biết phạm nhơn. (Décade de Pythagore)

Số 1000 là 10x10x10.

Số 7000 cũng là một số biểu tượng.

Trong bộ 'Giáo lý Bí truyền' số 4 là số biểu tượng phái nam, mà chỉ biểu tượng như vậy trên cõi trữu tượng cao nhất. Còn dưới cõi vật chất thì số 3 là số biểu tượng cho phái nam, số 4 là số biểu tượng cho phái nữ. Đường đứng (verticale) và đường ngang (horizontale) trong bậc thứ tư của Biểu tượng học khi biểu tượng được trở thành quyền năng dưới cõi trần.

2 - 'Thời gian đã không hiện tồn, bởi vì nó ngủ trong lòng Vĩnh cửu của sự Trường tồn.'

'Thời gian' chỉ là một 'ảo ảnh' sanh ra bởi sự liên tục của những trạng thái tâm thức, dân theo sự tiến của chúng ta vào nơi Vĩnh cửu Trường tồn. Thời gian không thể có dạng, nghĩa là nó không hiện tồn được ở nơi nào không có tâm thức (mà trong đó cái ảo ảnh này có thể sanh ra). Trong trường hợp đó, Thời gian 'nằm ngủ'. 'Hiện tại' chỉ là con đường do sự tính toán bày ra, để cho nó chia một phần Thời gian mà ta gọi là Tương lai và một phần thời gian mà ta gọi là Đi vãng. Dưới trần này, không có một cái gì có được sự 'lâu bền' thật sự : bởi vì 'không có một cái gì' là bất di bất dịch hoặc là - cứ ở mãi trong trạng thái cũ - dù trong một phần nghìn triệu giây đồng hồ cũng vậy. Nghĩa là trong một thời gian ngắn ngủi nhất, tỷ như một phần nghìn triệu giây đồng hồ, vật nào cũng không thể ở vào trạng thái cũ của nó được. Và cái cảm giác về sự thực tại

của sự chia về thời gian này (là chia hiện tại, tương lai và dĩ vãng) của chúng ta, tỷ như 'thời hiện tại'. Thời hiện tại sở dĩ có là do ta chớp nhìn trong trạng thái mù mờ, hoặc giả. Thời hiện tại sở dĩ có là do sự chớp nhìn của ta liên tục, mà giác quan ta giúp ta, dẫn theo sự vật đi từ cõi lý tưởng mà ta gọi là Tương lai đến cõi ký ức mà ta cho là Dĩ vãng. Cũng giống như thế, chúng ta thực nghiệm một cảm giác về thời gian tính trong trường hợp tia điện xet như chớp, do cái cảm giác tới và liên tục trên võng mạc của con mắt. Người hay vật thật sự không phải hoàn toàn là điều mà người ta thấy được trong một lúc nào đó. Nó là cái kết quả của tất cả điều kiện khác nhau và biến hóa từ lúc hữu hình cho tới khi mất dạng trên địa cầu. Chính những 'cái kết quả tổng quát đó' đã hiện tồn trong Tương lai và nó đi từ đục xuyên qua vật chất để hiện tồn trong Dĩ vãng một cách vĩnh cửu. Người ta không thể nói rằng một khúc sắt kia rớt xuống biển, là khối có mặt ở thế gian lúc mà nó từ giả không khí để chìm trong nước. Và khúc sắt này, chính nó, chỉ là một đoạn sắt, đến một lúc nào đó có thể gặp cõi trí, cõi này vừa chia vừa hợp không khí với biển cả. Cũng như đôi với người và vật, cả hai đi từ Tương lai bước vào Dĩ vãng, chỉ hiện trong một lúc cho giác quan của ta nhận thấy một phần thôi, một phần trong số tổng quát, xuyên qua Thời gian và Không gian (nói về hình thức vật chất của người và vật) trên đường du hành từ vĩnh cửu này đến vĩnh cửu khác. Và cả hai 'vĩnh cửu này' tạo ra cái 'thời gian' đó. Chỉ trong cái thời gian đó thôi, đồ vật mới gọi là 'có' thực sự, đối với giác quan ta.

3 - 'Thuở ấy, cái Trí Huệ vũ trụ không hiện tồn bởi vì không có các Đấng Thiêng liêng để biểu lộ Nó.'

'Trí khôn' hay 'Trí tuệ' là một danh từ để chỉ, một cách tổng quát, những trạng thái của Tâm thức gồm dưới danh hiệu Tư tưởng, Ý chí và Tình cảm. Trong lúc ngủ mê, việc làm của tư tưởng ngưng tại cõi trần và ký ức bị dừng, nên trong lúc đó, trí khôn không hiện tồn, bởi vì cái cơ quan xuyên qua đó Chơn nhưn đồng sẽ biểu lộ tư tưởng và ký ức đã tạm ngưng hoạt động. Một ý niệm không thể trở thành một hiện tượng được trên bất cứ cõi nào. Nó chỉ thành hiện tượng là khi nào nó nhờ một hình thể nào phù hợp với cõi đó để biểu lộ. Ấy vậy, trong những Đêm Ngời nghỉ gọi là Pralaya thì tất cả sự sinh tồn đều mất và cái 'Trí Huệ vũ trụ' chỉ tồn tại như là một quyền năng vĩnh cửu của sự hoạt động của Tư tưởng, hay nói cách khác là cái Trí Huệ vũ trụ giống như một Tư tưởng trừu tượng và tuyệt đối; sự biểu lộ của nó là cái trí khôn cụ thể và tương đối.

Các Đấng Thiêng liêng Ah-hi (hay là các vị Dhyân Chohans) là tập đoàn của muôn ngàn vị Thiêng liêng. Các nhóm Thiên thân (của người Thiên Chúa giáo), những vị Elohim và Truyền tin của người Do Thái là những hình tướng để cho Trí Huệ Thiêng liêng biểu lộ dưới trần. Các vị này là những vị 'Uy lực khôn ngoan' đem ban hành những 'Định luật Thiên nhiên'. Các Ngài cũng thực hiện một phần những định luật ấy trong Thiên nhiên, đồng thời các Ngài cũng tự ban cho mình những Định luật do những Quyền lực cao cấp hơn các Ngài truyền xuống. Tuy nhiên, các Ngài không phải là những 'Hiện Thân của những Quyền lực Thiên nhiên' như người ta lầm hiểu. Những vị Đấng cấp Thiêng liêng này giống

như một đạo binh - thật ra một số rất đông - xuyên qua đố Trí Huệ vũ trụ biểu lộ ra. Đạo binh thiêng liêng này gồm có những quân đoàn, những sư đoàn, những tiểu đoàn và những đại đội vân vân ... Mỗi vị với đặc tính riêng, với sự tự do hành động trong hạn định và với trách nhiệm hữu hạn của mình là một phân tử ở trong một phân tử lớn hơn, mà mình phải phục tùng để được lợi cho mình.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 9

Bình luận tiếp ĐOẠN I - 4

4- Thuở ấy, bảy Con Đường dẫn đến Hạnh Phúc (1) không có (a). Những Nguyên Nhân vĩ đại đưa đến sự khổ không có (2), bởi vì không có một người nào tạo ra chúng nó và không ai bị chúng nó mê hoặc. (b)

a) Có Bảy Con Đường đưa đến Hạnh Phúc Niết Bàn. Bảy Con Đường ấy, thuở đó, không có : bởi vì vũ trụ trống không. Vũ trụ lúc bấy giờ chỉ có trong Tư Tưởng của Đức Thượng Đế.

b) Bởi có 12 Nhân Duyên hay Nguyên Nhân đầu thai. Mỗi Nhân Duyên là kết quả của Nguyên Nhân trước ; và tới phiên nó, nó sẽ là nguyên nhân của cái nhân duyên kế sau đó.

Mười hai Nhân Duyên được căn cứ trên 'Tứ Diệu Đế' là giáo lý đặc biệt của phái Phật giáo Tiểu Thừa (Hinayana). Chúng nó thuộc về lý thuyết cho rằng : mọi vật đều phải chịu dưới một định luật, không thể cưỡng lại được. Định luật

(1) Là Nirvâna = Niết Bàn (Tàu), Neibban (Birma), Moksha (Ấn Độ).

(2) Là Nidâna và Uâya. Ở Tây Tạng người ta nói 12 Nidanas là đại nguyên nhân cho sự đầu thai xuống thế.

Nidâna là Nhân duyên. Thập nhị nhân duyên là : Vô minh, Hành, Thức, Danh-Sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão Tử.

này là hệ gây nhân thì tạo quả, hay nói cách khác là : vạn vật tạo nhân duyên với nhau. Luật Nhân Duyên làm cho ta thấy mãnh lực của Luật Nhân Quả một cách rõ ràng. Đó là một hệ thống căn cứ trên một Chơn Lý vĩ đại mà người ta nghi là thuyết Luân Hồi bởi vì đời sống dưới thế gian chỉ đem đến cho con người toàn là đau khổ, khốn nạn : cho đến sự chết cũng không thể rút khỏi con người ra ngoài cái khổ đặng : bởi vì sự chết chỉ là cái cửa để cho con người đi qua kiếp sống khác dưới thế gian sau khi ngồi nghỉ ở cõi Dêvachan (cảnh Thiên Đàng).

Cái thuyết Hinayâna hay là Trường của Tiểu Thừa, nó có từ thời cổ, còn thuyết Mahâyâna hay Trường của Đại Thừa, là mới có sau ; nó khởi có từ khi Đức Phật Thích Ca tịch. Tuy nhiên, cái giáo lý của Trường này là cái giáo lý rất cổ như núi non. Thật ra, Trường Hinayâna và Trường Mahâyâna chỉ có một giáo lý mà thôi. Yâna hay 'Véhicule' là một danh từ Huyền môn. Cả hai 'Véhicules' (là Thừa) đều cố gắng đưa ra giáo lý rằng : con người có thể tránh sự đau khổ của luân hồi, và cũng có thể tránh sự vui giả của cảnh Thiên Đàng (Dêvachan) bằng cách có được sự Minh Triết và sự Hiểu Biết. Chỉ có hai cái này làm cho ta rũ những kết quả của ảo ảnh và của sự vô minh Mâyá hay là Ảo Ảnh là một yếu tố nó xen vào mọi vật hữu hạn, bởi vì mọi vật dưới trần chỉ có một giá trị tương đối, chỗ chẳng phải tuyệt đối : bởi vì bề ngoài của nó, tùy theo sự phân biệt của xét đoán viên, để hiểu cái ý niệm ẩn bên trong của sự vật ấy. Đối với con mắt không điều luyện của người còn dã man, một bức tranh là một sự tập hợp hỗn loạn, không nghĩa lý gì, của những làn, những nét, những chấm, và màu mè. Còn đối với cặp mắt từng trải thì người ta thấy liền một phong cảnh hay một nhân vật nào. Không có cái chi là vĩnh cửu cả, trừ phi sự Sống ẩn tàng và tuyệt đối, nó chứa đựng ý niệm của mọi thành tựu. Sự sống hiện tồn trong mỗi cõi của sinh linh. Nó ẩn trong mỗi sinh linh cho chí trong Đức Hành tinh Thượng đế (Dhyân-

Chohan) cao nhất. Tuy nhiên tất cả mọi vật này đều có thật một cách tương đối, bởi vì chính nhà quan sát viên cũng là một 'sự phản ảnh' nữa (vì con người là một phần tử phản ảnh của Đức Thượng Đế) ; nên những điều mà con người thấy đều là sự thật đối với mắt của một nhân vật phản ảnh ấy. Muốn biết sự thật của đồ vật đến mức nào, thì phải quan sát chúng nó trước hoặc sau khi chúng nó thuộc về cõi vật chất, vì ở cõi vật chất, chúng ta dùng giác quan (cũng thuộc về cõi nào mà tâm thức của chúng ta đang hoạt động, và những đồ vật ở tại cõi ấy, là những đồ vật thực sự tạm thời đối với chúng ta lúc này mà thôi. Nhưng dần theo sự tiến hóa cao hơn của chúng ta, chúng ta sẽ thấy rằng : trong những giai đoạn mà chúng ta đã trải qua, chúng ta đã tưởng lầm những 'cái bóng' là những điều có thật. Và sự tiến lên của một Chơn Nhơn là một loạt thức tỉnh càng bữa càng nhiều. Mỗi một bước tới là chỉ tỏ đã đoạt được cái Tâm Thức Tuyệt Đối, và hòa được tâm thức của chúng của chúng ta với Nó, là chừng ấy chúng ta mới giải tỏa dạng Hư Ảo do Mây tạo ra.

Bình luận tiếp ĐOẠN I - 5

5- Chỉ có Bóng Tối (a) tràn đầy khắp Cõi Vô Biên : bởi vì Cha, Mẹ, Con (b) một lần nữa là Một và Con chưa được thức tỉnh để thực hành Cuộc Tuần hoàn mới và sự Hành hương trong cuộc Tuần hoàn đó.

a) Bóng tối là Cha-Mẹ, Ánh Sáng là Con của Cha-Mẹ đó. Ấy là ngụ ngôn Phương Đông xưa. Ánh Sáng là điều Bất khả tư nghị (là không thể tưởng tượng hay suy luận được), trừ phi khi nó có nguồn cội. Trong trường hợp của Ánh Sáng đầu tiên thì Nguồn cội của Nó ta không biết được, như đó ta gọi là 'Bóng tối' theo sự hiểu biết của hạ trí.

Còn ánh sáng phụ hay là được mượn bởi một nguồn gốc nào đó thì nó chỉ có tính cách tạm thời hay hư ảo mà thôi. 'Bóng tối' đây - (hay là Ánh sáng đầu tiên mà ta không biết nguồn gốc) - là cái Khuôn đúc Vĩnh cửu, trong cái Khuôn đúc này sanh ra ánh sáng, và cũng chính trong đó ánh sáng biến tan. Trên cõi của chúng ta (là cõi phàm), không có cái chi thêm vào 'bóng tối' để đổi nó thành ánh sáng, và không có cái chi thêm vào ánh sáng để đổi nó thành 'bóng tối'. Cả hai có thể đổi chỗ cho nhau ; và theo khoa học, thì ánh sáng chỉ là một trạng thái của bóng tối, và trái ngược lại. Tuy nhiên, cả hai đều là những hiện tượng của một thực thể khoa học mà thôi. Thực thể này, đối với óc khoa học, là sự tối mịt ; đối với người bí học tâm thường, là sự tối mờ mờ, còn đối với mắt tinh thần của người được Điểm đạo, thì nó là ánh sáng tuyệt đối. Cái mức thấy ánh sáng của chúng ta trong cảnh tối là tùy ở khả năng nhìn thấy của chúng ta. Điều gì đối với chúng ta là ánh sáng, mà đối với vài loài sâu bọ, thì đó là bóng tối ; còn đối với nhà có thân nhãn, nó là ánh sáng chói lòa. Người tâm thường thấy bóng tối, người có thân nhãn lại thấy ánh sáng. Khi trọn cả vũ trụ chìm trong giấc ngủ (Pralaya) - (khi nó trở về với nguyên tố căn bản duy nhất của nó) - thì không có trung tâm ánh sáng nào, hoặc con mắt nào để trong thấy ánh sáng. Như đó mà bóng tối tràn đầy Vũ trụ Vô biên.

b) 'Cha và Me' là những nguyên lý 'âm', 'dương' trong Thiên nhiên Cội rễ, là những đối-cực biểu lộ trong vạn vật, trên mỗi cõi của Càn khôn, hay nói cách ít trừu tượng, âm, dương là Tinh thần và Vật chất. Tinh thần và Vật chất phối hợp nhau ; kết quả là sanh 'Con' hay là 'Vũ trụ'. 'Cha, Mẹ, Con' một lần nữa hợp nhất trong thời Ngồi nghỉ (Pralaya) là trong Đêm của Brahmâ. Vạn vật trong Vũ trụ hữu hình trở về với Căn nguyên Duy nhất Trường tồn và Nguyên thủy để rồi hiện lên trong buổi Bình minh kế (là Manvantara kế).

Điều này tái diễn từng Chu kỳ. Kâra - là cái Căn nguyên Trường tồn - thì đơn độc. Để giải nghĩa rõ hơn, chúng ta nói rằng Kâra đơn độc trong những Đêm của Brahmâ. Vũ trụ hữu hình thời trước đã tan rã trong cái Căn nguyên Trường tồn, Nguyên thủy và Duy nhất của Nó. Và người ta có thể nói rằng : vũ trụ lại tan loãng trong Không gian để rồi được biến hóa và kết tinh lại trong buổi Bình minh của Đại Kiếp kế.

Đó là khởi đầu của một Ngày Mới hay một Sự Hoạt động mới của Brahmâ. Brahmâ là biểu tượng của Vũ trụ. Nói theo bí giáo thì Brahmâ là Cha Mẹ Con hay Tinh thần hoặc Linh hồn và Hình thể. Mỗi một 'Thứ' là tượng trưng một đức tánh và mỗi đức tánh hay đặc tánh là một lượng sóng có mức độ của Hơi Thở của Đức Thượng Đế trong sự biến hóa của Nó và trong chu kỳ, lúc Nhập thể (involution) và lúc Xuất thể (evolution). Theo ý nghĩa Căn khôn Vật chất, thì đó là Vũ trụ, Dây Hành tinh và Địa cầu. Còn theo ý nghĩa thuần túy tinh thần, thì đó là Đức Thượng Đế Huyền Vi, Đức Hành Tinh Quân, và Con Người. Con Người, là 'Con' của hai Ngài, là kết quả của Tinh thần và Vật chất, và cũng là biểu lộ của hai Ngài, - trong chu kỳ hiện diện của hai Ngài - trên Địa cầu, lúc 'Bánh Xe' quay hay trong thời kỳ 'Đại Kiếp' Manvantara.

Bình luận tiếp ĐOẠN I - 6

6 - Bảy Đấng Tối Cao và Bảy Chân Lý không còn có nữa (a), và Vũ Trụ - là Đứa Con Tất Yếu - trâm mình trong Paranishpana (b), để rồi nhờ Hơi Thở vừa có, mà cũng không có, phóng lên. Thuở ấy, không có gì cả (c).

(a) 'Bảy Đấng Cao Cả' này là Bảy Đấng Thiêng liêng sáng tạo, là Thất vị Huyền Thiên Thượng Đế hay Hành tinh Thượng Đế. Các Ngài tương đương với các Vị Elohim của Do Thái giáo. Đó cũng giống như Đấng cấp Đại Thiên Thân, trong ấy có Thánh Michael, Thánh Gabriel và các vị Thánh khác trong Thân thống Thiên Chúa giáo. Tuy nhiên, theo Khoa Thần thông Thiên Chúa giáo, chính thống La Mã, thì Thánh Michael được giao giữ những vịnh (golfs) và những mũi đất hướng ra biển; còn theo khoa bí truyền, thì các vị Dhyanis (là các vị thiêng liêng từ Đức Hành tinh Thượng Đế cho chí các vị Thiên thân vô sắc tướng - Dict. Rhéa) - trông coi liên tiếp một trong những cuộc Tuần huấn và những giống dân chánh lớn của Dãy Hành tinh. Người ta còn dạy rằng: các Ngài đưa đến quả địa cầu những vị Bồ tát của các Ngài, là các vị Dhyani-Bouddhas (Vô-Tướng-Phật) trong mỗi cuộc Tuần huấn và mỗi giống dân.

Trong bảy 'Chân lý' hay 'Thiên Khải', hay 'những điều bí mật được tiết lộ', chúng ta mới biết có bốn điều: bởi vì chúng ta chỉ ở trong cuộc Tuần huấn thứ tư, và chính vì lẽ đó mà chúng ta mới có được bốn vị Phật. Đây là một vấn đề rất phức tạp, sau này sẽ được giải rộng thêm.

Những Phật tử và những người Ấn Độ giáo đến nay đều nói rằng: 'Chỉ có Bốn Chân lý và Bốn Kinh Phệ-Đà (Védas) thôi.' Chính vì lẽ tương tự như vậy mà Irénée nhấn mạnh về sự cần thiết của Bốn kinh Phúc Âm. Nhưng vì mỗi một giống dân chánh mới ở đâu một cuộc Tuần huấn phải có những điều Tiết lộ riêng, và những nhà Tiên tri riêng của nó. Cuộc tuần huấn kế tiếp sẽ đem lại Kinh Phúc Âm thứ năm, và cuộc tuần huấn thứ sáu kế tiếp sẽ đem đến Thánh kinh Phúc Âm thứ sáu và cứ thế về sau ...

(b) 'Paranishpanna' là sự Hoàn thiện tuyệt đối mà mọi sinh linh phải đạt được sau thời gian đã hoạt động, hay là Mahâ-Manvantara (Tối đại Kiếp). Kế thời gian đó là

thời gian ngơi nghỉ mà mọi sinh linh đều ngưng hoạt động. Tiếng Tây Tạng gọi 'Paranishranna' là 'Yong Grub'. Từ xưa cho đến thời kỳ của Phái Yogacharya thì tính chất thật sự của Paranirvâna (là Đại Niết bàn) được công truyền, nhưng từ đạo đó trở đi, giáo lý ấy trở thành bí truyền. Như đó mới sanh ra nhiều lời bình luận mâu thuẫn, chỉ có nhà lý tưởng chơn chánh mới hiểu được nó mà thôi. Muốn thấu hiểu điều đó và lãnh hội thế nào là vô ngã, là sự trống rỗng, là Bồng Tối (chúng nó là Tam Vị Nhất thể) và muốn thấu hiểu chỉ có chúng nó là hoàn thiện, là tự mình sống lấy mình thôi thì phải xét suy tất cả, bằng lý tưởng, chỉ trừ Paranirvâna. Sự hoàn thiện nói đây là sự hoàn thiện tương đối, bởi vì nó phải nhường bước cho một sự hoàn thiện tuyệt đối, với một mức độ thiện mỹ hơn trong những thời kỳ hoạt động kế tiếp, như được một đóa hoa toàn hảo phải không còn là một đóa hoa toàn hảo nữa và nó phải chết đi để trở thành một cái toàn hảo, nếu ta có thể so sánh một cách thô sơ như thế ấy được.

Giáo lý bí truyền giảng về sự phát triển dần dần mọi vật, từ các thể rời cho chí các hạt nguyên tử, và sự phát triển phi thường này không có sự khởi thủy có thể hiểu đặng hoặc một sự kết chung có thể tưởng tượng được. Cái 'vũ trụ' của chúng ta chỉ là một đơn vị trong vô số đơn vị chúng nó tất cả, chỉ là những 'đứa con' cần thiết. Chúng là những cái khoen của sợi xích vĩ đại của cần khôn. Mỗi vũ trụ là hậu quả của vũ trước và là cái nguyên nhân của cái vũ trụ sau.

Sự 'hiện' và sự 'tan' của vũ được diễn tả như một cái 'hít vô' và cái 'thở ra' của một Hơi thở vĩ đại và trường tồn. Hơi thở này - khi nó vận hành - là một trong ba biểu tượng của sự Tuyệt đối. Còn hai biểu tượng kia của sự Tuyệt đối là : 'không gian trừu tượng' và 'sự tồn tục' (l'Espace Abstrait et la Durée). Khi Hơi thở vĩ đại được

phóng ra, người ta gọi nó là Hơi thở Thiêng liêng, và được coi là Hơi thở của Thượng Đế bất khả tri -là Sự sống duy nhất- Đức Thượng Đế thở ra -là Ngài phóng ra một tư tưởng và tư tưởng này trở thành vũ trụ-. Và cũng giống như thế, khi hơi thở thiêng liêng bị hít vào, thì vũ trụ tan biến trong lòng Mẹ vĩ đại, lúc đó đang ngủ 'bọc mình trong những chiếc áo luôn luôn không thấy dạng'.

(c) Danh từ : 'vừa có mà cũng vừa không có' là để ám chỉ chính cái Đại Hơi thở ấy -cái Hơi thở mà chúng ta chỉ được phép gọi là Sự Sống Tuyệt đối, chỗ chúng ta không thể dùng trí tưởng tượng diễn tả Nó (Sự Sống đó) dưới một hình thức nào ; để cho chúng ta phân biệt được Nó với sự vô sinh.

Theo Triết lý bí truyền thì : 'Hiện tại, Dĩ vãng, và Tương lai' là một thời gian phức-hợp bởi vì cả ba đều là con số phức tạp, chỉ liên quan đến cảnh giới hữu hình, chỗ không có hiệu lực trừu tượng nào ở trên cõi thật của tư tưởng. Như các Thánh kinh nói : 'Dĩ vãng là hiện tại và cũng là tương lai nữa.' Tuy tương lai chưa có nhưng đã có rồi, đúng với lời dạy của phái Prasanga Madhyamika (là Phái Phật giáo Tây Tạng) mà người đời đều biết qua giáo lý từ khi nó xa giáo lý bí truyền. Tóm lại, ý tưởng của chúng ta về sự 'lâu bên và thời gian' là tùy thuộc ở sự cảm giác của chúng ta theo luật liên tưởng mà thôi. Tuy những ý tưởng này liên quan chặt chẽ với tri thức con người, chúng nó cũng không thực tại được, ngoại trừ trong sự kinh nghiệm của cá tính. Những ý niệm về 'sự lâu bên và thời gian' sẽ tiêu tan, khi con người đi trên đường tiến hóa, làm tan rã ảo-tưởng của đời sống hữu hình.

Vậy thì thời-gian là gì? _Nếu không phải là sự liên tiếp tổng quát của những trạng thái tâm thức của chúng ta? Đây là lời nói của một vị Chân Sư : 'Ta cực lòng vì phải dùng đến ba danh từ không đúng Dĩ vãng, Hiện tại và Tương lai.' ; đó là những cái tri thức đáng tội nghiệp về những

gian đoạn khách quan của một Đại thể chủ quan. Chúng nó không thích hợp để đạt mục tiêu, cũng tỷ như dùng cái búa để chạm trở tinh vi vậy.

Chúng ta phải đạt cho được Paramartha là sự Hiểu biết Chơn lý rất cao để kiểm soát được tâm phàm, bằng không chúng ta sẽ dễ sa vào cạm bẫy của Samvriti (là sự sai lầm, phù du và ảo tưởng).

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 10

Bình luận tiếp ĐOẠN I - 7,8

7- Những Nguyên nhân của sự Sinh tồn đã bị loại bỏ. Cái Hữu hình, trước kia, và cái Vô hình hiện có, đều ngồi nghỉ trong Hư vô Trường tồn, vốn là Thực thể Duy nhất.

(a) Những nguyên nhân của sự Sinh tồn chẳng những ám chỉ về những nguyên nhân vật chất mà khoa học đã biết, mà còn là những nguyên nhân siêu hình. Những nguyên lý của sự siêu hình này là : sự ham sống, vốn là kết quả của Những Nhơn duyên (Nidâna) và Ảo tưởng (Mâya). Cái ý muốn sống này là ý muốn có một đời sống biết cảm giác biểu lộ xuyên qua mọi vật, từ hạt nguyên tử cho chí Ngôi Mặt Trời. Cái ý ham sống đó là một phản ảnh của Tư tưởng Đức Thượng Đế. Ngài phóng Tư tưởng ấy ; đời sống hữu hình, như một Định luật, muốn rằng : Vũ trụ phải có. Theo giáo lý bí truyền, cái căn nguyên thực sự của sự 'muốn sống' (mà ta giả định đó) và của mọi đời sống thì luôn luôn được giữ bí mật. Và khi sự ham sống, lần đầu tiên phát tán ra thì đó là những sự trừu tượng tuyệt đối mà trí con người không thể hiểu được. Ta phải xem những điều trừu tượng này như là cái căn nguyên của Vũ trụ hữu hình, hiện ra trước giác quan và trí khôn (dạ đó con người mới biết được) ; cần phải dùng chúng nó để làm nền tảng để hiểu những mãnh lực phụ thuộc và yếu ớt của Thiên nhiên mà quân chúng của mỗi thời đại nhân-cách-hóa và thờ phượng như 'Thượng Đế' và 'các Thân Minh'.

Không thể quan niệm một vật gì mà vô nguyên-nhân dạng, nếu rón quan niệm như vậy thì trí ta sẽ là một sự trống rỗng. Sự trống rỗng này là trạng thái dĩ nhiên của cái trí lúc sau cùng, khi ta cố gắng dò lân từ trước đến sau, cái râu chuỗi 'Nhân' 'Quả'. Nhưng khoa học và tôn giáo đều vội vàng nhảy vào trạng thái trống rỗng đó : bởi vì cả hai đều không hiểu được những điều trừu tượng và hình/nây lại là những căn nguyên duy nhất có thể hiểu được cội hũu hình vật chất này mà thôi. Những điều trừu tượng đó càng ngày càng trở nên cụ thể, khi chúng nó xê gần đến cội hông trần của chúng ta, cho tới mức cùng tột là nó biến thành 'hiện tượng', dưới hình thức vũ trụ hũu hình, do phương pháp biến đổi từ siêu hình ra hũu hình, cũng giống như hơi nước đông đặc lại biến đổi ra nước và nước đông đặc lại biến đổi ra nước đá.

(b) Cái ý niệm 'Hư vô Trường tồn' tức là 'Thực thể Duy nhất' dường như là một điều mâu thuẫn cho ai không nhớ rằng : chúng ta hạn định những ý niệm Sống của chúng ta đến cái tâm thức hiện hũu của chúng ta, khiến nó trở thành một danh từ đặc biệt thay vì một danh từ chỉ định chung-loại. Một thai nhi -chưa sanh- nếu nó suy nghĩ được thì dĩ nhiên nó sẽ hạn định tri thức của nó về đời sống nội tâm trong phạm vi tử-cung : vì nó chỉ biết có cái lối sống ấy. Và nếu nó rón sức diễn tả trong tri-thức của nó về quan niệm sau khi sanh ra đời (sự sanh ra đời là sự chết đối với thai nhi), thì chắc chắn nó sẽ nói rằng : đời sống ngoài bụng mẹ là 'Hư vô', là 'Thực sự' vì nó thiếu tài liệu và năng khiếu để hiểu những tài liệu đó. Trong trường hợp chúng ta, cái Thực thể Duy nhất là ý niệm của mọi ý niệm, chúng là nền tảng của tất cả hiện tượng, và truyền lại cho những hiện tượng ấy một vẻ thực

tại của chúng nó, mà hiện giờ chúng ta không thể biết dạng, bởi vì chúng ta thiếu giác quan và trí khôn cần kíp để hiểu biết. Bụi vàng rất mịn ở rải rác trong một tấn quặng vàng ; mắt người thợ mỏ không thể thấy được, nhưng chẳng những y biết có vàng trong đó mà y còn biết chính những nguyên tử vàng đó làm cho khối quặng có giá trị. Và chính sự liên quan giữa quặng và vàng nẩy khiến cho chúng ta hình dung được phần nhỏ nào sự liên quan giữa ý niệm và hiện tượng. Chỉ có thợ mỏ nhìn ra được vàng, khi nó rút ở quặng ra. Còn những người thường thì không sao hiểu được cái thực tướng của sự vật khi nó bị tấm màn Ảo tưởng phủ kín ; và khi nó lìa xa sự vật. Chỉ có người được Điểm Đạo, có nhiều kiến thức của bao thế hệ truyền lại, mới hướng được 'Con mắt Dangma' (là mắt của người được Điểm Đạo cao nhất - Dictionnaire Rhéa) và chất tinh hoa của sự vật Ảo tưởng không ảnh hưởng được chất tinh hoa nầy. Chính nơi đây, những giáo lý của Triết Học Bí Truyền về sự liên quan với Nhơn Duyên và 'Tứ Diệu Đế' (les Nidânas et les quatre Vérités) trở nên hết sức quan trọng, nhưng chúng nó được giữ bí mật.

8- Chỉ có cái tướng duy nhất của sự Sống, đơn độc (a) tràn lan Vô biên, Vô thủy Vô chung, trong giấc ngủ không mơ (b) và sự Sống rung chuyển khắp cùng một cách vô tri, trong Vũ trụ Không gian trước sự Hiện diện Tuyệt đối nầy, mà 'Con Mắt Giác Ngộ' của Dangma cảm thấy được.

Tư tưởng tân thời có xu hướng quay về cái ý niệm rất cổ là những sự dị biệt do một nền tảng đồng nhất mà ra (hay nói cách khác) - sự đồng nhất sanh ra sự dị biệt.

Các nhà sinh vật học hiện nay đang tìm cái nguyên-sinh-chất đồng-nhất của họ và nhà hóa-học thì tìm chất 'protyle' của họ. Còn nhà khoa học thì tìm cái mãnh lực nào khi được biến hóa thì phát sinh ra điện lực, từ lực và nhiệt độ v.v...

Giáo lý bí truyền mang ý niệm này vào lãnh vực siêu hình và yêu cầu chấp nhận 'chỉ có một tướng duy nhất của sự Sống' như là nền tảng và nguồn cội của vạn vật. Nhưng có lẽ câu văn 'chỉ có hình thể của sự Sống' không được hoàn toàn đúng. Danh từ Bắc Phạn Prabhavâpyava là 'chỗ' hay 'cảnh giới' là nơi phát sinh ra vạn vật và cũng là nơi mà vạn vật trở về, như nhà bình luận gia đã nói. Đó không phải là 'mẹ của thế gian' như Ông Wilson dịch, bởi vì theo lời Ông F. Edward Hall, thì 'Jogad yoni' không phải là 'Mẹ của thế gian' hay là 'cái tử cung chứa đựng thế gian' mà là 'cái căn nguyên vật chất của thế gian'.

Các nhà bình luận kinh Purâna giải nghĩa đó là 'Karana' (căn nguyên), nhưng nhà triết học bí truyền lại cho đó là 'Cái tinh thân lý tưởng của cái căn nguyên ấy'. Theo nhà triết lý Phật giáo thì đó là 'Svabhâvat' là Nhân và Quả trường tồn, hiện diện khắp nơi, nhưng trừu tượng, là cái Tinh hoa mềm dẻo và Cội rễ của vạn vật, được quan niệm dưới góc cạnh nhị-nguyên cũng như tín đồ Védanta nhận xét về Parabrahman và Mulaprakriti. Cả hai là 'Một' dưới hai trạng thái. Thật ra, dường như một sự kỳ lạ khi ta thấy nhiều nhà đại thông thái nghiên cứu về khả năng của triết học Védanta, và nhất là triết học Uttara Mimânsa lại cho rằng : những học thuyết đó đều do giáo lý Phật giáo mà ra, nhưng trái lại, chính Phật giáo - giáo lý của Đức Phật Gau tama- đã được gọi lên và hoàn toàn căn cứ trên các nguyên lý của Giáo lý Bí truyền, mà người ta đang cố gắng

phác họa nơi đây một phần nào. Chính Thánh kinh Upanishad cũng được căn cứ trên Giáo lý bí truyền này.

Theo giáo lý của Shri Shankarâchârya thì không thể phủ nhận được lời tranh biện này.

(b) 'Giác ngủ không chiêm bao', theo Giáo lý bí truyền Đông Phương, là một trong bảy trạng thái của Tâm thức. Trong mỗi trạng thái này, một thành phần của cái trí lại tác động ; hãy nói theo người Vêdanta, thì cá nhân trí thức được cõi khác hơn là cõi của y đang ở. Danh từ 'Giác ngủ không mơ' trong trường hợp đó, được áp dụng - một cách tượng trưng - cho vũ trụ, để diễn tả một trạng thái gần giống như trạng thái tâm thức trong cơn người lúc thức, không nhớ mình đã làm gì, giấc ngủ của y như là một sự trống rỗng ; nó giống như giấc ngủ của người bị thôi miên ; khi trở về trạng thái bình thường, người bị thôi miên thấy trong lòng trống trải, không nhớ gì cả, dù y đã nói, đã làm như một cá nhân tỉnh táo.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 11

Bình luận tiếp ĐOẠN I - 9

9- Nhưng ở đâu là 'Dangma' Linh hồn trong sạch, khi linh hồn (Alaya) của Vũ trụ đang ở trong Paramârtha, (Tâm thức Tuyệt đối) và khi Bánh Xe lớn (Đại Luân xa) là cõi Đại Niết bàn (Anupadaka).

(a) Nơi đây chúng ta bình luận đến vấn đề mà từ bao thế kỷ vốn là mầm cái vả. Hai danh từ Alaya và Paramârtha là nguyên nhân của một số lớn tranh luận trong các Trường Triết học, người ta chia cắt chân lý ra nhiều khía cạnh. Như đó mà hai danh từ ấy hơn mọi danh từ thân bí khác.

Alaya hay là Anima Mundi là Linh hồn của thế gian, hay là Đại hồn của Emerson. Theo Giáo lý bí truyền thì Đại hồn của Emerson biến đổi hẳn tánh theo chu kỳ. Dù Alaya tự trung vốn là trường tồn, bất di, bất dịch trên những cõi cao siêu của con người, hay của những vị Thân minh vũ trụ (như các vị Dhvâni Bouddha : Vô tướng Phật) không thể vói đến, nó cũng vẫn biến đổi trong thời kỳ hoạt động ở những cảnh giới thấp, trong đó có cõi trần của chúng ta. Trong lúc đó, chẳng những các Vô tướng Phật nhập một với Alaya bằng linh hồn và bằng Tinh túy, mà chỉ con người giỏi về Du-già (Yoga) (bằng cách tham thiên huyền bí) cũng có thể hợp nhất linh hồn mình với Alaya, như

như Đức Aryasanga của phái Yoga charya đã nói. Trạng thái nhập hồn vào Alaya không phải là trạng thái nhập Niết bàn mà cũng tương tựa như vậy. Do đó mới có sự bất đồng ý kiến. Thế rồi, trong khi phái Yogacharya của Đại Thừa nói rằng : Alaya (Alaya theo Tây Tạng là Nying po va Tsang) là hiện thân của sự trống không. Nhưng Alaya là nền tảng của mọi vật hữu hình và vô hình. Và dù Alaya trường tồn và bất biến trong tinh thần của nó, nó vẫn tự phản chiếu trong vạn vật của vũ trụ giống như vầng trăng soi trên mặt nước trong suốt và êm ả, các môn phái khác tranh luận về lời tuyên bố này. Đối với danh từ Paramârtha thì cũng vậy. Những vị Yogacharya cho rằng danh từ Paramârtha là điều phải tùy thuộc vào các vật khác (paratantras). Phái Madhyamikas cho rằng Paramârtha bị hạn chế tới Paranishpanna hay là sự toàn thiện tuyệt đối ; nghĩa là trong khi trình bày 'hai Chân lý trong bốn Chân lý', môn phái trước tin tưởng và chủ trương rằng : tại cõi trần này, dù sao, cũng chỉ có Samvritisatya hay là Chân lý tương đối. Trong quyển Aphorisms of the Bodhisattva có câu này : 'Hỡi nhà sư hành khát ơi ! không có một vị La hán nào đoạt được sự hiểu biết tuyệt đối trước khi nhập một với Đại Niết bàn (Paranirvana). Parikalpita và Paratantra là hai kẻ đại thù của vị ấy.' Parikalpita (nói theo tiếng Tây Tạng là Kun-tag) là sự lầm lẫn của những kẻ nào không thể biết được bản tính trống rỗng và ảo mộng của vạn vật ; họ tin tưởng ở những cái 'không' mà cho rằng 'có', nghĩa là họ tin ở cái không phải là cái Ngã. Còn Paratantra, dù thế nào đi nữa cũng là đều tồn tại được là nhờ ở một sự liên hệ phụ thuộc hay nguyên thủy, và khi căn nguyên sinh ra nó bị mất đi, thì nó cũng mất theo, tỷ như ngọn lửa và trái tim vậy. Nếu ta phá hủy trái tim, hay ta tắt đèn thì ánh sáng cũng biến mất.

Khoa Triết học bí truyền dạy rằng : vạn vật đều sống và có tâm thức. Nhưng không phải mỗi sự sống và mỗi tâm thức đều giống với sự sống và tâm thức của con người, đến đời chúng nó cũng không giống với sự sống và tâm thức của thú vật nữa. Chúng ta xem sự sống 'cũng như một hình thức sinh tồn duy nhất' biểu lộ trong vật chất hay trong cái mà ta chia ra (một cách sai lầm) là tinh thần, linh hồn và vật chất của con người.

Vật chất là dụng cụ mà linh hồn dùng để tự biểu lộ tại cõi sinh tồn này (là cõi trần). Và linh hồn là dụng cụ mà tinh thần dùng để tự biểu lộ tại cõi cao hơn. Ba cái hình thức đó là : tinh thần, linh hồn và vật chất một Tam thể được liên kết với nhau nhờ sự sống. Nó thấm nhuần tất cả. Cái ý niệm : 'Sự sống vũ trụ' là một trong những ý niệm xưa, nhưng trong thế kỷ này, nó đang quây vè với trí óc con người, như là một kết quả của sự giải thoát khỏi Khoa Thần học chủ trương rằng : Thượng đế có hình dáng con người. Thật ra, khoa học lấy làm mãn nguyện khi phác ra hay đặt ra những giả thuyết về những dấu vết của sự sống vũ trụ. Nhưng khoa học chưa bạo gan để nói lên danh từ 'Linh hồn thế gian'. Cái ý niệm sự sống kết tinh hiện nay quen thuộc với khoa học, nhưng ở nửa thế kỷ trước đây, người ta phủ nhận nó một cách khinh bỉ. Hiện nay, các nhà thảo mộc học đang tìm học các dây thân kinh của cây. Chẳng phải vì họ phỏng định rằng : cây cối có thể cảm và nghĩ như thú vật, nhưng vì họ tin rằng : cần phải có một sự tổ chức giống với sự tổ chức của những dây thân kinh liên quan đến đời sống của con thú mới có thể giải nghĩa sự phát triển và sự dinh dưỡng của nó đặng. Dường như khoa học chỉ dùng những danh từ suông như 'động lực' và 'năng lực' nên chậm hiểu rằng : những vật gì có sự sống là những vật sống;

Chúng nó là những sinh vật, dù chúng nó là những nguyên tử hay những hành tinh.

Nhưng độc giả có thể hỏi : 'những Trường Bí giáo vòng trong tin tưởng như thế nào về điểm đó ?' Còn những Phật tử huyền môn hiểu thế nào về đó ?

Đối với mấy người này, chúng ta sẽ trả lời : 'Alaya có hai và có đến ba ý nghĩa. Theo hệ thống tư tưởng của Phái Yogacharya thuộc về Đại Thừa, ưa trầm tư mặc tưởng, thì Alaya vừa là 'Tĩnh hồn vũ trụ', vừa là Chân ngã của một Đại Chân Tiên.'

Đức Aryachanga là người đối lập với Đức Nâgârjuna, nói rằng : 'Alaya có một đời sống trường tồn và tuyệt đối.' Theo một ý nghĩa, thì đó là Pradhâna, được giải nghĩa trong kinh Vishnu Purana như sau : 'Những nhà hiền giả cao siêu nhất gọi cái căn nguyên chưa tiến hóa một cách trịnh trọng là Pradhâna - tức là nền tảng nguyên thủy.' Nó cũng gọi là Prakriti tinh vi, nghĩa là cái gì trường tồn và cái gì vừa có (hoặc chứa đựng cái gì có) và vừa không có, hoặc giả nói một cách giản dị thì nó chỉ là một sự diễn tiến mà thôi. 'Cái nguyên nhân lộ liễu đồng đều, vừa là nhân vừa là quả, mà những ai đã hiểu những nguyên lý đầu tiên đều gọi là Prâdhana và Prakriti. Cái nguyên nhân ấy là Đấng Brahmâ bất khả tư nghị, đứng trên mọi vật.' Nghĩa là Đức Brahmâ không thúc đẩy sự tiến hóa, Ngài cũng không tạo tác. Ngài chỉ phô bày nhiều trạng thái khác nhau của Ngài: một trong những trạng thái đó là Prakriti, tức là trạng thái của Pradhâna.

Tuy nhiên danh từ Prakriti là một danh từ không đúng; và danh từ Alaya giải nghĩa rõ hơn : vì danh từ Prakriti không phải là Đức Brahmâ bất khả tư nghị. Đó là một sự

lầm lẫn của kẻ nào không biết gì về sự phổ quát của giáo lý huyền môn từ nơi nguồn cội của các giống dân, và nhất là những học giả đã chối bỏ cái ý niệm về 'sự phát-giác đầu tiên' để giảng dạy rằng : linh hồn thế giới (Anima Mundi) là Sự Sống Duy Nhất hay linh hồn vũ trụ, đã được Ông Anaxagora trình bày, hay là nhờ thời đại của Ông làm cho người ta biết đến nó. Nhà triết lý gia này đưa ra giáo lý một cách đơn giản để chống đối với những quan niệm quá duy vật của Ông Democritus về sự tạo lập vũ trụ, căn cứ vào lý thuyết công truyền của Ông, trong sự kết tập một cách mù quáng những nguyên tử. Ông Anaxagoras of Clazomenae, dù không phải là người đã bày ra giáo lý đó, nhưng vốn là người phổ biến nó, cũng như nhà triết gia Platon vậy. Cái điều mà Ông gọi là Trí Khôn của thế gian là Nous (Noûs). 'Nous' vốn là cái Nguyên Lý (theo Ông nghĩ) hoàn toàn riêng biệt với vật chất, hoàn toàn không bị vật chất trói buộc và tác động theo một mục đích đã định. Đó là ý kiến của Ông. Nhưng bên Ấn Độ, từ bao thời đại, 500 năm trước Chúa giáng sinh, người ta đã gọi Nó là sự Chuyển Động, là Sự Sống Duy Nhất hay là Jivâtma. Nhưng chỉ các triết gia Âu Châu không bao giờ gán vào cái Nguyên lý này (mà họ cho rằng vô hạn định), các thuộc tính hạn định của tư tưởng.

Dĩ nhiên, điều này đưa ta đến Tinh thần Tối cao của Ông Hegel và những triết gia Đức theo thuyết Tiêu-nghiêm-luận ; đây là điều mâu thuẫn có lẽ cần nói lên. Những môn phái Schelling và Fichte không đồng ý với quan niệm cổ xưa và căn bản về cái Nguyên lý Tuyệt đối ; và họ chỉ soi sáng một khía cạnh của Giáo lý căn bản Phệ Đà mà thôi. Chờ đến cái Tinh thần Tuyệt đối được Ông Harriman phác họa trong cái triết lý bi quan Vô-trị-thức của Ông, có lẽ

tiêm tiêm với giáo lý Advaita vĩ đại nhất của Ấn Độ ; đó cũng chỉ là một bước tiến của sự suy luận Âu Châu đến Chân lý ; nhưng bước tiến ấy rất còn xa sự thật.

Theo Hegel thì cái Vô tri thức không bao giờ đảm đương một việc vĩ đại và cần cù như thế là giúp vũ trụ tiến hóa, trừ phi với hy vọng hoạch đắc được tâm thức Chơn ngã. Về điểm này, ta nên nhớ rằng trong khi giải nghĩa danh từ Tinh thần (là một danh từ mà người Âu Châu Panthéistes dùng để ám chỉ Trời) thì họ lại vô tri thức, không gán cho từ ngữ Tinh thần cái ý nghĩa thông thường của nó. Họ dùng từ ngữ Tinh thần đó là vì họ không có danh từ nào tốt đẹp để nói lên một sự Bí mật thâm sâu. Họ nói với ta rằng : 'Cái tâm thức tuyệt đối ở sau hiện tượng, vượt khỏi tầm hiểu biết của ta.' Người ta cho nó là vô tri thức vì không có yếu tố tư ngã nào trong đó. Con người không có một ý niệm mạnh mẽ nào về nó, trừ phi sử dụng đến những hiện tượng dựa theo kinh nghiệm. Ý bất lực, vì sự cấu tạo bản thể của ý, không thể vén màn che kín cái oai lực của sự tuyệt đối. Chỉ có tinh thần được giải thoát, và chỉ có một mình nó mới có thể thực hiện một cách yếu đuối cái bản tánh căn cội sanh ra nó và nơi mà, (với thời gian dài đằng đằng) nó phải trở về. Vì đối với Đức Hành tinh Thượng Đế cao nhất, Ngài cũng chỉ biết cúi đầu vì sự chưa hiểu biết của Ngài trước cái bí mật ghê hồn của Đấng Tuyệt đối ; và dù ở tại mức điểm chót vót của sự sống tri thức đó (cá nhân được hiểu nhất với Tâm thức vũ trụ) để nói theo Ông Fichte thì cái hữu hạn không thể nào hiểu nổi cái vô hạn. Cái hữu hạn không thể lấy mức độ của kinh nghiệm riêng của trí mình mà áp dụng cho cái vô hạn : vậy tại sao người ta lại nói rằng : sự vô tri thức và tuyệt đối có thể có một sự thúc động theo bản năng hay là một hy vọng để đoạt được Chân

ngã tri thức riêng biệt ? Hơn thế nữa, một tín đồ Védantine sẽ không bao giờ chấp nhận ý niệm đó của Ông Hegel và nhà huyền bí học sẽ nói rằng : 'Ý niệm này hoàn toàn thích hợp Mahat tinh thức.' Cái Đại trí của vũ trụ đã dội chiếu trong giới hữu hình, như là trạng thái đầu tiên của Tuyệt đối bất biến, nhưng không bao giờ nó thích hợp với tuyệt đối. Chúng ta đã học rằng : Tinh thần và vật chất chỉ là hai cực diện căn bản của Đấng Duy nhất Vô nhị mà thôi.

'Nous' là Thượng trí của con người làm vận chuyển vật chất; linh hồn, sống động và hằng còn trong mỗi nguyên tử, được biểu lộ nơi con người, ẩn tàng trong đá, nó có nhiều mức độ uy lực khác nhau. Và cái quan niệm phiếm thân (nghĩa là nhìn nhận thân linh ở trong vạn vật) là cái quan niệm của mọi triết lý tối cổ. Chất Archée không phải do Ông Paracelse hay đệ tử Ông là Van Helmont phát minh ra : bởi vì chính Archée là Đấng Cha (Père-Ether); nó là căn bản và nguồn cội hữu hình của vô số hiện tượng dưới trần, đã được địa phương hóa. Tất cả vô số suy luận như thế chỉ là biến - thể của một đề tài duy nhất mà âm thanh chánh đại đã được vang lên trong sự tiết lộ đầu tiên này.'

(b) Danh từ 'Anupadaka' (nghĩa là không Cha Mẹ hay không Tổ tiên) là một danh từ huyền bí. Nó có nhiều nghĩa trong nền triết lý của chúng ta. Người ta thường dùng danh từ ấy để ám chỉ những Đấng Thiêng liêng, những Đức Hành tinh Thượng Đế, những vị Vô tướng Phật (Dhyani Boudha) là danh từ Phạn ngữ có nghĩa là sự biểu lộ của Đức Phật trên cõi vô sắc. Các vị Vô tướng Phật tương đương một cách huyền bí với các vị Phật và các vị Bồ tát

còn sống, các vị này thường được gọi là Mânushi (Humain) Bouddha hay là Anupâdaka, khi trọn cả cái tư ngã riêng của các Ngài đã được hợp nhất với cái Nguyên lý thứ sáu và thứ bảy (hay là Atma, Bouddhi) và khi các Ngài có được cái Linh hồn Kim cương (hay là các Đấng Vajrasattva hoặc Mahatma trọn vẹn). Đấng Cao cả ẩn tàng (Sangbai Dag-po), Đấng đã 'trâm mình trong Tuyệt đối' thì không thể có Phụ-Mẫu được vì Ngài là Đấng Tự-Tồn. Ngài đã hiệp nhất với Tinh thần vũ trụ (Svayambhu) Svabhavat trong trạng thái cao siêu nhất. Sự bí mật về đẳng cấp của Anupâdaka là một sự bí mật thâm sâu : chót đỉnh của nó là Đại hồn Vũ trụ và cấp bậc thấp nhất của nó là Mânushi-Bouddha. Mỗi một cá nhân có linh hồn là một Anupâdaka ẩn tàng. Vì vậy, khi ta nói đến vũ trụ, trong cái trạng thái vô hình của nó, trong trạng thái trường tồn và tuyệt đối của nó (trước khi nó được các Đấng Kiến thiết tạo ra hình hài sắc tướng) thì người ta dùng từ ngữ 'Bánh Xe Lớn' (để ám chỉ Vũ trụ) Anupâdaka.

o

o o

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 12

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH II, 1-2

1 - Các Đấng Tạo Tác, các Người con chói sáng của Buổi Bình minh trong thời kỳ Hoạt động ở đâu ? (a)

- Ở trong cõi U Minh huyền bí, trong sự Hoà hảo Tuyệt đối của các vị Vô Tướng Phật, các vị Hành tinh Thượng Đế. Các vị Sáng tạo - sáng tạo từ cái Vô Hình đến cái Hữu Hình - các vị Nguồn cội Thế gian, các Đấng Phụ Mẫu của Thân Minh, các Đấng Tinh ba nguồn gốc của mọi biểu lộ đang ngồi nghỉ trong cõi Tuyệt Phúc của Vô Sinh. (b)

(a) Các Đấng Tạo Tác, các 'Đấng Sáng lòa của buổi Bình Minh trong thời kỳ hoạt động' quả thật là các vị Kiến thiết vũ trụ, và trong Giáo lý Bí truyền này (ta chỉ nói đến hệ thống hành tinh của ta), các Ngài là những Đấng Kiến thiết của Hệ thống Hành tinh này. Người ta cũng gọi các Ngài là 'Đấng Trông nom Bảy bầu'. Theo Giáo lý Công truyền thì bảy bầu đó gọi là Bảy bầu Hành tinh. Còn theo Giáo lý Bí truyền thì đó là bảy bầu thế giới hay bảy bầu hành tinh của Dãy Hành tinh của chúng ta.

Câu mở đầu của Đoạn Thánh kinh I đề cập đến 'Bảy Đại kiếp trường tồn' mà cũng áp dụng cho một Mahakalpa, hay là 'một đời của Brahma'. Nó cũng áp dụng cho Thời kỳ

ngôi nghỉ của Thái Dương H. (Pralaya solaire) và cho sự hồi sinh kế tiếp của Hệ thống Hành tinh của chúng ta nơi cõi cao hơn. Có nhiều thứ thời kỳ nghỉ ngơi khác nhau, (sự tan rã của một vật hữu hình) như sẽ được chứng minh sau này.

(b) Xin nhớ rằng : Paranishpanna là 'Summum bonum' tức là Tuyệt đối nó đồng nghĩa với cõi Đại Niết Bàn (Iara-Nirmana). Và lại, nó chẳng những là trạng thái cuối cùng, mà còn là trạng thái chủ quan, không liên hệ đến vật gì mà chỉ liên hệ đến Chân lý Tuyệt đối (Paramarthasatya). Chính các trạng thái đó làm cho chúng ta hiểu đúng cái ý nghĩa toàn vẹn của Đấng Hư vô là Đấng Tuyệt Đối.

Thật ra, không sớm thì muộn, tất cả cái gì, bây giờ xem dường tồn tại, sẽ đi vào trạng thái tuyệt đối (Paranishpanna). Nhưng sự sống tri thức và sự sống vô tri thức khác biệt rất xa. Cái trạng thái Paranishpanna mà không có paramartha (tức là cái Tâm thức tự phân tích lấy mình, hay là Svasamvédana) không phải là trạng thái Chí phước, mà chỉ là một trạng thái trác nghiệm trong Bảy Đại Kiếp trường tồn. Tỷ như nếu người ta để dưới mặt trời nóng đốt một cục sắt tròn, sức nóng sẽ thấm nhuần cục sắt, nhưng cục sắt sẽ không cảm thấy hay thưởng thức được sức nóng như con người. Chỉ 'với một trí sáng suốt (nghĩa là không bị phạm như che lấp đi) và với sự thông cảm được công trạng của vô số đời sống đang hy sinh cho Đại Thể (toàn thể Vũ trụ đang cảm và đang sống) mà ta mới có thể bỏ được đời sống của tư ngã để hợp nhất với Đấng Tuyệt Đối, đồng thời tiếp tục có tràn đầy Paramartha.'

Bình luận tiếp ĐOẠN II, 2

2 - Thuở ấy, đâu là sự im lặng ? Đâu là những tai để nghe sự im lặng ấy ? Không, thuở ấy không có sự im lặng, cũng không có âm thanh, ^(a) không có gì hết, ngoại trừ Hối thổ trường tồn không bao giờ dứt, chính nó cũng không tự biết dạng nó. (b)

(a) Cái ý niệm rằng : mọi vật có thể mất đi mà vẫn còn là một ý niệm căn bản của Tâm lý học Đông Phương. Trong những danh từ xem dường mâu thuẫn, có ẩn một Chân lý thiết thực của thiên nhiên ; đó là điều quan trọng nhất mà ta cần phải biết hơn là tranh luận. Một ví dụ thông thường điển hình cho sự mâu thuẫn này - nó tương tự như sự phối hợp của các chất. Cái vấn đề tìm hiểu xem khinh khí và dưỡng khí có mất đi không khi chúng phối hợp thành nước là một vấn đề có thể đem ra tranh luận được. Có người cho rằng : khi phân tách nước ra thì tìm thấy khinh khí và dưỡng khí, vậy từ nào tới giờ, hai khí ấy vẫn còn đó. Nhưng người khác lại viện lẽ rằng : vì hai thứ khí đó đã được biến đổi thành một chất hoàn toàn khác hẳn, thì trong lúc đó chúng không còn là chúng nữa.

Nhưng không nhóm người nào có thể hiểu được một tí về trạng thái thiết thực của một vật gì đã đổi khác mà vẫn còn là chính nó. Đối với dưỡng khí và khinh khí - (khi thành nước) - người ta có thể gọi là chúng đang sống trong trạng thái hư vô, là 'một trạng thái đích thật' hơn là ^{khí} chúng sống dưới hình thức của khí hơi ; và điều này chỉ tượng trưng một cách yếu ớt cho cái trạng thái của vũ trụ, khi nó ngủ, hay không tồn tại nữa,

trong những 'đêm Brahma' để rồi lại thức dậy và lại hiện ra khi buổi Bình Minh của tân Đại Kiếp gọi nó hồi sinh.

(b) 'Hơi thở' của Đấng Duy Nhất là một danh từ mà Bí giáo dùng để ám chỉ cái trạng thái tinh thần của sự tạo lập vũ trụ ; còn trong những trường hợp khác thì danh từ 'Hơi thở' lại thay bằng một danh từ thông thường là 'sự vận hành'. Cái 'Nguyên tố duy nhất trường tồn' (hay là cái vật cụ chứa đựng nguyên tố ấy) tức là Không Gian không kích thước, ở khắp cùng với sự trường tồn, với vật chất căn bản (vì vậy mà không bị hủy hoại được) và với sự vận hành vĩnh cửu tuyệt đối.

Sự vận hành đó gọi là hơi thở của nguyên tố duy nhất. Như ta biết, hơi thở này không bao giờ ngừng, dẫu trong thời kỳ nghỉ ngơi của những Đại Kiếp trường tồn cũng vậy.

Nhưng danh từ 'hơi thở của sự sống duy nhất' không áp dụng cho 'cái căn nguyên duy nhất vô thủy' hay là 'Đại Thể hoàn toàn' đối lập với Brahma hay đối lập với vũ trụ.

Brahma là vị Thượng Đế có bốn mặt, sau khi nhắc được trái đất lên khỏi nước, đã hoàn thành sự sáng tạo của Ngài. Ngài được coi như là một dụng cụ, chớ chẳng phải là một nguyên nhân sáng tạo vũ trụ. Không một học giả Đông Phương nào, từ đó đến nay, hiểu được trọn vẹn ý nghĩa thật sự của những câu thơ trong Kinh 'Puranas' về sự 'Sáng tạo'.

Trong Kinh này, Brahma là nguyên nhân của mọi tiềm lực, sẽ được phát minh sau này để làm các công việc 'sáng tạo', tỹ như trong Kinh Vishnou Puranas có một đoạn văn dịch rằng : 'Và ở Ngài có những tiềm lực, chúng phải được tạo ra, sau khi chúng đã trở thành cái nguyên nhân thật sự.'

Có lẽ nó phải dịch như vâu mới đúng hơn : 'Và ở Ngài có những tiềm lực sáng tạo vũ trụ trong tương lai, khi chúng trở thành cái căn nguyên thật sự (trên cõi trần gian). Ngoại trừ cái căn nguyên duy nhất vô thủy và lý tưởng này thì không còn căn nguyên nào khác liên quan đến vũ trụ nữa. Cái căn nguyên ấy - theo các nhà tu khổ hạnh - là hoàn toàn nhất và chính nhờ uy lực của cái căn nguyên ấy mà tất cả cái gì đã được sáng tạo đều tiến triển do bản tính riêng của nó.

Nếu trong môn phái Védanta và Nyaya, thì Nimitta là căn nguyên hiệu lực tinh thần đối lập với Upadânâ là căn nguyên vật chất. Còn trong môn phái Sankhya, thì Pradhana hàm xúc cả hai 'Nimitta' và 'Upadânâ'.

Trong triết lý bí truyền, thì nó dung hòa mọi hệ thống. Cái nghĩa gần đúng nhất là Védanta, theo sự hiểu biết của những vị Védantistes và Advaitistes. Điều gì mà những người Vaïsnavas - (là những người đồng môn với Phái Visishthadvaitisme) - cho là lý tưởng - (đối lập với thiết thực) - hay là Parabrahman và Ishvara thì không thuần lý trước công chúng : bởi vì chính cái lý tưởng này là một sự dùng sai chỗ khi nó áp dụng điều gì mà với lý trí con người - dẫu với lý trí của một vị Chân tiên - cũng không hiểu nổi.

Muốn tìm hiểu mình thì cần phải có tâm thức và tri giác. Cả hai đều là những năng khiếu bị hạn định trước bất câu đề tài nào, trừ khi với Parabrahman. Như đó, người ta nói rằng : 'Hơi thở trường tồn không tự biết lấy mình dạng', sự vô hạn không thể hiểu được sự hữu hạn. Cái vô biên giới không thể liên quan đến cái bị trói buộc, cái bị hạn định. Trong những giáo lý huyền bí học, thì Fát Bất khả tri và Bất tư nghị vận hành hay Đấng tự tồn là Đấng Thiêng liêng tuyệt đối. Và như thế, khi đã là Tâm thức Tuyệt đối và sự

Vận hành Tuyệt đối -(theo giác quan hữu hạn của những người đã cho rằng Đó là điều không thể miêu tả được', thì Đó là vô tri thức và bất động.

Tâm thức cụ thể không thể sanh ra Tâm thức trừu tượng được, cũng như sự ướt át không thể phục sanh ra nước đặng -sự ẩm ướt là một đặc tánh riêng biệt của nước- và là căn nguyên của sự ẩm ướt ở nơi mọi vật. Tâm thức tuyệt đối bao hàm sự hạn định và đặc tánh, phải có cái gì để biết, và phải có ai để biết điều đó. Nhưng tâm thức tuyệt đối bao hàm : 1) là người biết, 2) vật được biết, 3) sự được biết. Ba điều ấy ở trong nó và hợp nhất với nó. Không ai biết hơn được cái phần kiến thức mà y có thể sực nhớ ra, trong một lúc nào đó. Nhưng ngôn ngữ con người nghèo nàn cho đến nỗi chúng ta không có danh từ để phân biệt cái kiến thức mà ta không nghĩ đến, với cái kiến thức mà ta quên. 'Quên' đồng nghĩa với 'Không nhớ'. Vậy thật là một việc khó khăn biết bao cho ta ; khi ta tìm danh từ để miêu tả những sự kiện trừu tượng siêu hình và để phân biệt sự khác biệt giữa chúng nó. Cũng đừng quên rằng : ta gọi đồ vật theo bề ngoài của nó, ta gọi 'sự vô tri thức' là 'tâm thức tuyệt đối' vì ta cảm thấy là phải như thế ấy mới được. Cũng như ta gọi 'tuyệt đối' là sự 'tối tăm': bởi vì, theo sự hiểu biết hạn chế của ta, điều ấy dường thế là điều thật không hiểu nổi. Mà ta hoàn toàn nhìn nhận rằng : sự tri giác của ta về sự vật thật không đúng chút nào. Tỷ như chúng ta phân biệt một cách vô tri thức trong hạ trí chúng ta cái 'tâm thức tuyệt đối' vô tri thức' với cái 'vô tri thức'. Bằng cách bí mật khoác lên danh từ thứ nhất một đức tánh đặc biệt mơ hồ nào đó tương đương -(trên cõi cao mà tư tưởng ta với không tới)- với cái mà ta biết là tâm thức ở trong ta. Nhưng đó không phải là thứ tâm thức mà ta dùng để phân biệt cái gì hiện đến ta dưới hình thức 'vô tri thức'.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 13BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH II, 3-6Bình luận tiếp Đoạn II, 3

3 - Giờ khắc chưa đến. Tia sáng chưa chiếu vào Mâm mông (a) ; Matripadma (là Hoa Sen Chúa) chưa phồng lên (b).

(a) Tia Sáng của 'Bóng Tối muôn đời' khi phồng ra, trở thành một tia sáng huy hoàng của sự Sống ; nó chiếu vào 'Mâm mông' là cái chấm trong 'Cái Trứng của Thế gian' được tượng trưng bằng vật chất với ý nghĩa trừu tượng của nó. Nhưng đừng hiểu danh từ này (là cái chấm) bằng một điểm đặc biệt trong Không gian, bởi vì 'mâm mông' có trong giữa mỗi hạt nguyên tử, và toàn thể cái mâm mông này tạo thành cái thực thể Trường tồn và bất diệt (Noumène).

(b) Một trong nhiều hình thức để tượng trưng cái song lực sáng tạo tự nhiên (là vật chất và uy lực dưới cội trần) là Padma tức là Hoa Sen bên Ấn Độ. Hoa sen tượng trưng cho sự kết hợp giữa sức nóng (lửa) và nước, hơi nước hay dĩ thái ; trong mọi hệ thống triết lý và tôn giáo, ngay cả Thiên Chúa Giáo, lửa tượng trưng cho Tinh thần Thượng Đế, cái dương tính, hoạt động và phát sinh. Còn dĩ thái (hay linh hồn của vật chất và ánh sáng của lửa) tượng trưng cho âm tính, thụ động, nó sinh ra vạn vật trong vũ trụ. Như đó mà dĩ thái hay là nước, là Mẹ và lửa là Cha. Ông Sir William Jones - và trước ông, khoa thảo mộc học cổ - có chứng minh rằng :

hạt sen, dù trước khi mọc mầm, cũng đã có bên trong những lá - hoàn toàn thành hình - chúng quả thật là một cây sen bé nhỏ ; cây sen bé nhỏ này sẽ mọc lên sau khi đúng thời kỳ nảy nở của nó. Vậy Thiên nhiên đã cho ta một cái ví dụ về sản phẩm của nó đã được sáng tạo từ trước ... bởi vì những hạt của tất cả loại cây hiển hoa thực vật có những hoa chứa đựng bên trong một bào thai cây đã tượng hình rồi. Đó giải nghĩa câu 'Mâtri-Padma' (Hoa Sen Mẹ) chưa phỏng lên 'bởi vì hình hài' thường bị hy sinh cho cái ý niệm bên trong (hay ý niệm cội rễ), theo khoa biểu tượng xưa.

Lại nữa, Hoa Sen hay 'Padma' là một biểu tượng cổ về vũ trụ và nhân sinh rất được ưa thích. Những lý do thông thường được đưa ra - ngoài việc kể trên - là hạt sen chứa đựng bên trong một hình dáng nhỏ xíu, nhưng hoàn hảo của cái cây sen tương lai. Điều này chỉ nghĩa rằng : cái nguyên hình thiêng liêng (hay nghi hình) của vạn vật đã có sẵn trong cõi vô hình, trước khi thành vật hữu hình ở dưới thế gian. Sau nữa, cây sen mọc trong nước, rễ trong bùn, hoa nở trong không khí. Như vậy, Hoa Sen tượng trưng cho đời sống con người và luôn cả đời sống của vũ trụ nữa : bởi vì 'Giáo lý Bí truyền' dạy rằng : yếu tố của vũ trụ và của con người đều giống nhau : cả hai đều phát triển trong một chiều hướng. Pẽ cây sen chôn vùi trong bùn là tượng trưng cho đời sống vật chất. Cọng sen mọc xuyên qua nước là tượng trưng cho đời sống trên cõi Trung giới, và bông sen nổi trên mặt nước và nở trên không khí là tượng trưng cho đời sống tinh thần.

Bình luận tiếp Đoạn II, 4

4 - Trái Tim của Hoa Sen Mẹ chưa mở ra để Tia Sáng Duy Nhất chiếu vào, rồi rơi xuống đáy Hoa, trong lòng Maya giống như số BA rơi vào số BỐN.

Chất Nguyên-Cơ chưa vượt ra khỏi trạng thái tiên vũ trụ còn tiềm tàng của nó, để đi vào trạng thái biến hóa khách quan hay là trở thành để trở nên Nguyên chất (Prototype) của khoa học (dưới mắt người đời).

Nhưng vì 'giờ khắc' đã đến, và vì Nguyên chất này trở nên nhạy cảm, làm cho Fohat in tư tưởng của Đức Thượng Đế lên đó dễ dàng, nên Thượng Đế (hay trạng thái Dương tính của Anima Mundi, Alaya (là linh hồn vạn vật) tượng trưng 'Trái Tim' nó mở ra. Nó biến hóa và Ba Ngôi (Cha, Mẹ, Con) biến ra Bốn. Nơi đây, ẩn tàng sự huyền bí về Thượng Đế Ba Ngôi và sự Thọ Thai Trinh Khiết (Immaculée Conception). Giáo lý đầu tiên và căn bản của Huyền bí học là sự Duy nhất của Vũ trụ (hay là sự Đồng Nhất) dưới ba trạng thái. Điều này đưa đến khả năng hiểu biết về Thượng Đế, Ngài là một Đơn vị Tuyệt đối, nên luôn luôn cái trí óc hữu hạn không hiểu nổi Ngài.

'Nếu người muốn tin tưởng nơi Uy Lực tác động trong
'rễ cây, hoặc giả tưởng tượng đến rễ ẩn mình dưới đất,
'thì người phải nghĩ đến thân cây, lá cây và bông hoa.
'Người không thể tưởng tượng đến Uy lực này tách rời khỏi
'thân cây, lá cây và bông hoa. Sự Sống chỉ có thể biết
'được là đo Cây của Sự sống.'

Cái ý niệm về Đơn vị Tuyệt đối sẽ bị xóa bỏ trong trí của ta, nếu ta không có trước mặt một cái gì cụ thể để giữ vững được cái Đơn vị đó. Vì Thượng Đế là Tuyệt đối nên Ngài cần ở khắp nơi ; vì vậy mà không có nguyên tử nào không có Ngài trong đó. Rễ, lá và nhiều nhánh cây là ba vật khác nhau, nhưng chúng chỉ là những thành phần của một cái cây mà thôi. Các nhà bí giáo Do Thái nói rằng : 'Thượng Đế là Duy Nhất : bởi vì Ngài là Vô Cùng Vô Tận. Ngài là Tam Thể vì Ngài luôn luôn tự biểu lộ.' Sự biểu lộ này xuyên qua ba trạng thái bởi vì, như lời Ông Aristote thì phải có ba nguyên lý, để cho mỗi hình hài mới trở thành cụ thể đặng. Ba nguyên lý ấy là sự thiếu khuyết, hình hài và vật chất. (1)

Theo triết gia Aristote, thì sự Thiếu khuyết là cái gì mà nhà huyền môn gọi là những cái nguyên hình gắn in trong Ánh sáng cõi Trung giới. Cõi Trung giới là cõi thấp nhất của linh hồn thế gian (Anima mundi). Sự hợp nhất của ba nguyên lý này tùy thuộc ở nguyên lý thứ tư - ấy là Sự Sống -. Sự Sống ấy tỏa ra từ nơi tột đỉnh của Đấng tối cao để trở thành cái Tinh Hoa phổ truyền khắp vũ trụ hữu hình của đời sống. Và cái Tứ Thể (Quaternaire) (Cha, Mẹ, Con và Sự Sống) là con đường đưa đến ý niệm xưa về sự Thụ Thai Trinh khiết. Cái ý niệm đó hiện nay đã kết tinh thành một tín điều của Giáo hội Thiên Chúa Giáo đã đẩy xa cái ý niệm siêu hình nói trên, cho đến một mức độ phi lý. Vậy ta chỉ cần đọc Thánh Kinh bí giáo của Do Thái (La Cabale) và nghiên cứu những phương pháp giải thích theo toán số của Kinh để tìm thấy cội rễ của tín điều này. Nó hoàn toàn có

(1) Một vị Védantin nói rằng : Dù Parabrahman là Thực tại Độc lập nhưng Ngài không lìa xa Tam thể của Ngài.

tính cách thiên văn toán số và nhất là siêu hình. Cái nguyên tố Dương trong Thiên nhiên - (tượng trưng bằng những vị Thân minh có nam tính và những Đấng Huyền thiên Thượng đế, là Đấng Virâj hay Brâhmâ, Horus hay Osiris v.v...) - được phát sinh xuyên qua (chứ chẳng phải do) một Nguồn Cội Trinh Nguyên nào mà ta gọi là 'Đức Mẹ' một cách tượng trưng. Như đó mà Dương tính thực thể có Mẹ, và không thể có Cha bởi vì Thân minh trừu tượng thì phi nam, phi nữ. Ngài không phải một Đấng mà chính là Sự Sống. Ta hãy diễn tả tư tưởng này theo ngôn ngữ toán học của tác giả quyển 'Les sources des Mesures' (Nguồn cội của các sự Đo lường). Trong khi nói về 'Sự Đo lường một người' và cái giá trị của y theo toán số, thì trong Genèse IV, 1 có nói rằng :

'Điều gì gọi là 'Sự đo lường của con người' cũng như của Jehovah đưa đến kết quả này :

$$113 \times 5 = 565 \text{ và}$$

số 565 có thể viết ra như thế này : $56,5 \times 10$.

Nơi đây, người số là 113 (l'Homme-Nombre 113) trở thành nhân số (facteur) của $56,5 \times 10$. Và nếu ta đọc cái công thức toán số này theo Bí giáo Do Thái thì đó là Jod He, Vau, He hay là Jehovah. Số 565 kéo thành ra $56,5 \times 10$ dùng để chứng minh cái nguyên lý Dương (Jod) đo nguyên lý Âm (Eva) phát sinh ra, hay nói cách khác, sự sanh của một nguyên tố. Dương là do một Nguồn cội Nguyên trinh.'

Theo lời những vị có thần nhân thì sự bí mật đã xảy ra trên cõi trời đều lập y tại cõi trần. Con của Đức Mẹ Thiêng liêng và Nguyên trinh trên trời (hay là Prototype cosmique non différencié) - (hay là Nguyên chất Vũ trụ chưa biến hóa, tức là Vật chất trong sự tuyệt đối của nó) - lại được sanh ra trên trái đất như là người con của bà Mẹ trần gian (EVA) và trở thành toàn cả nhân loại - ở thời dĩ vãng, hiện tại và tương lai, bởi vì Jehovah hay là Jod-He-Vau-He là vừa Nam, vừa Nữ.

Trên thiên thượng, thì Người Con là toàn cõi Vũ trụ ; dưới thiên hạ, thì Y là Nhân loại

Tam Thế hay là hình Tam Giác trở thành khối Tétraktys - là con số huyền bí của Pythagore, là hình vuông toàn hảo, là khối lập-phương 6 mặt trên trái đất. Páỵ giờ Đại Bình diện (Macroposope ou la Grande Face) trở thành Tiểu Bình diện (Microposope ou la Petite Face) hoặc giả theo lời nói của những người bí giáo Do Thái, thì Thượng Đế vô hình giáng sanh xuống ADAM Kadmon. Ngài dùng xác của Adam Kadmon (Người Trời) đó để tự biểu lộ, hiển hình ra Tétragramme (là một danh từ huyền bí có 4 âm thanh). Thế thì Ngài ở trong 'lòng Maya' là ĐẠI HƯ ẢO, và giữa Ngài và Thực tại có Ánh Sáng cõi Trung giới, là kẻ ĐẠI PHẢN của giác quan bị hạn định của con người, khi mà Kiến thức không đến cứu vớt nó xuyên qua Paramartha (là sự Minh triết tuyệt đối).

10

Bình luận tiếp Đoạn II, 5

5 - Bảy Người Con chưa sanh ra từ màn Ánh Sáng. Chỉ có sự Tối mịt là Cha-Mẹ mà thôi. Cha-Mẹ ấy là Svabhâvat, và Svabhâvat thì ở trong sự Tối mịt.

Trong những đoạn thánh kinh được nêu ra đây, 'Giáo lý Rí truyền' chỉ đại để nói đến Thái Dương Hệ của chúng ta, nếu không phải hoàn toàn nói đến nó - nhất là nói đến Dãy Hành tinh của chúng ta. Như đó mà 'Bảy Người Con' đây là Bảy Đấng Sáng tạo ra Dãy Hành tinh này. Điều này sẽ nói rõ về sau.

Svabhâvat là 'Cái Tinh ba Mêm dẻo' (Essence plastique) tràn đầy vũ trụ; nó là cội rễ của vạn vật. Svabhâvat là danh từ Phật Giáo, nó cụ thể hóa cái trừu tượng, mà triết lý Ấn Độ gọi là Mûlaprakriti. Chính nó là hình hài của linh hồn, cũng như éther là hình hài của Akasha vậy. Akasha là cái nguyên lý thiên cho Dĩ thái thành hình. Nhà tu huyền bí Trung Hoa cho Akasha đồng nghĩa với 'Thực Thể (l'Étre)'. Trong bản dịch kinh Ekashloka-Shastra ra tiếng Trung Hoa của Đức Nâgârjuna - (Vị Long Thọ của Trung Hoa) - có nói rằng : 'Thực Thể đồng nghĩa với 'Subhava' là 'chất tự cung cấp chất cho mình'. Dịch giả còn giải nghĩa rằng : nó là 'hữu vi và vô vi', là 'bản tính không có bản tính riêng biệt'. Subhava - là ngữ căn của chữ Svabhâvat, nó gồm có 2 phần : Su = tốt đẹp và Bhava = thực thể hay trạng thái của thực thể.

Bình luận tiếp Đoạn II, 6

6 - Hai cái đó là Mâm Mống, và Mâm Mống là Duy Nhất.
Vũ trụ hãy còn ẩn kín trong Tư tưởng và trong Lòng
Đức Thượng Đế.

'Tư tưởng của Đức Thượng Đế' không ám chỉ một 'Vị
Thượng Đế đang suy nghĩ'. Vũ trụ không phải chỉ là dĩ vãng,
hiện tại và tương lai (đó là ý niệm hạn định của con người)
- mà là Toàn Thể, là SAT (một danh từ phiên dịch không được),
là Thực Thể tuyệt đối với dĩ vãng và tương lai kết tinh lại
trong Hiện tại vĩnh cửu. Đó là Tư tưởng của Đức Thượng Đế,
là cái Tư Tưởng phản chiếu vào một Căn Nguyên phụ thuộc hay
hữu hình. 'Brahman' (Trung lập) giống như cái 'Mysterium
Magnum' của Ông Paracelse là một sự huyền bí tuyệt-đối đối
với hạ trí con người.

Brahmâ - là có nam lẫn nữ - hay là âm và dương - là
bóng dáng của Brahman mang hình hài con người, khi được phản
chiếu ra - do sự chấp nhận mù quáng của con người - mặc dù
trí khôn của người trưởng thành không nhìn nhận như thế.

Vì vậy nên đoạn đầu của 'Tân tuồng Khai thiên lập địa',
hay lúc khởi đầu của sự 'tiến hóa của Vũ trụ' - thì 'Vũ trụ'
hay 'Người Con' hãy còn ẩn mình trong 'Tư tưởng của Đức
Thượng Đế'. Tư tưởng này chưa đi vào 'Lòng Thượng Đế'.
Cái ý niệm - xin ghi nhớ - là cội rễ, là nguồn cội của tất
cả Ngũ Ngôn nói về 'Các Người Con của Đức Thượng Đế' do các
vị Nữ Dòng Trinh bịa ra.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 14

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH III, 1-3

Bình luận Đoạn III, 1

1 - Làn rung động chót của Đại Kiếp Trường tồn thứ Bảy rung chuyển xuyên qua cõi vô tận (a). Người Mẹ phồng lên và nảy nở từ trong ra ngoài, cũng như búp Hoa Sen vậy (b).

(a) Sự sử dụng có vẻ phi lý từ ngữ 'Đại Kiếp Trường tồn thứ Bảy' bởi vì danh từ đó chia xẻ cái gì không thể chia xẻ được. Nhưng triết lý bí truyền đã cho phép sự sử dụng đó. Triết lý bí truyền chia thời gian vô biên thành thời gian tuyệt đối, trường tồn, không bị hạn định (Kala) và thời gian bị hạn định (Khandakala). Thời gian thứ nhất là sự trừu tượng hay là thực thể (Noumène) của Thời gian vô cùng ; còn thời gian thứ nhì (Khandakala) là hiện tượng theo chu kỳ của thời gian thứ nhất. Nó là hậu quả của Mahat, là Trí khôn Vũ trụ, bị Đại Kiếp hạn định. Trong vài Môn phái người ta gọi Mahat là điều phát sinh đầu tiên của chất chưa biến hóa - hay là cội rễ thiên nhiên, Mulaprakriti, theo chu kỳ. - Nó là Pradhâna được gọi là Maya hay là Ảo tưởng. Về điểm này, tôi tưởng rằng : Giáo lý Bí truyền khác hẳn với giáo lý Védanta trong các Môn phái Advaita và Visisthad - vaita. Vì Giáo lý bí truyền nói rằng : "Trong khi Mulaprakriti (là Noumenon, là Thực thể, là Ý niệm) được

tự tồn - vô thủy tức là vô Phụ Mẫu (Anupadaka) đã hợp nhất với Brahman thì Prakriti là hiện tượng của Mulaprakriti, hiện theo chu kỳ, và nó chỉ là cái bóng ma của Mulaprakriti mà thôi." Như vậy, Mahat - kẻ sanh thứ nhất của Jnana (hay là Gnosis), là sự hiểu biết, là sự Minh triết. Thượng Đế hữu hình là cái phản ảnh của ý niệm tuyệt đối, là thực thể duy nhất, nó không có đặc tính và cá tính. Nhưng đối với một số người theo Môn phái Vedanta thì Mahat là một sự biểu lộ của Prakriti hay là Vật chất.

b) Nhưn đó, 'làn rung động cuối cùng của Đại kiếp Trường tồn thứ Bảy' đã được đặt để từ trước, không phải do một vị Thượng Đế nào, mà là do cái kết quả của một Định luật trường tồn và bất biến. Định luật này có cả Đại Kỳ Hoạt động và Nghỉ ngơi mà người ta gọi rất đúng và thi vị là 'Ngày và Đêm của Brhama'.

Sự nảy nở của Mẹ (từ trong ra ngoài được gọi là : Nước trong Không gian, tử cung của vũ trụ ...) không ám chỉ sự nảy nở từ trung tâm nhỏ hay tiêu điểm nhỏ mà nó nói đến sự phát triển một chủ quan vô biên giới thành một khách quan vô biên giới, không chỉ về kích thức giới hạn và cuộc diện 'cái chất (đối với chúng ta) luôn luôn vô hình và vô thể - lại hiện diện trong Trường cửu, Nó phóng bóng tối của Nó theo chu kỳ, từ cõi Nó vào lòng Maya.' Như thế, ám chỉ rằng sự lan tràn không phải sự nở rộng ra : bởi vì trong sự lan tràn vô cùng vô tận không có sự nở rộng ra, mà là sự thay đổi tình trạng. Nó giống như búp hoa Sen bùng nở : bởi vì không những có cây sen bé tí trong hạt sen - (đó là đặc tính vật chất của nó) - mà còn có nghi hình của nó trong Ánh sáng Trung giới - từ buổi bình minh đến đêm tối trong thời Đại Kiếp ; cũng giống như mọi vật khác trong cái vũ trụ hữu hình này ; từ con người cho đến con nhậy (mite), từ những cây không lồ đến cọng cỏ li ti.

Khoa Bí truyền nói với chúng ta rằng : tất cả những điều đó chỉ là những phản ảnh tạm thời, cái bóng dáng của nghi hình vĩnh cửu ở trong tư tưởng Đức Thượng Đế. Nên nhớ rằng chữ 'Vĩnh cửu' ở đây chỉ nó nghĩa là một Đại Thế Hệ (Aéon) nghĩa là chỉ là nó chỉ trường tồn trong suốt một chu kỳ hoạt động lâu dài, dường như vô tận nhưng vẫn có lúc chấm dứt, mà chúng ta gọi là một Đại Kiếp (manvantara). Vậy ý nghĩa thực sự và bí truyền của danh từ 'Manvantara' hay đúng hơn là danh từ Manvantara là gì ? Dịch theo sát nghĩa, thì nó có nghĩa là 'ở giữa hai vị Bàn Cổ'. Có 14 vị Bàn Cổ (Manou) trong suốt Một Ngày của Brahma. Và Mỗi Ngày của Brahma gồm có 1000 lần 4 Đời (Âge) hay 1000 lần 'Đại Đời' hay 'Mahayugas'.

Giờ đây, ta hãy phân tích danh từ Manou. Các học giả khảo cứu văn hóa Đông Phương có ghi trong những tự điển của họ rằng : danh từ Manou phát sinh từ ngữ căn 'Man'. 'Manou' là Người suy nghĩ, nhưng theo Bí giáo thì Manou là vị Thần Minh mang hình hài con người để phù hộ cho Chu kỳ hay cuộc tuần hườn đặc biệt của Ngài, nên Ngài là hiện thân tư tưởng của Đức Thượng Đế (giống như Đức Pymander, nhà luyện kim). Vì vậy mỗi vị Bàn Cổ là một vị Thần Minh đặc biệt, sáng tạo và xây dựng mọi vật trong suốt chu kỳ hay Đại kiếp của Ngài. Fohat khiến cho Đức Bàn Cổ đi đây, đi đó. Nó là động lực làm cho các nghi hình nảy nở, từ trong ra ngoài - như thế có nghĩa là nó đi xuống dần dần xuyên qua mọi cõi, từ ý niệm đến hữu hình ô trước nhất, để sau cùng đơm bông trở trái ở đỉnh chót của vật chất, nặng trọc nhất và ảo ảnh nhất.

Bình luận tiếp Đoạn III, 2

2- Bỗng làn rung động lan dần ra và xòe cánh chạm nhanh vào toàn thể vũ trụ và cũng chạm luôn cái mầm mống đang ở trong Tối tăm và sự Tối tăm này thở nhẹ trên những giòng nước im của Sự sống.

Người ta nói rằng : 'Cái 'Monas' (tức là Monade là Chơn Thân) của Môn phái Pythagore thì ở trong vắng lặng và trong tối tăm, giống như mầm mống. Cái ý niệm về hơi thở của sự tối tăm di chuyển trên giòng nước im của sự sống nhắc ta nhớ lại Chương đầu của Kinh Genèse (Vũ trụ luận) nói về những giòng nước im là vật chất căn bản, là tinh thần ẩn tàng trong đó. Căn nguyên của ý niệm đó là Narâyana Brahmanique (là Đấng di chuyển trên những giòng nước). Ngài là hiện thân của Hơi thở trường tồn, của Đại thể vô tri hay là Parabrahman theo các nhà huyền bí học Đông Phương. Giòng nước của sự sống hay là sự hỗn loạn - hiện tượng của âm tính - là sự trống rỗng - (nói theo hạ trí của ta) trong đó có vật chất và tinh thần ẩn tàng - điều này khiến cho Ông Démocrite (theo lời vị Thầy của ông là Leucippe) nói rằng : 'Những nguyên lý căn bản của vạn vật là các nguyên tử, và một sự trống rỗng - trống rỗng đây có nghĩa là không gian, chỗ không phải là không gian trống rỗng, bởi vì 'Thiên nhiên rất ghê sợ sự trống rỗng', nói theo các Triết lý gia thời cổ và những triết lý lý gia trong Phái Péripatéticiens (Tiêu Dao).'

Trong mọi 'Vũ trụ học', 'Nước' cũng đóng một vai trò quan trọng như thế. Nó là nền tảng và căn bản của đời sống hữu hình. Các nhà khoa học lầm lộn danh từ 'nước' thông

thường với 'nước' có ý nghĩa huyền bí. Họ gán vào nước mà khinh khí và dưỡng khí tạo thành, để ám chỉ 'nước' mà các nhà huyền bí dùng để chỉ chủng loại. Các nhà huyền bí dùng danh từ 'nước' này với một ý nghĩa siêu hình và bí mật. Nước đá không phải là 'nước', hơi nước không phải là 'nước', tuy nhiên 'nước', nước đá, hơi nước, tuy là ba nhưng cái thành phần hóa học của chúng nó chỉ là một mà thôi.

Bình luận tiếp Đoạn III, 3

3 - Bóng Tối chói ra Ánh sáng, và Ánh sáng phóng ra một tia sáng đơn độc trong những giòng nước, đi sâu vào lòng Mẹ. Tia sáng phóng lẹ xuyên qua cái Trứng Trinh nguyên. Tia sáng là rung chuyển cái Trứng Vĩnh cửu, và nhỏ xuống cái mầm mống không trường tồn. Mầm mống này mới đây đông đặc lại và thành ra cái Trứng thế gian.

Tia Sáng đơn độc rơi vào lòng Mẹ thâm sâu, có thể được coi như là 'Tư tưởng của Thượng Đế', hay là 'Trí Huệ của Đức Thượng Đế' thấu nhuần cõi hỗn loạn. Dù sao, điều đó xảy ra trên cõi vô hình trừu tượng, hay trên cảnh giới, mà trong đó - có điều mà ta gọi là sự siêu hình' trừu tượng lại là một sự thật. Cái Trứng trinh nguyên chỉ tỏ một trạng thái trừu tượng ; trứng có nghĩa là cái gì có khả năng phát triển do sự thụ thai. Cái Trứng trinh nguyên đó trường tồn và bất biến. Và chính cái Trứng đã đầy nhựa sống trước khi lọt lòng, thì cái mầm mống không trường tồn và theo chu kỳ cũng giống y như vậy. Mầm mống này - theo biểu tượng học về sau sẽ trở thành cái Trứng của thế gian. Nó chứa đựng bên trong của nó (khi nó không ở trong vòng biểu tượng) -

Sự Hứa hẹn và Năng lực của toàn cõi vũ trụ. Tuy cái ý niệm tự nó là một sự trừu tượng (một cách diễn tả theo biểu tượng) mà chính nó là một biểu tượng thực sự, bởi vì nó gọi lên cái ý niệm vô cùng tận như một hình tròn không biên giới. Nó trải ra trước mắt của trí não một quan cảnh vũ trụ vô tận, nhô ra từ không gian vô tận ; một vũ trụ mênh mông, không bờ bến, nếu không phải là vô tận, trong sự biểu lộ hữu hình của nó.

Cái biểu tượng 'Trùng' còn có nghĩa trong huyền bí học là : hình hài đầu tiên của vạn vật hữu hình từ hạt nguyên tử cho đến tinh cầu, từ con người cho đến thiên thần. đều là một khối tròn. Đối với mọi quốc gia, khối tròn là sự tượng trưng cho sự trường cửu và sự vô tận - một Con Rắn ngậm đuôi -. Tuy nhiên, muốn hiểu nghĩa này, ta phải tượng tượng ở trong tâm khối tròn mà nhìn ra ngoài. Phạm vi của sự nhìn ngắm hay của tư tưởng thì giống như một khối tròn với những đường bán kính đi từ trung tâm ra ngoài khắp nơi, tỏa ra trong không gian, mở rộng xung quanh chúng nó những quang cảnh vô biên. Đó là hình tròn, biểu tượng của Ông Pascal và các nhà Rí học Do Thái. Trung tâm của nó ở khắp nơi, và ranh giới của nó thì không nơi nào cả - Quan niệm này là thành phần của ý niệm phức tạp về biểu tượng Trùng thế gian này.

Trùng thế gian có lẽ là một trong những dấu hiệu phổ thông khắp nơi, rất gọi cảm theo cả ba chiều hướng : tinh thần, sinh lý và vũ trụ luận. Vì thế, người ta thấy nó trong mọi môn Thần học thế giới ; nơi nó, người ta hợp nhất nó với hình tượng trưng của con rắn, hình rắn này có khắp mọi nơi, trong triết học, cũng như trong môn biểu tượng học có tính cách tôn giáo. Con rắn tượng trưng cho sự vĩnh cửu, sự vô cùng, sự tái sinh, sự phân lão huân đông, cũng như nó tượng trưng cho sự minh triết vậy. Sự bí mật của sự tự sinh và sự tiến hóa, do chính năng lực sanh sản của nó - được diễn lại

trong phạm vi nhỏ hẹp của cái trứng, sự diễn tiến của vũ trụ - sự diễn tiến này do sức nóng và sự ẩm ướt dưới ảnh hưởng của tinh thần sáng tạo vô hình. Điều này chứng tỏ rõ ràng sự chọn lựa biểu tượng cái trứng là trứng.

Cái Trứng trình nguyên là biểu tượng bé tí của nguyên hình đại vũ trụ. Nó là Mẹ Trinh nguyên của hồn mang hay là vực thẳm đầu tiên.

Đấng Sáng tạo Nam tính (dù dưới danh từ nào cũng vậy) phóng tia sáng làm cho Mẹ Trinh nguyên nảy nở trình nguyên. Hỏi người nào lão luyện về khoa thiên văn và khoa vạn vật học lại không thấy điều đó là gợi cảm? Vũ trụ được coi như là Thiên nhiên, là một quả Trứng có màng (nghĩa là có thể hóa sanh ra được) nhưng vẫn trình nguyên. Và trong khi vũ trụ được cho là vô biên, thì nó chỉ tượng trưng bằng một khối tròn. Cái Trứng Vàng được bao vây bằng nguyên tố tự nhiên. Bốn nguyên tố được biết là: dĩ thái, lửa, không khí là nước; còn ba nguyên tố kia thì bí mật. Người ta biết điều này trong Kinh Vishnoupurana; trong kinh đó người ta phiên dịch 'nguyên tố' bằng 'những lớp bao bọc'; và cũng trong kinh đó người ta có thêm vào một nguyên tố bí mật nữa. Đó là nguyên tố 'Ahamkara'. Trong nguyên bản của kinh này, thì không có danh từ 'Ahamkara', người ta chỉ nói đến bốn nguyên tố mà không nói rõ ba nguyên tố sau cùng.

GIÁO LÝ PÍ TRUYỀN
=====

Tập số 15

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH III, 4-6

Bình luận Đoạn III, 4

4 - Rồi số Ba rơi vào số Bốn. Cái tinh hoa chói sáng trở thành Páy bên trong và Páy bên ngoài (a). Cái Trứng chói sáng - chính tự Nó - là Ba - động đặc lại và lan tràn ra bằng những hạt nhỏ đông đặc sắc trắng như sữa, xuyên qua cõi thâm sâu của Mẹ, cái Rễ sanh trưởng trong lòng sâu của Đại Dương, của Sự Sống (b).

(a) Cần phải giải nghĩa tại sao người ta dùng những hình kỷ hà học và thường ám chỉ những Số trong mọi Thánh Kinh cổ, như trong Kinh Puranas, trong quyển 'Sách của người chết' bên Ai Cập, cho chí cả trong cuốn Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo là quyển 'Bible' cũng có nữa. Trong Thánh Kinh 'Livre de Dzyan' cũng như trong cuốn 'Bí giáo Do Thái' (Cabbale) cũng có hai loại Số cần phải học.

(1) Những con Số thường là những tấm màn che kín không cho người thường hiểu.

(2) Còn những con Số thiêng liêng, chỉ những người được điểm Đạo mới biết được giá trị mà thôi.

Những con số trên là những nét ghi khắc theo Qui Ước. Những số dưới là những biểu tượng căn bản của mọi vật. Như vậy có nghĩa là : những con số trên thì thuần túy vật chất,

còn những con số dưới thì siêu hình; hai loại số này liên quan với nhau giống như vật chất đối với tinh thần. Chúng nó là hai thái cực của một chất duy nhất.

Như Ông Balzac (là nhà Bí học vô tâm của nền văn chương Pháp) đã nói trong một quyển sách nào đó rằng : 'Con số - đối với trí óc cũng như đối với vật chất - là một động lực bất khả tri'. Có lẽ đối với kẻ phàm tục thì như vậy, còn đối với người đã được điểm Đạo thì không bao giờ. Nhà Đại văn hào ấy nói : 'Con số chính là một tinh linh mà cũng là một hơi thở, nó phát sinh từ cái mà nhà văn hào cho là Trời hay là từ cái gì mà chúng ta gọi là tất cả hay Đại Thế. Cái Hơi thở - chỉ có Nó - mới có thể gây dựng được cái vũ trụ hữu hình này, trong vũ trụ đó, không có cái chi được thành hình nếu không nhờ Thượng Đế ; đó là hiệu quả của con số.'

Cũng nên kể lại nơi đây lời Ông Balzac : 'Những sự sáng tạo nhỏ nhất, cũng như lớn nhất há không nhờ phẩm chất, số lượng, kích thước, đặc tính và mãnh lực của chúng nó để phân biệt chúng nó sao ? Sự vô cùng tận của con số là một sự kiện nhờ cái trí chúng minh được, chớ không thể đưa ra bằng cái cơ cụ thể được. Nhà toán số sẽ nói với chúng tôi rằng : Sự vô cùng tận của con số thì có thực, nhưng không thể chứng minh được. Ta cảm thấy Thượng Đế là một con số di chuyển - nhưng người ta không thể chứng minh được. Với Tư cách là một Đơn vị, Ngài đứng đầu các con Số, nhưng Ngài không giống chúng nó chút nào cả. Sự sinh tồn các con Số tùy thuộc vào đơn vị, đơn vị này sanh ra tất cả các son Số. (trừ đơn vị ấy ra không có con Số nào sanh ra tất cả đặng). Thế nào ? Quý vị bất lực không thể đo lường được cái Sự Trừu tượng đầu tiên mà Thượng Đế đưa ra hoặc giả chỉ hiểu Nó thôi cũng không được - vậy mà Quý vị hy vọng lấy sự đo lường của Quý vị để áp dụng cho những Khoa Huyền bí phát sinh nơi Thượng Đế hay sao ? Vậy Quý vị sẽ nhận thấy gì , nếu tôi nhận

chìm quí vị trong vực thẳm của sự di chuyển, trong cái sức mạnh của gây dựng, sắp xếp những con Số ? Quí vị sẽ nghĩ gì nếu tôi nói thêm rằng : sự di chuyển và con Số đều do Đức Thượng Đế mà ra ? Tiếng nói này là cái lý lẽ tối cao của các vị Tiên tri và các người có thân nhân. Ngày xưa, các Ngai đã cảm thấy Hơi thở mãnh liệt của Đức Thượng Đế - bằng cớ là trong Kinh 'Apocalypse' có nói.

(b) Cái tinh hoa chói sáng, đông đặc lại và xuyên qua cõi thâm sâu của không gian. Theo quan điểm thiên văn học thì điều này dễ giải thích : đó là Dây ngân hà, tám vải của thế gian nhờ đó mà tạo thành, hay Nó là vật chất nguyên thủy hình trạng đầu tiên của Nó. Tuy nhiên, theo quan điểm Khoa Huyền bí và Khoa Biểu tượng học thì rất khó mà giải thích với một ít chữ, bởi vì Nó là những dấu khắc phức tạp nhất ; chúng nó tượng trưng cho cả lô biểu tượng. Trước nhất, trọn cả 'vạn thân miếu' tức là nơi chứa những đồ vật bí mật (mà mỗi đồ vật đều có một ý nghĩa huyền bí đặc biệt) đều rút trong thần thuyết Ấn Độ mà ra. Theo Thần thuyết ấy thì các vị Thần minh khuấy động Đại Dương làm cho nó đông đặc lại. Ngoài ra Amrita, nước Cam lồ hay là Nước trường sinh bất tử, thì còn có Surabhi là Con Bò Cái, nó ban phát sự phong phú. Nó được gọi là Nguồn Sữa lỏng và Sữa đông đặc. Sữa này do bê Sữa đó mà ra. Rồi từ cái nguyên nhân đó, người ta mới thờ Bò Cái và Bò Đực, một con là cái năng lực sanh sản, một con là cái khả năng truyền giống trong Thiên nhiên. Cả hai là biểu tượng có liên quan đến các Vị Thần tinh của thái dương hệ và của vũ trụ. Về những 'chủng loại đặc tính' của 'mười bốn vật quí' để dùng trong Huyền bí học - chỉ được giải thích trong thời kỳ được điểm Đạo lần thứ tư - chỗ nơi đây không nói đến. Tuy nhiên, cần phải lưu ý đến những cái sau này. Người ta quả quyết rằng : trong quyển 'Shatapatha Brâhmana' sự khuấy động của bê sữa xảy ra trong thời kỳ Đại Hồng thủy. Nhưng cả hai quyển Rig Veda và

và Manu viết ra trước Đại Hồng thủy Vaivasvata (tức là Đại Hồng thủy ^{chôn} một phần lớn giống dân thứ Tư) đều không có nói đến Đại Hồng thủy này. Thật ra, Đại Hồng thủy mà người ta nói đây, không phải là Đại Hồng thủy lớn, cũng không phải là Đại Hồng thủy đã chôn châu Atlantis - và cũng không phải là Đại Hồng thủy của Noé nữa. 'Sự khuấy động thành hột' này liên quan đến một thời kỳ trước khi tạo thành quả địa cầu. Nó áp dụng trực tiếp với một chuyện cổ tích phổ thông khác, mà có nhiều bản phiên dịch và mâu thuẫn lại đa số ở trong Thiên Chúa giáo về 'Giặc ở Thiên Đỉnh' và về 'Sự sa ngã của các Thiên Thân'. Những quyển Kinh Brâhmanas - mà người Đông Phương cho là những bản dịch về đó, ý tứ không phù hợp với nhau. Chúng nó, đại khái, là những quyển thuộc Huyền bí học; vì vậy mà chúng nó là những tấm màn che giấu. Người ta chỉ để chúng nó lọt vào tay quân chúng là chỉ vì quân chúng không thể hiểu được chúng nó. Bằng không, thì người ta sẽ thủ tiêu chúng nó lâu rồi như thuở Akbar.

Bình luận Đoạn III, 5

5 - Góc Rẽ còn lưu lại ; Ánh sáng cũng còn lưu lại ;
những hột đông đặc cũng còn lưu lại, và OEAOHOO (a)
vẫn còn là Một. (b)

(a) Trong những lời bình luận, người ta dịch OEAOHOO là Cha Mẹ của Thân Minh hay là Sáu trong Một, hay là Thất Cội (la Racine Septenaire), sanh hóa vạn vật. Tất cả đều tùy thuộc ở giọng đọc bảy chữ ấy. Người ta có thể đọc bảy chữ ấy bằng một giọng, hay bằng ba giọng hoặc bằng bảy giọng, bằng cách thêm vào chữ '3' sau chữ 'O' sau cùng.

Cái danh từ OEAOHOO huyền bí này sở dĩ được phổ truyền là vì nếu người ta không biết sự huyền bí của ba giọng đọc này, thì không đem lại kết quả gì.

(b) Từ ngữ 'là Một' liên quan đến sự bất phân ly của tất cả cái gì sinh tồn trong trạng thái thụ động hay chủ động. Theo một ý nghĩa thì OEAOHOO là Cội Rễ không Cội Rễ của vạn vật ; nhân đó nó là Một với Parabrahman (là Đấng Tuyệt đối). Còn theo một ý nghĩa khác, thì OEAOHOO là một danh từ của Sự Sống Duy nhất được biểu lộ, là một Đơn vị trường tồn và linh động. Như đã giải thích ở trước, danh từ 'Gốc Rễ' có nghĩa là : sự hiểu biết thanh cao là thực tại trường tồn và tuyệt đối, hay là SAT mà người ta gọi là Parabrahman, hay là Mulaprakriti, bởi vì hai danh từ chót chỉ là hai biểu tượng của Một.

Ánh Sáng cũng vốn là Tia Sáng thiêng liêng toàn diện. Nó đã xẹt vô cái Trứng Thiêng liêng, và giờ đây nó làm cho cái Trứng ấy có khả năng nảy nở ; Nó gọi chất vũ trụ khởi diễn những giai đoạn tiến hóa lâu dài.

'Những hạt đồng đặc' là sự biến hóa đầu tiên, chắc chắn nó quan hệ đến chất vũ trụ này mà người phỏng định là nguồn cội của Dây Ngân hạ - là chất mà người ta biết. Cái chất này - theo sự tiết lộ của các Đấng Vô Tướng Phật đầu tiên - là chất tế nhị, cực tiểu nhất mà con mắt của Đức Bồ Tát hoàn toàn có thể thấy được - trong giấc nghỉ ngơi theo chu kỳ của vũ trụ. Cái chất này chói sáng và lạnh lẽo, lúc vũ trụ chuyển mình lần đầu tiên để tỉnh thức, thì nó rải rác xuyên quan không gian ; nếu từ dưới đất trông lên thì những mảnh túara đó giống như những viên đạn và những khối, dường thế những hạt sữa đồng đặc lại. Chúng nó là mầm mống của những thế giới tương lai, là những tổ hợp của các vi tinh tú.

6 - Cội rễ của Sự Sống ở trong mỗi giọt của Bể Trường sanh. Và cái Bể Trường sanh ấy chói ra Ánh sáng ; Ánh sáng là lửa, là hơi nóng của sự vận chuyển. Sự Tối tăm biến mất và không còn nữa. Nó tiêu tan chính trong Tinh hoa của nó, trong khối lửa, nước, Cha và Mẹ.

Tinh hoa của Tối tăm là Ánh sáng tuyệt đối. Sự Tối tăm đây là ngụ ý nói về tình trạng của vũ trụ trong thời kỳ nghỉ ngơi. Thời kỳ nghỉ ngơi, theo trí nông cạn của ta, ta cho nó là thời kỳ nghỉ ngơi tuyệt đối, hay là Hư vô.

'Lửa, hơi nóng và vận chuyển' nói trên đây, dĩ nhiên là không phải 'Lửa, hơi nóng và vận chuyển' của khoa vật lý học, mà là những cái nguyên lý trừu tượng của những ý niệm, cái linh hồn của tinh hoa vật chất biểu lộ ấy. Theo lời thú nhận của khoa học tân tiến thì 'những vật chính chúng nó' hoàn toàn vượt ra khỏi những khí cụ của phòng thí nghiệm, và trí phàm không thể hiểu nổi - dù người ta ráng tránh không thể kết luận là có những nguyên lý trừu tượng ở trong những vật đó.

Người ta có thể giải nghĩa rằng : 'Lửa, nước, Cha và Mẹ' nơi đây có thể hiểu là : 'Tia sáng thiêng liêng và sự hỗn loạn'.

Sự hỗn loạn nhờ hiệp với Tinh thần trở thành lý trí, tủa rải sự vui mừng, và nhân đó nó sanh ra Protogonos (tức là Ánh sáng đầu tiên) (nói theo đoạn văn của Hermès). Ông Damascius gọi nó là 'DIS' (là Đấng sắp xếp mọi vật). Theo luận cứ của Phái Rose-Croix, người ta giải theo ý nghĩa phạm tục cũng khá đúng và đầy đủ như vậy : 'Ánh sáng và Tối tăm

cả hai đều giống nhau, bởi vì chỉ có trí óc người đời chia rẽ chúng nó mà thôi.' Và theo Ông Robert Fludd thì sự tối tăm xâm chiếm sự Sáng để hiện hình. Theo Giáo lý Bí truyền Đông Phương thì chỉ có sự Tối tăm là sự thực hiện-tại mà thôi. Nó là nền tảng và nguồn cội của Ánh Sáng. Không có sự Tối tăm thì Ánh Sáng sẽ không bao giờ sanh ra và chỉ sự hiện tồn cũng không có. Ánh Sáng là vật chất, Tối tăm là tinh thần thuần túy. Tối tăm trong cái căn nguyên triệt để và siêu hình của nó - là Ánh sáng chủ quan và tuyệt đối ; Ánh sáng ấy, trong tất cả sự chói lòa và vinh quang bên ngoài của nó, - chỉ là một khối bóng tối : bởi vì nó sẽ không bao giờ trường cửu, nó chỉ là ảo ảnh hay là 'Maya' .

Cho chí trong quyển 'Vũ trụ luận', quyển làm cho một óc và làm xáo trộn Khoa học, cũng nói rằng : 'Ánh sáng là do Tối tăm sanh' và 'Tối tăm ở trên mặt vực thẳm, chỗ không phải trái ngược lại'. Trong Tối tăm có sự sống và sự sống là Ánh sáng của con người.

Có lẽ một ngày kia, mắt người đời sẽ mở ra, họ sẽ hiểu hơn bây giờ câu thơ trong phúc âm của thánh Jean như vậy : 'Thuở ấy, Ánh sáng chói lòa trong Tăm tối, và Tăm tối không hiểu biết Ánh sáng'. Bây giờ, họ sẽ thấy danh từ 'Tối tăm', không áp dụng bằng sự thấy tinh thần của con người, mà thật ra nó áp dụng cho sự Tối tăm có nghĩa là Tuyệt đối ; Nó không hiểu và không thể biết được cái Ánh sáng tạm thời đối với mắt người đời, nó là siêu việt cũng vậy. 'Quỉ là Thân trái ngược lại'. Nhà thờ hiện nay gọi ma quỉ là Tối tăm dù trong thánh kinh Bible ma quỉ được gọi là 'con Chúa' và 'Ngôi sao sáng' của buổi bình minh. Có trọn cả cái độc đoán triết học về lý do tại sao vị Đại Thiên thân đầu tiên, từ chỗ hôn mang vượt lên lại gọi là 'Lux' (Lucifer), Đấng Sáng lòa, 'Người con chói sáng

của buổi Bình minh' của Đại Kiếp lúc rạng đông. Nhà thơ biến đổi người con chói sáng ấy ra 'Lucifer' hay 'Satan' bởi vì Nó cao hơn và có trước hơn là Jehovah và Nó phải bị hy sinh cho một giáo điều mới.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 16

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH III, 7

7 - Ở đây học giả huyền môn ! Người hãy xem Đứa Trẻ chói sáng do cả hai (là Cha và Mẹ) sanh ra ; Đứa bé ấy là sự vinh quang rực rỡ và vô song là cái không gian chói lọi. Con của cái không gian tối om ; nó từ chón thâm sâu của những dòng nước to âm u nhô lên. Đứa Trẻ ấy là OEAOHOO còn thơ, là Đấng mà ta gọi là Kwan-Shai-Yin (a). Ngài chói sáng như Mặt Trời, Ngài là Con rồng của sự Minh triết rạng ngời và thiêng liêng. 'Eka' vốn là Một, là Bốn và số Bốn chiếm số Ba hiệp lại là 'Sapta', đó là số Bảy. Số Bảy trở thành 'Tridasha', là đám đông và quân chúng (b). Người hãy giở tấm màn che Ngài, rồi trải nó ra từ Đông sang Tây. Ngài che giấu cái gì ở trên và cho thấy cái gì ở dưới, như là lại Ảo ảnh. Ngài chỉ định chỗ cho Vật thể Chói sáng (ấy là Sao) đổi cái ở dưới thành ra biển lửa không bờ bến (c), và đổi cái Duy nhất biểu lộ (là nguyên tố) ra những dòng nước lớn.

(a) 'Không gian chói sáng là Con của Không gian ù ám' liên quan đến Tia sáng - lúc làn rung động đầu tiên của Buổi Bình minh - xẹt ra trong chón đại yên thâm của vũ trụ.

Từ chôn Đại uyên thâm ấy, nó được biến hóa, và nhô lên lên nữa như là 'Đấng OEAOHOO còn thơ' như là 'Sự sống mới' để đợi cuối Chu kỳ của kiếp sống - trở thành mầm mống của vạn vật. Chính Ngài là con người hữu thể có bên trong ý niệm thiêng liêng. Nếu nói theo câu của Ông Philon thì Ngài là Nguồn phát sinh ra Ánh Sáng và Sự Sống. Người ta gọi Ngài là : 'Con Rồng của sự Minh Triết chói sáng ngời' bởi vì, trước nhất, Ngài là Đấng mà nhà triết học Hy Lạp gọi là Đức Thượng Đế, là Thân Đạo có tư tưởng thiêng liêng ; và kế đó, trong triết học huyền môn, sự biểu lộ đầu tiên này là sự Tổng hợp, hay sự Tổng cộng sự Minh triết của Vũ trụ, OEAOHOO - là : Con của Mặt trời có Bảy Đội binh Sáng tạo, như đó mới gọi là Tinh hoa của sự Minh triết đã biểu lộ 'Ai được tắm mình trong ánh sáng của OEAOHOO thì sẽ không bao giờ bị màn ảo ảnh của Maya phỉnh gạt được.

Kwan-Shai-Yin không khác gì với Avalokiteshvara của Phật giáo, và như đó Ngài là một Vị Thần bán nam, bán nữ như thân Tetragrammaton (Tứ nguyên) và như tất cả các vị Huyền Thiên Thượng Đế của thời đại cổ xưa. Chỉ vài môn phái bên Trung Hoa cho Ngài là lấy hình người vì họ tượng trưng Ngài với những đặc tánh của nữ phái, Ngài được gọi là Đức Quan Âm (Kwan Yin) là Đức Thân minh của lòng Từ bi, cũng gọi là Tiếng Nói thiêng liêng. Đức Quan Âm là vị Thân minh phò hộ cho Xứ Tây Tạng và cù lao Puto bên Trung Hoa. Nơi đây Đức Quan Âm và Tiếng nói thiêng liêng cả hai đều có nhiều đền thờ. Những vị Thân minh đời Thượng cổ cao nhất luôn luôn đều là 'những Người Con của Đức Mẹ' trước khi trở thành những người Con của Đức Cha.' Những vị Lo-go-ô như Jupiter hay Zeus là 'Con của Kronos-Saturne'. 'Thời gian vô tận' lúc khởi nguyên được miêu tả như là có Nam, có Nữ. Thân minh Zeus được gọi là 'Đức Nguyên trình xinh đẹp' và Venus lại có râu. Thân Apollon trước tiên là vị Thân ái nam, ái nữ như Brahmâ-Vâch trong quyển Manu và Purânas. Người ta có thể

đối Thân Osiris với Thân Isis, còn Thân Horus thì ái nam ái nữ.

Sau cùng, theo sự trông thấy của Thánh Jean trong quyển Révélation thì Thượng Đế Logos mà ngày nay người ta phối hiệp với Jésus là ái nam ái nữ - bởi vì người ta miêu tả Ngài có nhũ hoa. Cũng như đối với Jehovah (Tứ Nguyên) y như vậy. Nhưng trong Huyền bí học, có hai Đấng Avalokiteshvara tức là Đệ nhất và Đệ nhị Thượng Đế.

Không có một biểu tượng tôn giáo nào trong thời kỳ quyền-thuật và khoa học của chúng ta ngày nay mà thoát khỏi sự phạm thân và sỉ tiếu. Ở Ấn Độ miền Nam, tác giả đã thấy một người Ấn Độ - tín đồ Thiên chúa giáo - đang làm lễ với lễ vật trước tượng Jésus mặc y phục phụ nữ, đeo một cái khoen nơi lỗ mũi. Khi được hỏi tại sao có sự giả trang này, thì người đó trả lời rằng: 'chính là Đức Mẹ và Đức Chúa nhập một.' Y làm như thế với sự cho phép của Đức Cha bởi vì vị tín đồ nhiệt thành kia không đủ tiền để mua hai tượng để thờ. Đó đúng y lời nói của một người Ấn Độ khác, không tín đồ mà y đã chứng kiến điều đó. Sự này - đối với người Thiên chúa giáo độc đoán - có thể dường như phạm thượng đến thân thánh; nhưng đối với người Thông Thiên Học và nhà Huyền bí học thì phải cho người Ấn Độ tín đồ này một phần thưởng vì sự lý luận hợp lý của y. Cái nguyên lý thâm sâu của con người chúng ta 'Christos' hiểu theo Huyền bí học thì không có chủng loại, nhưng trong quyển Théologie ésotérique thì nó vừa nam, vừa nữ.

(b) 'Con Phòng Minh triết' là Một, là 'Eka' hay là 'Saka', có điều lạ là danh hiệu Đức Jehovah, theo ngôn ngữ Hy bá lại là Một, là Duy nhất (Achad). Những nhà giáo sĩ Do thái nói rằng: 'Danh hiệu Ngài là Achad'. Những nhà bác ngữ học phải nhất định một trong hai từ ngữ, cái nào do cái kia mà ra, trên phương diện biểu tượng và ngôn ngữ, chắc chắn là không phải do

Phạn ngữ mà ra. Danh từ 'Duy nhất' và 'Con Rồng' là những từ ngữ mà người xưa dùng để ám chỉ những vị Huyền Thiên Thượng Đế riêng của họ. Nói theo Huyền bí học, thì Jehovah, Elohim cũng là 'Con Rồng', hay 'Con Rồng', nó cắn đở Eva, và Con Rồng là một dấu khắc xưa của Ánh Sáng Trung Giới (nguyên lý căn bản), 'nó là Minh triết của sự hỗn mang'. Triết lý thời cổ không biết cái thiện hay cái ác có quyền năng căn bản hay độc lập, nhưng nó lấy khởi điểm là 'Sự Tuyệt đối toàn thể', 'Sự hoàn thiện trường tồn và đại đồng'. Cái triết lý ấy chỉ cho ta thấy hai mãnh lực này như là trạng thái của cái ánh sáng thuần túy, nó dần dần đông đặc lại thành hình, và vì vậy trở nên vật chất, nghĩa là Ác. Chính đó là sự kiện của mấy ông Cha đầu tiên bên Thiên chúa giáo chưa thông suốt vấn đề. Họ hạ thấp ý niệm triết lý và khoa học cao cả của cái biểu tượng đó, để cho nó biến thành một sự dị đoan phi lý mà người ta gọi là 'ma quỷ'. Họ lấy danh từ 'ma quỷ' ở những người Hỏa giáo sau cùng, những người này thấy dạng ma quỷ hay sự ác trong mấy vị thiên thần Ấn Độ. Và danh từ 'Ác' được mọi ngôn ngữ đều dùng. Nhưng những người ngoại đạo luôn luôn tỏ ra có sự phân biệt trong triết lý, về những biểu tượng, như đó mà biểu tượng xưa về con Rồng là tượng trưng sự Minh triết và sự Toàn thiện thiêng liêng và luôn luôn nó chỉ tỏ sự phục sinh và sự trường sinh của linh hồn. Bởi vậy cho nên Ông Hermès gọi Con Rồng là con vật có tinh thần hơn các loài vật khác. Trong kinh Vũ trụ luận, Lúc Moïse, Đấng được điểm đạo trong Minh triết Hermès, cũng tuyên bố như thế. Con Rồng theo thần bí triết học, với bảy màu âm trên đầu là biểu tượng của thất phẩm, của Bảy Lăng Sáng tạo hay Bảy Vị Hành tinh Thượng đế. Và cũng như đó mà Con Rồng Shesha hay Ananta của người Ấn Độ có nghĩa là 'Vô tận', là danh từ của Đấng Vishnou và cái Khí Cụ đầu tiên của Ngài là Con Rồng đó, trên những dòng nước nguyên bản. Tuy nhiên, những Con Rồng

này cũng khác biệt với nhau, y như các Đấng Huyền thiên Thượng Đế và các Phẩm vị Quyền năng, Shesha hay là Ananta, là 'Sự sản xuất của Vishnou' là một biểu tượng trừu tượng để diễn tả cái thời gian vô tận trong không gian. Trong không gian đó có mầm mống. Mầm mống được tủa rải ra theo chu kỳ, cho sự phát sinh (Vũ trụ được biểu lộ) ; còn Con Rắn Ophis gnostique (của Thần bí Triết học) cũng có ý nghĩa trừu tượng như vậy (1 mà 3) trong 7 âm tự của nó đọc thành 'một giọng', 'ba giọng' và 'bảy giọng' của 7 âm tự EAOHOD trong giáo điều thời cổ. Đó có nghĩa là: Ngôi thứ nhất chưa biểu lộ, Ngôi thứ nhì biểu lộ. Hình Tam giác cụ thể trong số 4 hay là Tétragrammaton) và những Tia sáng của Tétragrammaton chiếu xuống cõi vật chất.

Tuy nhiên, những người ngoại đạo thời cổ luôn luôn phân biệt giữa Con Rắn tốt và Con Rắn xấu (Con Rắn xấu là Ánh sáng của cõi Trung giới theo người Cabalistes) - giữa con Rắn tốt là ám chỉ sự nhập thể của sự Minh triết thiên ^{liêng} ở cõi tinh thân, và giữa con Rắn xấu ; là ám chỉ sự nhập thể của sự ác ở cõi vật chất. Bởi vì Ánh sáng Trung giới, hay là Dĩ thái đối với các nhà ngoại đạo (danh từ ánh sáng Trung giới là một danh từ rất mới mẻ), là tinh hoa vật chất do cõi tinh thân thuận túy đi xuống ; nó càng đi xuống càng trở nên trọng trược, và khi nó đi đến cõi trần, chúng ta thì nó hóa ra Maya, hay là Con Rắn cảm ổ và phỉnh gạt. Đức Chúa Jêsus nhìn nhận Con Rắn là đồng nghĩa với sự Minh triết, và đó cũng là một phần của Giáo lý Ngài. Ngài nói : 'Các con hãy khôn ngoan như Con Rắn'. 'Trước tiên, trước khi Mẹ trở thành Cha Mẹ, Con Rồng Lửa lay chuyển một mình trong vô tận.'

Ông Brahmana Aitareya gọi Đất Sarparâjai là 'Hoàng Hậu Rắn' và là 'Mẹ của tất cả cái gì lay động'.

Trước khi quả địa cầu của chúng ta lấy hình bầu dục (và cũng là vũ trụ nữa) thì có một vệt dài bằng bụi vũ trụ (hay bằng sương mù đỏ rực) lay chuyển và vặn xoắn cũng như Con Rắn giữa không gian. 'Tinh thần của Đức Thượng Đế lay chuyển trong Hỗn mang' được tượng trưng trong mỗi xứ dưới hình thức một Con Rắn lửa thở ra lửa và ánh sáng trên những dòng nước nguyên căn, cho tới khi nó làm cho chất vũ trụ thụ thai và làm cho nó lấy hình tròn như con rắn cắn đuôi. Con rắn cắn đuôi là biểu tượng chẳng những là sự vĩnh cửu và sự vô tận, mà nó cũng còn ám chỉ hình tròn của mọi xác thể sanh ra trong vũ trụ do sương mù đỏ rực đó. Vũ trụ, địa cầu và Con người, cũng như Con Rắn, đều lột da cũ đổi da mới, sau một thời gian ngơi nghỉ. Thật ra, con Rắn không phải là một Ảnh tượng ít duyên dáng hay ít thơ mộng hơn con sâu hay là con nhộng sanh ra con bướm. Người Hy Lạp cho con bướm Psyché là tượng trưng Linh hồn con người. Con Rồng cũng vậy, nó biểu ^{tượng} Đức Thượng Đế đối với người Ai Cập, cũng như đối với các nhà Thần bí triết học. Trong quyển Livre d'Hermès, đức Pymandre là Đức Huyền Thiên Thượng Đế của lục địa Tây Phương cổ nhất và tinh thần nhất, đã hiện lên dưới hình thể của một con rồng lửa, ánh sáng và lửa ngọn. Đức Pymandre là thể hiện của 'Tư tưởng thiêng liêng' nói rằng :

'Ánh Sáng chính là Ta, Ta là 'Nous', là Thượng Trí hay 'Mind' hay 'Manu'. Ta là đấng Thân mình của người, và Ta già hơn cái nguyên lý con người từ bóng tối vượt lên ta là Mầm mống của Tư tưởng. Ta là Danh ngôn chói sáng, là Con của Thượng Đế. Tất cả cái gì người thấy và nghe trong lòng người, ấy chính là ngôn từ của đức Thầy, là Tư tưởng Mahat. Tư tưởng ấy là Đức Thượng Đế, là Đức Cha, Đế cả của Trời - là Dĩ thái. Nó là Hơi thở của Cha, là Nguyên lý cho sự sống, là Mẹ, là Tinh thần cao cả ... Bởi vì mấy điều đó không chia ly nhau được, sự phối hiệp của chúng nó là Sự Sống.'

Ở đây, chúng ta gặp tiếng vang rõ rệt của giáo lý bí truyền cổ xưa mà chúng ta đang giảng giải hiện giờ. Tuy nhiên, giáo lý bí truyền này, không để trên chót vót của sự Tiến hóa của Đời Sống danh từ 'Cha'. 'Cha' đến lượt thứ ba, và là 'Con của Mẹ', mà nó lại để nơi đó 'Hơi Thở Trường Tôn và vô tận của cái Duy Nhất. Mahat (là sự Hiểu biết, là Trí Tuệ, là Tư Tưởng v.v...) trước khi biểu lộ dưới hình thức Brahma hay Shiva, thì hiện lên dưới hình thức Vishnou theo lời Ông Sankhya Sara nói. Vậy Mahat có nhiều trạng thái, như Thượng Đế vậy. Mahat được gọi là 'Đấng Chủ tể' trong lúc Sáng Tạo đầu tiên và theo ý nghĩa đó thì Mahat chính là sự Nhận thức Toàn thể hay là Tư tưởng Thiêng liêng. Nhưng Mahat tạo ra đầu tiên được gọi về sau là Ích kỷ khi nó sinh ra 'Cái Ta' (chính cái cảm giác). Điều đó người ta gọi là Sự Sáng Tạo lần thứ nhì. Và dịch giả - (là một vị Pà la môn trí thức và khôn ngoan, chớ chẳng phải một người Âu Châu mà học văn hóa Đông Phương - giải thích một cước chú ở cuối trường, rằng : 'Khi Mahat làm nảy nở sự tự tri thức ra cảm giác, thì 'cái Ta' lấy danh từ là 'Ích kỷ'. Theo ngôn ngữ huyền bí học, thì đó có nghĩa rằng : như thế là khi nào Mahat đổi ra trí con người trở thành 'Cái Ta'. Bởi vậy Mahat đó được gọi là Mahat của sự Sáng Tạo lần thứ nhì. (hay là lần thứ chín, là sự Sáng Tạo Kumara trong quyển Vishnu-Furâna.)

(c) Vậy 'Biển Lửa' là Ánh sáng của cõi Trung giới Tối Thượng (nghĩa là Thực Thể trái với Hiện tượng). Nó là phóng xạ tuyến đầu tiên của chất Cội Rễ Mûlaprakriti, là chất Vũ trụ chưa biến hóa, nó trở thành chất khí cõi Trung giới. Nó cũng được gọi là 'Con Bán Lửa' như người ta đã nói. Nếu học giả vui lòng nhớ lại thì sẽ biết rằng : chỉ có Một Nguyên tố Vũ trụ Duy nhất vô cùng tận, bất sinh, bất tử mà thôi ; còn mấy cái khác (tử như vạn vật trong cõi hiện tượng) -

chỉ là những cái có nhiều trạng thái khác nhau, chúng nó phối hợp và đã được biến hóa, thay đổi (những cái mà hiện nay chúng ta gọi là tương quan với nhau) ; cả thấy đều do cái Một duy nhất ấy mà ra ; từ đại vũ trụ cho chí tiểu vũ trụ, từ những đấng Tối cao hơn nhân loại, cho tới nhân loại, cho tới siêu nhân loại (nói tóm lại là trọn cả đời sống khách quan, đối tượng) đều do cái gốc duy nhất đó mà ra. Hiểu đặng sự duy nhất này rồi, thì sự khó khăn đầu tiên và vĩ đại nhất sẽ mất đi, và khoa học vũ trụ huyền môn : sẽ hiểu được 'Số Một'. Tất cả các nhà Do thái thân bí và những nhà huyền môn Đông phương và Tây phương đều biết: sự đồng chất của 'Cha Mẹ' với dĩ thái căn nguyên hay là Akasha 'Ánh sáng Trung giới', và sự đồng chất của 'Cha Mẹ' trước khi có sự tiến hóa của 'Con' là chất Fohat vũ trụ (bởi vì chất Fohat vũ trụ là Điện khí vũ trụ).

'Fohat làm cho cứng rắn và rải rác bảy người Anh Em' nghĩa là tinh linh điện khí nguyên căn. - (Bởi vì những nhà Huyền bí học Đông phương quả quyết rằng : điện khí là một tinh linh) đem sự sống cho điện lực và chia chất nguyên căn ra thành những nguyên tử. Chính những nguyên tử này lại là căn bản của mọi sinh linh và của mọi tâm thức. 'Có một động tác duy nhất ở khắp cùng trong mọi hình hài sắc tướng, và trong mọi đời sống. Nó gọi là Od, Ob và Aour⁽¹⁾. Nó vừa

(1) Od : là ánh sáng thuần túy cho sự sống, nó là từ điện.

Ob : là sứ giả của tử thân, phù thủy dùng nó. Nó là từ điện đem tai nạn.

Aour : là tổng hợp cả hai. Nó là ánh sáng trung giới đúng thật.

Od : cũng là danh từ mà người Tây Tạng dùng để ám chỉ ánh sáng. Về ý nghĩa huyền môn thì 'Od' là 'Trời'. Lại nữa Akasha không phải đúng là dĩ thái mà là vật cao hơn, thanh hơn dĩ thái rất nhiều.

chủ động vừa thụ động, nó vừa âm vừa dương cũng như ngày và đêm. Nó là ánh sáng thứ nhất trong lúc sáng tạo, (Elijhas Lévi) - 'cái ánh sáng đầu tiên của thân lực sáng tạo nguyên căn - là ADAM (ái nam ái nữ) hay là nói theo Khoa học nó là điện khí và sự sống.

Người đời xưa biểu tượng nó bằng Con Rắn, bởi vì 'Fohat vừa lướt vừa suýt bên này bên kia' đi lằng quằng. Nhà thần bí Do thái Cabale tượng trưng nó bằng chữ Hy bá lai 'Teth' \cup mà biểu tượng là Con Rắn. Con Rắn đóng một vai tưởng rất quan trọng trong Thần bí. Cái giá trị thế giới của nó là số 'chín' bởi vì chữ 'Teth' là mẫu tự thứ chín, và là cửa thứ chín trong năm mươi cửa đưa đến sự huyền bí ẩn tàng trong con người. Chính nó là động tác phi thường tuyệt diệu, và khoa học luyện kim chỉ rõ rằng nó là 'sự sống rơi vào vật chất nguyên căn' là tinh hoa của vạn vật, là tinh thần quyết định hình thức của vạn vật. Nhưng theo khoa luyện kim huyền bí, thì có hai tác dụng : 1) tác dụng tinh thần, 2) tác dụng vật chất, tương đối cả hai luôn luôn hợp nhất như Ông Hermès nói :

'Người sẽ chia đất và lửa ra, chia cái thanh nhẹ và vật thể ra ... vật thể từ dưới đất lên trên trời và từ trên trời lại trở xuống đất. Nó là cái ánh sáng thanh nhẹ, là sức mạnh của mọi sức mạnh bởi vì nó chiếm mọi vật thanh nhẹ xâm nhập mọi vật thể. Đó là sự tạo tập thể gian.'

Không phải chỉ có Zénon là vị sáng lập Phái Khắc kỷ dạy rằng : 'Vũ trụ tiến hóa và nguyên chất của nó biến đổi từ trạng thái lửa ra trạng thái không khí và về sau đổi thành trạng thái nước, vân vân ... , mà còn có Ông Héraclite thành Ephèse xác nhận rằng : cái nguyên lý duy nhất làm nền tảng cho mọi hiện tượng trong thiên nhiên, chính là lửa. Cái trí năng làm lay chuyển vũ trụ, chính là lửa và lửa là trí năng,

Còn Ông Anaximènes nói về khí trời cũng y như vậy, và Ông Thalès de Milet 600 trước Chúa giáng sinh, cũng nói về nước. Giáo lý bí truyền hòa giải các triết lý gia này bằng cách chỉ rằng : dù mỗi người đều nói đúng, nhưng không có học phái của ai là hoàn toàn.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

Tập số 17

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH III, 8

8 - Lúc ấy đâu là Mầm mống ? Rồi đâu là Tối tăm ?
Đâu là Tinh hoa của Ngọn Lửa đang cháy trong cây đèn của người ? Hỏi người học giả Huyền môn ? Cái Mầm mống chính là cái Đó, và cái Đó là Ánh sáng, là người con trắng và sáng sủa của ông Cha tối tăm và ẩn kín.

Câu trả lời cho câu hỏi thứ nhứt nhờ câu hỏi thứ nhì dẫn khởi. Nó là câu trả lời của Thầy cho trò. Chỉ một câu thôi, mà nó chứa đựng một trong những chơn lý quan trọng nhất của Triết lý Huyền môn. Nó ám chỉ sự hiện ^{những vật} tồn của/ mà giác quan vật chất của ta không cảm thấy được. Đó là điều rất quan trọng, rất thực tại và rất vĩnh cửu hơn là những điều nhờ vào mấy giác quan ấy. Trước khi nhà học giả Huyền môn Lanoo có thể hi vọng hiểu bài toán siêu hình học trác tuyệt ở trong câu hỏi thứ nhứt thì y phải trả lời cho được câu hỏi thứ nhì, và câu trả lời đó của y sẽ đưa cho y chiếc chìa khóa để tìm lời giải đáp trúng cho câu hỏi thứ nhứt.

Trong bài bình luận Thánh kinh Dzyan bằng Phạn ngữ, những từ ngữ dùng cho nguyên lý ẩn tàng và không tiết lộ rất nhiều. Trong những bản (viết bằng tay) đầu tiên của văn hóa Ấn Độ, thì Đấng Thân mình trừu tượng và không tiết lộ này không có danh hiệu. Người ta thường dùng Cái Đó

để ám chỉ Ngài', tiếng Phạn ngữ là TAT, nghĩa là tất cả cái gì hiện có, đã có và sẽ có, hoặc giả cái gì mà trí khôn con người có thể hiểu được.

Triết lý Huyền môn gọi cái Nguyên lý trừu tượng đó bằng nhiều danh từ, tỷ như 'Sự Tối tăm không dò được', 'con trót' hoặc giả đó là Kalahansa hay 'Kala Hamsa' (Con Hạc). Nơi đây chữ 'm' và chữ 'n' thay đổi cho nhau được, và cả hai có giọng mũi như Pháp ngữ 'am' hay 'an'. Trong Phạn ngữ cũng như trong Hy bá lai ngữ có nhiều danh tự thiêng liêng và huyền bí không nói cho người thè tục biết mà chỉ nói trở bằng một danh từ khác, một danh từ có thể cho là tầm thường, bởi vì những danh từ linh thánh và huyền bí đó ẩn dưới sự 'đổi vị trí của chữ', hay dưới một hình thức nào khác. Danh từ 'hamsa' hay 'hamsa' chính là một thí dụ. Hamsa cũng giống như Ahamsa, ba từ ngữ A Ham Sa có nghĩa là 'Tôi là Ngài'. Còn chia nó ra cách khác thì người ta có thể đọc là So-ham nghĩa là 'Ngài là tôi'. So-ham đồng nghĩa với Sah là Ngài, còn Aham là tôi. Vậy 'Tôi là Ngài' đối với người hiểu ngôn ngữ Minh triết, hiểu sự bí mật của vũ trụ, thì chỉ trong một chữ cũng chứa đựng cái giáo lý đồng tính của tinh hoa con người và tinh hoa Thượng đế. Như đó mới có nét khắc để biểu tượng Kalahansa (hay Hamsa) và danh từ để gọi Brahman (Trung hòa) và về sau để ám chỉ 'Brâhma' (Dương) và có nét khắc về Hamsa-Vahana, là Vị dùng Hamsa để làm khí cụ. Danh từ này cũng có thể đọc là Kalahansa hay là 'Tôi là tôi trong vĩnh cửu'. Điều này liên quan đến một câu kinh trong Phúc âm, hoặc hơn nữa, nó can hệ đến một câu kinh Hỏa giáo là 'Tôi là Tôi thể'. Cũng chính cái thuyết ấy trong Kinh thần bí Do Thái 'Kabale' để làm bằng chứng cho câu được nêu ra rút trong cáo bản của Ông M. S. Liddel Mc Gregor Mathers, là nhà bí học Do Thái uyên thâm.

“Người ta dùng ba đại danh từ 'Hua', 'Ateh', 'Ani' (là Nó, Mây, Tôi) để biểu tượng 'Macroposope' và 'Microposope' trong Kinh thần bí Do Thái, 'Hua' là 'Nó' hay là 'Ngài ấy' áp dụng cho Macroposope ẩn tàng ; 'Ateh' là 'Mây' hay là 'Ngài' áp dụng cho Microposope, còn 'Ani' là 'Tôi' áp dụng cho người sau ấy, khi người ta tượng trưng người ấy đang nói. Nếu lưu ý rằng : mỗi danh từ đều có ba chữ, 'A' là chữ sau cùng của 'Hua', và là chữ đầu của 'Ateh' và 'Ani', dường thế 'A' là sợi dây nối liền chúng nó nhưng 'Aleph' là biểu tượng của đơn vị, như đó mà cái ý niệm bất biến về Thượng đế tác động xuyên qua mấy chữ này. Nhưng sau 'Aleph' trong 'Hua' là những chữ 'Vau' và 'Hé' biểu tượng cho những số 6 và 5 là Âm và Dương là lục-giác và ngũ-giác. Và những số cho ba danh từ 'Hua', 'Ateh' và 'Ani' là 12, 406 và 61. Chúng là những số đại lực cho những số chánh 3, 10 và 7 theo những vị Thần bí Do Thái Cửu Phòng, tức là một hình thái Chú giải Luật Thánh kinh Temura.*”

Rán giải nghĩa hoàn toàn sự bí ẩn là điều hoàn toàn vô ích. Những nhà thiên về vật chất và khoa học tân thời không bao giờ hiểu được sự bí ẩn đó, bởi vì muốn có sự tri giác rõ ràng thì trước hết phải nhìn nhận sự định-tác (postulatum) này : là có một Đấng Thiêng liêng, trường tồn, toàn diện, khắp nơi nào trong thiên nhiên đều có, sau nữa phải thâm hiểu sự bí ẩn của điển khí và sau rốt tin tưởng rằng : con người là một biểu tượng trong bảy biểu tượng dưới cõi trần, của Đơn vị Vĩ đại duy nhất của Thượng đế. Ngài là dấu hiệu của bảy tự-âm, là Hơi thở kết tinh trong Đạo.

Người nào tin tưởng tất cả sự này thì cũng phải tin tưởng sự phối hợp của bảy hành tinh của Huyền môn và của thần bí Do Thái với 12 Cung của Hoàng Đạo và gán cho mỗi hành tinh

và mỗi tinh tú một ảnh hưởng ; cũng như chúng ta đã làm. Cũng như nhà Thiên văn Pháp Ely Star nói: cái ảnh hưởng này tốt hay xấu là do đặc tính riêng của tinh tú hay hành tinh đó. Điều này sở dĩ có là do vị Thần linh cai quản hành tinh, Ngài có khả năng ảnh hưởng người và vật điều hòa với Ngài, và những gì liên quan đến Ngài. Bởi vì những lẽ đó và bởi vì ít người biết được những điều trên kia, cho nên tất cả điều gì người ta có thể nói hiện nay là trong hai trường hợp, cái biểu tượng 'Hamsa' (dù Hamsa là Tỏi hay Ngài, là Con ngỗng hay con hạc) là một biểu tượng quan trọng, nó miêu tả như sự Minh triết thiêng liêng, sự Minh triết trong tối tăm ngoài tâm hiểu biết của con người. Theo sự áp dụng ngoài đời, thì 'Hamsa' như mọi người Ấn Độ đều biết, là một con chim thần thoại khi người ta hiến cho nó sữa trộn chung với nước thì nó biết chia riêng hai thứ và uống sữa, để nước lại. Nó chỉ tỏ một sự Minh triết đặc biệt (theo biểu tượng thì sữa tượng trưng cho tinh thần, còn nước cho vật chất).

Vì lẽ cái biểu tượng này rất xưa ở vào thời Thượng cổ, nên trong kinh Bhâgavata Purâna, người ta có nói đến một Giai cấp Hamsa hay Hamsa. Giai cấp ấy là một giai cấp duy nhất, cực điểm; và khi lùi lại xa xưa, trong sương mù của dĩ vãng lãng quên thì người Ấn Độ chỉ có Thánh kinh Phê Đà, một Đấng Thần Minh và một Giai cấp. Cũng có một phân núi Hy mã Lạp sơn được gọi là Hamsa miêu tả trong những sách xưa, nó nằm ở bắc Núi Mérou, nó liên quan đến đoạn lịch sử Điểm Đạo và những sự bí ẩn về Đạo lý. Còn về việc Kala Hamsa là Khí cụ của Brahmâ-Prajapati theo những bản kinh công truyền và những lời tập quán của những Vị Phương Đông, thì là đều sai lầm. Brahman (Trung hòa) họ gọi là Kalahamsa và Brahmâ (Dương), họ gọi là Hamsa Vâhana bởi vì chắc tại Khí cụ của Ngài là Con Hạc hay Con Ngỗng.

Đó là lời phê bình của công truyền. Nếu theo Bí truyền và lời bình luận hợp lý, Brahman là Đấng Vô cùng, là Tất cả cái gì mà nhà Phương Đông học miêu tả và phù hợp với những bản kinh Védantins (nghĩa là Ngài là Đấng Thượng đế trừu tượng) thì không bao giờ có những đặc tánh con người. Và nếu người ta, đồng thời, xác nhận Brahman là Kalahansa thì làm sao Ngài có thể trở thành Vahan de Brahmâ là Đấng Thượng đế hữu hạn và được biểu lộ? Chính cái đó là điều trái ngược hẳn 'Con Hạc hay Con Ngỗng' là biểu tượng của Thượng đế, hay tạm thời tức là Brahmâ, là do tia sáng căn bản phát ra; Con Hạc hay Con Ngỗng dùng làm khí cụ cho tia sáng thiêng liêng. Nếu không có khí cụ này, thì tia sáng không thể tự biểu lộ được trong vũ trụ, bởi vì vũ trụ trái lại, là do tối tăm (vật chất) sanh ra - hoặc giả, ít ra, đó là đối với trí phàm con người. Vậy chính Brahmâ là Kalahansa và Tia sáng là Hansa-Vâhansa.

Còn cái biểu tượng kỳ lạ được chọn lựa đó, cũng rất là cảm dụ. Cái nghĩa thật sự huyền bí của nó là: cái ý niệm của một 'tử cung vũ trụ' hình dung bằng những dòng nước căn bản của 'vực thâm' hay bằng sự mở hoác để tiếp đón và về sau để xuất ra, cái Tia sáng duy nhất này là Đức Thượng đế chứa đựng bảy Tia sáng khác, hay là bảy quyền năng sinh hóa, là những Vị Huyền Thiên Thượng đế. Chính vì lẽ đó, những người Rose-Croix mới chọn biểu tượng là Con Chim lội nước - dù là Con Hạc hay con Thằng Bè - với bảy đứa con; cái biểu tượng được sửa đổi và phù hợp với tôn giáo của nhiều xứ. Quyển sách nói về Số gọi 'Linh hồn nóng nhiệt của con Thằng Bè' là Ain-Soph. Đấng Thực thể hiện lên mỗi Đại kiếp dưới hình thức 'Nâra-yana' hay 'Svâyambhuva' và chui vào Trứng thế gian cho chí đến

thời kỳ áp ủ thiêng liêng để xuất ra dưới hình thức
Brahmâ hay Prajâpati là Đấng hóa sanh ra vũ trụ tương
lai ; trong cái vũ trụ này Ngài hiện tràn ra khắp nơi.
Ngài là Tinh thần (Purusha) mà Ngài cũng là Vật chất
(Prakriti). Vậy chỉ sau khi tự chia ra là hai phần
- Brahmâ Vâch (Nữ) và Brahma Viraj (Nam) mà Prajâpati
trở thành Brahmâ (Nam).

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 18

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH III, 9-10

1 • Ánh Sáng là Ngọn Lửa lạnh, và Ngọn Lửa là Lửa, và Lửa sanh ra hơi nóng ; hơi nóng sanh ra Nước. - Nước của sự Sống trong lòng Bà Mẹ (là sự hỗn mang).

Nên nhớ rằng : những danh từ 'Ánh Sáng', 'Ngọn Lửa' và 'Lửa' đã được những nhà dịch giả ngữ vựng của các cụ gia 'triết lý gia về Lửa' dùng để làm cho ý nghĩa của những từ ngữ và biểu tượng cổ xưa nguyên căn được rõ rệt hơn. Bằng không, những độc giả Phương Tây sẽ hoàn toàn không hiểu được chúng nó. Tuy nhiên, đối với nhà học giả huyền môn thì những từ ngữ kia đã đủ rõ ràng rồi. 'Ánh Sáng', 'Ngọn Lửa', 'sự' lạnh', 'Lửa', 'Hơi nóng', 'Nước' và 'Nước của sự Sống' tất cả, dưới cội trần này, đều là kết quả của những sự giao-hỗ quan hệ của điện khí, cũng như lời một nhà vật lý học tân tiến đã nói. 'Điện' là 'Danh từ' có uy lực, và biểu tượng lại còn có uy lực hơn. Nó là 'phát sinh lực' thiêng liêng sanh ra những Con Cái cũng không kém phần thiêng liêng. Những Con Cái là : 'Lửa' là Vị sáng tạo, bảo tồn và phá hoại ; 'Ánh Sáng' là tinh ba của tổ tiên thiêng liêng, 'Ngọn Lửa' là linh hồn của tạo vật. Điện khí nghĩa là Sự Sống Duy Nhất, ở mực độ cao nhất của Con Người. Thể lỏng của Trung Giới (le Fluide astral) là chất Athanor của nhà luyện kim ở mực độ thấp nhất ; Thượng Đế và ma quỷ, Thiện và Ác ... Tại sao, nay người ta gọi Ánh Sáng là 'Ngọn Lửa lạnh' ? Bởi vì theo thứ tự của Sự Tiến

hóa trong vũ trụ (như lời dạy của các nhà huyền môn) thì thần lực vận chuyển vật chất - sau khi tạo ra nguyên tử đầu tiên, - được sanh ra dưới cõi trần bởi nhờ Hơi Nóng vũ trụ ; và bởi vì, trước thời gian ấy, Vũ Trụ (lấy theo nghĩa vật chất có thể phân tán ra được) chưa có chất nguyên căn đầu tiên, trường tồn, đồng tuổi với không gian. 'Không gian không có thủy, không có chung, không nóng, không lạnh, mà chỉ có một tự-nhiên-tính đặc biệt của nó mà thôi' theo lời Bình Luận nói. Hơi nóng và sự lạnh là hai tính tương đối ; chúng nó thuộc về khu vực của những thế giới biểu lộ ; những thế giới này đều do vật chất căn bản Hylé⁽¹⁾ biểu lộ mà ra. Chất Hylé, trong trạng thái ẩn tàng tuyệt đối của nó, được gọi dưới danh từ 'Sự lạnh trinh nguyên' (Vierge-Froide) và khi nó được thức tỉnh trong đời sống thì được gọi là 'Mẹ'. Những chuyện thần thoại cổ xưa về Vũ-trụ-luận bên Phương Tây nói rằng : 'Lúc khởi đầu, chỉ có sương mù lạnh (Cha) và bùn nầy nở mau lẹ (Mẹ Ilus hay Hylé) nơi đó bò ra Con Rắn Thế Gian (Vật Chất).⁽²⁾ Vậy, Chất Nguyên Căn, trước khi vượt lên khỏi cõi không bao giờ biểu lộ, và thức tỉnh dưới sức thúc đẩy rung chuyển của Fohat thì chỉ là 'ánh sáng lạnh lẽo, không màu sắc, không mùi vị và không có đặc tánh và trạng thái gì cả.' Cho đến những con thú nhất cũng y như thế - 'Con được bốn người' chúng là 'Một' trở thành 'Bảy' là những 'Tinh linh' (Entités). Những nhà huyền môn Phương Đông thời cổ, dùng danh hiệu và phẩm chất của những tinh linh ấy để ám chỉ Bốn trong Bảy Trung Tâm Thần Lực sơ đẳng hay là 'Nguyên tử'. Những Nguyên tử này, về sau, nẩy nở ra trở

(1) Hylé = (Theo chữ Hy Lạp thì có nghĩa : vật chất)

Hylé là vật chất căn bản, là Protyle, là Akasha.

(2) Rút trong quyển 'Isis dévoilée', tập I, trang 277.

thành những 'Nguyên Tố' vĩ đại nhất của vũ trụ, hiện nay, được khoa học tân tiến phân phối ra làm 70 thứ với vài nguyên tố phụ. Bốn 'cái Nhiên liệu Sơ đẳng' (Natures primaires) của các Đấng Hành tinh Thượng Đế (Dhyân-Chohans) đầu tiên được gọi là Akasha Dĩ Thái, Nước, Lửa (không còn danh từ nào hơn nữa). Những tử ngữ này trong thuật ngữ của Huyền-bí-học thực hành, liên quan đến những định nghĩa khoa học về 'hơi'. Để được nhà bí học và quân chúng hiểu thì những định nghĩa về 'hơi' này phải gọi là : Parahydrogénique, Paraoxygénique, Oxyhydrogénique và Ozonique hay có là là Nitrozonique. Những sức mạnh sau này hay là những Hơi -(Huyền môn cho là những vật siêu cảm - dù là nguyên tử) - chúng nó có sự linh hoạt tối đa, khi chúng nó rung động trên cõi biến hóa thô kịch của vật chất. Chúng nó vừa là dương-điện-tính, vừa là âm-điện-tính. Chúng nó và còn nhiều cái khác nữa, chắc chắn là những cái nối-kết thiếu của hóa-học. Trong khoa luyện kim và đối với những nhà huyền-bí-học, thì người ta biết chúng nó dưới những danh từ khác. Chính bằng cách hóa-hợp, và tái-hóa-hợp, hay bằng cách phân tách những 'Nguyên tố' với Lửa Trung giới (Feu astral), mà người ta tạo ra những hiện tượng vĩ đại nhất.

Bình luận tiếp Đoạn III, 10

10 - Cha-Mẹ dệt một tấm vải, đầu trên thì cột vào Tinh Thân - là Ánh Sáng của Bóng tối Duy nhất -, còn đầu dưới thì cột vào cái bóng của nó - là Vật chất (là Prakriti). Tấm vải đó là Vũ Trụ, dệt bằng hai chất hợp nhau lại làm Một, - đó là Svabhâvat.

Trong quyển Mândukya Upanishad (I, 1-7) có viết rằng : 'Vũ trụ cũng như con nhện giăng và thu lưới của nó, cũng như cây đâm chồi khỏi đất ..., nó do ĐẮNG bất biến mà ra, (Đắng ấy là Brahmâ) bởi vì 'Cái Mâm mống của Bóng tối bất khả tri' là cái Chất mà do đó vạn vật đều tiến hóa và nảy nở, cũng như lưới nhện do con nhện mà ra, cũng như bọt nước do nước mà ra vậy vân vân ... Điều này chỉ rõ rệt và thực sự là nếu từ ngữ Brahmâ 'Đắng Tạo hóa' là do chữ cái 'Brih' mà ra. ('Brih' là thêm lớn ra hay lan tràn ra).

Brahmâ 'lan tràn' ra và trở thành vũ trụ, được dệt thành do chính chất của nó. Cái ý niệm này đã được ông Goeth diễn tả rõ ràng khi ông nói : 'Vậy trong tiếng rồ rồ của khung cửi, và tôi dệt cho Thượng Đế chiếc y phục mà người thấy Ngài mặc.'

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 19

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH III, 11 - 12

11 - Tám vãi này giăng ra, khi hơi thở của Lửa (Cha) bao trùm nó. Nó co rút lại, khi hơi thở của Mẹ (Gốc của vật chất) chạm vào nó. Rồi mấy đứa con (là những nguyên tố) chia ly ra và giải tán, để trở về Lòng Mẹ của chúng nó sau Ngày Vĩ Đại, và chúng nó hợp nhất với Mẹ một lần nữa. Khi tám vãi này nguội thì nó lại rạng ngời. Những đứa con ấy tràn lan ra và co rút trong bản ngã và trong tâm của chúng nó. Chúng nó ôm choàng cõi vô tận.

Sự lan tràn của Vũ trụ dưới 'Hơi thở của Lửa' rất dẫn khởi, trong ánh sáng của Thời kỳ 'Sương mù của Lửa'. Khoa học tân tiến nói rất nhiều về thời kỳ đó, nhưng thật ra biết rất ít.

Lửa Vĩ đại phân chia những nguyên tố phức tạp và hóa chất cõi trời thành ra những Nguyên tố Căn bản Duy nhất của chúng nó ; đó là điều giải thích của Bản Bình luận này :

'Một khi, một vật, sống hay chết, đã bị phân giải ra bằng những phân tử căn bản của nó, bằng cách ở trong khu thu-hút và tác động của một trung tâm hay một trung khu nhiệt độ (énergie) - (trong không gian có rải rác nơi này nơi nọ, nhiều trung khu nhiệt độ đó)- thì vật ấy được hóa thành ra hơi nước và giữ trong trong 'lòng của Mẹ' cho tới khi nào Fohat góp nhặt một vài mảnh vụn

của Chất Vũ trụ (Tinh vân = Nébuleuse) thúc đẩy nó, làm cho nó vận chuyển lên nữa, phát triển sự nóng cân thiết và để cho nó theo con đường phát triển mới mẻ của nó.'

Sự tràn lan và sự co rút của tám vãi -(nghĩa là tám vãi thế gian (world stuff) hay là những nguyên tử tạo thành cõi thế gian)- miêu tả nơi đây sự vận hành của mạch nhảy : bởi vì sự co rút và sự tràn lan có chừng mực của bề vô bờ, vô bên của cái gì mà ta có thể gọi là ý niệm của vật chất (ý niệm do Svabhâvat phát sinh ra). Ý niệm này là căn nguyên của sự rung chuyển của những nguyên tử trong vũ trụ. Nhưng điều này chỉ tỏ rằng : các vị thời cổ biết điều gì làm cho các nhà thông thái ngày nay phải thắc mắc - nhất là nhiều thiên văn : ấy là cái nguyên nhân nung nóng vật chất lần đầu tiên hay tám vãi thế gian, cái nghịch thuyết về hơi nóng sanh ra do sự co rút của sức lạnh, và còn những bài toán đồ vũ trụ khác. Đó chỉ rõ - để khỏi lâm lộn, rằng : những người thời cổ biết về những hiện tượng đó.

'Trong mỗi nguyên tử có khí nóng bên trong và khí nóng bên ngoài' theo lời bình luận của cáo bản mà tác giả tiến tới điều này : 'Hơi Thở của Cha (Esprit) và Hơi Thở (Chaleur) của Mẹ (Matière)'. Và những tài liệu này cho những lời giải thích ; chúng nó chỉ tỏ rằng : cái lý thuyết tân thời về sự làm tắt lửa mặt trời bằng cách làm mất đi khí nóng do sự phóng chiếu, là một ý niệm sai lầm. Các nhà khoa học - chính mình - cũng nhận định sự sai lầm của xác-ngôn trên bởi vì - như sự chứng minh của Giáo sư New comb⁽¹⁾ - 'trong khi làm mất khí nóng của một vật hơi chẳng hạn, thì nó co rút lại ; và khí nóng - do sự co rút ấy phát sinh ra còn nhiều hơn là khí nóng bị mất bởi sự co rút ấy.' Cái nghịch thuyết nói về một vật trở nên nóng hơn theo sự co rút do sự lạnh

(1) Rút trong quyển 'Popular Astronomy' trang 507-508.

càng tăng cường là nguyên nhân của nhiều cuộc thảo luận. Nhưn đó, người ta tranh luận rằng : số dư của khí nóng bị mất do sự phóng chiếu ra, và tuyên bố là nhiệt độ này không hạ với sự giảm dung lượng do sự đè ép mãi, là phủ nhận luật của Ông Charles. Thật ra sự co rút (sinh ra bởi sự hóa lạnh) không có khả năng gia tăng số khí nóng đã có sẵn một lúc nào trong khối, và nó cũng không có khả năng giữ lại nhiệt độ vững chắc của một vật nào đó ... Giáo sư Winchell cố gắng giải thích cái nghịch thuyết ấy⁽¹⁾ cái nghịch thuyết, chỉ bên ngoài, như Ông J. Homer Laney⁽²⁾ đã chứng tỏ bằng cách dẫn khởi rằng : 'có một vật gì ngoài ra khí nóng.' Ông nói : 'Phải chăng đó chỉ là cái cự lực giữa hai phân tử, thay đổi tùy theo luật xa cách.'⁽³⁾ Nhưng dù vậy, điều này không được sự đồng ý, trừ phi nó 'là một vật gì hiện tồn ngoài khí nóng ra' được gọi là 'Khí nóng vô căn' (la chaleur sans cause), là 'Hơi Thở của Lửa' (Le Souffle de Feu) là 'Thân lực Hóa sinh vạn vật' (la Force omnicréatrice) điều khiển bởi Một Trí Khôn Tuyệt đối ; và chắc chắn khoa Vật lý học sẽ nhìn nhận nó.

Dù sao, bài đọc đoạn Thánh Kinh Stance này, mặc dù cú pháp của nó cổ xưa, nó cũng chỉ tỏ rằng : giáo lý của nó khoa học hơn là khoa học tân tiến.

(1) Nebular Theory (Winchell).

(2) Trích trong báo 'American Journal of Science'.

(3) Trích trong 'Winchell World - Life' trang 83-85, Juillet 1870.

12 - Rồi Svabhâvat mới đưa Fohat đến để làm cho những nguyên tử cứng rắn lại. Mỗi nguyên tử là một phần tử của Tám vãi.⁽¹⁾ Nó phản ánh 'Đấng tự sinh tôn'⁽²⁾ cũng như mặt kính vậy. Tới phiên mỗi nguyên tử trở thành một Thế giới.⁽³⁾

Fohat làm cho nguyên tử cứng rắn bằng cách trút thần lực vào nó.

Fohat rải rác 'những nguyên tử' hay là Chất Nguyên căn.

Fohat tự rải rác, trong khi nó phân tán Vật chất ra Nguyên tử. (theo lời Bình luận)

Chính nhờ Fohat mà những tư tưởng của cái trí Vũ trụ in được trong Vật chất. Người ta có thể có một ý niệm yếu ớt về Fohat trong khi gọi nó là 'Điện khí vũ trụ' như người ta đã làm đôi khi. Nhưng trong trường hợp đó, người ta phải thêm vào nó những đặc tính khác hơn là những đặc tánh mà người ta thường gán cho điện khí ; trong những đặc tính ấy, có ghép vào đặc tính 'trí huệ'. Có điều thú vị là ghi nhớ rằng : Khoa học tân tiến, rất cuộc rồi, cũng vừa mới nhận ra rằng : mọi sự tác động của bộ óc đều kèm theo những hiện tượng điện khí.

(Hết Đoạn Thánh Kinh III)

(1) Là Vũ trụ.

(2) Là Ánh sáng đầu tiên.

(3) Nói như thế là ví ngọn lửa -(do một nguồn lửa nào)- là chính tự nó không dứt, và người ta có thể thắp những ánh sáng của trọn cả vũ trụ với một ngọn đèn cây, mà không làm cho ngọn lửa của đèn cây giảm đi.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 20

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH IV, 1 - 2

1 - Ở Con của Trái Đất, hãy nghe Con của Lửa là Sư Phụ của các người (a). Các người hãy tập biết rằng : không có cái thứ nhứt, không có cái thứ chót ; bởi vì tất cả chỉ là một số, nó do cái Không số mà ra. (b)

(a) Những từ ngữ 'Con của Lửa', 'Con của Sương mù của Lửa' cùng những từ ngữ khác, đều cần một sự giải thích. Chúng nó liên hệ đến một sự huyền bí vĩ đại, nguyên căn và vũ trụ, nên không dễ gì giải nghĩa chúng nó. Có một đoạn Thánh Kinh Bhagavad Gita trong đó Krishna nói một cách bóng dáng và huyền bí như vậy :

'Tôi sẽ nói lúc 'có điều kiện' ... mà những nhà mộ đạo đi khỏi (cõi trần) mà không bao giờ trở lại (tái sanh). Lửa, ngọn lửa, ban ngày, trăng rằm (15 ngày may mắn), 6 tháng mặt trời ở phía Bắc, đó là lúc mà kẻ nào biết Brahman (Yogis) thì đến với Ngài. Còn lúc có khói, ban đêm, trăng từ rằm đến ba mươi (15 ngày không may), 6 tháng mặt trời ở phía Nam thì lúc ấy là lúc người mộ đạo đi vào quỹ đạo của mặt trăng (trong ánh sáng trung giới nữa) và trở về (tái sanh) sau này. Hai con đường này : một sáng, một tối, đều gọi là vĩnh cửu trong cõi

đời này (hay là Đại Kalpa).⁽¹⁾ Trên một con đường thì con người đi không bao giờ trở lại, còn trên con đường kia thì con người trở lại.⁽²⁾ Ngày nay, những từ ngữ 'Lửa', 'Ngọn Lửa', 'Ban ngày' (15 ngày sáng từ mùng một tới rằm), 'Khói', 'Ban đêm' vân vân ... chỉ dắt đến nút con người Nguyệt Đạo (Lunar Path) và không thể hiểu được nếu không biết về Huyền Môn. Chúng nó là những danh hiệu khác nhau của các vị Thần Minh cai quản những quyền năng tâm linh của vũ trụ. Chúng ta thường nghe nói về Giai phẩm của 'Ngọn Lửa', của 'những Con của lửa' vân vân ... Đức Shankaracharya, là Tối Đại Sư Huyền Môn ở Ấn Độ nói rằng : 'Lửa có nghĩa là Vị Thần Minh cai quản trong thời gian. Nhà Thông thái, dịch giả quyển Bhagavad Gita là Ông Kashinâth Trunbak Telang, ở Bombay, thú nhận rằng : Ông không có một ý niệm nào rõ rệt về ý nghĩa của những đoạn thơ này.

Đối với người nào biết giáo lý Huyền Môn thì không phải thế. Những đoạn thơ này chứa đựng ý nghĩa bí ẩn của những biểu tượng về mặt trời và mặt trăng. Những đấng Pitris là những vị Thần Minh trên Nguyệt tinh của tổ tiên chúng ta, bởi vì các Ngài tạo ra xác thân con người, các Đấng Agnishvattas, các vị Kumaras (Thất Hiền Huyền Môn) đều là những vị Thần Minh Mặt trời, dù các Ngài là những vị Pitris. Nhưng các Ngài tạo

(1) Kalpa là trọn cả thời gian hoạt động hay nghỉ ngơi. Maha Kalpa hay là Đại Đời của Brahma (100 năm của Brahma) là 311.040.000.000.000 năm. Mỗi năm của Brahma có 360 ngày và 360 đêm. Mỗi ngày của Brahma là 4.320.000.000.

(2) Rút trong quyển 'Sacred Books of The East', Chương 8, trang 80.

ra 'con Người bên trong'. Các Ngài là 'Con của Lửa' bởi vì các Ngài là Đấng Đầu tiên được sanh ra, và được gọi là 'Minds', (tức là trí tuệ) trong Giáo lý Bí truyền. Các Ngài tiến hóa từ Ngọn Lửa đầu tiên. Đấng Christ sẽ được phát lộ với các vị Thiên Thần của Ngài trong Lửa đỏ phùng. Đấng Thánh Linh (Le Saint-Esprit) xuống với những vị Tông đồ của Chúa dưới hình thức 'Lưỡi Lửa'. 'Vishnou sẽ đến với Con ngựa trắng tên là Kalki, như là một vị thiên thần giáng thế chót (dernier Avatar) và ở chính giữa Lửa và ngọn lửa ; và Ông Soshios cũng sẽ xuống 'trong con trốt lửa' cỡi ngựa trắng. Và tôi thấy Trời mở ra, rồi giữa đám lửa cháy phùng phùng hiện lên con ngựa trắng và có người cỡi nó. Người ấy là Thân Đạo của Trời (Le Verbe de Dieu).⁽¹⁾

Lửa là dĩ thái trong hình thể tinh khiết nhất của nó. Như đó, người ta không coi nó là một thứ vật chất, mà là đơn vị dĩ thái - (vị thân thứ hai được biểu lộ) - trong cái Toàn Diện của nó. Có hai thứ Lửa. Bên Giáo lý Huyền Môn người ta biết phân biệt chúng nó. Lửa thứ nhất - không hình dáng và không thấy dạng - ẩn tàng trong Mặt trời tinh thần tại tâm điểm. Người ta gọi Nó là Tam Vị trong siêu hình học. Còn Lửa của Vũ trụ biểu lộ là Thất Vị (Septenaire) trong thái dương hệ của chúng ta. Lửa của sự hiểu biết đốt tan mọi ảo ảnh đang hoạt động trong cõi của nó. Bởi vậy, những ai đã có Nó và để cho Nó trôi buộc, thì người ta gọi Nó là Lửa. Vậy thất quan là nguyên nhân để được giải thoát. Và nhà dịch giả còn thêm rằng : 'Chính thất quan ấy (vị giác, khứu giác, màu sắc, âm thanh ...) phải được giải phóng.'

(1) Apocalypse XIX, 13.

(b) Câu ... 'Tất cả chỉ là con số 'Một'. Nó không do con số nào sanh ra cả. Điều này còn liên quan đến giáo lý triết học về vũ trụ, mà chúng ta vừa giải thích ở Câu 4 của Đoạn Thánh Kinh III. Điều gì tuyệt đối thì tự nhiên không có số.

Bình luận Đoạn Thánh Kinh IV, 2

2 - Hãy học cái gì mà chúng ta đã học với Tổ Tiên của chúng ta. Chúng ta là người do Thất Vị đầu tiên mà đến, là người do Ngọn Lửa đầu tiên mà sanh ra.

Đề tài này đã giải thích rõ rệt trong quyển thứ nhì, và câu 'Ngọn Lửa đầu tiên' đến tăng cường ý nghĩa câu đầu của Đoạn Thánh Kinh IV.

Sự khác biệt giữa các 'Đấng Đầu tiên' với 'Bảy Đấng Kiến Thiết sau này' là vì : các Đấng đầu tiên ấy là Tia Sáng trực tiếp của 'Tứ Vị Huyền linh' hậu lai tức là 'Tétraktys'. Các 'Đấng Đầu tiên' là do Cha sanh ra, còn Bảy Đấng Kiến thiết là do Mẹ sanh ra mà thôi. Thật ra, Cha và Mẹ chỉ là Một mà thôi, nhưng trạng thái của đôi đàng, trên các cõi thì lại khác nhau.

Các đấng Đầu tiên là những Vị cao nhất trên nấc thang của Sự sống. Các Ngài là những vị Đại Thiên Thân, bên Thiên Chúa giáo các Ngài là những 'vị Con của Trí Tuệ', của Brahma (kinh Védas).

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 21

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH IV, 3.

3 - Từ sự huy hoàng của Ánh Sáng - (là Tia Sáng của cõi tối muôn đời) - vọt lên những Mãnh Lực đã được thức tỉnh : ấy là Đấng Độc Nhất của Quả Trứng, là Số Sáu và Số Năm (a). Rồi Số Ba, Số Một, Số Bốn, Số Một, Số Năm - cộng lại hai lần Bảy (b). Và đó là những Tinh Hoa, những Ngọn Lửa, những Nguyên Tố, những Vị Kiến Thiết, những Số (c). Vô sắc tướng, Sắc tướng và Thân lực hay là Con Người Thiêng liêng. Con Người Thiêng liêng là tất cả. Từ con Người Thiêng liêng đó sanh ra những Hình thể, những mảnh Ánh sáng, những cầm thú linh thiêng (d). Và những Vị Sứ giả của các Cha Linh Thánh ở trong Tứ Vị Linh Thánh Tetraktys.

(a) Câu thứ nhất của đoạn này là thuộc về Khoa số Huyền linh. Thật ra Khoa số Huyền linh này quá ư linh thánh và quá ư quan trọng, cho đến nỗi một quyển sách rộng rãi như quyển này cũng khó mà nói phớt qua về Nó.

Chính trọn cả hệ thống của vũ trụ đều được đặt lên nền tảng của những Cấp Bậc (Hierarchies) và cái số đứng đầu của những vị Cao cả này. Chúng ta không thấy được các Ngài trừ phi trong một vài trường hợp ít có ...Tỷ như những vị Kumaras được gọi là 'Tứ Vị Tối Cao' trong Quân Tiên Hội. Nói là 'Tứ Vị' chớ

thật ra là 'Thất Vị'. Bởi vì Sanaka, Sanatana, Sanat Kumara là những Đấng Vaïdhâna lớn nhất.

Theo đức Manu (Bàn Cổ) thì Đức Hiranya Garbha là Brahmâ, có nghĩa một đấng nam nhân ban khí Dương trước nhất, Ngài sanh ra một nguồn gốc vô tri, trong cái Trứng Vàng chói lọi cũng như mặt trời. Hiranya Garbha có nghĩa là vàng chói hay là 'cái Tử Cung, hay cái Trứng' chói sáng. Cái nghĩa này không phù hợp cho lắm với ý nghĩa Namnhân. Tuy nhiên, cái nghĩa bí giáo của câu thi đủ rõ rồi. Trong kinh Rig Veda có nói rằng : Cái đó, là Đấng Duy nhất của vạn vật, là cái nguyên lý duy nhất làm huy động các vị thiên thân và nhân loại. Ngài từ trong cái Trứng Vũ trụ mà ra (tức là bầu tròn vũ trụ của chúng ta).

Số Một do cái trứng (0) sanh ra Số Sáu và số Năm làm ra số 1 065, đó là cái giá trị của Đấng đầu lòng. Về sau Đấng đó gọi là âm dương của Brahmâ Prajâpati. Đấng Đầu lòng này ứng đáp lần lượt với số 7, 14 và 21. Các đấng Prajâpati cũng như các Đấng Sephiroth chỉ có Bảy Vị, trong đó có Séphira, tổng kết Tam thể thượng, tức là nơi phát sinh ra nó. Như đó, do Prajâpati, mới sanh ra Agni, Vayu và Sûrya, các vị này sanh ra Bảy vị khác. Và lại, tất cả các Đấng đều ở trong Số Một siêu thượng mà ra.

'Bảy vị Thượng Đế ở ẩn trong Linh Hồn Tối Thượng cũng như tư tưởng ở ẩn trong óc vậy. Như thế, đối với các đấng Séphiroth cũng y vậy. Các Ngài là Bảy Vị với Kether cầm đầu nếu bắt trên đếm xuống, còn đối với công chúng, các Ngài là 10 Vị. Trong quyển Mahabhârata, thì các đấng Prajâpati là 21 vị, hay là 10, 6 và 5 (1065) tức là $7 \times 3 = 21$. (1)

(1) Giải nghĩa : Trong thánh kinh Cabale, cũng là số 1065 có giá trị của Jehovah bởi vì của 3 chữ làm ra tên Ngài là : Yod, Vau và hai lần chữ Hé, lần lượt chỉ tổ 10, 6 và 5 ; hoặc giả 3 lần 7 là 21. 'Mười là Mẹ của Sinh hồn bởi vì Sự Sống và Ánh Sáng đều phối hiệp lại - do Ông Hermès nói'. Bởi vì số 1 là số Tinh thần, còn số 10 là số Vật chất.

Những người Rabbi xem số 10, 6 và 5 là những số linh thánh nhất.

(b) Những số : 3, 1, 4, 1, 5 (cộng lại thành 14, tức là 2 lần 7). Chúng nó cũng biểu thị số 31 và 415 là số Đẳng cấp của các Đức Dhyân Chohan thuộc về đẳng cấp khác nhau và của Thế Giới Huyền linh bên trong của Vòng Tròn lớn. Còn bên ngoài của Vòng Tròn là Dhyânipâsha, là Vòng đại Thiên thần. Vòng đại này chỉ vũ trụ hiện tượng với vũ trụ mà tâm thức của ta hiện thời không thể biết được. Cái số 31415 nếu nó không bị thay^{đổi} thì luôn luôn là thế. Nó chỉ số của mặt tròn và cũng là của hình Chữ Vạn huyền linh nữa, và một lần nữa, nó cộng lại là 14 (3+1-4-1-5 = 14) tức là 2 lần 7. Dù là cách cộng nào thì tổng số vẫn là 14. Nói về toán số, nó chỉ là một công thức mà ai cũng biết. Nó chỉ là chữ Pi π (là lấy vòng tròn chia với đường kính thì luôn luôn là 31415).

Sự phối hợp của những số học này phải có cùng một ý nghĩa vì :

1 : 314.150 và

1 : 3 : 1.415.927 đều là những công thức dùng trong toán số huyền linh để chỉ tỏ những chu kỳ và những thời đại của Đấng được sanh đầu tiên hay là 314.040.000.000.000 với những phân số và chúng nó cũng có một tổng số là 13.415, người ta tổng cộng bằng một cách/ta không cần biết, Ông Ralston Skinner - tác giả quyển 'Nguyên nhân của sự đo lường' (Source of Measures) mới phát giác chữ Hébreu Alhim cũng chính trong số ấy bằng cách không kể chữ zéro và dùng cách thay đổi chỗ. Cũng như số 13.514. Thế chữ λ (a) là 1 ; 3 là β (30) ; η (h) là 5 ; μ (l) là 1 (10) và ν (m) là 4 (40). Như đó sanh ra số 31.415, như Ông đã giải.

Vậy, còn trong giới siêu hình học, mặt tròn có một điểm nơi trung tâm thì không có số và được gọi là Anupâdaka - (không Cha Mẹ, không có số) - bởi vì nó không thuộc một thành phần nào của toán số, trong cõi hiện tượng trần gian, cái Trùng thể gian hay là Mặt tròn đã bị định ranh giới trong những Nhóm mà người ta gọi là Đường (ligne), Hình tam giác, Ngôi sao năm góc, Đường thứ

Nhị và Hình vuông (hay là 13.514) ; và khi cái chám sanh ra thành đường (nhiều chám khít lại thành một đường) và đường ấy trở thành đường kính ; thì đường kính ấy tượng trưng cho thái cực có lưỡng nghi (Âm và Dương), rồi, những số trở thành 31.415, hay là một cái hình Tam giác, một đường, một hình vuông, một đường thứ nhị, và một ngôi sao năm nhánh. 'Khi đứa con trai tách rời khỏi người Mẹ, thì nó thành người Cha', đường kính tiêu biểu Vũ trụ hay là nguyên lý Âm. Có câu rằng : 'Trong giới Hiện tôn, cái điểm duy nhất tạo ra đường - cái Tử cung băng trình của Vũ trụ (chữ zéro lấy hình trứng) - còn Mẹ Đồng trình thì sinh ra hình thể, hình thể này kết hợp tất cả các hình thể khác. Prajâpati (tức Brahma) được gọi là Đấng Tạo hóa (Nam) thứ nhất là 'chông của Mẹ'. Điều này cho chúng ta cái chìa khóa để biểu tất cả các 'con Trai' của 'Mẹ băng trình' sẽ đến sau. Cái ý niệm trên đây được tăng cường nhờ bởi chữ Anna là tên của Mẹ của Bà Vierge Marie (là Mẹ của đức Jésus) ; hiện nay trong Giáo hội La Mã, người ta cho là Bà Anne sanh ra Bà Vierge Marie một cách băng trình, cũng như Bà Vierge Marie sanh ra đức Jésus một cách băng trình vậy. Danh từ Marie liên thuộc đến chữ Ana của người Chaldées, đến chữ Trời (Ciel) hoặc đến danh từ Ánh sáng trên cõi Trung giới trong đó có danh tự Anaïtia.

Bà Dévi Durgâ là vợ của Shiva, cũng gọi là Annapurna và Kanyâ, Băng trình, Danh từ Umâ-Kuyâ là danh từ huyền bí, nó có nghĩa là Bà Băng trình của Ánh sáng, Ánh sáng của cõi Trung giới là một trong nhiều trạng thái của nó.

(c) Các vị Thiên thần (Déva), các vị Pitris, các vị Suras và Asuras, các vị Daïtyas và Adityas, các vị Danâvas và Gandharvas vân vân ...

Các vị này đều có những danh từ đồng nghĩa trong giáo lý của chúng ta, cũng như trong kinh Cabale và Angéologie của người Hébreux. Nhưng cho chúng nó những danh từ xưa là vô ích, và tạo

nên sự xáo trộn. Tuy nhiên, hiện nay, người ta gặp nhiều danh từ ấy trong Đẳng cấp Thiên Chúa giáo về các Đấng Cai quản Thiêng liêng.

(d) Những con thú thiêng liêng đã nói trong sách Cựu ước và trong kinh sách Cabale, là cùng một ý nghĩa thâm sâu, nơi Chương nói về lúc khởi thủy của sự sống.

Trong quyển 'Zepher Jetzirah' người ta thấy nói rằng : 'Trời khắc trên 4 con thú Tứ Quý cái Ngai vinh quang của Ngài và với khí trời, nước, lửa và dĩ thái Ngài tạo ra Nhà của Ngài.'

Danh từ 'tạo ra nhà Ngài' chỉ rõ rằng : 'Trong kinh Cabale, cũng như bên Ấn Độ, người ta xem Thân linh như là một Vũ trụ, chớ chẳng phải như lúc khởi thủy Ngài là một Vị Thượng Đế ở ngoài vũ trụ như hiện nay.'

Theo khoa Thiên văn, thì những con thú huyền linh ấy trở thành những Cung Hoàng Đạo.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 22

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH IV, 4

4 - Đây là Đạo binh Tiếng Nói - là Đức Mẹ Thiêng liêng của Thất Vị. Những Tia sáng của Thất Vị là kẻ lệ thuộc, là tôi tớ để phụng sự cho Nhất Vị, Nhị Vị, Tam Vị, Tứ Vị, Ngũ Vị, Lục Vị và Thất Vị (a). Những Tia sáng đó gọi là Bầu Tròn, Tam giác hình, Chín lục diện thể (hình lập phương). Những đường và những khuôn ; chính thể, Nidâna vĩnh cửu (Nhơn duyên hay là Nguyên do) mới giữ vững vị trí của nó là là Oi-Ha-Hou (b) - đổi ra là Oeaoho.

(a) Đoạn này lại cho ta thấy một cách tổng quát những Đẳng Cấp của những Đấng Dhyân-Chohan (gọi là Thiên Thần, Thượng Đế bên Ấn Độ), hay là các Đấng Uy lực ý thức và khôn ngoan của Tạo Hóa. Những Đẳng cấp này liên đới với những mô hình hiện hữu, mà người^{ta} có thể chia ra một phân : phân ấy là nhưn loại ; bởi vì nhưn loại nói chung quả là cái tiêu biểu hữu hình dù còn kém khuyết.

Danh từ 'Đạo binh Tiếng Nói' là một danh từ liên quan chặt chẽ với sự huyền bí của Âm thanh và của Lời nói như là cái kết quả dĩ nhiên của cái nguyên nhân, mà nguyên nhân đó là tư tưởng thiêng liêng. Như Ông P. Christian, tác giả quyển 'L'Histoire de la Magie et de l'Homme Rouge des Tuileries' đã giải thích rõ ràng điều này : Những lời mà con người thốt ra cũng như

những tên mà người ta đã đặt cho, đều chỉ định một phần lớn cái số mạng của mình.

Tại sao vậy ? Bởi vì :

'Khi tâm (tức là cái trí) tạo ra hay kêu gọi lên một tư tưởng nào, thì cái tư tưởng ấy ghi sâu vết trong chất lưu động của cái vía ; nó tiếp nhận tư tưởng đó và trở thành một tâm kiếng chói lọi những biểu lộ tâm tình của con người.

'Dấu vết chỉ tỏ sự việc, sự việc là đức tính (ẩn tàng hay huyền bí) của dấu vết. Nói lên một lời, tức gọi lên một tư tưởng và làm cho nó hiện lên. Cái uy lực từ điển của lời nói con người là giai đoạn đầu tiên của sự biểu lộ trong giới Huyền môn.

'Nói lên một danh từ chẳng những để diễn tả một sinh vật để sinh vật ấy dưới ảnh hưởng của tiếng nói đó, (tức là của danh từ ấy) mà còn làm cho nó phải chịu sự tác động của một hay nhiều quyền phép huyền bí, do sự phát huy của danh từ. Sự việc đối với mọi người chúng ta cũng giống như lời nói đối với việc làm. Lời nói của mỗi người dù vô ý thức cũng là một ân huệ hay một lời chúc dữ. Đó chỉ tại sự đột hiện hữu của chúng ta về những đặc tánh và những hệ thuộc của ý niệm và của vật chất. Điều này thường làm hại chúng ta.

Phải ! Những danh từ (và những lời nói) là một ân huệ hay một lời chúc dữ. Trong một mực độ nào chúng nó làm hại hay làm lợi tùy theo người tạo ra chúng nó có minh triết hay không và cũng tùy theo số của những chữ làm ra tiếng ấy.'

Điều trên đây là chơn lý nghiêm trọng nhất, đó chính là giáo lý huyền môn được tất cả Trường Pí giáo Phương Đông nhìn nhận. Trong những bảng chữ cái Nam Phạn, Fébreux và nhiều thứ chữ khác, một chữ điều có ý nghĩa huyền bí của nó, và lý do của nó đã được sử dụng ; mỗi chữ là một nguyên nhân cũng là kết quả cái nguyên nhân trước. Cái nguyên nhân và cái kết quả đó phối hợp

lại với nhau thì thường sanh ra cái hậu quả thần diệu. Nhưt là những chữ mẫu âm hàm chứa uy lực huyền bí và kỳ lạ nhưt ... Những câu thần chú (Mantra) trong Tí học, những câu câu đảo huyền diệu nhiều hơn là có ý nghĩa đạo đức đều do nhà Bà la môn đọc. Họ cũng tụng như tụng kinh Vêda hay những Thánh kinh khác.

'Đạo binh Tiếng Nói' là nguyên hình của 'Đội Thiên sứ của Trời'. Thông Thiên Học Huyền bí khởi sự với Số Một biểu lộ : bởi biểu lộ nên nó không vĩnh cửu, nhưng tinh hoa của nó thì trường tồn - Nó là con số trong nhiều con số và những con số đã được kể ra. Những con số đã được kể ra đó là do Tiếng Nói mà ra, nó cũng do Satarupa với trăm hình thể, tức là Thiên nhiên vậy. Chính số 10, hay là Thiên nhiên sanh hóa, hay là Bà Mẹ (số zéro huyền bí hay là '0' sanh hóa luôn luôn bằng cách hiệp nhất với số '1' hay là tinh thần của sự sống) ; chính trọn cả vũ trụ do đó mà sanh ra.

Trong quyển Anugita, người ta có nói về cuộc đàm thoại giữa người Bà la môn với vợ y về nguyên nhân của lời nói và về đặc tánh bí truyền của nó.

Bà vợ hỏi nguyên nhân của lời nói này ; và cái nào có trước ? Lời nói hay tư tưởng ? Nhà Bà la môn trả lời rằng : 'Chính hơi thở vô trở thành Ngài (Seigneur) rồi nó đổi ra cái trí đó (cái trí đó không hiểu lời nói và sự khôn ngoan) - ra trạng thái của Apâna, rồi như thế nó mở trí. Đoạn y thuật một chuyện, một sự đàm thoại giữa lời nói và trí khôn. Cả hai đi đến nhà của Chơn Ngã rồi nhờ Chơn Ngã phá nghi cho họ, và nói rõ coi tiếng nói hay tư tưởng đến trước ? Chơn Ngã trả lời

rằng : 'Cái trí đi trước', nhưng tiếng nói trả lời lại Chơn Ngã như vậy : 'Thật ra tôi nhượng, ý muốn của Ngài', có ý muốn nói rằng : 'Nhờ tiếng nói nên Ngài mới được toại lòng điều gì Ngài muốn.' Đoạn Chơn Ngã còn thêm rằng : 'Có hai cái trí, trí bất động và trí động. Ngài nói cái trí bất động là thuộc về ta, còn cái trí động là thuộc về địa hạt của người, trên cõi vật chất. Trên cõi đó người là kẻ bề trên.'

'Nhưng, ở Đấng Đẹp đẽ ơi ! Hỡi Ngài tự mình đến nói một cách hãnh diện như Ngài đã biết. Vậy ở Sarasvati ơi ! Bà sẽ không bao giờ nói đằng sau khi Bà thở ra ? Sarasvati - là vị Thần Lời nói, là hình thức hay trạng thái mới của Vách. Bà cũng là Thần của Giáo lý Bí truyền hay của sự Minh triết huyền môn ^{nhưng ở Ra cao quý đi, Ra đứng với gió Apāna} luôn luôn ở giữa Prāna và Apāna dù Bà bị lời cuốn, không có prāna (hơi thở ra) Bà chạy đến Brahma và nói rằng : 'Lạy Ngài đáng kính ơi ! Ngài hãy ngó xuống !' Đoạn Prāna hiện lên một lân nữa, nó nuôi lời nói và nhận đó lời nói không bao giờ thốt ra sau khi thở ra mạnh. Nó ôn ào. Lời nói im lặng, vô thanh luôn luôn hơn lời nói ôn ào ,

Lời nói nhờ Prāna mà sanh ra trong thân thể con người, thì biến đổi ra Apāna, và về sau nó đông hóa với những cơ quan vật chất của lời nói (Udāna), rớt lại nó cư ngụ tại rún (Samāna) lấy hình thức âm thanh. đó là lời mà xưa kia lời nói đã thốt ra và cái trí nâng cao giá trị bằng sự im lặng của nó, còn thân lời nói bằng sự linh hạt của nó.

Bài ngụ ngôn trên đây chỉ gốc rễ của luật huyền môn nói về sự im lặng khi đã hiểu biết vài điều bí mật và vô hình, chỉ có trí huệ tinh thân tri giác được mà thôi. (Trí huệ tinh thân đây là giác quan thứ 6) chớ lời nói không thể nào tả được.

Đoạn văn Anugîta giải nghĩa về hơi thở điều hòa trong khi hành Yoga. Tuy nhiên, những cách hành Yoga này khi dùng chúng nó mà không hiểu, hoặc không hiểu trọn vẹn về hai giác quan trên (sẽ giải ở sau) thì chúng nó thuộc về loại Yoga thấp.

Những vị đắc đạo Ta Hân đều luôn luôn khuyên dạy đừng dùng môn Hatha Yoga. Các tư thế Hatha Yoga có hại cho sức khỏe và người ta không thể nhờ đó mà đoạt được môn Raja Yoga. Câu chuyện trên đây cũng dùng chỉ tại sao, trong những hệ thống xưa của Siêu hình học, các sinh linh khôn ngoan hay là 'les intelligences' đều liên quan chặt chẽ đến mỗi giác quan hay với cơ quan sinh lý hoặc với trí tuệ. Giáo lý huyền môn quả quyết rằng : trong con người và trong thiên nhiên đều có 7 giác quan cũng như có 7 trạng thái tâm thức vậy. Nhà Bà la môn nói về 7 Thây tu Tư tế của Do Thái giáo như vậy : 'Cái mũi, con mắt, cái lưỡi, da, cái tai là ngũ quan (hay nói cách khác : khứu giác, thị giác, vị giác, xúc giác và thính giác là ngũ quan vậy) - còn cái trí và sự hiểu biết là 2 giác quan nữa. Tất cả là 7 giác quan, chúng nó giống như 7 Thây tu Tư tế Do thái đứng riêng ra từ người trong một phòng hẹp mà không thấy đặng nhau - trên cõi giác quan này - chỉ trừ cái trí thấy đặng mà thôi. Bởi vì cái Trí nói : 'Cái mũi, không có tôi, thở không đặng. Con mắt, không có tôi, không thấy đặng màu sắc ... Tôi là chủ vĩnh cửu của tất cả yếu tố này (những giác quan). Không có tôi mấy giác quan này sẽ không hề biểu lộ ra được ; chúng nó giống như những ngôi nhà trống trải, hoặc giả như lửa đã tắt. Không có tôi, mọi sinh linh như củi, lửa khô, lửa ướt không hiểu đặc tính đồ vật cùng đồ vật, mặc dầu giác quan đang linh động. Điều này đành là nói về cái trí/linh hoạt trên cõi cảm giác mà thôi (dục giới). Cái trí tinh thần là cái Thượng trí, nó không chạm đến giác quan của con người ở cõi vật chất. Người xưa hiểu thị sự tương quan của những mãnh lực,

của tất cả hiện tượng mà ta vừa mới khám phá, họ cũng hiểu những quan năng và những tác động của cái trí và của cái xác cùng tất cả những huyền bí khác nữa. Đọc quyển sách quý Anugîta nơi Chương VII và VIII, người ta sẽ thấy giáo lý triết học và huyền môn. Hãy đọc sự đối đáp giữa các giác quan về sự cao thấp của chúng nó, và ý kiến của chúng nó là nhờ Brahma, Đấng Hóa sanh muôn loài, làm trọng tài. Ngài nói : 'Tất cả các người đều rất cao thượng và không rất cao thượng. Tất cả các người ai nấy cũng đều có mọi đức tánh. Tất cả các người đều cao thượng trong cõi riêng của các người và các người chịu đặng lẫn nhau. Có một điều bất động là 'hơi thở vào của pháp Yoga', nó chính là hơi thở của Đấng Duy nhất. Đó là Chơn Ngã, mang nhiều hình thể.'

Hơi thở này, tiếng nói này, cái Chơn Ngã hay hơi gió này, đều là cái tổng hợp của 7 giác quan ; nói về thực thể thì chúng nó là những vị thần thấp, còn nói về Huyền môn, thì chúng nó là Septenaire và là Đạo binh Tiếng Nói.

(b) Về sau, chúng ta thấy chất vũ trụ rải rác và tạo ra những nguyên tố, chúng gom lại làm 4 nhóm nguyên tố bí ẩn ở trong nguyên tố thứ 5 là dĩ thái. Cũng như 'châm', 'đường', 'hình tam giác', 'hình lập phương', 'mặt tròn' và rốt lại là 'hình tròn như viên đạn'. Mà tại sao ? Nhà giải thích nói : 'Đó là luật đầu tiên của Tạo hóa, và bởi vì Tạo hóa tác động, - theo nguyên tắc kỷ hà học - tất cả sự biểu lộ của Ngài. Chẳng những trong chất đầu tiên, mà còn trong chất đã được biểu lộ, cả hai đều có một qui tắc căn bản, ấy là : Tạo hóa làm vạn vật theo kỷ hà học. Các định luật này không phải là điều ngẫu nhiên, nó cũng còn cái định luật chánh đại bên khoa Pháp môn nữa là : trong thiên nhiên không có cái chi ngừng,

cái chi nghĩ cả ; tất cả đều chuyển động. Cái chi xem đường
nghỉ ngơi, thì chỉ là sự thay đổi hình thể này qua hình thể
khác. Và trong lúc đổi hình dạng, chất khí bên trong cũng thay
đổi nữa.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 23

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH IV, 5

5 - 'Oi-ha-hou' là sự Tối tăm, là sự Vô biên hay là không có số. Nó là Adi-Nidâna Svabhâvat, là Mặt tròn 0.

I - Đấng Adi-Sanat (dịch sát nghĩa là Láng Đầu tiên) ; Số, bởi vì Ngài là Một (a).

II - Tiếng Nói của Thiên Đạo (Svabhâvat) (là ý muốn biểu lộ), những Số, bởi vì Ngài là Một với 9.

III - 'Hình vuông mà không hình' và ba cái này ở trong hình tròn 0 là Tứ Vị Huyền linh, và 10 là Vũ trụ vô hình (không hình thể) (b). Đòi đến mấy 'người con trai' 7 vị chiến sĩ, còn một người nữa là thứ 8 để một bên ; rồi hơi thở của Ngài làm ra vũ trụ (c).

(a) Adi-Sanat là Đấng Tối thượng, là 'Láng xưa hơn tất cả cái xưa', hay là 'Vị Trưởng lão huyền bí', trong kinh Cabale Đấng Tạo hóa cũng lấy danh hiệu là Sanat. Svabhâvat là tinh hoa của huyền bí, là cội rễ tạo hình của cõi vật chất, là những con số trong cõi hiện tượng - là một con Số trong đất duy nhất của nó trên cõi cao.

Danh từ 'Svabhâvat' là một danh từ Phật giáo.

(b) Mặt tròn có nghĩa là 'cái gì vô giới hạn' (le zéro). Nó chỉ thành một con số là khi nào có một trong chín con số khác ở trước nó. (Tỷ như 0, trước nó là 2, là 1 v.v... thì nó thành 20, 10 ...) Như thế nó mới biểu lộ đặng cái giá trị của nó và cái sức mạnh của nó. Hình Tam giác đóng khuôn trong mặt tròn gọi là Tétraktys hay là Tứ vị Huyền linh, còn hình tứ giác, hay hình vuông, đóng khuôn trong mặt tròn hóa thành một đồ hình thân diệu có uy lực hơn hết.

(c) 'Cái mà bị bỏ đi' chính là mặt trời của Thái Dương hệ chúng ta. Bản kinh dịch cho công chúng đã có trong những Thánh kinh Nam Phan xưa nhất. Trong quyển 'Big Véda' danh từ 'Aditis' có nghĩa là 'vô biên', hay không gian vô hạn mà Giáo sư Max Muller dịch là 'không gian vô biên ngoài trái đất, ngoài mây và ngoài mặt trời'. Nó đồng nghĩa với 'Không gian Mẹ'. Nó cũng ở chung với bóng tối. Người ta gọi nó đúng hơn là 'Tử cung Thiên thần', bởi vì chính nó là 'Tử cung Vũ trụ'. Nó sanh ra tất cả dãy hành tinh thái dương hệ chúng ta, trong đó có ngôi mặt trời. Như đó mà người ta nói một cách ngụ ý trong câu này : 'Cái xác thể 'Aditis' sanh ra 8 con, 'Aditis' lại gán Thượng Đế với 7 đứa, mà Bà lại bỏ ra đứa thứ tám, tức mặt trời của chúng ta. Bảy đứa con trai được gọi là 'Adityas', chúng nó nói về Vũ trụ quan, và Thiên văn quan là Bảy hành tinh và mặt trời. Mặt trời đứng riêng ra giải hành tinh đó. Chắc chắn những người AN ĐỘ có thể biết điều đó không chịu gọi vị hành tinh thứ bảy là Aranus. ⁽¹⁾ Nhưng, về huyền bí học.

(1) Giáo lý bí truyền dạy rằng : Mặt trời là một Ngôi sao ở trung tâm, chứ nó không phải là một hành tinh. Những vị cổ thời biết và thờ Bảy vị Đại Thần, ngoài mặt trời và trái đất.

và thần học, những vị Adityas, với ý nghĩa xưa nhất là 8 và 12 vị Đại Thần Panthéon bên Ấn Độ. Bảy vị cho phép những người phạm thấy đặng nhà cửa của họ, và họ chỉ cho những vị La Hán thấy mặt họ mà thôi. Câu chuyện trên đây được giải thích như vậy :

'Tám cái nhà đã được Mẹ dựng lên, tám cái nhà ấy cho tám đứa con thiêng liêng ; bốn cái lớn và bốn cái nhỏ. Tám đứa con ấy là tám mặt trời chói lọi, tùy tuổi tác và tùy tài năng. Cái mặt trời thứ tám là Mârtinda (Bal-i-Lu) lại không bằng lòng, mặc dầu nhà cửa y lớn nhất. Y mới tác động y như con voi to, y hút vào bao tử của y những hơi thở tinh khí của các người anh lớn của y, để y ăn thịt. Bốn người anh lớn của y thì ở xa tận biên giới của họ. Y không ảnh hưởng gì đến họ được và y bị họ chế nhạo. Họ nói với y : hãy làm hết sức và không bao giờ mi chạm đến chúng ta đặng. Nhưng mấy người anh nhỏ của y lại khóc. Họ phản nản với Mẹ. Bà Mẹ mới đuổi Bal-i-Lu

(1) Tiếp theo trang 178 - Vậy vị Đại thần bí ẩn nào mà họ để riêng đó ? Chắc chắn là không phải thần Uranus vì nó mới được Ông Hershell phát giác hồi năm 1781 kia mà! Ông Bagon nói : 'Khoa Huyền bí đã phát giác nhờ toán số Thiên văn, rằng : mỗi nhóm hành tinh là Bảy. Rồi các Vị thời xưa ấy mới đem Soleil nhét vào 6 vị Đại thần kia cho đủ số 7. Bởi vậy, khi mấy vị này mỗi lần thấy có một ảnh hưởng nào không phải thuộc về 6 hành tinh trên, thì liền cho nó thuộc về của mặt trời. Ta thấy sự sai lạc lớn lao nhưng trong kết quả thực tế thì không có mấy.

vào chính giữa xú của Bà, và Bà làm cho y không cựa quậy được. Rồi từ đó, y chỉ rình rập và hãm dọa các anh của y mà thôi. Y theo dõi họ bằng cách xoay mình chậm chậm để nhia xa, các người anh của y đi trên đường quanh nhà họ. Từ ngày ấy, y nuôi mình y bằng mồ hôi của mình Mẹ y. Y chứa đầy hơi thở ra và hơi thở vào của Mẹ y ! Chính vì lẽ trên đây mà y bị Mẹ y vút bỏ.'

Vậy chắc chắn 'đứa con bị vút bỏ' là mặt trời của chúng ta, như chúng ta vừa trình bày. Những đứa con của mặt trời chẳng những liên hệ đến hành tinh của chúng ta, mà còn liên hệ đến những thiên thể nói chung. Mặt trời 'Surya' chính là cái phản ảnh của Ngôi Mặt Trời Trung Tâm Tinh Thần. Nó là tiêu chuẩn của tất cả Thiên thể đang tiến hóa sau nó. Trong Vêda, người ta gọi nó là Lôka-Chatshuh 'l'Oeil du Monde' hay là Con Mắt của Thế gian. Người ta cũng gọi mặt trời là Con của Dyâus hay của Aditi bởi vì nơi đây, người ta không phân biệt theo huyền môn. Thế nên người ta miêu tả nó như là một Đấng ngồi trên xe có 7 con ngựa kéo, hoặc giả có 1 con ngựa kéo mà thôi, nhưng con ngựa này có 7 đầu. Bảy con ngựa tượng trưng 7 bầu hành tinh. Còn một con ngựa với 7 cái đầu là để ám chỉ chúng nó sanh ra do một nguồn gốc duy nhất : ấy là do một nguyên tố duy nhất của Càn khôn. Cái nguyên tố duy nhất này được gọi bóng là 'lửa'. Thật ra, lửa, theo kinh Vêda hàm chứa mọi thiên thần.

Cái ý nghĩa của chuyện thần thoại trên đây rất rõ ràng : bởi vì chúng ta có một quyển kinh giảng giải là Dzyan Commentary và Khoa học tân tiến để giải thích nó, mặc dầu cả hai hơi khác nhau một tí thôi.

Giáo lý huyền môn loại bỏ cái giả thuyết thuộc về tinh vân. Thuyết ấy cho rằng : Bảy hành tinh sinh ra do mặt trời trung tâm (ngôi mặt trời mà ta thấy bằng mắt phàm của ta). Thật ra chất vũ trụ xung quanh mặt trời trung tâm nguội và đặc trước. Đó là mặt trời cha, nhưng người ta dạy chúng ta rằng : ngôi mặt trời của chúng ta đây rồi ra trước hơn tất cả cái khác, mặc dầu theo ngôi mặt trời trung tâm vừa xoay, vừa nguội, nó là anh cả, là anh lớn chớ chẳng phải là cha của những ngôi mặt trời khác. Tám vị Adityas là những Thiên thần, tất cả đều do chất trường tồn của vũ trụ tạo thành. Bà Mẹ của các vị ấy (hay là vật liệu của vũ trụ) vừa là nguyên lý thứ 5 và thứ 6 của vũ trụ, tức là Upâdhi hay là bản căn của linh hồn vũ trụ, cũng như trong con người (là tiểu vũ trụ), Manas là Upâdhi của Bồ Đề (Bouddhi).

Có cả một bài thi nói về sự chiến đấu khí nguyên của các hành tinh đang phát triển, trước khi vũ trụ được lập thành một cách chung kết. Điều này phù hợp với vị trí hình như xáo trộn của hệ thống hành tinh, tỷ như Neptune và Uranus (mà người xưa dường như không biết hai hành tinh Neptune và Uranus bị lật nghiêng một bên), chi nên sự di chuyển của chúng nó xem như thụt lùi. Hai hành tinh này được gọi là chiến sĩ, là kiến trúc sư. Nhà thờ La mã nhìn nhận như là nhà hướng đạo của Đạo binh trên trời. Người ta cho rằng : mặt trời đã tiến hóa trong không gian vũ trụ, trước khi sự tạo hình của những tinh vân được kết thúc, và sự phá hủy của chúng nó được đạt thành. Mặt trời rút vào mình nó tất cả cái gì gọi là sinh lực của vũ trụ, nó còn hăm he nuốt luôn những huynh đệ yếu đuối của nó nữa, trước khi định luật về hấp lực và cự lực được an bày. Sau đó, nó khởi nuôi thân bằng hơi thở ra và mồ hôi của Mẹ nó, nghĩa là những phần tử của dĩ thái (tức là Linh hồn

Vũ trụ) mà đến nay khoa học tuyệt đối không biết được nguồn gốc và sự sinh hoạt của nó. Ông William Grove có trình bày một lập luận tương tự như thế, khi Ông nói rằng : 'Những hệ thống hành tinh thay đổi dần dần do sự xát nhập và sự khấu trừ của không khí, hoặc giả do sự tăng cường và sự trút giảm lấy nguồn trong chất tinh vân ở nơi khác, Ông nói rằng mặt trời có thể làm chất khí đông đặc lại khi chất này du hành trong không gian, và như đó mới sanh ra sức sống.' Giáo lý cổ phong hình như cũng khá khoa học trong dịp này. Ông Matthieu William dẫn ý rằng : 'Chất khí tán mau hay là dĩ thái đã tiếp được những phóng xạ tuyến nóng của vũ trụ, nên vì đó mà bị hấp dẫn vào giữa lòng mặt trời, bỏ lại ra ngoài chất dĩ thái đã bị đông đặc và bị mất đi nhiệt độ. Chất tán mau này mới bị dồn dẹp lại và bỏ đi cái nhiệt độ của nó, để rồi, tới phiên nó bị đuổi ra ngoài trong một trạng thái loãng và mát, để rồi hút khí nóng một lần nữa, khí nóng này (nhà thông thái cho là do dĩ thái bỏ ra) được tập trung lại và chỉ phát ra một lần nữa cho tất cả ngôi mặt trời trong Càn khôn.

Đó là cái đại khái nhất trong giáo lý Huyền môn mà Khoa học chưa bao giờ tưởng tượng đến : bởi vì khoa Huyền môn giải thích vấn đề bằng : hơi thở chết (không có sự sống) do Mârtan-da ném trở lại và bằng vật thực của nó tức là mồ hôi và hơi thở của Bà Mẹ không gian. Điều này có ảnh hưởng rất ít đến Neptune, ⁽¹⁾ Saturne và Jupiter, mà nó có thể làm sập đổ

(1) Khi chúng ta nói về Neptune thì không phải chúng ta đứng về phương diện nhà Huyền môn mà là người Tây Phương. Nhà Huyền môn Đông phương chơn chánh đều cho rằng Neptune không thuộc về dãy hành tinh của Thái dương hệ chúng ta (mặc dầu

'Nhà Cửa' (tương đối nhỏ) của Mercure, Vénus và Mars. Trước cuối thế kỷ thứ 18, người ta chưa biết được hành tinh Uranus (là hành tinh thứ 4 mà trong chuyện thần thoại người ta đã nói đến), cho nên nó còn là vật bí ẩn đối với ta.

Hơi thở của 7 Vị hiệp lại gọi là Bhaskara (tức là Vị làm ra Ánh Sáng) bởi vì những hành tinh, lúc thời kỳ nguyên thủy, là những ngôi sao chổi và những ngôi mặt trời. Chúng nó từ chỗ hỗn độn mà tiến lên, Hơi nóng (tức là hơi thở), hấp lực và cự lực là ba yếu tố của sự Vận Chuyển.

(1) tiếp theo trang 182 - còn có nhiều hành tinh của thái dương hệ của chúng ta chưa được phát giác ra) và mặc dầu Neptune có những sự liên hệ xem dường chặt chẽ với Ngôi mặt trời chúng ta và ảnh hưởng của ngôi mặt trời đó đối với nó. Nhà Huyền môn Đông phương cho rằng : những mối liên hệ này chỉ là ảo mộng và tưởng tượng mà thôi.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

=====

Tập số 24

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH IV, 6

6 - Rồi lại đến 7 Vị Nhị đẳng gọi là Lipikas. Các Ngài do Tam vị Sanh ra. Đứa con bị vứt bỏ là Một. Còn mấy đứa 'Con Mặt trời' thì vô số.

Các Đấng Lipikas giải nghĩa tận gốc là những Vị 'Scribes'. Nói một cách bí mật, các Đấng Thiêng liêng này đều liên hệ đến Nhân quả, là luật Bù trừ : bởi vì các Ngài nắm Sổ sử ký và tài liệu ghi trên những bảng nhỏ của Ánh sáng cõi Trung giới mà mắt phàm thấy không được, những hình ảnh cũ kỹ muôn đời. Các Ngài giữ sổ bộ chỉ rõ một cách đúng đắn mỗi việc làm và cho chỉ mỗi một tư tưởng của con người. Sổ bộ ấy ghi tất cả cái gì thuộc về dĩ vãng, hiện tại và tương lai của cõi hiện tượng. Như người ta đã nói trong 'Isis dévoilée', quyển họa đồ thiêng liêng và vô hình này là một quyển sách của đời người. Chính bởi các Đấng Lipikas phóng từ cái trí thụ động của vũ trụ, vào vật thể cái Cơ lý tưởng của vũ trụ. Rồi chính trên các Cơ lý tưởng này, mà các Đấng Kiến thiết mới thiết lập lại vũ trụ, sau khi hết hồi nghỉ ngơi của vũ trụ. Những Đấng Lipikas này là những Vị đối xứng

với 7 Vị Thiên thân mà người Thiên Chúa giáo cho là Thiên Thân Hành tinh, hay là Tinh-Thân của ngôi sao. Các Ngài là những Vị Thơ ký trực tiếp của ý niệm vĩnh cửu hay như là Ông Platon đã nói : 'Các Ngài là tư tưởng thiêng liêng, quyển sổ vĩnh cửu không phải là một giấc mơ kỳ quặc.' Nó cũng ví như lời Ông Bác sĩ Draper đã nói : 'Một cái bóng không hề rơi trên vách mà không lưu lại đó một dấu vết vĩnh cửu ; các dấu vết ấy, người ta có thể làm cho nó hiện lên bằng một phương thức thích nghi. Những hình dáng của Bàn tay, những cảnh vật, có thể che khuất mắt phàm đặng, nhưng chúng ta có thể làm cho chúng nó hiện lên lại. Tỷ như hình ma, người ta dùng mặt trắng bạc hay mặt kính che khuất nó đi, nhưng ta có thể dùng thuật chiếu hôn mà gọi nó hiện hình lại. Trên vách tường của những căn phòng chúng ta thật là âm cúng, thật là riêng tư, nơi mà chúng ta cho rằng không có mắt nào dòm vào được, nơi mà sự thân mật của chúng ta không bị ai biết được, nhưng tất cả công việc làm của chúng ta trong những căn phòng ấy, tất cả dấu vết, hình dáng đã đến đó đều lưu trữ lại không sai.'

Các vị Bác sĩ Jevons và Babbage tin tưởng rằng : 'Mỗi tư tưởng làm dời đổi chỗ của những phân tử nhỏ trong óc, nó soay động những phân tử nhỏ ấy, rồi rải rác khắp nơi trong vũ trụ.' Hai vị bác sĩ ấy còn cho rằng : 'Mỗi phân tử nhỏ của chất hiện tại phải là một số bộ của tất cả cái gì đã xảy ra.' Chính vì lẽ đó mà Giáo lý Cổ truyền mới khởi có quyền nói lên ý mình với giới khoa học khảo sát.

Các Đấng Lipikas không phải là những đấng dính líu với sự chết, mà dính líu với sự sống vĩnh cửu.

Các Đấng Lipikas dính liền với số mạng mỗi người, và với mỗi đứa trẻ vừa lọt lòng mẹ sanh ở thế gian. cuộc đời của đứa bé ấy đã được vẽ sẵn trước trong ánh sáng Trung giới. Đó chẳng phải do các Ngài chỉ định, mà bởi vì tương lai, dĩ vãng luôn luôn ở trong hiện tại của con người ấy. Điều này đem lại ảnh hưởng cho số tử vi. Dù ta nhìn nhận cái Chơn lý trên đây hay không, thì cái sự thật cũng vẫn là sự thật. Bởi như những vị giáo sư Thiên văn tân thời có nói như vậy : 'Pây giờ tấm ảnh đã cho ta biết những ảnh hưởng hóa học của hệ thống thiên thể, bằng cách gắn vào một tấm thể cảm quang (une plaque sensibilisée) cả nghìn triệu ỨC NGÔI SAO và hành tinh, mà cho đến nay đã làm thất vọng sự sưu tầm bằng những thiên văn kính mạnh, lớn nhất. Điều trên đây làm cho ta dễ hiểu tại sao Thái dương hệ của chúng ta có thể ảnh hưởng tới cái óc còn tinh anh của một đứa bé khi mới sanh ra cõi đời. Nó ảnh hưởng một cách rõ rệt và liên hệ đến sự hiện diện của Thiên-đỉnh-điểm (Zénith) đối với một ngôi sao nào.'

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH V, 1-2

1 - Bảy Vị Nguyên thủy, Bảy Hơi thở đầu tiên của Con Rồng Minh triết lại phun ra Bảy luồng Hơi Thiêngliêng xoay vân tạo thành con trốt lửa.

Có lẽ Đoạn thánh kinh Dzyan là khó giải thích hơn hết. Những lời lẽ của nó chỉ hiểu được là do người nào hoàn toàn hiểu biết về những biểu tượng phương Đông và thấy rõ được nghĩa lý trong những câu ngụ ngôn tối nghĩa mà người ta dùng để ẩn ý.

Câu hỏi kế, trước nhất phải như thế này : ' Những nhà Huyền môn có tin tưởng rằng : các Đấng Kiến thiết Lipikas đó và 'Các Người con trai của ánh sáng đó' có phải là Thực thể hay là chỉ là hình ảnh do tưởng tượng mà ra ?' Chúng ta trả lời rằng : trong khi ta dùng hình ảnh dạng nhân cách hóa Quyên năng thì ta cũng phải nhận cái Quyên năng đó bằng cách Thực thể hóa, nếu không, chẳng lẽ ta lại bác đi phần tinh thần trong con người vật chất sao ? Bởi vì : Đạo binh của những Đứa con Trai ánh sáng và của những 'Đứa con Trai cái trí' sanh ra 'do một' Tia sáng đầu tiên của một nguồn bất khả tri. Cả hai thứ Con Trai này là nguồn gốc của Con Người Tinh

Thân, trừ phi người ta tin nhảm cho rằng : một linh hồn được sinh ra đặc biệt cho mỗi kỳ đũa trẻ chào đời - điều này sẽ đưa xuống thế gian mỗi ngày, nhiều linh hồn mới từ khi có Ông A-Dong.

Vậy ta nên chấp nhận Giáo lý Huyền môn. Nó sẽ giải đúng kỳ và đúng chỗ đàng hoàng. Giờ đây, ta hãy xem ý nghĩa huyền môn của Đoạn kinh Stance de Dzyan này :

Giáo lý Huyền môn dạy rằng : muốn trở thành một Vị Thượng Đế đầy đủ tri thức - và còn cao hơn nữa - thì những Vị khôn ngoan Tinh thần đầu tiên ấy phải đi qua cấp bậc làm người. Và danh từ 'Con Người' không phải chỉ áp dụng cho Nhân loại trên trái đất chúng ta đây mà thôi, mà chúng còn áp dụng cho mấy người chết ở tại bất cứ cõi nào, nghĩa là những Vị Khôn ngoan ấy đã đoạt đàng sự thăng bằng thích nghi giữa vật chất và tinh thần, mà chúng ta đã có từ khi chúng ta ở giữa Giông dân chánh thứ Tư của cuộc tuần hoàn thứ Tư. Mỗi một thực thể phải đoạt lấy một mình (do sự kinh nghiệm riêng của mình) cái quyền trở thành một Đấng Thiêng liêng. Ông Hegel - là nhà tư tưởng Đức Quốc trú danh - đã cảm biết được cái Chân lý ấy khi Ông nói rằng : Kể vô tri thức tiến hóa để trở thành có tri thức, hay nói cách khác là trở thành 'Con người'. Điều trên đây còn chỉ ý nghĩa thần bí ẩn tàng trong công thức này : Hơi thở trở thành một tảng đá, rồi tảng đá trở thành một cái cây, rồi một cái cây trở thành một con thú, rồi một con thú trở thành một con người, rồi một người trở thành một vị Thân linh, rồi vị Thân linh trở thành một Vị Thượng Đế.' Các Vị Con cái trí, các Ngài Rishi, các Đại Thiên thần Kiến thiết ... tất cả đều do Con người mà thành. Các Vị ấy ở thế giới khác lại và thuộc về cuộc Đại Thế Vận dĩ vãng.

Đâu đề này thật là tối đại bí ẩn. Khó mà giải nghĩa từ chi tiết và từ trạng thái dạng, bởi vì trong đó có trọn cả sự bí ẩn của sự tạo tác đang diễn tiến nữa. Một hoặc hai câu ngụ ngôn của bài thi Shloka làm cho ta hồi nhớ lại một cách mãnh liệt vài câu trong Kinh Cabale và vài câu cú của Nhà Vua : Cả hai đang, diễn tả Trời bằng cách tượng trưng 'Gió', là Người truyền tin và 'lửa phùng' là các Vị Bộ trưởng. Nhưng trong Giáo lý bí truyền, những danh từ đó đều dùng theo nghĩa bóng mà thôi. 'Con trót lửa' là bụi cháy của vũ trụ, nó đi theo - bằng cách từ điển - cái tư tưởng tạo tác, tỷ như sắt dính liền theo đá nam châm vậy. Tuy nhiên, cái bụi vũ trụ ấy còn có một cái gì hơn nữa, bởi vì mỗi một nguyên tử trong vũ trụ đều có bên trong một tiềm lực của tâm thức, chính nó là một vũ trụ cho chính nó. Nó vừa là một hạt nguyên tử, vừa là một Vị Thiên thân.

2 - Các Ngài bắt chúng nó làm Sứ giả ý chí của các Ngài. (a) Dzyan trở thành Fohat, Người con lệ làng của các Con Trời chạy vòng tròn Con của các Con Trời là các Đấng Lipikas.

Fohat là Tuấn mã, còn tư tưởng là Kỳ mã. Tuấn mã chạy như chớp xuyên qua những đám mây lửa. (b) Nó chạy ba, năm và bảy bước lớn, xuyên qua bảy cõi cao và bảy cõi thấp. Nó hí vang lên, kêu gọi vô số mãnh lực và gom chúng nó lại. (c)

(a) Điều này chỉ nghĩa rằng : Những Đấng Đâu tiên dùng hạ thể Vahana là cái biểu lộ, nó trở thành biểu tượng của Đại Nguyên điều khiển Fohat. Fohat như đó được gọi là 'Sứ giả của

ý chỉ các Ngài' là 'luồng trượt lửa'.

(b) 'Dzyu trở thành Fohat' danh từ tự chỉ nghĩa cho Nó. Danh từ Dzyu là sự Hiểu biết thật sự hay là Sự Minh triết Huyền linh, để nói về những Chơn lý vĩnh cửu và những Nguyên nhân đầu tiên; chúng nó trở thành gần như 'toàn năng' khi chúng nó linh động trong đường lối tốt đẹp. Danh từ nghịch với Dzyu là Dzyu-mi. Dzyu-mi có nghĩa là cái gì liên hệ đến những ảo ảnh, những cái bề mặt giả tạo, cũng như các khoa học tân tiến công dụng của chúng ta. Trong trường hợp đó Dzyu chỉ nghĩa sự Minh triết chung của các vị Dhyâni-Bouddhas.

Nhưng có lẽ độc giả không biết các Vị Dhyâni-Bouddhas; có lẽ nên nói ngay rằng: theo nhà Đông phương học, thì có năm Dhyâni, tức là những vị Phật ở trên Trời (Bouddhas célestes). Các vị Phật ở dưới thế gian là những biểu tượng của các Vị Phật trên Trời biểu lộ xuống cõi đời vật chất.

Nói về mặt huyền linh, thì những Dhyâni-Bouddhas có bảy Vị mà chỉ có năm Vị được biểu lộ tới nay, còn hai Vị kia, thì đợi đến khi có giống dân chánh thứ 6 và thứ 7 mới hiện ra (1). Các Ngài, nói đúng ra, là những tiêu chuẩn vĩnh cửu của các Vị Phật sanh trên trái đất. Mỗi vị Phật sau này đều có cái Nguyên lý thiêng liêng đặc biệt riêng rẽ. Tỷ như vị Phật Amitâbha là Đấng Dhyâni Bouddha của đức Gotama Shâkyâmuni. Ngài hiện ra xuyên qua đức Gotama Shâkyâmuni, mỗi lần linh hồn cao cả này (là của Gotama Shâkyâmuni) sanh xuống thế gian, cũng như trường hợp của Tzonkha-pa⁽²⁾. Cũng như đức Avalokiteshvara,

(1) Xin xem Bouddhisme ésotérique của Ông Sinnett, trang 225, 226.

(2) Đấng thứ nhất và cao cả của những Người cải cách Tây tạng. Ngài lập Nhóm Mũ Vàng (Gelupas). Ngài sanh ra năm 1355 của thời đại ta, trong vùng Amdo, và là Đấng Avatar Amitâbha. Hiện thân của Đức Phật Thích Ca, là tên thiêng liêng của Ngài.

là tổng hợp của tất cả các Vị Dhyâni-Bouddhas. Ngài là vị Phật đầu tiên (le Logos). Cũng như đức Amitâbha là 'Thượng Đế' trong lòng của đức Thích Ca, mà bên Trung Hoa gọi là Amita (Bouddha). Như Rhyss Davids có nói rằng : Các Ngài là Nhị phân vinh quang (trong chốn huyền linh, thoát vòng hèn hạ của cõi vật chất này) của mỗi Đức Phật sanh và tử tại trái đất này. Các Ngài là những Vị Mânushi-Bouddhas, giải thoát, có bốn phận cai trị cái đất trong cuộc Luân hoàn này. Chính các Ngài là những Vị Phật Đại định, tất cả là Anupâdaka (không Cha Mẹ) nghĩa là do Tinh chất thiêng liêng sanh ra. Giáo lý công truyền nói rằng : Mỗi vị Dhyâni-Bouddha đều có quan năng tự sanh ra 'người con trời', một vị Dhyâni-Bouddhisattva. Vị này, sau khi Đức Phật Mânushi-Bouddha chết, phải tiếp tục công trình của Ngài.

(c) Fohat đóng một trong các vai tuồng quan trọng hay là đóng một vai tuồng quan trọng nhất trong vũ trụ học huyền linh. Nó phải được miêu tả tỉ mỉ. Cũng như trong vũ trụ học của xứ Hy Lạp thời cổ (khác biệt với thời nay), Ông Eros là Đệ tam Nhân vật của Tam Thế đầu tiên. Ấy là Chaos, Goea, Eros; chúng nó đối chiếu với Tam Thế Cabale là Ain Soph, Shekinah và Thánh Thân. Cũng như Fohat là một điều trong vũ trụ chưa biểu lộ, và cũng là một điều khác trong vũ trụ biểu lộ, trong vũ trụ biểu lộ, nó là một quyền lực huyền môn, là một điển lực và là một quan hệ đến sanh tử. Còn trong Ý chí của Thượng Đế sanh hóa, Fohat tóm gom tất cả hình thể và đem đến cho chúng nó một sự thúc đẩy đầu tiên. Với thời gian, sự thúc đẩy này trở thành Định luật. Nhưng trong vũ trụ không biểu lộ, Fohat chưa dính dáng gì với vũ trụ, vì vũ trụ chưa sanh và các Vị Thiên thần còn ngủ trong lòng 'Cha Mẹ'. Nó là một ý niệm triết lý trừu tượng. Nó chưa có tự sanh ra được cái gì.

Nó chỉ là một 'tiềm lực' sanh hóa suông. Nhờ tác động của Nó mà những ý niệm của hiện tượng tương lai, có thể nói là, chia ra rồi hiệp lại trong một hành vi bí ẩn siêu cảm giác ; rồi phóng ra tia sáng sanh hóa. Khi đưa con thiêng liêng hiện ra, thì Fohat trở thành một sức đẩy tới trên cõi biểu lộ của vũ trụ. Tam vị Nhất thể mới tách ra làm đa số và Fohat đổi ra một Sức mạnh. Sức Mạnh này gom các nguyên tử nhỏ lại, làm cho chúng nát ra, làm cho chúng hoá hợp lại. Chúng ta nghe được một tiếng vang về sự giảng dạy đầu tiên này trong chuyện cổ thần thoại Hy Lạp. Chaos sanh ra Erèbe và Nux. Và nhờ sự tác động của Eros mới sanh ra Ether và Hemera, là ánh sáng của những cõi cao và cõi thấp hay vật chất. Bóng tối sanh ra ánh sáng. Hãy so sánh cái Ý chí hay là cái ý muốn sanh hóa của Brahman trong Thánh kinh Purana với cái giáo lý rằng Ý dục là nguyên lý của sự sanh hóa, trong vũ trụ học của xứ Phénicie de Sanchoniathon.

Fohat kết liên chặt chẽ với sự sống duy nhất. Từ cái Một vô tri, từ cái Kết chung vô cùng, sanh ra cái Một biểu lộ, hay là Đức Thượng Đế hoạt động có chu kỳ, chính đó là cái trí của vũ trụ, chia ly nguồn cội. Đó là Đức Thượng Đế sanh hóa của người Cabale Phương Tây, là Đức Thượng Đế có bốn mặt trong Ấn độ giáo. Người ta xem Fohat như là tư tưởng thiêng liêng được biểu lộ, thì Nó đại diện cho Đạo binh của các Đấng Cao cả Dhyân Chohan sanh hóa, theo thiết điểm huyền môn. Đồng thời với sự tiến triển của Trí Huệ vũ trụ, sự Minh triết ẩn tàng trong Đức Phật Ai Di Đà - là đấng Tuyệt cao và vĩnh cửu - biểu lộ như là Avalokiteshvara hay là Le Christ en l'Homme, Đức Chúa trong con người. Ấy là Đức Osiris của người Ai Cập, là Đức Ahura Mazda của người Hỏa giáo, là Người Trời của nhà triết học bí ẩn, là Đức Thượng Đế của người phái Platon, là Atman của người phái Phệ Đà. Nhờ tác động của sự

Minh triết biểu lộ hay là Mahat (biểu dương bởi vô số trung tâm ^{thần lực} tinh thần trong vũ trụ) mà sự phản chiếu của Trí Khôn Vũ trụ (vốn là ý niệm vũ trụ và thần lực, trí tuệ kéo theo ý niệm) mới trở thành Fohat của nhà triết lý gia của Phật giáo huyền môn, nói một cách khách quan.

Fohat chạy dài xuyên qua bảy nguyên lý Akasha, tác động trên chất biểu lộ (ấy là nguyên tố duy nhất như chúng ta nói ở trên) bằng cách dị biệt nó ra nhiều trung tâm thần lực, khiến cho Định luật tiến hóa của Vũ trụ đi động. Định luật này tuân theo ý niệm của Vũ trụ, sanh ra nhiều trạng thái của thực thể trong Thái Dương hệ biểu lộ.

Thái dương hệ được sanh ra là do những sứ giả này. Nó gồm có Bảy nguyên lý cũng như tất cả cái gì thuộc về thành phần của trung tâm lực đó. Đó là Giáo lý của Huyền môn từ bên kia Núi Hy mã Lạp sơn chuyển qua. Tuy nhiên, mỗi triết lý gia đều tự có cách riêng biệt để phân tách những nguyên lý này.

Vậy Fohat là Hiện thân của Quyền năng sanh hoạt, Điện lực, là Đơn vị Siêu quân gồm thu mọi thần lực vũ trụ, trên các cõi vô hình hay được biểu lộ. Tác động của Nó (trong những biểu tượng này, mà cuộc điện chủ quan kích động cuộc điện khách quan và làm cho Nó đi động), giống với tác động của một thần lực sống do ý chí thiêng liêng tạo ra (đó là nói với một tỷ lệ vô cùng).

Fohat chẳng phải chỉ là một cái biểu tượng sống và là 'cái ở trong' thần lực đó. Các nhà học giả huyền môn xem nó như là 'thực tại vật' : bởi vì nó tác động trên những thần lực vũ trụ, thế gian và con người, lại nữa ảnh hưởng đến mọi cõi này. Trên cõi hồng trần, ảnh hưởng của nó linh động trong từ điển mạnh được đẩy lên bởi ý chí mạnh của nhà truyền điện. Trên cõi của vũ trụ, nó chủ tế quyền năng kiến thiết. Các quyền năng kiến thiết này - trong lúc tạo thành

vạn vật - đi từ hành tinh hệ cho đến con đom đóm và một đóa hoa cúc soàng ; nó tuân theo kế hoạch của Trí khôn Tạo Vật và ý niệm thiêng liêng, đã được đặt ra để cho vạn vật phát triển và tiến hóa. Nói về Huyền học, nó là tư tưởng khách quan của các Thần Thánh, là động lực thành hình (theo tỉ lệ ít) ; nó là sứ giả của ý niệm vũ trụ, và loài người ; Nó là thần lực linh động của sự sống vũ trụ trong trạng thái Đệ nhị của Nó, Fohat là thần lực mặt trời, là điện sống chảy, là Đệ tứ nguyên lý bảo thủ, là thú hồn của Tạo Hóa, hay nói cách khác, Nó là Điện.

Hồi năm 1882, Vị Hội trưởng^{Hội}/Thông Thiên Học là Đại tá Olcott đã bị công kích vì Ông cứ chứng nhận trong bài diễn thuyết của Ông rằng : điện vốn ở trong vật chất mà ra. Tuy nhiên, chính đó là lời dạy của Giáo lý Huyền môn. Đối với Giáo lý đó, thần lực và nghị lực (có thể là những danh từ tiện nghi hơn và cũng là trường cứu hơn là khoa học phương Tây chưa thấu được.) Thật ra cũng là vật chất cũng như ether, cũng là nguyên tử vậy, (dù nó xa với nguyên tử nhiều bậc). Thật là buồn cười khi người ta cứ chứng nhận rằng : một vật gì mà khoa học không thể đo lường được, thì nó không thể gọi là vật chất. Điện khí là vật vô hình là vì những phân tử của nó không thấy dạng và không thể đem ra kinh nghiệm được. Tuy nhiên, nó có thể có nguyên tử, và các nhà học giả huyền môn đều chứng chắc như vậy : thế thì điện là vật chất.

Nhà toán học Maxwell là một trong các Đại học giả thấu hiểu về điện và những hiện tượng điện - có nói rằng : nhiều năm qua, điện vốn là vật chất, chứ chẳng phải là sự di chuyển sóng. Nếu chúng ta nhìn nhận giả thuyết rằng : những chất sơ đẳng đều gồm những nguyên tử thì chúng ta không tránh khỏi sự kết luận là : điện âm và điện dương đều chia ra những phân tử rõ rệt , chúng nó sống như những nguyên

tử điện.' Chúng ta sẽ nói thêm rằng : chúng ta cứ nhìn nhận là : điện chẳng những là một vật chất, mà nó là một chất hơi bay từ mình của một Đấng (Entité) chẳng phải là Trời hay là Ma, mà là một trong những Đấng Cai trị Trái Đất ta, theo Định luật Như Quả Vĩnh Cửu.

(Phân Bình luận Đoạn V, 2
còn tiếp theo).

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH V, 2-3

Bây giờ chúng ta hãy trở về với Fohat, nó nói liên, bên Ấn Độ, Vishnou và Surýa trong vai tuồng mà người ta gán cho vị Thần thứ nhứt đổng (là Đức Vishnou) : bởi vì Đức Vishnou, trong Kinh Rig-Veda, chẳng phải là một vị Thần cao cả. Danh từ Vishnou do chữ cái 'Vish' nghĩa là thấu triệt, còn Fohat được gọi là Kẻ Thấu triệt, là kẻ chế tạo : bởi Nó chế tạo những nguyên tử với chất chưa chế tạo (tức là nguyên chất) ⁽¹⁾. Trong Thánh kinh Rig Veda, Đức Vishnou cũng là 'một sự biểu lộ của Thần lực Mặt Trời ; và người ta miêu tả Ngài đang đi ba bước xuyên qua bảy cõi vũ trụ. Nhưng Vị Thần Phệ Đà này ít liên hệ với Đức Vishnou của thời đại hiện kim. Nhờ đó, cả hai : Vishnou và Fohat, đều giống nhau - trong một nghĩa đặc biệt - và cái này là khuôn mẫu của cái kia.

Số Ba và số Bảy không liên hệ gì đến bảy vũ trụ mà con người ở, mà người ^{ta} nói trong Giáo lý Huyền môn. Mà chúng nó cũng không liên hệ gì đến bảy khu vực trên trái

(1) Ai cũng biết rằng : khi để cát trên miếng kim khí đang rung động thì nó lấy nhiều hình đều đặn, và khác biệt nhau. Vậy hỏi khoa học có thể giải nghĩa trọn vẹn về điều này chăng ?

Đất. Mặc dầu có sự chống báng của những người được gọi là ở Phương Đông, ^{người ta} nói một cách rõ rệt, tro ng những Thánh Kinh công truyền Ấn Độ về bảy cõi hay là những bầu thế giới của dãy hành tinh chúng ta. Nhưng trong những vũ trụ học khác, tất cả số này đều dính liền một cách kỳ quái với những số khác cùng những biểu tượng của chúng nó. Đó là điều mà người ta có thể nhận ra nhờ học bằng cách so sánh và để song song những tôn giáo xưa. Ba bước của Vishnou xuyên qua bảy cõi trời, trong Rig-Véda, mà các nhà bình luận đã giải nghĩa nhiều cách. Người ta cho rằng : những số này có nghĩa là vũ trụ là : lửa, sấm sét và trời, và dưới thế gian chúng nó tạo ra không khí và các vì tinh tú. Còn kẻ khác lại chắc chắn rằng : ba bước đó là ba bước của 'kẻ lùn' (tiên kiếp của Vishnou ; dù Aurnavâbha đã có nói một cách triết lý hơn và rất đúng về điểm thiên văn học rằng : ba bước đó có nghĩa là những chỗ khác nhau của mặt trời ; ấy là : buổi bình minh, buổi đứng bóng và buổi chiều (lúc mặt trời lặn). Chỉ có nhà triết lý gia huyền môn giải nghĩa điều đó cách rõ ràng - dù có Kinh Zohar cũng dạy rõ nữa -. Triết lý gia huyền môn ấy nói một cách thiết thực rằng : ở ban đầu những vị Elohim (Alhim) được gọi là Achad là 'Một' hay là Đức Thượng đế duy nhất trong đa số. Ý niệm này rất đơn sơ như ý niệm của người Phiếm thần giáo (Panthéistes) (theo nghĩa triết học.) Pòi lại sanh ra sự biến đổi là Jehovah tức là Elohim ; sự biến đổi này kết hợp đa số và tiên một bước đến Nhất thần giáo (Monothéisme). Bây giờ đến câu hỏi : 'Tại sao Jehovah lại là Elohim ?' Trả lời như vậy : 'Nhờ ba bước.' ý nghĩa đã rõ ràng. Những bước là những biểu tượng hỗ tương và hỗ trợ lẫn nhau của tinh thần, của thần hồn và của thể xác (con người), của vòng tròn trở thành tinh thần, của linh hồn vũ trụ và

của thể xác (là Trái Đất) - An-Suph, đồng nghĩa với Parabrahman (theo chữ Cabale) với Zerâna Akerne của Mazdéens hay với một Đấng Vô Tri nào. Nó trở thành 'Một' (Achad, Eka và Ahu). Đoạn nó nhờ sự tiến hóa thay đổi ra 'Một mà đa số' ra Đức Độc Giác Phật (Dhyâni-Bouddhas) hay Elohim hoặc là Amshaspendis, và ra 'Bước thứ Ba' trong sự duy trì xác thịt hay là 'Con Người'. Và từ bên trong con người (ấy là Jah-Hovah) có nghĩa là Nam-Nữ, cái thực thể bên trong và thiêng liêng đó trở thành một lân nữa Elohim trên cõi siêu hình.

Những số 3, 5 và 7 là những số thuộc về hàng đầu trong Hội Bí mật (Maçonnerie) quan sát, cũng như đã nói trong quyển Isis dévoilée. Một hội viên của Hội Bí mật đó có viết rằng :
'Có 3, 5 và 7 bước để chỉ cuộc đi xung quanh

Ba mặt của 3 là 3
của 5 là 3
của 7 là 3 vân vân ;

đôi khi, nó đổi ra như thế này :

$$753 : 2 = 376,5 \text{ và}$$

$$7635 : 2 = 3817,5 \text{ và tỷ lệ}$$

$$\frac{20.612}{6.561} \text{ pieds (lôi 3 tất) dùng để đo từ khủy}$$

tay đến đầu ngón tay giữa.

Cái tỷ lệ đó cho chúng ta biết bề đo của Kim Tự Tháp lớn.

Những số 3, 5 và 7 là những số bí ẩn ; và số đầu và số chót (là 3 và 7) đều được những hội viên bí mật và những nhà Parsis kính trọng. Hình Tam Giác đầu đầu cũng là biểu tượng của Thiêng liêng (Divinité) (1).

(1) Xin xem quyển Encyclopédie maçonnique của Mackenzie và quyển Le Triangle de Pythagore của Oliver.

... 'Ba Bước' liên quan (một cách siêu hình) đến sự đầu thai của Tinh thần trong vật chất, đến Thượng Đế rút xuống như những tia sáng rút trong tinh thần trước nhất rồi sau trong linh hồn và rút trong hình thể vật chất của con người, và nơi đây, cái tia sáng đó trở thành sự sống.

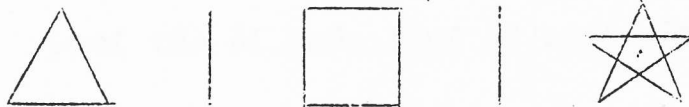
Cái ý niệm của người Cabale - (là người của Hội bí mật do những người Do Thái điều khiển) - giống với ý niệm huyền môn của thời rất là xưa xưa. Cái huyền môn này không phải là sở hữu chung của tất cả, và nó không thuộc về giống dân chánh thứ Năm (là giống dân Aryen, nó cũng không thuộc về một trong nhiều giống dân phụ của giống dân thứ năm đó). Nó cũng không thuộc về những người tự xưng là người Touraniens ; nó cũng không thuộc về người Ai Cập, hay người Trung Hoa, hay người Chaldéen hoặc về những 7 phần của Giống Dân chánh thứ Năm; mà chính nó thuộc về giống dân chánh thứ Ba và thứ Tư, mà chúng ta gặp con cháu của họ trong giống dân chánh thứ Năm, là những người Aryens của thời cổ. Cái vòng tròn ấy, đối với mọi quốc gia, là tiêu biểu cho 'sự vô tri', cho không gian vô biên, cho cái y phục trừu tượng của một sự trừu tượng hằng có - cho vị Thượng Đế bất khả tri. Nó cũng tiêu biểu thời gian vô biên trong vĩnh cửu.

Akerne Zeroama là 'Vòng tròn vô biên của thời gian vô tri, và từ Vòng tròn đó, tủa ra Ánh Sáng chói lọi, cái Mặt Trời của vũ trụ hay là Ormazd và Ormazd giống với Cronus. Bởi vì Vòng tròn là Sar và Sarus hay Cycle. Đó là vị Thượng Đế Babylonien, đối với vị này thi vùng chơn trời là tiêu biểu hữu hình của sự vô hình ; còn Mặt Trời là cái vòng tròn của sự Duy Nhất ; nơi đây, phát sinh ra quỹ đạo của vũ trụ (orbe), mà Mặt Trời là có trách nhiệm truyền cho

sự nóng. Zersâna là Luân xa (chakra) hay là vòng tròn của Vishnou, là biểu tượng bí mật và theo ý nghĩa của một nhà bí ẩn thì vòng tròn đó là 'Một vòng cong, cong cho đến đổi một thành phần của nó được cho là cứ thông ra mãi mãi rồi dựng hai mối lại để làm ra một vòng mà ta gọi là Vòng Tròn.'

Người ta không thể nào các nghĩa cái Tiêu Biểu và các bản tánh hiện hữu của Thượng Đế hay hơn nữa: Đức Thượng Đế có vòng tròn khắp cùng (vì nó vô biên) ; như đó, trung tâm của Ngài cũng ở khắp cùng ; hay nói cách khác, trung tâm của Ngài ở nơi mỗi chấm của vũ trụ Ngài. Đức Thượng Đế vô hình cũng được gọi là Đức Dhyân-Chohan hay là những vị Rishis, Thất Vị cổ thời (les 7 primitifs) và Cửu Vị bên ngoài (les 9 extérieurement) và cũng là Thập Vị làm ra một đơn vị tổng quát của các Ngài : rồi từ đó, Ngài đi vô Con Người.

Chúng ta hãy quay về Đoạn Thánh kinh Dzyan thứ tư, thì chúng ta sẽ biết hiện nay tại sao như thế ; vả lại, cái Luân xa (Chakra) transhimâlayenne có chứa đựng



nghĩa là : một tam giác, một số đứng thứ nhất, một hình vuông, một số đứng thứ nhì và một hình ngôi sao năm nhánh với một chấm nơi trung tâm. Cái vòng tròn Cabale của người Elohim biểu thị những số 13514, khi những chữ Alhim hay Elohim được đọc theo số thứ tự ; còn nếu nó được đọc một cách tự-mê (nghĩa là đổi thứ tự của chữ, tỹ như 'singe' đọc 'signe') thì là : 3.1415 ; còn nếu nó được đọc theo Thiên văn, thì là chữ Pi (π), hay là ý nghĩa bí ẩn của những đức Dhyâni-Bouddhas, những vị Gebers, những vị Gilborim, những vị

Kabires và những vị Elohim. Những vị này được gọi là 'Những người trời', là Titan (Hommes célestes) hay là những vị Khổng lồ nói theo danh từ trên tục.

Số Bảy là số huyền linh của mọi quốc gia, nhưng không quốc gia nào áp dụng nó với ý nghĩa sinh lý và vật chất cho bằng những người Hébreux. Đối với họ, số Bảy là con số chỉ sự 'phát sinh' (générateur) trước nhất. Số Chín là con số đực (mâle) gây ra nguyên nhân. Nó tạo ra chữ Otz (như nhà Cabaliste đã giải bày) hay là 'cây trong vườn Thượng Uyển' (Arbre du jardin de l'Eden) là 'hai chiếc gậy bán nam bán nữ' (double bâton hermaphrodite) của Thần thoại Hy Lạp thuộc về Giông Dân thứ Tư. Đó là biểu tượng 'Thánh của các vị Thánh' (Saint des Saints). Số Ba và số Bốn là sự phân chia Nam Nữ. Hầu hết 22 chữ của người Hébreux đều chỉ sự biểu tượng của Dương khí (phallique). Hai chữ :

Ayin có nghĩa là biểu hiệu đàn bà (tiêu cực), nó biểu tượng 'con mắt', và

Tza là đàn ông, là lưỡi câu, là cây lao.

Trái lại, đối với người Ấn Độ và người Aryen nói chung thì ý nghĩa của số đó thật nhiều và hầu hết đều liên hệ đến những chơn lý siêu hình và thiên văn. Những vị Rishis và các vị thần của họ, các vị quỷ ma và các vị anh hùng của họ đều có nghĩa lịch sử và đạo lý.

Trong những Thánh Kinh của người Ấn Độ không bao giờ căn cứ hoàn toàn, cũng như người Hébreux, tôn giáo của họ trên những biểu tượng sinh lý. Cũng chắc chắn rằng những bản Ấn Độ đều viết cách nào che khuất mắt công chúng những gì

thuộc về sinh lý ; nhưn đó có điều chỉ tỏ họ tự mâu thuẫn lấy họ. Và lại người ta gặp sự giải thích khác biệt trong mỗi purana và trong những bài thi thơ thuộc về anh hùng ca (épíques). Tuy nhiên, khi chúng ta đọc chúng nó theo nghĩa tinh thần của chúng nó thì tất cả đều có ý nghĩa như nhau. Tỷ như một câu chuyện kể bảy cõi không nói có những cảnh thấp, chúng nó cũng là số bảy. Nhưng 14 cõi cao và thấp này không liên hệ gì với ý nghĩa của dãy hành tinh (thất Dãy). Chúng nó thuộc về cõi thuận dĩ thái và vô hình (sẽ nói về sau). Hiện giờ, người ta chỉ biết rằng : người ta ám chỉ chúng nó cũng như chúng nó thuộc về Dãy Hành tinh vậy. Còn một chuyện khác cho tên cho bảy cõi ấy là : Trái đất, Bầu trời, Trời, Cõi Trung gian, Chỗ sanh, Cõi phúc lạc và Cõi Chơn lý ; người ta để 'Những vị con của Brahma' trong khoảng thứ sáu, và nói rằng : khoảng chia thứ năm hay là 'Jana Lôka' là nơi sanh sản của những con thú đã bị Đại hỏa tai chung giết chết. Trong chương sau (về biểu tượng) người ta sẽ dạy vài điều huyền môn. Người nào đã được chuẩn bị về đó, sẽ hiểu được ý nghĩa bí ẩn.

3 - Fohat là tinh thần hướng dẫn và dắt dìu những mảnh ánh sáng. Khi Nó khởi làm một công việc nào, thì Nó chia những mảnh ánh sáng ra khỏi Vương Quốc thấp.⁽¹⁾ Những mảnh ánh sáng này trôi nổi và run rẩy vì vui mừng trong những nhà chói sáng của chúng nó. ⁽²⁾ Và Fohat mới dùng chúng nó

(1) Là những nguyên tử của những khối quặng.

(2) Những hơi bốc lên thành mây.

để làm nền móng (là căn bản) của những Bánh Xe. Nó để bánh xe theo sáu hướng của không gian, và Nó để 'Một' bánh xe ở chính giữa để làm bánh xe trung tâm.

Những 'Bánh xe' như chúng ta đã giảng, là những 'trung tâm lực' xung quanh chúng nó chất khí đầu tiên của vũ trụ tủa rải ra ; và do sự đi xuyên qua sáu giai đoạn cũng có chất khí đầu tiên đó (hay là chất tiên thiên khí) trở thành cầu-trạng-thể, rồi rớt lại, nó biến thành những bầu tròn hay là những bầu thế giới. Chính đó là giáo lý căn bản huyền môn về vũ trụ học ; và trong Thời gian Tác động sanh hoạt của vũ trụ (hay là Aeons) sự Vận hành thoi thóp và run rẩy xuyên qua mỗi nguyên tử ngũ trong thời gian nghỉ của vũ trụ, và từ khi Vũ trụ thức tỉnh cho tới bừng sáng, thì chất Tiên Thiên Khí ấy lại luôn luôn có khuynh hướng tăng cường để trở thành xoay vòng tròn. 'Đức Thượng Đế trở thành luồng trốt'. Người ta có thể tự hỏi - cũng như tác giả quyển sách này tự hỏi - rằng : 'Ai có thể biết được sự khác biệt trong sự vận chuyển bởi vì mọi bản chất đều bị bóp nhỏ lại cho thành nguyên liệu ? Và hỏi ai còn lại để trông thấy - cho chí các Vị Dhyâni-Chohans - đều ở trên cõi Niết bàn cũng không trông thấy nữa.

Câu trả lời rằng : tất cả mọi vật trong Tạo Hóa đều phải xét đoán bằng lý luận để giải thích. Dù các Vị Thiên thần cao nhất (cũng như Archanges hay là Dhyâni-Bouddhas) đều không thể thấu được sự bí ẩn cách xa với Dãy Hành tinh của chúng ta với vũ trụ hiện hữu. Tuy nhiên, ở thời xa xưa, có các nhà Đại Tiên tri thấu thị, các nhà đoán trước vận

mạngminh có thể thành công thấy lại được sự bí ẩn của Hơi thở và của sự Vận hành - trong khi Hệ thống vũ trụ đangngồi nghỉ trong những giấc ngủ định kỳ của chúng nó. Những Bánh Xe cũng được gọi là Rotae là những bánh xe vận chuyển của quỹ đạo trên trời (des orbés célestes) để cộng tác trong sự tạo lập vũ trụ - (khi ý nghĩa nói đó liên hệ đến nguyên lý tác động của các ngôi sao và các hành tinh) ; bởi vì trong thánh kinh Cabale, những bánh xe này được đại diện bởi các vị Auphaniens và các vị Thân của Hành tinh và của Ngôi sao. Chính chúng nó là Linh hồn Tác động của các Ngài.

Cái định luật vận hành vòng tròn này trong chất Tiên Thiên Khí là ý niệm của các triết lý gia Hy Lạp của thời xưa, mà các nhà hiền giả lịch sử và đầu tiên đều gần như là được điểm đạo về những bí ẩn.

Các vị Hy Lạp đã tiếp nhận nơi các nhà Ai cập, và những nhà Ai cập đã tiếp nhận nơi các vị Chaldéens. Các nhà Hy Lạp tự mình là đồ đệ của các vị Brâhmanes của Trường Bí Giáo. Ông Leucippe và ông Démocrite d'Abdère - (- vị sau này là học trò của những vị Mages - dạy rằng : sự vận hành xoay vòng của nguyên tử và bầu thế giới đã có từ trong vĩnh cửu. ⁽¹⁾ Các ông Hécétas, Héraclite, Ecphantus,

(1) Cái giáo lý 'Chu chuyển của trái đất' xuyên quanh cột trụ (axe) của nó đã do ông Hécétas, là đệ tử của Pythagore truyền dạy hồi 500 năm trước kỷ nguyên Thiên Chúa. Cái giáo lý này cũng đã được truyền dạy do vị đệ tử của ông Ecphantus và do Héraclite là một trong những người đệ tử của Platon. Sự im lặng của Mặt trời và sự chu chuyển của

Pythagore và tất cả đệ tử của ông đều truyền dạy sự xoay vần của trái đất. Còn các ông Aryabhata (bên Ấn Độ), Aristarque, Séleucus và Archimède đều tính toán sự xoay vần của nó một cách khoa học như các nhà thiên văn hiện nay của chúng ta. Còn cái thuyết con trốt sơ đẳng đã được biết và đã được bảo chữa do ông Anaxagore 500 năm trước kỷ nguyên Thiên Chúa, nghĩa là gần 2.000 năm trước khi các ông Galilée, Descartes, Swedenborg biết đến. Và sau cùng, ông Sir W. Thomson có sửa đổi một chút. Tất cả những cương yếu khoa học này (nếu chúng ta muốn cho đúng) là những truyền thanh của một Giáo lý cổ thời mà hiện nay chúng ta rành giải thích.

Tại sao những vị của vài thế kỷ trước đã tìm được một vài ý niệm, vài kết quả giống với điều mà người ta dạy như là những định lý bên trong đền thờ một cách bí ẩn, đã có từ

(tiếp theo từ trang 205)

trái đất xung quanh quỹ đạo đã được ông Aristarque de Samos chỉ dạy từ năm 281 trước Tây lịch, như là một tỷ dụ phù hợp với những hiện tượng đã xảy ra. Cái thuyết khởi điểm ở trung tâm thái dương (la théorie héliocentrique) cũng đã được truyền dạy gần 150 năm trước kỷ nguyên Thiên Chúa do ông Séleucus, ông Séleucie trên sông Tigre. (Nó cũng được truyền dạy 500 năm trước kỷ nguyên T.-C. do ông Pythagore - H.P.B.) Người ta nói rằng : ông Archimède đã nói đến cái thuyết khởi điểm ở trung tâm thái dương này trong quyển sách gọi là Poammites.

Cái hình tròn của trái đất đã do ông Aristote giải rõ bằng cách chỉ cái bóng của trái đất khi nó áp vào mặt trăng lúc có nguyệt thực. Ông Plin cũng bảo chữa về ý niệm đó. Dường thế những ý niệm này đã bị lạc mất gần hơn 1 ngàn năm trong sự hiểu biết của con người.

12 ngàn năm về trước ? Đó là một vấn đề mà chúng ta sẽ luận riêng ra. Vài người đã được dắt dẫn bằng sự tiến hóa tự nhiên của khoa vật lý học và bằng sự quan sát một cách độc lập. Còn những kẻ khác như các ông Copernic và Swedenborg - dù là học rộng - nhưng họ hiểu biết là do trực giác của họ nhiều hơn là do sự làm việc trực tiếp của cá nhân họ. Ông Swedenborg đã nói lên trong bài thuyết trình của ông về sự xoay vần để chứng minh điều trên đây. Ông Swedenborg không có khả năng biết được những ý niệm huyền môn của Phật giáo, mà tự đi đến gần chúng nó trong sự hiểu biết tổng quát của ông.

Giáo sư Winchel có nói trong bản dịch của Clissold những điều toát yếu sau đây :

'Cái Nguyên nhân Đầu tiên là vô cùng hay là Vô ranh giới. Điều này sanh ra sự hữu hạn đầu tiên hay là ranh giới đầu tiên. (Le Logos dans sa Manifestation de l'univers). Điều gì tạo ra một ranh giới cũng giống với sự vận hành.' (Xin xem Đoạn Thánh kinh I)

Cái ranh giới sanh ra đó là một điểm mà tinh ba của điểm là sự vận hành. Nhưng vì cái tinh ba này là không có thành phần ; nó không phải là sự 'vận hành' thật sự, mà chỉ là 'cái đông chất' với nó. Trong giáo lý của chúng ta, không phải là 'cái đông chất', mà chỉ là một sự biến đổi của cái gì luôn luôn run rẩy trong Hư vô hay là sự vận hành vòng tròn trong cõi hiện hữu biểu lộ, hay hiện tượng. Từ cái Thứ Nhất, sanh ra sự bành trướng cái không gian, sự hữu hình, sự liên tục và thời gian. Cũng như trong kỹ hà học, một chấm biến ra đường thẳng, một đường biến ra mặt bằng

và một mặt bằng biên ra một lập thể (un solide). Cũng như nơi đây Connatus một chấm có ảnh hưởng hóa ra đường, mặt tròn và lập thể, hay nói cách khác, vũ trụ ở trong một chấm thứ nhất.

Sự vận hành mà cái 'connatus' nhằm là quay vòng tròn, bởi vì mặt tròn là một mặt hoàn toàn hơn mọi hình ...

Cái vận hành hoàn toàn nhất phải là cái vận hành vòng tròn liên tục, nghĩa là cái vận hành đi từ trung tâm ra ngoài hay từ bên ngoài vào trung tâm. Tất cả cái đó là Huyền môn thuần túy và đơn giản.

Người ta nói 'Sáu phương trong không gian' nơi đây có nghĩa là 'hai hình Tam giác' nhập lại, là sự phối hiệp của tinh thần và vật chất, của Arûpa và Êûpa ; còn hai Hình Tam Giác là biểu tượng của chúng nó. Hai cái hình Tam Giác là phù hiệu của Vishnou. Đó là phù hiệu Salomon, là Shri Antara des Brâhmanes.

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH V, 4-5

4 - Fohat vẽ những đường vòng xoáy ốc để nối liền cái Thứ Sáu và cái Thứ Bảy là Vương Miện (a), một Đạo binh, con của Ánh sáng ở mỗi góc. Các vị Lipikas ở trong Bánh Xe nơi Trung tâm (b). Các vị này nói : 'Việc đó tốt vậy.' Cái thế giới thiêng liêng thứ nhất đã sẵn sàng, cái thế giới thứ nhất bây giờ đã là cái thế giới thứ nhì. Fohi cái 'không' (Arupa) thiêng liêng (1) chiếu xuống Chhâyâ Lôka (2) là cái áo thứ nhất của Anupadaka (c).

(a) Sự vẽ những đường xoáy ốc này liên quan đến sự phát triển của những nguyên lý Con Người cũng như những nguyên lý của Thiên nhiên, sự phát triển này từ từ, cũng như mọi vật trong Tạo Hóa. Cái nguyên lý thứ Sáu của con Người là Bouddhi; là Âme Divine. Tuy chúng ta hiểu Nó chỉ là Một Hơi Thở, nhưng Nó là một vật chất, nếu người ta sánh nó với 'Tinh thần Thiêng liêng' (Atma) mà Nó là người mang

(1) Thế giới vô hình của tư tưởng.

(2) Thế giới của bóng tối, của hình hài thứ nhứt hay thế giới hạ trí.

đến hay là hạ thể. Fohat, trong trạng thái Bắc ái Thiêng liêng, (Eros) trong quyền năng ái lực của điện khí và quyền năng thiện cảm, tiêu biểu như là một sự rắng sức hiệp nhất cái Tinh thần Thuần túy (là cái Tia sáng bất ly với cái Duy nhất tuyệt đối) với Linh hồn để làm cho cả Hai trong Con người là Chơn Thần, còn trong Thiên nhiên là sợi Dây thứ Nhất biểu lộ. Cái thứ Nhứt bây giờ là cái thứ Nhì (bầu thế giới). Các vị Lipikas cũng y như thế.

(b) 'Quân đội' mỗi góc là vô số Thiên thần (Dhyân Chohans) để dắt dẫn mỗi khu vực và săn sóc nó từ lúc khởi thủy cho đến lúc chung kỳ của một Đại Thế (Manvantara:) Các Ngài là những vị 'Tuần Canh Thần bí' (Les Veilleurs mystiques) của Đạo Cabale và của người Alchimistes (là luyện kim hóa vàng) Thiên Chúa giáo. Và các Ngài lại gần nhau, một cách ẩn tượng, từ võ trụ học cho tới hệ thống số của võ trụ (au système numérique de l'univers). Những số liên quan đến các Đấng Thiêng liêng thật hết sức khó giải nghĩa ! Bởi vì mỗi số liên hệ đến nhiều nhóm ý niệm khác biệt, tùy theo nhóm Thiên thần đặc biệt do nó tượng trưng.

Nhơn đó, mới có cái 'Gút' - (le noeud) của ẩn tượng, cái 'gút' khó tháo ra do nhiều học sinh; chúng nó thích cắt nghĩa như ông Alexandre là cái 'gút canh gác'. Vì vậy mà có nhiều khái niệm và nhiều giáo lý sai lầm.

(c) 'Cái thứ Nhứt thành cái thứ Nhì' bởi vì 'cái thứ Nhứt' thật ra không thể được bỏ dẹp một bên hay là được xem như là cái thứ Nhứt, bởi vì cái thứ Nhứt là xứ của ý niệm (Noumène) trong sự biểu lộ Đệ Nhứt Kỳ của nó : cái cửa của

Thế giới Chân lý là SAT, xuyên qua đó thần lực trực tiếp - thuộc về thực tại duy nhất - là sự Thiêng liêng Vô tri đến với chúng ta. Nơi đây nữa, danh từ không dịch được là Sat có thể đưa đến một khái niệm sai quấy, bởi vì cái gì biểu lộ không thể là Sat được, mà một cái gì thuộc về hiện tượng không có thường, và thật cũng không có trong vĩnh cửu. Nó liên đới với Sự sống Duy nhất - không hai -, Nó đồng thời tồn tại với Sự sống đó, nhưng dưới danh từ biểu lộ là 'Maya' - cũng như cái khác. Cái 'Thế giới Chân lý' này (trong những lời Bình luận) không thể giải nghĩa như là : vì Sao sáng từ Trái tim vĩnh cửu rơi xuống : ngọn đèn Hải Đăng của Hy vọng, Bảy Tia sáng có treo bảy thế giới của Ngài. Đúng vậy, bởi vì Bảy Ánh sáng (phản chiếu ra bảy Thế giới) - Atma hay là Tinh thần, chói lọi của mỗi sinh linh trong gia đình Nhơn loại.

Trong sách 'Giáo lý cương yếu' (Le Catéchisme) thầy hỏi trò câu này : 'Hỡi đệ tử Ianou,⁽¹⁾ con hãy ngược đầu lên, con có thấy một ánh sáng hay vô số ánh sáng trên đầu con, chúng nó chói sáng trên trời đen của đêm không?'

- 'Bạch Thầy Gurudéva, con có cảm giác đó chỉ là một Ngọn Lửa thôi. Con thấy cả ngàn mảnh sáng không riêng rẽ, chói sáng trong Nó.'

'Con nói đúng. Và bây giờ, con hãy nhìn xung quanh và bên trong của con. Cái ánh sáng chói thiêu đốt bên trong con, con có thấy nó khác một tí gì với cái ánh sáng chói lọi trong các đồng loại con không?'

(1) Ianou là đệ tử của giáo lý bí truyền trong Phật giáo miền Bắc. (Dictionnaire Rhéa)

- 'Nó không có khác biệt gì cả, dù kẻ tội nhờn bị rớt bởi sợi dây Nhơn quả và áo quần bên ngoài của nó gạt gẫm kẻ dốt nát bằng cách làm cho họ nói rằng : 'hôn của anh' và 'hôn của tôi'.

Cải tinh hoa căn bản chánh đại của mỗi thành phần trong Thiên nhiên -(từ ngôi sao tới hạt nguyên tử kim thạch, từ Đấng Huyền thiên Thượng Đế là Đấng Cao Nhất (Dhyân Chohan) cho tới con trích trùng (les infusoires) nhỏ nhất, (trong sự chấp nhận hoàn toàn của danh từ và người ta áp dụng trong giới tinh thần, trí thức hay hông trần) - là vốn một Định luật chánh đại duy nhất của Khoa học Huyền môn. Một Chơn ngôn Huyền môn nói rằng : 'Thiên nhiên là sự lan tràn vô bờ bến và vô cùng.' Như chúng ta đã nói : do đó mới có danh từ Brahmâ.

Có một triết lý thâm sâu dùng làm căn bản cho sự cứng tế thứ nhất của thế giới, sự cứng tế mặt trời (Sun) và Lửa (Fire). Trong các yếu tố mà khoa vật lý đã biết, Lửa là một yếu tố-cho tới ngày nay- đã thoát ra khỏi vòng phân tích xác định (analyse déterminée). Người ta quả quyết với bảo đảm rằng : không khí là hai chất : dưỡng khí và đạm khí trộn lộn lại.

Chúng ta nhìn càn khôn và trái đất như là chất có ghép vào phần tử hóa học hẳn hoi. Chúng ta nói đến mười thứ đất của đời Thượng cổ bằng cách cho mỗi thứ một tên. Chúng ta nói rằng : theo hóa học, thì nước là cái ghép chung của khinh khí và dưỡng khí. Nhưng còn Lửa là cái gì ?

- Người ta trả lời một cách nghiêm chỉnh rằng : Đó là cái kết quả của sự đốt. Thường thường, đó là sự nóng, ánh sáng và vận hành cùng một giao hồ của những mãnh lực

vật chất và hóa học. Và sự giải nghĩa về khoa học này, được triết học cũng có bằng một sự giải nghĩa về thần học của tự điển Webster, nó giải rằng : Lửa là khí cụ hình phạt, là sự trừng trị kẻ dữ trong một trạng thái khác - một trạng thái -(chúng ta nói phớt qua)- cho là tinh thần nhưng, than ôi, sự hiện diện của lửa xem dường như là một bằng cứ xác chứng là bản tánh vật chất của nó. Tuy nhiên, trong khi nói về sự ảo ảnh mà chúng ta là nạn nhân, và trong khi nhìn những hiện tượng như là những vật đơn giản, bởi vì chúng ta quen với chúng nó rồi, Ông giáo sư Bain nói rằng : 'Những sự kiện quen thuộc dường như không đòi hỏi sự giải nghĩa cho chính chúng nó và chúng nó dường như giải nghĩa đặng tất cả cái gì mà người ta có thể so sánh chúng nó. Giả tỷ nấu sôi một vật lỏng và để cho nó bay hơi, là một hiện tượng rất đơn giản ; nó không cần phải được giải nghĩa, và chính chúng nó tự giải nghĩa đủ các hiện tượng hiếm có hơn. Sự kiện nước bay hơi - đối với trí không học thức, - là một việc dễ hiểu, con đối với người biết vật lý học thì trạng thái nước là bất thường và giải thích không đặng. Đốt Lửa với một ngọn lửa (flamme) là một điều mà khoa học rất khó giải. Nhưng ít người tri thức được.' (1)

Giáo lý huyền môn nói gì về Lửa ?

- Lửa là sự phản ảnh hoàn bị nhất và ít giả tạo nhất -(trên Trời cũng như dưới đất)- của Ngọn Lửa Duy nhất (La Flamme Une). Lửa là sự Sống và sự Chết, là khởi thủy và cáo chung của mọi vật chất. Lửa là Chất Thiêng liêng (C'est la Substance divinè). Vậy, chẳng những các nhà thờ phượng Lửa như các vị Parsis, mà cho chí những nhóm người đi tâm

(1) Logic II, 125.

vơ và dã man ở xứ Mỹ Quốc đều tự nói rằng : ta là 'Con của Lửa'. Họ chỉ tỏ họ có khoa học trong tín ngưỡng, họ có chơn lý trong dị đoan hơn là trong sự cứu xét của vật-lý-học và của sự hiểu biết tân tiến. Nhà tín đồ Thiên chúa giáo nói : 'Đức Chúa Trời là Ngọn Lửa Sống.' Ý nói về Lễ Pentecôte là Lưỡi Lửa và nói về Moïse là 'Bụi đang cháy' (Buisson ardent) ; ý cũng là người thờ lửa hơn nhà ngoại đạo nào.

Trong các nhà thần bí, các nhà Cabalistes, các nhà Rose-Croix đều là những người giải nghĩa Lửa một cách đúng hơn hết. Quý vị hãy mua một cây đèn dầu chừng 5 cắc, các bạn đổ dầu vào và các bạn có thể lấy nó mà chơi với các ngọn đèn cây và các ngọn đèn khác của trọn cả thế giới mà không làm tắt ngọn lửa của nó. Nếu Trời là 'Cái Một Căn bản' (Un Radical) thì Ngài là cái gì vĩnh cửu và vô cùng, và không bao giờ bị tiêu hủy. 'Đấng tôn thờ của anh, Trời của anh là một thứ Lửa bị tiêu hủy.'

Xem dường, sự dạy dỗ huyền môn không đúng lý, và không triết lý khi nó nói : 'Như thế làm ra các Thế giới Arûpa và Rûpa : một ánh sáng, bảy ánh sáng, mỗi cái trong bảy cái, bảy lần bảy.' vân vân ...

5 - Fohat đi năm bước lớn (a)⁽¹⁾ và thiết lập một bánh xe có cánh ở mỗi góc của hình vuông cho Tứ vị Rất Thánh và các quân đội của các Ngài. (b)

(1) Sau khi đã làm ba bước trước.

(2) Là vô số người.

(a) Những 'bước lớn' như người ta đã giải trong bình luận chót liên quan đến những nguyên lý vũ trụ và con người. Những nguyên lý này - (trong ba sự phân chia bên ngoài của Tinh thần, Linh hồn và các Hạ thể và trong những Tính toán huyền môn của bảy nguyên lý) - là Ba Tia sáng của Tinh Ba và của Bốn trạng thái.⁽¹⁾ Người nào đã khảo cứu quyển 'Bouddhisme ésotérique' của ông Sinnett sẽ hiểu dễ dàng cái mục lục. Có hai Trường bí giáo ở bên kia Hy mã Lạp sơn - hay tốt hơn là mỗi trường bí giáo duy nhất chia làm hai môn : 1) môn cho những người đệ tử Lanou bên trong ; 2) môn cho các người Chélâs⁽²⁾ bên ngoài hay là bán ngoại đạo. Môn thứ nhất dạy sự phân chia làm 7 nguyên lý con người ; còn môn kia dạy có 6.

Về phương diện vũ trụ, Fohat làm 'năm bước lớn' nơi đây liên quan đến năm cõi cao của 'Tâm thức' và của Trời (l'Étre), cõi thứ sáu và cõi thứ bảy (đến từ trên xuống dưới) là cõi Trung giới và cõi Hồng trần, là hai cõi thấp.

(b) Bốn 'Pánh xe có cánh' mỗi góc, để cho Tứ Vị Thiêng liêng và quân đội của các Ngài'... Chính Tứ Vị 'Đại Mahârâjahs' hay là Đại Hoàng đế (Dhvan Chohan), các Vị Thiên thần, tượng trưng mỗi vị một hướng của bốn phương trời. Các Ngài là những vị Régents hay Thiên thần (Anges) cai trị những Thân lực vũ trụ ở hướng Bắc, hướng Nam, hướng Đông và hướng Tây. Thân lực này mỗi thứ đều có đặc tánh huyền môn đặc biệt. Các Ngài liên quan đến Nhân quả : bởi Nhân quả cần những vị (bằng vật chất) để thừa hành mạng lệnh của các Ngài, tỹ như gió bốn phương, mà khoa học, chính

(1) Bốn trạng thái là : xác thân, sự sống của nó hay sinh lực và 'nhị bản thân' của xác thân. Cái 'Ba' ấy biến mất khi con người chết và Kama Rupa biến tan trong Kamaloka.

(2) Chélâs : học giả huyền môn, đã được nhập môn dưới sự điều khiển của một ông thầy và họ có nhiều bốn phận.

nó, đã biết được ảnh hưởng tốt hay xấu cho sức khỏe con người và những sinh linh còn sống ; đại khái như vậy. Có triết lý huyền môn trong tín điều Thiên chúa giáo La mã cho rằng : những hoạn nạn cho chúng sanh như là các bệnh truyền nhiễm, giặc giã vân vân ... đều do các 'Sứ giả' vô hình ở phương Bắc và phương Tây. Ông Ezéchiel nói : 'Sự Vinh quang của Trời do hướng Đông mà đến.' Các Ông Jérémie, Isaïe le Psalmiste quả quyết với các độc giả của họ rằng : 'Trộm cả đau khổ dưới mặt trời đều do hướng Bắc và hướng Tây - và ai có thể nói rằng : áp dụng cái công thức đó cho quốc gia Do Thái không phải là một tiên tri không chối cãi được. Điều này cũng giải nghĩa sự huyền bí của Thánh Ambroise khi Ông nói rằng : chính cái lý do đó mà chúng tôi ghét tránh gió Bắc và trong lúc làm lễ rửa tội, chúng tôi khởi sự bằng cách xây lưng qua hướng Tây để chỉ tỏ chúng tôi không nhìn nhận người ở đó, đoạn chúng tôi mới dấy qua hướng Đông.

Tin về Tứ vị Thiên vương (là những Đấng cai trị tứ phương) là khắp cùng. Những người Thiên chúa giáo còn chia sẻ sự tin tưởng đó ; họ cho tứ vị Thiên vương đó (theo Thánh Augustin) là những Đức hạnh của Thiên thần và 'Những vị Tinh thần' khi chính họ kêu gọi các Ngài ; và khi người ngoại đạo cầu xin các Ngài thì các Ngài là 'ma quỷ'. Nhưng trong hai trường hợp đó, cái gì khác biệt giữa người ngoại đạo và giữa người Thiên chúa giáo ? - Nhà bác học Vossius nói : 'Dẫu Thánh Augustin có nói rằng mỗi việc hữu hình trong cõi trần này đều có một Đức hạnh Thiên thần để bảo vệ, thì đừng hiểu đó là cho cá nhân, mà là cho những đồng chủng. Mỗi đồng chủng, thật ra, có một vị Thiên thần đặc biệt để chăm sóc. Về sự đó thì lời này đồng ý với tất cả các nhà

lý gia. Đối với chúng tôi, những vị Thiên thân này là những vị Tinh-thân riêng biệt với đồ vật ; còn đối với các nhà triết lý gia thì các Vị ấy được cho là những thần thánh.'

Khi người ta học quyển 'Le Rituel' thuộc về 'những tinh thân của các ngôi sao' trong Hội thánh La Mã, thì những 'tinh thân' ấy - đối với chúng tôi - dường như có điệu bộ giả tạo của các 'thiên thần'. Sự thật các vị này không được nhóm người ngoại đạo xưa kính trọng và tôn sùng hơn hiện bây giờ, đối với các nhà Thiên chúa giáo La Mã trí thức nhất hạng cũng y như vậy.

Ông Aristote, sau Platon, cắt nghĩa rằng : Danh từ 'tinh thân' chỉ tượng trưng cho nguyên lý vô hình để mỗi góc của bốn phương vũ trụ mình đang chăm nom. Như đó, không hơn người tín đồ Thiên chúa giáo đã làm, người ngoại đạo tôn sùng và thờ kính những yếu tố và bốn phương trời. Nhưng chính các vị Thiên thân cai trị chúng nó mà chúng nó thờ cúng. Đối với Nhà thờ có hai hạng thần linh, một là thiên thân, hai là ác quỷ. Đối với người Cabaliste và Huyền môn chỉ có một hạng thôi. Không có nhà Cabaliste và Huyền môn nào thấy sự khác biệt giữa 'kẻ chỉ huy ánh sáng' và 'vị chỉ huy bóng tối' hay là vị Cosmocratores mà Nhà thờ La Mã tượng trưng và phát giác trong các vị 'chỉ huy ánh sáng' vừa khi một trong các vị này được gọi bằng một tên khác với tên mà Nhà Thờ đã đặt. Không phải vị : 'chỉ huy' hay 'vị Thiên vương Mahârâja' thường hay phạt mà không có lệnh của 'phép Trời' mà chính kết quả của việc làm của con người là Như quả, rút mọi thứ xấu xa và hoạn nạn cho từ người, từ nhóm chung (cũng như đôi ^{khí} cho cả trọn nước). Chúng ta tạo cho những cái 'nhơn', những cái nhơn này đánh thức các quyền năng liên quan đến 'cõi tinh linh' và sự xấu

xa và hoạn nạn mới rút bằng từ điển một cách mãnh liệt (bất đề kháng) đến những kẻ nào tạo ra các nhơn ấy, rồi tác động đến chúng nó, dù chúng nó là 'kẻ làm quấy' bằng hành động hay chỉ bằng tư tưởng tạo ra tội ác. Bởi vì khoa học tân tiến dạy rằng : tư tưởng là vật chất. Còn Jevons và Babbage trong quyển 'Những nguyên lý của khoa học' của họ, đã thoáng thấy 'tất cả mảnh vụn của chất đã có phải chi chệp mọi việc đã xảy ra tự bao giờ. Khoa học tân tiến mỗi ngày đều bị thu hút mạnh về chất 'Maelstrom' của Huyền môn, chắc chắn là vô ý thức mà rất nhạy cảm.'

'Tư tưởng là vật chất' không phải giống với nhà vật chất Đức quốc Molestchott, khi ông nói rằng : 'Tư tưởng là sự vận hành của vật chất.' Không có gì là vô lý hơn định thức này ! Vậy, những trạng thái lý trí và vật chất đều hoàn toàn chống đối nhau. Nhưng, điều này không thay đổi lời xác định rằng : ^{mọi tư tưởng} (kèm theo vật phụ thuộc vật chất của nó nó là sự cải biến cái óc đều có một trạng thái khách quan, dù là siêu cảm giác đối với chúng ta trên cõi Trung giới. Hai lý thuyết chánh của khoa học về sự liên quan giữa lý trí và vật chất là Nhất-triết-luận (Monisme) và Vật chất luận (Matérialisme). Cả hai lý thuyết này choán trọn miếng đất của khoa tâm lý học tiêu cực, ngoại trừ những ý niệm gần như huyền môn của những trường Phiếm thần giáo (cho rằng vũ trụ tức là thần) của Đức quốc. Những ý niệm của nhà tư tưởng khoa học ngày nay về sự liên quan giữa tinh thần và vật chất có thể được gom ngắn trong hai giả thuyết sau này. : Chúng nó chỉ tỏ cả hai rằng : chúng nó loại bỏ cái khả năng của một linh hồn độc lập khác biệt với cái óc xác thật, mà xuyên qua đó nó hoạt động. Hai giả thuyết đó như vậy :

(1) Maelstrom : tên của xoáy nước nổi tiếng ở bờ biển Norway ; hay là một trận bão lớn dữ tợn.

1 - Vật chất luận là cái lý thuyết xem những hiện tượng như là kết quả của sự biến đổi phân tử trong óc - nghĩa là nó như là kết quả của một sự biến đổi vận hành ra cảm giác. (?) Trường học không tề nhị nhất, lại phiêu lưu cho chí hòa đồng lý trí với cách vận hành đặc biệt (!!)

Nhưng may thay, đa số nhà khoa học hiện nay xem ý niệm này là phi lý.

2 - Nhất triết luận là một giáo điều - nó chỉ nhìn nhận có một chất mà thôi. Chính nó là một hình ảnh, mà một luật sư trong các luật sư của nó là giáo sư Bain gọi đúng là 'vật chất học đang đề phòng' (matérialisme tenu sur ses gardes). Cái giáo điều rất lan tràn; và những kẻ trong đảng phái nó có những người như Lewis, Spencer, Ferrier và các người khác nữa. Họ chia riêng biệt vật chất với tư tưởng cùng những hiện tượng lý trí (thường thường là như vậy) và xem chúng nó như hai cái gốc hay trạng thái của một chất duy nhất thấy trong vài điều kiện nào. Họ nói: 'Tư tưởng như tư tưởng' là khác biệt với những hiện tượng vật chất. - Nhưng nó cũng phải được xem như là 'phía chủ quan của sự vận hành cái óc' dù những nhà thông thái này muốn nói gì với các danh từ ấy.

Giờ đây, để trở về với bình luận 'Tứ vị Thiên Vương Maharajahs', ông Clément d'Alexandrie có nói lại rằng: trong những đền thờ Ai Cập, có một tấm màn vĩ đại chia thánh mạc⁽¹⁾ với chỗ các tín đồ đứng. Những người Do Thái cũng làm như vậy. Tấm màn của hai người thi che năm cột (la Pentacle) tượng trưng ngũ quan; về mặt huyền môn thì nó tượng trưng cho năm giống dân chánh, còn bốn màu của chiếc màn thì nó tượng trưng cho Bốn hướng và Tứ hành (les 4 éléments) vật

(1) Thánh mạc là vật vô giá của Ngai (Tabernacle).

chất. Trọn cả chiếc màn là một biểu tượng có ngụ ý. Nhờ Tứ vị Thiên vương Maharajahs cai trị, bốn hướng và các Hành hạ yếu tố mà giác quan của chúng ta có thể hiểu được những chân lý ẩn tàng của Thiên nhiên. Thông phải như ông Clément đòi cho như vậy ; những Hành do chính chúng nó cho các nhà ngoại đạo sự hiểu biết thiêng liêng hay sự hiểu biết về trời. Còn cái biểu tượng của Ai Cập thì tinh thần, cái biểu tượng của Do Thái thì thuần túy vật chất, và trên thực tế cái biểu tượng của Do Thái chỉ thờ kính những Hành mù quáng và những Hướng tượng tượng. Vậy hỏi cái Thánh mạc vương do Ông Moïse dựng lên trong sa mạc có nhân đồng nghĩa về võ trụ chăng ? 'Anh sẽ làm một tấm màn ... xanh (bleu), đỏ, tím và đỏ thẫm .. và năm cái cột bằng cây của Shittin để treo ... 4 khỏa đồng (quatre anneaux d'airain) trong các góc ... Những tấm bằng bằng cây thanh để bốn góc Bắc, Nam, Tây, Đông của Thánh mạc . . với những trẻ con mồm mím chạm trở khéo.'

Thánh mạc và cái sân vương cùng những đứa con nít ngộ nghĩnh, vân vân , đều tuyệt đối giống như trong các đền thờ Ai Cập. Hình vương của Thánh mạc tuyệt đối có ý nghĩa giống như ý nghĩa ngày nay, trong sự thờ cúng ngoại đạo của người Trung Hoa và người Tây Tạng. - Bốn phương Trời chỉ nghĩa bốn góc của Kim tự tháp, những hình dài nhọn (obélisques) và các kiến trúc hình vương. Ông Josephe có gia công cắt nghĩa điều này. Ông nói rằng : 'Những chiếc cột của Thánh mạc giống như những chiếc cột dựng ở Tyr cho Tứ Hành, và đã được để lên những cái bệ. Bốn góc của bệ nó thẳng tứ Hướng Trời.' Ông còn cho rằng : 'Những vị thiên thần của những cái bệ chỗ bốn mặt của Hoàng Đạo ; những điều này tượng trưng cùng một chiều hướng.'

Giải ý niệm này đã được đúc bằng bản kẽm trong những hăm mộ của người Hỏa giáo trong các đền thờ chạm trổ trong góc đá ở Ấn Độ và trong mọi kiến trúc linh thánh có bốn góc ở thời xa xưa còn giữ tới ngày nay. Chính ông Layard đã bày tỏ rất rõ ràng về đó. Ông thấy bốn Hướng Trời và Mú Hành của thời xưa trong tôn giáo của mỗi nước, dưới hình thức vuông dài và nhọn, dưới hình thực của Kim tự tháp có bốn mặt ... Chính vì những Hành này, và những góc đó mà Mú Vị Thiên Vương Maharajahs mới là những nhà Nhiếp chính (Les Régents) và những nhà Chỉ huy.

Nếu học giả muốn biết nhiều hơn thì nên so sánh sự thấy của Ezechiel (Ch. I) với tất cả cái gì đã được biết về Đạo Phật Trung Hoa - (cho chỉ trong giáo lý công cộng của nó) - và quan sát trạng thái bên ngoài của 'các vị Đại Vương của Thiên thần'. Theo ý kiến của Rév. Joseph Edkins, thì các vị Thiên thần này chủ thể mỗi một góc của bốn Hướng Trời. Với bốn Hướng Trời này, người Ấn Độ chia thế giới ... Mỗi hướng trời đều có một đạo binh tinh thần để bảo vệ nhân loại và Phật giáo. Người sự gia ân đối với Phật giáo, Mú Vị Thiên Vương là đúng như thế. Tuy nhiên những người Ấn Độ chia thế giới (chia theo công truyền và luôn cả bí truyền) và Mú vị Thiên thần vũ trụ của các Ngài lên số Tám, các vị này chỉ huy tám chiều gió của địa bàn (huit airs de vents de la boussole) chỉ những hải chỉ huy những châu (continents).

Mú vị Thiên vương này là những vị bảo vệ nhân loại và các Ngài cùng các Đại Sư của Nhân quả dưới trần, còn các Đấng Lipikas thì lo về nhân loại ở tương lai. Đồng thời, các Ngài là Bốn Vị Sóng (Quatre Créatures vivantes) 'giống với con người' - theo cái thấy của Ông Ezechiel và của các người

dịch giả của Thánh kinh (Bible) gọi là Chérubins và Séraphins vân vân ... Những nhà huyền môn gọi là 'bốn Bánh Xe có cánh', 'Pón Bánh xe cháy', và trong đài vinh quang Ấn Độ người ta gọi bằng nhiều danh từ khác nhau. Tất cả các vị Gandharvas này là 'hai nhà ca hát dịu dàng' là Asuras, là Kinnara và là Nâgas, đều là những sự miêu tả ngụ ý của Tứ vị Thiên Vương Mahârâjahs. Những vị Thiên Sứ tối cao Séraphins là những con Rắn Lửa của Trời mà chúng ta thấy trong một đoạn sách diễn tả núi Vêru như là 'Một đồng trào về vinh quang, một chỗ ở tôn kính của các vị Thiên thân, của bản nhạc hòa tấu của Trời ... một nơi mà người buồn về tội lỗi không thể với tới ... bởi vì có những con Rắn giữ gìn ...' Người ta gọi những con Rắn đó là những người Trả thù (les Vengeurs) và là 'Những Bánh xe có cánh'.

Sau khi đã giải nghĩa đặc tánh và trách nhiệm xong của các Chérubins, ta hãy xem những nhà giải thích Thiên Chúa giáo về quyển Bible khi họ nói về Chérubins như vậy : 'Tiếng Chérubins, bên Hébreux, có nghĩa là : tràn đầy hiểu biết ; người ta cũng gọi nó là Thiên thân do sự hiểu biết tuyệt diệu của nó ; và người ta dùng tiếng ấy để trừng phạt những người làm bộ có sự hiểu biết thiêng liêng.' (Đó là lời giải thích của ông Cruden trong quyển 'La Concordance de la Genèse'. III, 24.) Lời giảng nghĩa này đúng, dù sự thông tri còn mập mờ ; điều này chỉ rõ rằng : Thiên Sứ đứng ở cửa Vườn thiên đàng sau khi bị 'tuột thang'. Thiên Sứ sẽ dẫn khởi cho các 'Vị Giải thích' đáng kính rằng : 'ý nghĩa trừng phạt có liên quan đến cái Khoa học cấm (la Science défendue) hay 'sự hiểu biết thiêng liêng'. 'Cái Khoa học này thường thường đưa đến sự 'tuột thang' khác, (của nhiều Thiên thân hay của một Thiên thân) theo sự suy luận củangười đời. Nhưng vì Ông

cụ Cruden tử tế kia không biết gì về Nhân quả, người ta có thể quên lời ấy. Cái ngụ ý luôn luôn hấp dụ, Từ núi Méru (là nơi trú ngụ của các Thiên Thần) cho tới vườn Thiên đàng (là Eden) khoảng ngàn cách rất ngắn. Và từ các con Rắn Ấn Độ cho tới bảy Thiên Sứ ophites - (ophite là tín đồ của một giáo phái của thế kỷ thứ hai, lấy con Rắn làm tượng trưng của Chúa cứu thế) - Sự xa cách lại càng ít hơn nữa. (Con Rắn thứ ba của bảy con Rắn Ấn Độ là con Rồng.) Tất cả hai con Rắn này giữ lửa đi vô Đền Hiếu biết Bí ẩn.

Vả lại, Ezéchiel tả Bốn vị Thiên thần vũ trụ như sau : 'Tôi nhìn xem ; và đây một luồng trốt ... một ... vầng mây và một khóm lửa bao phủ nó ... và từ ngực nó túa ra Bốn vị Sóng ... họ giống một người .. và mỗi vị có 4 mặt và ... 4 cánh ... Mặt của con người, của con sư tử, của con bò ... và của con chim đại bàng ... Và trong khi tôi nhìn 4 Vị Sóng ấy, thì kia một cái Bánh xe hiện lên dưới trần ... với 4 mặt giống như một cái Bánh xe, chính giữa cái Bánh xe ... bởi vì Tinh thần của sinh linh sống ở trong Bánh xe. (1)

Có ba nhóm chánh Thân kiến thiết và cũng có ba nhóm chánh Thiên thần Hành tinh và các Đấng Lipikas. Mỗi nhóm chánh đều chia làm bảy khóm phụ. Không thể nói từng chi tiết, rõ rệt, tỉ mỉ Ba Nhóm chánh dù với quyển sách đày cộm như quyển 'Giáo lý Bí truyền này' : vì như vậy, phải thêm một quyển nữa.

(1) Những người Do Thái -trừ phi các nhà Cabales- không có tên cho hướng Đông, Tây, Nam, Bắc và gọi chúng nó là : đằng trước đằng sau, bên tả và bên hữu, và họ lăm khi lộn cái này với cái kia.

'Những Vị Thiên thân Kiến thiết' là những vị Đại diện cho các Vị Đâu tiên 'sinh từ cái trí' (Mind-born) như đó mà các vị Rishis Frâjâtis đầu tiên, và cũng là Bảy vị Thiên thân Ai Cập (mà Osiris là thủ lĩnh), là bảy vị Amshaspends của người Hỏa giáo (mà vị thủ lĩnh là Ormazd là Bảy vị Tinh thần của 'Mặt', là bảy Vị Séphiroth riêng biệt của Tam thể thượng vân vân ...'

Các Ngài Kiến thiết, hay tốt hơn, các Ngài Kiến thiết lại mỗi 'Hệ thống' sau 'Đêm'. Nhóm Kiến thiết thứ nhì là nhà Kiến trúc gia đặc biệt cho dãy hành tinh của chúng ta.

Nhóm thứ ba là con cái của nhóm loại chúng ta - là nguyên hình đại võ trụ của tiểu võ trụ-.

Những Thiên thân Hành tinh là những thiên thần làm linh động những ngôi sao (nói một cách thông thường) và những hành tinh nói cách đặc biệt. Các Ngài điều khiển số mạng con người sinh dưới ngôi sao này hay ngôi sao khác.

Nhóm Thiên thân kiến thiết thứ nhì và thứ ba thuộc về 'Hệ thống' khác. Các Ngài cũng đồng chức vụ. Tất cả đều cai trị các khu vực thiên nhiên khác. Trong Vạn Thần Miếu (Panthéon) Ấn Độ Công cộng, chính các vị Thần giữ cửa chủ trị 8 hướng của địa bàn (bốn hướng trời và bốn hướng trung gian). Các Ngài được gọi là Sôkapâlas là những vị Nâng đỡ hay Gát của vũ trụ (trong Càn khôn, hữu hình của ta). Và Thần Indra (hướng Đông), Thần Yama (hướng Nam), Thần Varuna (hướng Tây) và thần Kuvêra (hướng Bắc) đều là các nhà lãnh đạo. Các con voi của các bà vợ của các Ngài thuộc về tinh tượng tượng - dù chúng nó có ý nghĩa huyền môn.

Các Đấng Lipikas (đã giải ở câu thứ - của đoạn Thánh Kinh IV) là những Thiên thần của vũ trụ, còn những vị Thần Kiến thiết chỉ là những Thần của Hành tinh. Các vị Lipikas thuộc về phân huyền môn nhất của vũ trụ mà người ta không nói ở đây. Tác giả không có khả năng nói nổi rằng : 'Các vị Chơn Tiên - dù là cao nhất - có biết ba nhóm Thiên thần Lipikas đó hay không. Hoặc giả các Ngài chỉ biết các vị ấy ở cấp bậc thấp, mà báo chí thế giới đã nói đến. Tuy nhiên, chúng ta đành chịu đề nghị chót này.' Người ta nói rằng : các vị Lipikas dính líu với Karma. Các Ngài giữ hồ sơ. Ở thời cổ, ấn tượng của sự hiểu biết linh thánh và bí ẩn đầu đầu cũng là cái cây. Cái cây đây người ta cũng hiểu là : văn thơ hay sử ký. Chính vì đó mới có chữ 'Lipika'. Chữ ấy có nghĩa là ký giả hay viên thơ ký, là con rồng (ấn tượng Minh triết). Con Rồng giữ cây Hiểu biết là cây Táo (le Pommier) màu vàng tươi của vườn Hespérides ; còn 'những cây sum sê' và loại thảo mộc của núi Méru thì có một con Rắn giữ. Thân Junon cho Thần Jupiter - lúc đám cưới của Ngài - một cái Cây với một trái vàng chói. Điều này là một hình thức của ý niệm Bà E-và, cho Ông A-dông một trái bom (táo) của cây Hiểu biết.

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH V, 6

6 - Các vị Nam Tào Bắc Đẩu hoạch giới hình Tam Giác, Còn Người thứ nhất, ⁽¹⁾ hình lập thể, Con Người thứ nhì và Tinh-Hình năm góc trong cái trứng. ⁽²⁾ (a) Đó là cái Vòng gọi là : 'Người chớ qua' để nói với các người bước lên và bước xuống và với các người -, (trong thời kỳ ngơi nghỉ) - đang đi đến Đại Nhật 'Hãy ở với chúng tôi'. (b) Như thế mới sanh ra Arûpa và Rûpa. ⁽³⁾ Một Ánh Sáng, Bảy Ánh Sáng bởi Ánh Sáng của Bảy Ánh Sáng, Bảy lần bảy Ánh Sáng. Những bánh xe trông chừng Cái Khoen.

Đoạn Thánh kinh này tiếp tục do sự phân loại kỹ lưỡng các bậc Thiên Thân. Từ Nhóm Bốn Vị và Bảy Vị, bốc sanh ra những ^{nhóm} 'do Cái Trí sanh ra' nhóm Bảy Vị, Mười hai Vị và Hai mươi một Vị v.v... Tất cả nhóm này còn chia ra những nhóm phụ Bảy Vị, Chín Vị và Mười Vị và cứ vậy mãi, cho tới chừng nào trí chìm trong con số vô cùng của bình

(1) Thứ Nhất là đường đứng ngay hay là số 1.

(2) Cái trứng (l'oeuf) là mặt tròn (le cercle).

(3) Arûpa và Rûpa là cõi vô sắc tướng và cõi sắc tướng.

đội và của các Người Trời (Etres célestes), mỗi Người Trời đều có trách nhiệm rõ rệt trong sự cai trị của Càn Khôn hữu hình, trong sự sinh tồn của nó.

(a) Cái nghĩa lý huyền môn của câu thứ nhất là : các Đấng được gọi là Lipikas, Annalistes của sách Nhân quả làm một bức tường khó qua được giữa Chơn nhưn với Phàm nhưn, nó là Noumène (ý niệm) và là Nguyên lý chánh của ý niệm : đó là cái lý của biểu hiệu. Các vị Lipikas hoạch giới cái võ trụ biểu lộ vật chất trong vòng tròn 'Người chớ bước qua'. Cái võ trụ đó là khách quan biểu tượng của Một chia ra nhiều trên những cõi Hư ảo, của Adi (là thứ nhất) hay là cõi của Eka (Một). Và cái Một đó là cái Tập hợp, là cái Tổng hợp của các Nguyên lý hóa sanh hay là sự Kiến thiết võ trụ hữu hình. Trong Đạo Hébreux huyền môn, danh hiệu của chúng nó vừa là Achath, Phái Nữ vừa là 'Một' và vừa là Achad, vừa là 'Một' (Phái Nam. Những vị Nhất thân giáo đã và đang dùng sự huyền môn thâm sâu của Cabale để áp dụng danh từ Sephiroth Elohim ; do đó, Tinh ba cao cả Duy nhất được biết đến trong lúc biểu lộ, và được gọi là Jéhovah. Nhưng đó là điều hoàn toàn chuyên chế, nghịch hẳn với lý trí, với sự hợp pháp : bởi vì danh từ Elohim là một danh từ số nhiều, giống với danh từ số nhiều Chùm mà người ta thường lầm lộn với Elohim. Câu của Sepher Yetzirah (cũng gặp nơi khác) 'Achath - Ruach - Elohim - Chùm - dù sao cũng chỉ rằng : Elohim là bán nam bán nữ (với phần nữ nhiều hơn phần nam) như người ta đã nói : 'Một trong Bà'. Bà đây là Tinh thần của Elohim của sự Sống. Cũng như người ta đã nói : Achad (hay Echath) là phái nữ và Achad (hay Echad) là phái nam. Cả hai được gọi là Một. Lại nữa, bên siêu hình học huyền môn - thật ra - cái hai cái 'Duy nhất', Một cái Duy nhất trên cõi đến không

được ; ấy là Cõi Tuyệt đối, và vô cùng, trên đó, người ta không thể suy cứu. Còn cái Duy nhất kia thì ở cõi bốc sanh (des émanations). Cái cõi thứ nhất không thể bốc sanh được : bởi vì nó vĩnh cửu tuyệt đối và bất biến. Nhưng cõi thứ nhì là phản ảnh của cõi thứ nhất (bởi vì chính Đức Thượng Đế hay Ishvara, trong võ trụ hư ảo) có thể làm như vậy được. Ngài bốc sanh chính mình Ngài (cũng như Tam thế Sephirota cao) bốc sanh Bảy Sephiroths thấp - Bảy Tia sáng hay Bảy Vị Dhyân Chôhans ; nói cách khác, đồng nhất chất (Homogène) trở thành chất dị biệt (Hétérogène) chất Protyle thành các Yếu tố (Eléments). Nhưng những Yếu tố này, nếu chúng nó không trở về trong trạng thái nguyên thủy của chúng nó thì không bao giờ đi ra ngoài Laya hay Điểm zéro 0.

Người ta không thể miêu tả hay hơn cái luận cứ siêu hình này bằng những danh từ này của Ông T. Subba Row trong bài diễn thuyết của Ông về Bhagavad Gita như vậy :

'Chất Tiên thiên khí Mulaprakriti là tâm màn (Para-Brahman tác động như Thần lực Duy nhất xuyên qua Đức Thượng Đế (hay là Ishvara) Parabrahman --- là Tinh ba Duy nhất ; từ trung tâm duy nhất này bốc sanh một trung tâm nghị lực mà tôi (Bà Blavatsky) tạm gọi là Le Logos (là Đức Thượng Đế). Bên Thiên chúa giáo người ta gọi Ngài là Đức Chúa Trời (Verbe), và chính 'Christos' thiêng liêng ở trong Lòng Cha Ngài một cách trường cửu. Người Phật giáo gọi Ngài là Avalokiteshvara (Đại Thế chí Bồ tát) ... Trong hầu hết mỗi giáo lý, người ta đã biểu minh sự hiện diện của một Nghị lực và Thiêng liêng vĩnh cửu, vô sanh, tồn tại ở trong lòng Đức Thượng Đế Parabrahman, trong thời kỳ ngơi nghỉ (Pralaya) và nó trở nên một trung tâm của một Nghị lực ý thức trong lúc võ trụ hoạt động.'

Bởi vì, theo lời của diễn giả nói lúc khởi đầu rằng : Parabrahman không phải cái này, không phải cái kia. Ngài cũng không phải là Tâm thức nữa, bởi vì Ngài không có dính líu gì với vật chất và với bất cứ cái gì đã có điều kiện này nó (conditionné). Ngài cũng không phải là Chơn nhưn, là Không-Chơn-nhưn (le non-Êo) và cũng không phải là Atma; mà thật ra Ngài là nguồn cội của mọi biểu lộ và của mọi cách sanh tồn.

Nhưn đó mà trong biểu hiệu, các vị Lipikas chia bầu thế giới (hay cõi) của Tinh thần thuần túy với của Vật chất. Những người đi lên và những người đi xuống là những Chơn thân đi đầu thai và những người hoài vọng được tinh lọc ; họ là người 'đi lên' : họ chưa đạt được mục đích, nên chưa bước qua được 'vòng tròn' (le cercle) 'Đừng bước qua'. Họ chỉ bước qua đặng là khi đến Ngài : 'Con hãy ở với Chúng Ta' (Sois avec Nous). Ngày ấy, con người sẽ cởi bỏ sự trở ngại của vô minh và biết rõ rệt sự không chia của Chơn nhưn trong Phạm nhưn -(xem như là sự lầm lạc trong chính nó)- của Đấng Tạo Hóa (Anima-Supra-Mundi). Người ấy chìm trong cái Tinh ba Duy nhất (l'Essence -une) để trở thành chẳng những Một với chúngta -(những sự sống vũ trụ biểu lộ vốn là một Sự sống Duy nhất)- mà chính sự Sống này.

Nơi đây, người ta lại còn thấy một lần nữa - trên điểm Thiên văn - cái Vòng tròn 'Người chớ qua' do các Đấng Lipikas vẽ xung quanh hình Tam giác, hình cái duy nhất thứ nhất (Premier-Un) hình lập thể, hình cái thứ Nhị (du second Un) và hình cái tinh-hình năm góc (le Pentacle) để hoạch giới cho các hình ấy. Cái vòng tròn 'người chớ qua' đó chứa đựng những ấn tượng 3,1415 hay là những số đã có trong toán học để chỉ tổ cái giá trị của π (Pi) ; những hình kỹ hà học nơi đây được thay thế bằng những số. Theo giáo lý triết

học thường thì cái vòng tròn ở ngoài khu vực của cái gì mà người ta gọi theo Thiên văn là những 'tinh vân' (les nébuleuses)

Nhà Lý học đi đến điểm Laya hay là điểm zéro của cõi trần là cõi y đang ăn ở . . . nhà vật lý học và nhà thiên văn đếm cho tới nhiều tỷ dặm xa hơn các tinh vân rồi cũng ngừng liền tại đó. Nhà huyền môn - (được điểm đạo có phần nữa) - tự biểu dương cái điểm Laya đó ở tại cõi - (nếu không phải tại cõi trần) - thì tuy nhiên cũng dễ hiểu cho trí khôn con người. Nhưng kẻ nào đã được điểm đạo đầy đủ thì biết rằng : 'cái vòng tròn người không qua đặng' không phải là nơi đo lường được, mà nó ở trong Vĩnh cửu vô cùng. Trong cái 'Vô cùng' của nhà được điểm đạo, không có bề cao, bề dài, bề dày : tất cả đều không đo lường được một cách xuyên thâm đi từ cõi trần xuống đến cõi siêu-siêu trần. Trong khi dùng danh từ 'xuống' người ta hiểu sự thâm sâu chánh đại - không có chỗ nào và khắp cùng - (le nulle part et partout) chỗ không phải bề sâu của đồ vật hồng trần.

Nếu người ta tìm kiếm một cách nghiêm chỉnh trong những ngụ ngôn công khai và trong những nhân loại học còn thơ của các tôn giáo dân chúng, thì người ta có thể gặp trong đó nhiều dấu vết của giáo lý biểu minh trong vòng tròn 'người chớ đi quá' do các Đức Lipikas gìn giữ. Người ta cũng gặp nó trong những giáo lý của phái Phệ Đà (secte Vedântine Visishthadvaita) là phái Nhân loại hóa lớn nhất của Ấn Độ. Bởi vì chúng ta đọc trong đó như vậy : sau khi đã được giải thoát rồi (Moksha) - là có được trạng thái thoải mái tự giải rồi, (khỏi bị dây oan nghiệt rồi) (délivrance de Bandha) hay đã cởi dây cương tỏa - thì linh hồn tự giải thoát kia có thể hưởng được hạnh phúc trong một nơi, gọi là

Paramapada. Nơi đó không phải là Hồng trần, mà nó có chất Suddasattva, tinh ba làm thành bản thể của Ishvara (là Le Logos). Nơi đây, những vị Chơn nhưn đã được giải thoát rồi thì không còn qui phục dưới mạng lưới của vật chất và của Nhơn quả (Karma). Nhưng nếu các vị này chọn cõi trần để là việc phải cho thế gian, thì có thể đầu thai lại. (1) Con đường dẫn đến Paramapada hay những cõi Tinh thần gọi là Devayâna. Khi một người nào đã đạt được Trạng thái Giải thoát rồi và đã từ bỏ cõi trần và đã hiến xác cho Brahmarandra ở đỉnh đầu xuyên qua đường Sushumna (là đường gân nơi trái tim với đường Brahmarandra). Kế đó, sự Sống Tuyệt đối Jiva bay thoát ra xuyên qua Brahmarandra rồi đi vào cõi Mặt Nhật Sûryamandala theo những tia sáng mặt trời. Rồi sự Sống Tuyệt đối đó mới đi vào Paramapada do một đóm đen của mặt trời. Sự sống Jiva đó đi theo bước đi của nó nhờ sự Minh triết tuyệt đối, do Đạo pháp Yoga đem đến. (2) Thế thì Chơn ngã Jiva tiếp tục con đường của nó đến Paramapada nhờ những Athivahikas. Các vị Athivahikas là những vị khuôn vác trong lúc đi dưới danh hiệu là Archi - Ahas - Aditya - Prajapati v.v... Những vị Archi v.v... (là những đấng nói đây) là những linh hồn trong sạch ...

Không có linh hồn nào trừ phi các vị Lipikas - (là những vị Archivistes) có thể bước qua giới tuyến của chiếc vòng này và không có ai bước qua nó cho tới ngày nghỉ ngơi

(1) Luân hồi tự ý là Nirmânakâya.

(2) So sánh những giáo lý bí truyền với giáo lý ngộ chủ nghĩa mà người ta thấy trong quyển Pistis-Sophie (là sự Hiểu biết Minh triết). Trong đó người ta nói Sophia (là Acha-môth) bị chìm trong lúc loạn (là vật chất) trong lúc nó đi đến Ánh sáng Tuyệt đối, và đến Chơn nhưn giải thoát nó và giúp nó tìm con đường cho nó.

Pralaya sắp tới : bởi vì nó là ranh giới chỉ cái hữu hạn
-(dẫu nó xem dường vô biên đối với con mắt con người)-
với cái vô hạn thật sự. Những linh hồn mà người ta nói :
'Đi lên và đi xuống' đều là những quân chúng của những vị
^{ta} mà gọi một cách dễ dàng (người Trời). Họ thật ra là cái gì
khác hơn. Họ là những sinh linh của các cõi cao trong Đại
Đoàn Chưởng giáo hết sức cao thượng mà chúng ta xem như các
vị Thiên thần và xem như Trời. Chúng ta hãy suy nghĩ một
lúc, rằng chúng ta là những kẻ hữu hoại, chúng ta phải tỏ
ra như thế đó trước con kiến đang lý luận trên cái thang
khả năng đặc biệt của nó. Con kiến, như chúng ta đã biết,
chắc chắn thấy bàn tay trả thù của Trời Phàm ngã xuyên qua
đứa trẻ lơ lửng trong một lúc, có thể tiêu diệt nhà của nó
là ổ kiến, hậu quả của một công trình trong nhiều tuần
(tuần đây có thể gọi là năm, trong niên biểu của loài côn
trùng). Con kiến cảm thấy khổ nạn trong cảnh đó. Nó cũng
có thể, như con người, cho cái hoạn nạn không đúng chỗ.
Đây là một sự kết hợp lý lẽ của Trời và của tội lỗi ; hay
cũng có lẽ điều đó là hậu quả của tội lỗi do các người Cha
Mẹ đầu tiên của nó gây ra. Ai có thể xác nhận nó hay bác
bỏ nó ? Trong trọn cả thái dương hệ, sự bác bỏ nhận nhận
có những con người có lý tính, khôn ngoan hơn chúng ta là
một sự tự-thị của thời đại ta. Tất cả cái gì khoa học có
quyền chấp nhận là : không có những Đấng khôn ngoan vô
hình linh hoạt trong cùng điều kiện với chúng ta. Khoa học
không thể tuyệt đối chối bỏ rằng : không thể có nhiều thế
giới khác trong càn khôn. Nó cũng không thể chối bỏ một
sự thông đồng hạn chế có thể có được giữa các thế giới này
với thế giới của chúng ta. Nhà triết học nổi tiếng nhất ở
Âu Châu là Ông Emmanuel Kant xác nhận với chúng ta rằng
sự thông đồng này không phải là không chắc. Ông nói :

'Tôi thú thật là tôi sẵn sàng xác nhận sự hiện diện của các vị vô hình trong thế giới và để linh hồn của chính tôi vào hạng với các Vị này. Một ngày kia, tôi không biết bao giờ và ở đâu, người ta sẽ trưng bằng có rằng linh hồn con người - dẫu ở cõi trần này - vẫn mãi liên lạc với tất cả tạo vật vô hình của cõi tinh thần. Cõi vô hình này tác động chúng nó và chúng nó tiếp nhận những cảm giác.' (1) Người ta dạy rằng : chúng ta : tại cõi cao nhất của những bầu thế giới này có bảy hạng Linh hồn thuần túy thiêng liêng. Sáu thế giới thấp để cho các cấp bậc, những cấp bậc thỉnh thoảng được người đời thấy và nghe nói đến. Họ thông đồng tiếp xúc với các con cái của họ trên trái đất. Mỗi người trên trái đất này đều liên lạc chặt chẽ với họ : bởi vì mỗi nguyên lý trong con người có nguồn gốc trực tiếp với bản năng với một trong những cấp bậc vĩ đại. Và tùy bản năng của mỗi cấp bậc, các Ngài phân phát những yếu tố vô hình trong người chúng ta. Khoa vật lý học được tự do nghiên cứu các máy móc sinh lý của các tinh linh và rắng sức một cách vô bổ để giải quyết sự cảm giác trí tuệ và tinh thần đang hoạt động trong các cơ quan xác thịt.

Tất cả cái gì có thể hoàn tất về phía đó thì đã làm xong và khoa học không đi xa hơn được. Nó đi đến còn đường cụt, đến tấm vách tường, trên đó nó tưởng tượng viết lên những sự phát minh vĩ đại về sinh lý và về tâm linh, còn những sự phát minh về sinh lý và về tâm linh đó (chúng ta sẽ thấy về sau) không hơn những tấm lưới nhện đang dệt bằng sự tưởng tượng và hư ảo của khoa học. Những cái cấu tạo của hình thể xác thân của chúng ta là những cái duy nhất đặt dưới

(1) Traume eines Geistersehers, do Ông C. C. Massey nói lên trong lời tựa của Ông về quyển Spiritismes của tác giả de von Hartmann.

sự phân tích và tìm tòi của khoa sinh lý : sáu nguyên lý cao trong chúng nó luôn luôn vượt khỏi bàn tay điều dắc bởi một 'Linh hồn', Linh hồn này không biết và cố ý bác bỏ khoa huyền môn. Tất cả cái gì mà sự tìm tòi về sinh lý tân tiến đã làm và có thể làm - (do bản năng vạn vật thuộc những bài toán tâm linh) - đã chứng minh rằng : mọi tư tưởng, mọi cảm xúc và cảm động đều đem theo một sự hòa điệu đặc biệt của những phân tử của vài thứ dây thần kinh. Những nhà khoa học thuộc loại Büchner, Vogt và những kẻ khác, kết luận rằng : tư tưởng là những vận hành của phân tử, kết luận đó bắt buộc phải quên trọn vẹn cái tâm thức chủ quan của chúng ta.

(b) Ngày vĩ đại 'Người hãy đến với chúng ta' là một câu mà giá trị đặt trên sự trực dịch (traduction littérale). Ý nghĩa của nó không phải để mà tiết lộ cho công chúng : vì công chúng không biết được những luận cứ bí ẩn của Huyền môn hoặc hơn nữa, họ không biết được sự minh triết của Huyền học nghĩa là của Phật giáo (Boudhisme có một 'd'). Đó là câu đặc biệt của Phật giáo ; nó mập mờ cho người ngoại đạo cũng như câu của nhà Ai cập, gọi Ngày ấy là Ngày 'Người hãy đến với chúng ta'. Danh từ ^{ngày} giống với danh từ trước đây, theo nghĩa đó, chữ 'đến' cũng có thể thay vào chữ 'ở lại' hay 'ở lại với chúng ta' : bởi vì nó liên hệ đến một thời gian nghỉ rộng rãi gọi là Paranirvana. Ngày 'Hãy đến với chúng ta' (Viens à nous)... là ngày mà Osiris nói với Soleil (Mặt Trời) rằng : 'Hãy đến đây'. Tôi ^{ngồi} thấy Osiris gặp Soleil tại Amenti.⁽¹⁾ (Amenti là nơi trú ngụ của mấy người chết, liên quan đến Kam-loka). Danh từ Solei đây có nghĩa là Thượng Đế (hay là Christos, Horus), cũng như cái Tinh ba trung tâm tổng hợp, và cũng như cái Tinh ba tán-mạn (diffusé) tung rải

(1) Xin xem 'Livres des Morts' tác giả Paul Pierret, Chương VII, trang 61.

những sinh linh tủa hào quang khác nhau bằng thể chất chỗ chẳng phải bằng tinh ba. Như lời của nhà diễn giả về Bhagavad Gita nói : 'Chớ cho rằng chỉ có Đức Thượng Đế (Le Logos) là một Trung tâm Nghị lực duy nhất do Para-brahman biểu lộ. Có nhiều Trung tâm biểu lộ khác, và số của chúng nó gần như vô biên, trong lòng Parabrahman. Vì lẽ đó mà người ta nói rằng : 'Ngày của Người đến với chúng ta' và 'Ngày của Người ở với chúng ta'. Cũng như hình vuông là biểu tượng của Bốn Nghị lực hay của những Mãnh lực Thiêng liêng - là Tetraktys ; thì cũng y như vậy, cái Vòng tròn (le Cercle) chỉ rằng nơi cái ranh giới bên trong của 'Vô biên'. Không một người nào, một vị Thiên thần nào, không một Vị Huyền Thiên Thượng Đế nào có thể bước qua, dù cho bước qua bằng tinh thân cũng vậy. Những Linh hồn của những kẻ 'lên và xuống' - (trong thời gian tiến hóa có chu kỳ) - chỉ bước qua 'cái thế giới bao vây bằng lửa' lúc họ đi gần trước của Paranirvâna. Nếu họ đến đó được, thì họ ngồi nghỉ trong lòng Parabrahman hay là của 'Sự tối tăm vô tri'. Sự Tối tăm vô tri này sẽ trở thành Ánh sáng - đối với họ - trọn cả thời gian Mahâpralaya (là Đêm tối Vĩ đại) nghĩa là trong 311.040.000.000.000 năm (hay 311.040 tỷ năm) thâm nhập trong Brahman. Cái ngày 'ở với chúng ta' là sự nghỉ ngơi đó hay là Paranirvâm. Nó liên quan với Ngày Phán xét Cuối cùng bên Thiên chúa giáo, Ngày mà người Thiên chúa giáo đã vật-chất-hóa một cách vụng về.

Theo sự giải nghĩa cho công chúng về những nghi lễ Ai Cập, thì linh hồn của mọi người chết - từ vị Đại Tư giáo ở cổ Ia Mã (Hiérophante) cho tới còn Đò rừng Linh thánh Apis - đều trở thành một vị Osiris được hóa thành xương.

Trong Giáo lý Bí truyền dạy rằng : sự hóa thành xương thực sự chỉ đến cho mỗi Chơn Thân (Monade) chỉ sau 300 chu kỳ tồn tại. Cũng giống như trường hợp hiện nay. Chơn Thân do thiên nhiên và tinh ba của Bảy Nguyên lý sinh ra - (cái Nguyên lý cao gói kín liền đó trong Yếu tố thứ bảy của Càn khôn)- phải đi bảy lần cách mạng xuyên qua chu kỳ của Bản thể (des Etres) và Hình thể (des Formes) từ cao chí thấp, rồi từ người đến Trời. Trên ngưỡng cửa Paranirvâna, Chơn Thân lấy lại cái Tinh ba của thuở đầu và trở thành một lần nữa Tuyệt đối.

o

o o

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH VI, 1-2

1 - Do quyền năng của Đức Mẹ Nhon Tử và Minh Triết 'Quan Âm'^(a) là 'Tam Thanh' 'Quan-Thế-Âm' ngụ lại 'Kwan-Yin-Tien - (b) - mà Fohat là hơi thở của các con cái các Ngài, là con của các người con, đã gọi từ Hó thăm ở cõi dưới, những Hình-thức ảo ảnh của võ trụ và những Thất Hành.

Đoạn Thánh kinh này dịch theo bản Trung Hoa và những danh từ đồng nghĩa với những danh từ căn bản đều được giữ gìn nơi đây. Không thể cho chúng nó danh từ huyền môn : thật sự, vì lẽ điều này làm rối trí độc giả. Tín điều Bà-la-môn-giáo không có danh từ đồng nghĩa với những danh từ này. Hình như 'Vách' -(theo nhiều hình thái)- gần nghĩa với 'Quan Âm' Trung Hoa ; nhưng không có lẽ báỉ kỳ hạn của Đức Vách ở Ấn Độ như của Đức Quan Âm ở Trung Hoa. Không có một hệ thống tôn giáo cho công chúng nào được đặt ra cho một Nữ Thân ; như đó mà từ khi có những tôn giáo cho công chúng, người phụ-nhơn được xem coi như là kẻ thấp hơn là kẻ nam-nhơn. Không phải ở Trung Hoa, ở Ai Cập, mà Đức Quan Âm và Nữ Thân Isis được đề ngang hàng với các Nam Thân. Huyền môn không cần biết đến nam

nữ. Thần thánh Huyền môn cao nhất không có nam nữ và hình thể. Ngài không có Cha, có Mẹ. Những sinh linh đầu tiên của Huyền môn được biểu lộ làm Người Trời và người thế gian, đều từ từ trở thành bán nam, bán nữ, để về sau rớt cuộc chia làm nam, làm nữ rõ rệt.

(a) Đức Mẹ 'Nhân từ và Minh triết' được gọi là Tam Thanh (Le Triple) của Đức Quan Thế Âm (Kwan-Shai-Yin) bởi vì trong sự giao hỗ tương quan giữa siêu hình và vũ trụ, Bà là 'Mẹ, là Vợ, là Con gái' của Đức Thượng Đế ; cũng như trong Thích Nghi về Trời, Bà trở thành 'Cha, Con trai, và Thiên thân' (Le Saint-Esprit) (Femelle) - là Shakti hay Nghị lực - Tinh Ba của Số Ba. Thế nên, trong Huyền môn của Phật Đà Triết học Daiviprakritii (là ánh sáng biểu lộ xuyên qua Ishvara), Đức Thượng Đế vừa là Mẹ, vừa là Con gái của Ngài, hay là Đức Thượng Đế Embrahman; còn trong Giáo lý vượt qua bên kia núi Hy Mã Lạp Sơn, chính - trong Đẳng cấp của Thần Phổ (Théogonie) có ngụ ý và siêu hình - Đức 'Mẹ' hay là chất khí trừu tượng lý tưởng là Mulaprakriti, là Nguồn gốc của Thiên Nhiên, về điểm siêu hình đó chính là sự giao hỗ quân hệ của A Di Đà Phật (Adi Bouddha) biểu lộ trong Thượng Đế Avalokiteshvara. Về điểm thuần túy huyền môn và vũ trụ, chính là Fohat, là 'Đứa Con của các Con' là ánh sáng bán nam, bán nữ, hậu quả của 'Ánh sáng của Thượng Đế', và tự biểu lộ trên cõi của Vũ trụ một cách khách quan cũng như điển khí (ẩn, lộ) ; nó chính là Sự Sống.

Ông T. Subba Row nói :

'Sự tiến hóa là do nghị lực trí huệ của Thượng Đế khởi hành, chớ nó chẳng phải do tiềm lực của Mulaprakriti. Cái ánh

sáng đó của Đức Thượng Đế là sợi dây liên lạc ... giữa vật chất khách quan với tư tưởng chủ quan của Ishvara (hay là Đức Thượng Đế). Trong nhiều cuốn kinh của Phật giáo, người ta gọi nó là Fohat. Chính nó là cái khí cụ duy nhất để cho Đức Thượng Đế hoạt động.'

(b) 'Kwan-Yin-Tien' có nghĩa là 'Trời dịu dàng của âm thanh' là Nhà của Quan Âm, hay là 'Tiếng Nói thiên liêng'. Tiếng Nói này đồng nghĩa với 'Tác động' (Le Verbe) hay 'Lời Nói' (La Parole). Nơi đây, người ta tìm được nơi và chỉ căn nguyên của chữ Hébreu là Bath-Kol có nghĩa là 'Đứa Con gái của Tiếng Nói thiên liêng' (La Fille de la Voix Divine), hay là Tác Động (Le Verbe), hay là Đức Thượng Đế Nam và Nữ, là Người Trời, là Adam Kadmon cũng được gọi là Sefhira. Vị sau này chắc chắc là trước Vị Vách của người Ấn Độ, là Thân Lời Nói và Thân Danh Từ. Bởi vì Vách là Con, là phân tử Nữ - như người ta nói - của Brahmâ 'do các Thiên thần tạo ra' vốn là Quan Âm, với Isis (Isis là Con gái, là Vợ và em gái của Thân Osiris và các vị Nữ thân khác), Đức Thượng Đế phân Nữ (có thể nói như vậy là Thân Nữ của các Nghị lực linh động trong Thiên nhiên, trong Danh từ, trong Tiếng Nói, trong Âm thanh và trong Lời Nói. Nếu Quan Âm là 'Tiếng Nói thanh diệu', còn Vách cũng là 'Con Bò cái dịu dàng' nó cho món ăn và vật uống dưới hình thức 'sữa' (là Nguyên lý Nữ) ; Con Bò cái như người Mẹ thiên nhiên của chúng ta, nó cho ta vật ăn và nâng đỡ chúng ta. Nó hiệp với Prajâpati trong công cuộc sáng tạo. Nó vừa nam vừa nữ, ad libitum, cũng như Bà Eva vừa nam vừa nữ đối với A-dông (Adam). Rốt lại, nó là một hình thức của Aditi - (là Nguyên lý cao hơn Ether) (đĩ thái) trong Akasha, là tổng hợp tất cả mãnh lực của Thiên Nhiên. Vậy Vách và Quan Âm (Kwan-Yin) cả hai là Quyền năng phi thường của Âm thanh Huyền môn trong Tạo Hóa và trong Dĩ thái- và chính cái

'Tiếng Nói' này làm nẩy tung từ cõi hỗn loạn và từ Thất Hành của Sien-Than - cái hình thể ảo ảnh của Võ trụ.

Vậy, trong Manu (là Bàn Cổ) Đức Thượng Đế (Le Logos) được tượng trưng như là chia làm hai : phần nam và phần nữ, và Ngài như là Đấng Tạo ra trong phần nữ (comme créant dans la dernière). Phần nữ ấy là Vách. Virâj cũng không ngoài ra Brahmâ. Một nhà bác học Huyền môn Phệ Đà nói về vị 'Nữ Thân' này bằng những danh từ sau đây, những danh từ giải nghĩa tại sao Ishvara (hay Brahmâ) được gọi là 'Động tác' (Le Verbe) hay Đức Thượng Đế, và tại sao người ta gọi Ngài là Sabda Brahman :

'Lời giải nghĩa mà tôi sẽ nói đây xem dường hết sức bí ẩn vì nó có một ý nghĩa phi thường, khi người ta hiểu rõ nó. Các nhà văn xưa của ta có nói rằng Vách có tứ diện (xin xem Rig Véda và Upanishads) - Vaikhari Vách là điều chúng ta ưa thích. Mỗi loại Vaikhari Vách có trước nhất trong hình dáng Madhyama, về sau trong hình dáng Para.⁽¹⁾ Cái lý do tại sao Pranava gọi là Vách là vì 4 Nguyên lý của Đại Võ trụ liên quan đến 4 Hình dáng này của Vách. Lại nữa, Thái dương hệ biểu lộ có trong Hình dáng Sûkshma, trong Ánh sáng hay Nghị lực của Đức Thượng Đế - bởi vì Nghị lực của nó bị rút ^{đi} và bị dời qua chất khí của Võ trụ. Trọn cả võ trụ trong hình thái khách quan - là Vaikhari Vách, là Ánh sáng của Đức Thượng Đế trong hình dáng Madhyama. Chính Đức Thượng Đế là Hình dáng Pashyanti và Para Brahman là Hình dáng của Para. Chính trong ánh sáng của sự giải thích này mà chúng ta rần hiểu một vài lý luận của nhiều nhà triết học khác nhau ; họ nói rằng : 'Võ trụ biểu lộ là Đức Thượng Đế biểu lộ, là Verbe biểu lộ như Võ trụ.'

(1) Madhya là việc gì, từ đầu chí cuối không ai biết, và Para có nghĩa là vô cùng. Những danh từ này, tất cả, đều liên hệ đến sự vô cùng và sự chia thời giờ.

2 - Đấng Sinh-Linh nhanh chóng và chói sáng tạo ra bảy trung-tâm-lực Laya⁽¹⁾ (a) mà không ai hơn được cho tới Ngày Vĩ Đại 'Hãy Đến với Chúng Ta' và Ngài để Võ-Trụ trên các Nền Tảng vĩnh cửu đó, Ngài bao quanh Sien-Tchan (là Võ Trụ) với những manh-nha sơ đẳng. (b)

(a) Bảy Trung-tâm-lực Laya là bảy điểm không (zéro) ; người ta giải nghĩa chữ 'zéro' như nhà lý hóa, nghĩa là 'cái điểm' mà chiếc thang vi-phân-tán vừa khởi sự. Ngoài những Trung-tâm-lực đó, Triết lý Huyền môn cho chúng ta nhận thấy cái châu vi siêu hình, mập mờ của 'Bảy Đứa Con' của sự sống và của ánh sáng, là 'Bảy Vị Huyền Thiên Thượng Đế' và các Vị khác nữa. Từ Bảy Trung tâm lực đó khởi sự vi-phân-tán những yếu tố để làm ra Thái dương hệ của chúng ta. Người ta thường hỏi cái ý nghĩa đúng của Fohat là gì ? Quyền năng của nó và nhiệm vụ của Nó thế nào : bởi vì xem dường nó có những đặc tánh của một vị Thượng Đế tư kiến (hay nhân-cách-thân) (le Dieu personnel) giống với Đức Thượng Đế mà các tôn giáo đều thờ phượng.

Người ta vừa mới trả lời câu hỏi đó trong bài bình luận của Đoạn Thánh kinh Dzyan thứ V. Như người ta đã nói rõ trong những bài diễn thuyết về Bhagavad Gita rằng : 'Trọn cả võ-trụ phải có trong Nguồn Thần lực Duy nhất ; nơi đây tỏa ra cái ánh sáng này (Fohat). Dù chúng ta có những nguyên lý của Vũ trụ, - và con người có bảy hay bốn - trong vật-lý-học có bảy thần lực.

(1) Laya : Tiếng Phạn ngữ là cái điểm trong vật chất mà mọi vi-phân-tán đều ngưng.

Cũng cá-nhơn quyền uy ấy nói rằng : 'Prajnâ, là quan năng tri giác hiện diện dưới bảy trạng thái khác nhau, chúng nó quan hệ với bảy điều kiện của vật chất', bởi vì 'cũng giống như một cá nhân có bảy nguyên lý, chất phân-khu của Thái dương hệ có dưới bảy điều kiện khác biệt.'

Cũng y như đối với Fohat - như chúng ta đã thấy - nó có nhiều nghĩa. Người ta gọi Fohat là 'Nhà Kiến thiết của các nhà kiến thiết' - bởi vì thần lực mà Nó nhân-cách-hóa đã tạo ra thất dãy (chaîne septenaire) của chúng ta. Nó là Một và Bảy. Và trên cõi Càn khôn, Fohat đứng sau mọi biểu lộ mà chúng ta gọi là : Ánh sáng, Sức nóng, Âm thanh, Sức kết hợp vân vân và vân vân ... Nó là 'Tinh ba' của điện khí, mà điện khí là sự sống của vũ trụ. Người ta gọi nó - một cái trừu tượng - là sự sống duy nhất - ; chúng ta nói - một cách khách quan thực tế và rõ rệt - về chiếc thang biểu lộ bảy cách - chiếc thang khởi sự ở nấc thứ nhất do cái nguyên nhân duy nhất (causalité-une). Không ai biết được cái nguyên nhân này và nó kết chung như Trí khôn và Sự Sống toàn diện (Omniprésentes) trường tồn trong mỗi nguyên tử của vật chất. Ấy vậy, trong khi khoa học nói về sự tiến hóa xuyên qua vật chất chưa tinh luyện, xuyên qua sức mạnh mù quáng và xuyên qua sự vận hành vô tri, thì nhà huyền môn lại chỉ một định luật khôn ngoan và một sự sống nhạy cảm ; họ còn thêm rằng : Fohat là cái tinh ba điều khiển mọi vật. Tuy nhiên Fohat không phải là Vị Thượng Đế riêng về cá nhân (hay nhân-cách-thân) mà nó là cái phóng xạ của những quyền năng ẩn sau nó, quyền năng mà người Thiên Chúa giáo gọi là 'những kẻ truyền tin' (les messagers) của Chúa họ. (Chúa của họ thật ra là những vị Elohim hay hơn nữa là một trong : bảy vị Sáng tạo gọi là Elohim.)

Chúng ta gọi Vị ấy là Kẻ Truyền tin của các Người Con Trai đầu tiên của sự sống và ánh sáng.

(b) Những 'Manh nha' (Germes) thô sơ - Ngài dùng chúng nó để chứa đựng Sien-Tchan (là vũ trụ) và Tiên-Sin (hay 'cõi trời của trí khôn') hoặc giả cái gì tuyệt đối - đều là những nguyên tử của khoa học và của những Chơn Thân của Leibnitz (et les Monades de Leibnitz).

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH VI, 3

3 - Trong bảy (1), trước nhất, Một biểu lộ, Sáu ẩn ;
Hai biểu lộ, Năm ẩn ; Ba biểu lộ, Bốn ẩn ;
Bốn sản xuất, Ba ẩn ;
Bốn và một tiểu số (2) biểu lộ, Hai rưỡi ẩn ;
Sáu phải biểu lộ, Một bị để một bên ; (a)
Rốt cuộc, bảy bánh xe nhỏ quay : cái này sanh sản cái kia. (b)

(a) - Dù những Đoạn Thánh kinh Stances này nói về tron cả vũ trụ, sau một thời kỳ Đại Nghỉ ngơi (Mahâpralaya) (3). Câu này - như mọi người học giả huyền môn đều thấy - cũng liên quan (vĩ tương tự) đến sự tiến hóa, đến sự tạo lập sau cùng Bảy Hành của thời xưa (dù còn phức tạp) trên Trái Đất chúng ta. Trong mấy hành ấy, bốn Hành bảy giờ đã biểu lộ, còn Hành thứ Năm - là Dĩ thái - chỉ biểu lộ có một phần, bởi vì chúng ta vừa ở vào phần nửa thứ nhì của

(1) là Hành (éléments).

(2) Tsan là tiểu số (fraction).

(3) Là sự tan rã của vũ trụ.

cuộc Tuần hoàn thứ tư, và nhưn đó, Hành thứ Năm chỉ biểu lộ trọn vẹn trong cuộc Tuần hoàn thứ năm. Những thế giới - trong đó có thế giới chúng ta - trước nhất như là những manh nha (germe) tiên hóa của Hành số một, trong giai đoạn thứ nhì (lúc thời kỳ Cha Mẹ chưa phân chia) lúc Linh hồn Vũ trụ phân khu, chẳng phải lúc mà Emerson gọi là 'Over Soul' (1), mà lúc chúng ta gọi, với Tân khoa học, là Bụi Vũ trụ, là Sương mù của Lửa hay với nhà huyền môn là 'Akasha', là 'Jivatma', là Ánh sáng Trung giới thiêng liêng hay là Linh hồn Vũ trụ. Nhưng giai đoạn tiên hóa thứ nhất này - (khi đến thời giờ) - được liên tiếp bằng một giai đoạn khác. Không một thế giới nào, không một thiên thể nào được thành lập trên cõi vật chất trước khi những Hành chưa phân khu đủ từ chất bùn đầu tiên (Ilus primordial) (2) là nơi chúng nó ngồi nghỉ ở Laya. Danh từ sau đây đồng nghĩa với Nirvana. Ấy vậy, chính sự phân ly mọi chất của cõi Niết Bàn và sự trở về của chúng nó, sau một chu kỳ sinh hoạt trong trạng thái tiềm tàng, tạo thành tình trạng thứ nhứt của chúng nó. Chính nó là cái bóng chói sáng, nó vô-thể-chất ; nó là cái xứ tiêu-cực ; nơi đây, trong thời gian ngồi nghỉ, những mãnh lực linh động của vũ trụ đều tiềm tàng.

Nhưng, trong khi nói về Hành, người ta luôn luôn trách người xưa đã phỏng cho rằng 'những Hành đều đơn giản và không thể chia ra được'. Bóng của những tổ tiên tiền sử của chúng ta có thể trả lại lời khen ngợi về cho các nhà tân khoa học của chúng ta ; họ bảo tri rằng : những phát minh mới về hóa học đã đưa Ông M. W. Crookes, F.R.S.

(1) Over Soul là danh từ Anh ngữ có nghĩa là 'Cao hơn Linh hồn'.

(2) Ilus là bùn (la boue) trước tiên của Thân hoại.

đến sự chấp nhận là khoa học còn phải đi cả ngàn dặm nữa mới biết dạng sự cấu tạo của một phân tử (molécule) đơn sơ nhất. Nhà thông thái này nói với chúng ta rằng : Một phân tử thật sự đơn sơ là hoàn-toàn thuần-nhất-chất (homogène) là 'terra incognita' bên hóa học.

Ông nói : 'Ta có thể vẽ đường nơi nào ? Làm sao ra khỏi sự khó khăn này ? Có nên làm ra khó khăn cuộc thi sơ bộ, mà trong đó thí sinh 60 hay 70 có thể đậu, hoặc giả mở toát cửa ra để cho thí sinh nào cũng có thể đậu cả ?'

Rồi ông kể những thí dụ hiển minh. Ông nói : 'Ta phải lấy trường hợp của Yttrium. Sự nặng nguyên tử của nó đã hẳn định. Nó có mọi đặc tính của một chất đơn giản. Xem dường nó là một yếu tố mà thật ra người ta có thể thêm vào, chỗ không rút ra được cái gì. Tuy nhiên, chất Yttrium này, hoàn toàn đều đồng-chất, khi người ta đem nó ra chia từng phân, thì những phân tử tan ra đó không hẳn giống nhau. Điều này chỉ đặc tánh của nó có phân-độ. Bây giờ chúng ta hãy lấy trường hợp của Didymium :

'Đây là một vật-thể có tất cả đặc tánh của một Hành (élément). Người ta chia ly nó-(một cách rất khó khăn)- với những vật thể khác mà nó có nhiều điểm giống. Và trong lúc phân chia đó, nó được kiểm soát thật gắt gao. Nhưng một nhà Hóa học khác xuất hiện ; ông dùng một phương pháp đặc biệt để chia ly một vật thể gọi là đồng-chất ra làm hai chất Praseodymium và Néodymium ; giữa hai vật-thể sau này, người ta thấy vài điều khác biệt. Lại nữa chúng ta chưa chắc rằng : Praseodymium và Néodymium là những vật-thể đơn thuần. Trái lại chúng nó lại có khuynh hướng chia riêng ra. Vậy, sau khi xử lý (traitement) vật-thể ấy người ta cho rằng nó sanh ra những phân-tử dị-biệt, thì chúng ta có quyền hỏi : Người ta có thể nào đi đến kết quả y như vậy, nếu người ta xử lý với những vật thể khác -

(có lẽ xử lý với tất cả vật thể)- và chúng ta có thể hỏi : Nơi nào sự sắp hạng phải ngừng ? Bởi vì cách giả định đó cần phải có sự biến thiên (variation) giữa những phân tử cá nhân của mỗi giống. Và trong sự chia ly liên tục đó, tự nhiên chúng ta gặp những vật thể càng xích lại gần nhau một cách chặt chẽ.'

Chúng ta hãy trở về vấn đề Hành. Một lần nữa, lời trách cứ đối với người xưa không thể tha thứ được. Những người đã thông về triết học, ít ra, không thể chịu đựng được những qui-tội này : bởi vì chính mấy người đó, từ lúc khởi thủy, đã bày đặt những câu ngụ ngôn và những chuyện thần thoại về tôn giáo. Nếu họ đã dốt về tính dị-chất của những Hành, thì họ không nhân-cách-hóa : Lửa, Khí trời, Nước, Đất và Dĩ thái, và các Nam-thân và các Nữ-thân vũ trụ của họ không được ân huệ để có nhiều con trai và nhiều con gái. Những người con này là những Hành riêng của mỗi Hành sanh ra. Sự luyện-kim-thuật và những biểu-tượng huyền-môn sẽ là một ảo ảnh và một cái bẫy -(dù là bằng lý thuyết)- nếu các nhà tiên bói dốt về những tiềm năng, những nhiệm vụ và những đặc tánh tương quan của mọi nguyên tố kết thành : Khí trời, Nước, Đất cho chí Lửa. Lửa là 'Terra incognita' cho đến ngày nay đối với tân khoa học. Tân khoa học phải buộc mình gọi Lửa là 'vận hành' là sự tiên hóa của ánh sáng và hơi nóng, trong trạng thái đang cháy ; tóm lại nó phải buộc mình giải thích như thế đó những trạng thái bên ngoài của Lửa : vì nó không biết được bản tánh của Lửa. Nhưng điều mà tân khoa học xem dường không biết dạng là gì -(dù những nguyên tử hóa học đơn thuần này có sự dị-biệt đi nữa mà triết học cổ thời có gọi là : 'những tinh linh của Cha Mẹ riêng của chúng nó' và những Cha, Anh, Chồng của những Mẹ chúng nó, và những người Mẹ này, những Fứa con gái của những Đứa

con trai Bà như Aditiva Daksha - dù những Hành này có dị biệt lúc khởi thủy' - chúng nó không phải là những vật-thể phức tạp mà khoa học ngày nay được biết dưới cái tên ấy. Không có Nước, Không khí và Đất nào (Đất đây đồng nghĩa với các vật thể cứng) mà hiện tồn dưới hình thể ngày nay. Chúng nó chỉ tượng trưng ba giai đoạn của vật chất mà khoa học đã nhận (representing the only three states of matter recognized by science) : bởi vì những chất đó, cho chí Lửa cũng vậy, chỉ là những sản phẩm đã được kết hợp lại do các lớp không khí bao xung quanh những bầu thế giới đã cấu thành hoàn bị, như đó, trong thời kỳ đầu tiên của sự cấu tạo trái đất, chúng nó chỉ là những vật gì hoàn toàn 'sui generis'. Giờ đây, những điều kiện và luật lệ điều khiển Thái dương hệ chúng ta đã được phát triển đầy đủ và Không khí bao xung quanh trái đất ta cũng như xung quanh bầu thế giới khác, có thể trở thành (nếu nói lên đặng) là một lò cừ đặc biệt nung nấu kim khí vậy. Khoa Huyền môn dạy rằng : xuyên qua không gian có một sự trao đổi liên tục những phân tử (molécules) hay hơn nữa là những nguyên tử giao hỗ tương quan (atomes corrélatifs) chúng nó thay đổi với những hóa-hợp-vật tương-đương của chúng nó trên mỗi hành tinh. Vài nhà khoa học, (trong hàng ngũ có những đại bác sĩ và những hóa học gia), khởi sự nghi ngờ điều trên đây mà những nhà huyền môn đã biết từ mấy đời nay. Máy phân-quang-kế (le spectroscope) chỉ tỏ (về bên ngoài) sự tương tự chắc chắn chất hồng trần với chất tinh thể (sidérale). Rồi nó không đi xa hơn nữa. Nó cũng không chỉ về những nguyên tử châu-tuần cái này đến cái kia, - cùng một cách với nhau, và cùng chung điều kiện như nhau, như đã lắm một cách cụ thể và hóa học trên trái đất của chúng ta. Xích-lệ ôn-độ từ bậc cao nhất đến bậc thấp nhất (mà người ta có thể hiểu được) có thể được nhìn nhận như nhau trong trọn cả vũ trụ. Tuy nhiên, những đặc tính của nó - trừ phi trong sự phân ly và sự tái hợp, chúng

nó dị biệt trên mỗi hành-tinh ; và nhưn đó các nguyên tử mới lấy hình thể khác mà khoa học vật lý không biết và cũng không tưởng tượng được. Như người ta đã nói trong 'Five years of Theosophy' rằng : 'Tinh ba của chất sào chổi (nói thí dụ) không có một đặc tánh hông trần hay hóa học nào mà nhà đại hóa học và bác học đã biết trên trái đất ta' và chính chất ấy, trong lúc nó đi xuyên qua không khí của chúng ta một cách lạ lùng, tự thấy có vài sự thay đổi trong bản tánh nó.

Nhưn đó, những Hành hay nguyên-tố của Hành-tinh chúng ta hay của các Hành-tinh khác trong Thái dương hệ, đều dị biệt cái này với cái kia trong sự kết hợp của chúng nó. Chúng nó còn dị biệt trong sự kết hợp với các nguyên tố vũ trụ ở ngoài giới hạn mặt trời của chúng ta. Điều này được chính nhà thông thái đó tăng cường sức mạnh, trong bài diễn thuyết mà chúng ta đã kể. Ông Clerk Maxwell, khi ông nói, có kể rằng : 'Những nguyên tố (éléments) không phải tuyệt nhiên đều thuần-nhất-chất. Đây là lời Ông viết : 'Khó mà hiểu đặng sự tuyển chọn và sự loại trừ những cái trung gian bất động. Bởi vì những phân-tử bị loại trừ ra đó mới tìm đâu ra chỗ ở, nếu (như chúng ta có lý mà tưởng vậy) khinh khí của những ngôi sao không nháy được cấu tạo bằng những phân tử (molécules) tuyệt nhiên giống với phân tử của chúng ta ? ... Trước nhất, chúng ta có thể nghi ngờ sự giống một cách tuyệt nhiên những nguyên tố này : bởi vì, cho tới nay, chúng ta không có những phương tiện nào khác hơn kính phân-quang-độ để hẩn-định. Lại nữa, người ta cho rằng : muôn có thể so sánh và phân biệt một cách đứng đắn những phân-quang-đô (les spectographes) của hai vật-thể, thì phải quan sát chúng nó trong những trạng thái giống nhau về ôn-hàn và sức ép và trong mọi điều kiện vật chất khác. Chắc chắn rằng : chúng ta đã thấy, trong phân-quang-đô của mặt trời, những tia sáng mà chúng ta không thể nhận ra được.'

Nhơn đó, những nguyên tố của bầu hành tinh chúng ta không được xem là tiêu chuẩn trong sự so sánh giữa chúng nó và những nguyên tố của các bầu thế giới khác. Và lại, mỗi thế giới có Fohat của nó ; Fohat này toàn diện trong chu vi hoạt động của riêng nó. Nhưng có bao nhiêu Fohat thì có bao nhiêu bầu thế giới, và mỗi Fohat thay đổi tài năng và mực độ biểu lộ của nó. Những Fohat cá nhân hiệp lại làm một Fohat vũ trụ và tổng hợp - trạng-thái thực-thể của không-thực-thể một và tuyệt-đối là Thực- / (l'aspect-entité de la non-entité une et absolue, qui est l'Étreté absolue 'Sat'). Đã có viết rằng : đã có hàng triệu và hàng tỷ thế giới đã sanh ra trong lúc Đại Kiếp (Mahavantara). Bởi vậy, phải có nhiều Fohat mà chúng ta xem như là những thần lực ý thức và khôn ngoan. Điều này chắc chắn gây ứng đối trong lòng người khoa học. Tuy nhiên, những nhà huyền môn có lý về điều đó ; họ cho mọi thần lực thiên nhiên là điều có thật, dù chúng nó là siêu tri-giác, và chỉ được những sinh-linh có khả-năng cân kíp mới thấy dạng mà thôi.

Mỗi nguyên tử, -trong thời kỳ đầu tiên và tinh trắng,- ẩn trong Lòng Đức Mẹ Vĩnh cửu. Nguyên tử nào sanh ngoài lòng Đức Mẹ là phải chịu sự phân hóa mãi mãi. 'Đức Mẹ ngủ mà luôn luôn thở' và mỗi hơi thở của Đức Mẹ đều phồng ra trong cõi biểu lộ những chất đản-thạch-tinh. Những chất này nhờ lực sống bốc lên và nhờ Fohat rải rác ra, Fohat đưa nó đến bầu không khí này hay bầu không khí khác hoặc tung ra ngoài. Một khi một nguyên tử bị một bầu không khí này nắm giữ thì nó bị mất đi, sự sạch trong đầu tiên của nó luôn luôn bị biến dạng, trừ phi số mạng không phân tán đưa nó đến 'triều lưu bốc lên' -(câu này là câu huyền-môn có nghĩa là một phương châm hoàn toàn khác biệt với câu của danh từ thường.)- Triều lưu bốc lên này mới đem nó trở lại biên giới,

là nơi trước đây nó đã 'chết'. Bây giờ nó mới bay, chẳng phải bay trong 'không gian' trên cao, mà trong không gian bên trong. Nó bị ở trong tình trạng quân-bình vi-phân (l'équilibre différentiel) và may thay nó bị hút lại. Nếu một nhà huyền-môn về khoa luyện-kim thật giỏi chịu viết : 'Đời sống và những cuộc phiêu lưu của một nguyên tử' thì ông sẽ bị những nhà khoa học tân tiến chê bai dữ dội, và có lẽ về sau ông còn cảm ơn người ấy nữa. Ấy vậy, nếu có một nhà hóa học luyện kim tưởng tượng đó - có trực giác và muốn - trong một lúc thoát khỏi con đường do 'khoa học đúng đắn' ước định, cũng như các nhà hóa học luyện kim của thời xưa, thì sự cả gan của ông có thể thành công. Dù thế nào đi nữa, theo lời bình luận, Hơi thở của Cha Mẹ từ trong ra ngoài thì lạnh và chói sáng. Nó trở nên nóng và bị hư hoại để rồi lạnh lại và tinh lọc trong lòng không gian bên trong.'

Con người hút không khí sạch trong và lạnh lẽo trên chót núi rồi thở nó ra, nó lại nóng, không sạch trong và bị biến đổi. Cũng y như thế, không khí phía trên là miệng của mỗi bầu và không khí phía dưới là những phổi của nó, con người của bầu hành tinh chúng ta chỉ thở 'những vết bản của Đức Mẹ' ; nhưn đó, 'số phận con người phải chết trên đó'.

Kẻ nào biến đổi chất dưỡng-khí nhác-nhớn ra chất xú-dưỡng-khí (ozone) trong giai đoạn linh-động hóa-học của nó bằng cách làm nó ra tinh ba thuần túy (có nhiều phương thế để làm) sẽ tìm gặp một 'thứ thuốc rượu đem sự sống' thay vào và y có thể dùng nó trong nhiều việc thực tế.

(b) Cái phương sách chỉ rõ bằng những danh từ 'các bánh xe nhỏ sanh ra những cái này tới những cái kia' là ở vào cõi thứ sáu ở phía trên đếm xuống và trên cõi thế giới vật chất nhất của mọi vũ trụ biểu lộ (trên cõi hồng trần). Bấy nhiêu xe này là những Dây Hành tinh của chúng ta. Nói về 'Bánh xe' là thường hiểu là : những bầu thế giới và những trung-tâm-điểm của nhiều mãnh lực khác nhau. Nhưng trong trường hợp này, chúng nó liên quan đến Dây Hành tinh của chúng ta.

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH VI, 4

4 - Nó tạo lập chúng nó theo kiểu Bánh Xe (1) xưa nhất, để chúng nó trên những trung tâm bất diệt (a). Làm sao Fohat tạo lập chúng nó được ? Fohat gom những bụi lửa, làm ra những viên lửa, thổi vào xuyên qua và xung quanh chúng nó sự sống. Đoạn nó cho các viên lửa đó vận hành, cái này quay hướng này, cái kia quay hướng kia. Các viên lửa ấy lạnh thì nó hơ ấm. Chúng nó khô thì nó làm cho ướt. Chúng nó chói sáng, thì nó quạt chúng nó và làm cho chúng nó nguội (b). Đó là tác động của Fohat, từ buổi hoàng hôn này đến buổi hoàng hôn kia trong Bảy Vĩnh Cửu (2) (Eternités).

(a) Những bầu thế giới được tạo thành giống với những Bánh Xe xưa nhất. Nghĩa là những Bánh Xe đã có trong Manvantara (Đại Kiếp) trước và đã có trải qua thời kỳ Ngôi nghỉ (Pralaya) ; bởi vì Định luật tác động đến sự sanh, sự nảy nở và sự tử của tất cả cái gì ở trong Càn Khôn, từ Ngôi Mặt trời cho chí con đom đóm bò trong cỏ là Một. Luôn luôn có một công việc hoàn bị cho mọi sự sanh mới, nhưng Chất khí và Sức mạnh đều giống nhau. Những Định luật này tác động trên mỗi Hành tinh bằng những định luật nhỏ hơn khác.

(1) Bầu thế giới (mondes).

(2) Một Đời, theo sự tính toán của Bà la môn thì Đời đó có 311.040.000.000.000 (hay 311.040 tỷ) năm (le Maha-Manvantara) Đại Đại Kiếp.

Những Trung tâm bất tử (là Laya) đều rất quan trọng, nên phải biết ý nghĩa của chúng nó cho rõ rệt, nếu người ta muốn có một sự hiểu biết rõ ràng về sự tạo lập vũ trụ mà lý thuyết hiện giờ đã chuyển sang Huyền môn Thông Thiên Học. Hiện nay, người ta có thể nói một điều : là các bầu thế giới không phải được tạo lập trên cao nữa, hay tại những điểm 'laya', bởi vì điểm 'không' (zéro) là một điều kiện chớ không phải là một điểm thuộc về số học.

(b) Chúng ta hãy nhớ rằng : Fohat, là Sức mạnh kiến thiết của điện khí vũ trụ. Người ta nói nó từ 'óc người Cha và lòng người Mẹ' mà sanh ra cũng như Rudra từ đầu của Brahma mà ra vậy. Rồi Fohat biến thành nam và nữ, nghĩa là nó phân cực ra điện âm và điện dương. Nó có bảy người con trai; những người này là anh em với nó. Fohat bị bắt buộc phải sanh sản nhiều lần, khi hai người trong các người 'Tử-Huỳnh' (Fils-Frère) gần nhau quá, để xấp lại đặng hôn hay để chiến đấu. Để tránh sự xấp lại gần này, Fohat mới nối liền và kết liên chung lại những đứa con có bản tánh trái nghịch với nhau và can ra xa những kẻ có tâm tánh giống nhau. Như vậy mỗi người có thể thấy được, điều này liên quan đến điện sanh bằng sự cọ xát và liên quan đến luật tạo ra sự thu hút của hai vật có phân cực khác nhau và sự xô đẩy của hai vật có phân cực giống nhau. Bảy 'Tử-Huỳnh' tuy nhiên tượng trưng và nhân-cách-hóa bảy hình thể của từ điện vũ trụ. Những hình thể này bên Huyền môn thực tiễn gọi là 'bảy Căn Cơ' (les Sept Radicaux). Sản phẩm của chúng nó, ^{trung} tựu giữa các Mạnh lực khác là : điện khí, từ điện, âm thanh, ánh sáng, sự nóng, sự kết hợp. Khoa Huyền môn giải thích chúng nó như là những kết quả siêu cảm giác, theo trạng thái bí ẩn của chúng nó. Và chúng nó được gọi là những hiện tượng khách quan trong giới giác quan. Giới trước cần những quan năng bất thường để hiểu biết & giới thứ nhì chỉ nhờ những giác quan thường của xác thịt. Cả hai đều là những phóng xạ của các đức tánh còn siêu giác quan hơn nữa ; chúng nó không bị nhân-cách-hóa bằng những nguyên nhân chân thật và ý thức, mà chúng nó thuộc về những nguyên nhân đó. Rán sức miêu tả những 'Vị' ấy sẽ là điều vô bổ hơn. Độc giả phải nhớ rằng : theo

giáo lý của chúng ta, thì thế giới thuộc về hiện tượng được xem như là một Ảo ảnh Vĩ đại. Một vật thể nào càng gần với 'Chất vô-tri' chừng nào thì nó càng gần với sự Thật chừng nấy : bởi vì, như thế, nó đi xa thế giới Ảo mộng (Mâyâ). Nhưn đó, dấu sự thiết lập phân tử của những vật thể (corps) này không thể diễn tả ra trên cõi tâm thức được, thì ít ra, trên phương diện huyền môn của Đức Chơn Sư, chúng nó có một sự cấu tạo nếu không ít vật chất hơn, thì ít ra cũng là khách quan và riêng biệt trong võ trụ tương đối thực thể, đối chiếu với võ trụ hiện tượng. Nhà khoa học có thể gọi chúng nó - nếu họ muốn - là sức mạnh hay là sức mạnh do vật chất sanh ra hoặc 'phương cách của sự vận-hành của vật chất'. Nhà huyền môn thấy trong những kết quả của các Tinh hoa (lân sức mạnh) và trong những nguyên nhân trực tiếp tạo ra chúng nó, - các Vị Hoạt động viên Thiêng liêng và Khôn ngoan. Sự liên quan chặt chẽ giữa các Tinh hoa đó - (do bàn tay hiện năng của các Đấng Cai trị đất dẫu) - và các Hành của chất trong sạch (Elément de la matière ^{pure}) với sự giao-hỗ tương quan - (như người ta có thể nói) - là do những hiện tượng của cõi phàm sanh ra như : ánh sáng, hơi nóng, từ điển vân vân và vân vân ... - Chắc chắn rằng : chúng ta không bao giờ đồng ý với các nhà vật-chất-học Hoa Kỳ (1) khi họ gọi thân lực hay mọi nghị lực (dù là ánh sáng, hơi nóng, điện khí hay sức kết hợp) - là một Sinh-vật. Điều này cũng giống như khi ta nói rằng : tiếng kêu của xe là một Sinh-vật vậy ; như thế ta lầm lẫn và đồng-hóa 'tiếng động' này với 'người lái xe' là kẻ bên ngoài với 'sự khôn ngoan chủ-yếu' là sự bên trong. Nhưng chắc chắn chúng ta gọi bằng danh từ đó 'người lái xe' và 'sự khôn ngoan' dẫu đất đó. Tức là các vị Huyền Thiên Thượng đế là Dhyán Chohan. Các Tinh hoa, các Mạnh lực của võ trụ đều là những nguyên nhân tác động phụ thuộc dù không thấy được hoặc giả không cảm thấy được. Chúng nó là những kết quả của

(1) Xin xem nguyệt san 'Scientific Arena' chuyên về dạy triết lý và đạo lý tại New York (xuất bản 7, 8 và 9 năm 1886).

Nguyên nhân đầu tiên bắt biến ẩn sau tấm màn mỏng của mọi hiện tượng của cõi đời ! Điện khí, ánh sáng, hơi nóng vân vân ... được gọi rất đúng là : 'Ma quái hay bóng quế' (spectres ou ombres de la matière en mouvement) của chất khí đang vận hành', nghĩa là những trạng thái của chất siêu trần (giác quan nhận thức không động) mà chúng ta chỉ biết được kết quả mà thôi. Để nói rộng sự so sánh mà chúng ta vừa mới nói, chúng sẽ cho rằng sự cảm biết ánh sáng cũng như tiếng bánh xe lăn là thuần hiệu tượng ; chúng nó không ở ngoài người quan-sát-viên. Cái nguyên nhân kẻ đó tạo ra sự cảm giác, được so sánh với người lái xe ; người ấy, trong tình trạng siêu-cảm-giác của chất khí đang vận hành ; y là một mãnh lực của Thiên nhiên (une force de la Nature) hay là một Tinh hoa (un Élémental). Nhưng, y như người chủ chiếc xe điều khiển bên trong của tên lái xe, thì sau sức mạnh này có cái Nguyên nhân Cao cả và Thực tại (Noumène) của nó : tức là sự Khôn ngoan. Tinh hoa của sự Khôn ngoan này chói lọi những trạng thái do của 'Bà Mẹ'. Tới phiên 'Bà Mẹ' sanh ra cả nghìn triệu Tinh hoa không đếm được ; các Tinh hoa này tức là những tâm hồn của Vũ trụ (Esprits psychiques de la matière), thì cũng y như vậy, mỗi giọt nước sanh ra vô số trích-trùng (infusaires) vi ti (cực nhỏ). Chính Fohat dắt dẫn sự di chuyển của Nguyên lý từ bầu hành tinh này đến bầu hành tinh khác, từ một ngôi sao này đến một ngôi sao-con (étoile-fille). Khi một ngôi sao chết, thì những nguyên lý linh động trong nó được di chuyển đến một trung tâm laya khác hay là một trung tâm đang ngủ. Trung tâm đang ngủ có bên trong của nó cái tiềm-năng-lực ngậm ngậm ; khi các nguyên lý được di chuyển đến nó, thì nó tỉnh thức trước sự sống và khởi sự nảy nở, rồi trở thành một thiên-thể mới.

Điều rất đáng chú ý là : trong khi các nhà bác học có nhận biết sự dốt nát trọn vẹn của mình về bản tánh thật sự của chất hồng trần - (vì họ xem chất đầu tiên của trái đất như là một ảo mộng chớ chẳng phải là điều thật sự) - họ cũng tự phán đoán về nó và dám nói chất ấy có hay không có khả năng gì trong những kết hợp

khác nhau của nó. Những nhà khoa học biết chút ít về chất đó mà đã độc đoán rồi về nó ! Họ nói : 'Nó chỉ là cách vận hành mà thôi !' Nhưng, cái sức cố hữu của hơi thở của một người còn sống thổi bụi trên mâm để trên bàn, chắc chắn là một cách của sự vận hành. Tuy nhiên, người ta không thể chối bỏ rằng : sức ấy không phải là đức tánh của chất hay của các phân tử, của hạt bụi, và người ta cũng không chối bỏ rằng nó là phóng xạ của một sinh linh sống, biết suy nghĩ và biết thổi hạt bụi. Và người ta cũng không chối bỏ rằng : sức thổi đó ý thức hay vô ý thức. Tóm lại, ban cho vật chất - (điều mà tới nay người ta biết rất ít) - một đức tánh cố-hữu gọi là sức mạnh mà người ta hoàn toàn dốt về nó, là tạo ra một sự khó khăn còn nghiêm trọng nhiều hơn là sự khó khăn ở trong sự chấp nhận sự can thiệp của 'các vị Tinh' linh của chúng ta' trong mỗi biến thiên của vũ trụ.

Các nhà Huyền môn - nếu họ muốn trình bày một cách đúng đắn - sẽ nói rằng : không phải là vật chất mà chỉ là tinh ba của vật chất (nghĩa là chất Mulaprakriti là nguồn gốc của tất cả). Nó không bị tiêu diệt được và trường cửu mà thôi. Họ quả quyết rằng mấy sức mạnh tự nhiên đó như : điện khí, từ điện, ánh sáng, sức nóng vân vân... không phải là những cách vận hành của các phân tử vật chất mà trong tinh ba của chúng nó, chúng nó là những trạng thái sai biệt của sự vận hành vũ trụ này. Các điều trên đây đã có thảo luận và giải nghĩa ở mấy trang đầu của quyển này. Khi người ta nói rằng : Fohat tạo ra 'bảy trung tâm laya' là người ta muốn nói rằng : trong mục đích tạo sanh Đại Định luật - (các nhà Thần Đạo có thể gọi là Trời) - dừng lại hay tốt hơn là cái biến sự vận hành trường cửu của Ngài trên bảy điểm không thấy đứng trong vũ trụ biểu lộ. Hơi thở vĩ đại khoét Pây Lỗ trong laya xuyên qua không gian đứng làm cho chúng nó xoay vòng tròn lúc đại kiếp Manvantara. Đó là lời Giáo lý cương yếu và huyền bí. Chúng ta đã nói rằng : Laya (mà Khoa học gọi là điểm không, tức là 'zéro') là xứ tiêu cực hoàn toàn, hay chỉ là một Sức Mạnh Duy nhất, thật sự, là 'Noumène' (Noumène là ý niệm phản

đối với cụ thể vật chất) của trạng thái thứ bảy mà trong sự dốt nát chúng ta biết và gọi là Mãnh lực hay hơn nữa, nó là 'Noumène' của chất vũ trụ chưa sai biệt. Chính chất này, (để được hiểu dứt khoát) là một vật không thể với tới được và không hiểu tới được. Nó là nguồn cội và căn cứ của tất cả các trạng thái chủ quan và khách quan, của cây trục trung lập, nó chẳng phải là một trong nhiều trạng thái mà là trung tâm của các trạng thái này.

Người ta muốn giải rõ ý nghĩa trên đây bằng cách tưởng tượng một 'trung tâm trung lập' một mộng ước của những kẻ muốn phát giác ra sự vận hành trường cửu. Một 'trung tâm trung lập' trên một phương diện là một điểm giới hạn một nhóm giác quan nào. Tỷ như chúng ta tưởng tượng hai cõi tiếp liền nhau, mỗi cõi tương xứng với một nhóm cơ quan tri giác được. Chúng ta bắt buộc phải công nhận rằng : giữa hai cõi chất khí này, có một cuộc tuần hoàn không dứt. Và nếu chúng ta dò theo những nguyên tử và những phần tử của cõi thấp, thì chúng ta sẽ thấy trong sự biến đổi thăng thiên của chúng nó, chúng nó đến một điểm khiến chúng nó vượt qua khỏi một cách hoàn toàn cái cấp bậc quan năng mà chúng ta dùng ở cõi thấp. Đối với ta, đến điểm đó, chất khí của cõi thấp biến mất khiến cho chúng ta tri giác không được hay hơn nữa là chất khí đó qua cõi cao hơn ; và trạng thái của chất khí tương xứng với một điểm biến thiên nào đó, chắc chắn phải có những đặc tánh riêng biệt và khó mà phát giác ra được. Như lời Ông Milton nói : 'Bảy cái trung tâm độc lập này là do Fohat tạo ra, khi nên tảng đã sẵn sàng, Fohat mới kêu động vật chất linh hoạt và tiến tới.'

Hột nguyên tử đầu tiên không thể gia tăng được dù trong trạng thái khởi thủy hay trong trạng thái sinh sản đầu tiên của nó. ^{cũng vậy} Vậy người ta gọi nó là số tổng kết -

nói một cách bóng dáng - thật vậy, bởi vì 'số tổng kết' là số không giới hạn. Nhưn đó đó là một con số không đối với nhà bác học là nhà chỉ biết có nguyên nhân và kết quả thấy được mà thôi. Còn đối với nhà Huyền môn thì nó là không gian vô tận của cảnh tràn đầy thiêng liêng. Tự trung, nhiều lời chống đối giáo lý của một sự tiến hóa hay của một sự nhập thế vô tận (hay sự thu hút của vũ trụ) - (theo Giáo lý Huyền bí của Thượng Đế) - là Vô thủ Vô chung. Người ta quả quyết rằng: điều này không thể được bởi vì : - theo tất cả nguyên lý của triết học, khoa học tân tiến - chính là một sự cần thiết cho thiêng nhiên phải tự hao mòn. Nếu khuynh hướng củathiên nhiên tự hao mòn thật sự tạo ra một sự chống đối mãnh liệt trước sự bí ẩn của vũ trụ, thì chúng ta sẽ tự hỏi : làm sao những nhà thựcnghiệmchủ nghĩa, những người tư tưởng tự do/giải được cái khối tinh vân này đang bao bọc chung quanh chúng ta ? Chúng nó có cái vĩnh cửu để tự hao mòn. Vậy tại sao vũ trụ lại không trở thành một khối bất động được ? Mặt trăng há lại không phải là một tinh cầu chết sao ? Nó tự hao mòn. Nhưng đó chỉ là một giả thuyết mà thôi. Và lại, khoa thiên văn xem đường không biết gì/^{thâm}ve những tinh cầu chết này. Không có ai đáp lại câu hỏi này ? Nhưng nếu chúng ta để nó lại một bên, thì phải lưu ý rằng : ý niệm hao mòn của số lượng 'nghị lực biến đổi được' trong hệ thống của chúng ta đây, căn cứ thuần túy vào cái ^{khái}niệm sai lầm 'một mặt trời rực đỏ' (trở thành trắng đỏ), một mặt trời luôn luôn phóng ra trong không trung sự nóng của nó mà không được bù trừ. Ấy vậy, chúng ta trả lời rằng : thiên nhiên không tự hao mòn trên cõi khách quan ; và nó chỉ biến mất để trở lại cõi chủ quan sau một thời gian nghỉ ngơi và rồi lại thăng lên nữa. Vũ trụ và thiên nhiên của chúng ta chỉ tự hao mòn là để hiện lên trên cõi hoàn toàn hơn, sau mỗi kỳ Pralaya. 'Vật chất' theo các nhà triết học Phương Đông chẳng phải là 'vật chất' và cũng không phải là 'Bản tánh' của các nhà Huyền học Tây Phương nữa. Vậy 'vật chất' là gì ? và nhất là Triết lý Khoa học của chúng ta là gì ? Nếu không

phải là điều mà Kant đã giải thích một cách đứng đắn và lịch sự là : 'Khoa học có giới hạn của tri thức' chúng ta ? Hỏi ích lợi gì cho bao nhiêu cố gắng của khoa học để được nối liền, kết chặt, và giải thích tất cả biến cố của sự sống hữu cơ xuyên qua những phương tiện thuần vật chất và hóa học ? Thường thường, theo những quan sát suông, thì những thuần lý ảo tưởng liên tục bị hủy diệt, trước khi những người khoa học có thể phát giác được những sự kiện chơn thật. Người ta sẽ tránh điều đó và sự hiểu biết sẽ phát triển mau lẹ rất nhiều, nếu ít nữa, khoa học và triết học tự ngăn mình không chấp nhận những giả thuyết căn cứ vào cái tri thức quá bất toàn của vật chất của họ. Trường hợp Uranus và Neptune là một cái gương tốt để chỉ rằng người ta phải ngừa ngán cáo những tiên nghiệm, dầu chúng nó căn cứ về sự phân-tích toán-số nghiêm nhặt nhất, bởi vì những vệ tinh của Uranus và Neptune là bốn và một đối với nhau ; người ta trước kia tưởng chúng nó xoay trong quỹ đạo của chúng nó từ Đông sang Tây, còn những vệ tinh khác thì quay từ Tây sang Đông. Giả thuyết nổi tiếng về sự thành lập Thái dương hệ của chúng ta với những vòng tinh vân là giả thuyết của hai Ông Kant và Laplace. Nó căn cứ thứ nhứt về sự kiện cho rằng : tất cả tinh cầu quay một chiều. Ông Laplace dựa vào sự kiện này, nó, ở thời kỳ đó, là một điều toán-số đã được chứng minh, và Ông cũng dựa vào 'Cái-nhiên Toán-pháp' (Calcul des Probabilités) ; Ông muốn đánh cuộc ba tỷ lấy một tỷ rằng : cái tinh cầu thứ nhứt mà người ta sẽ phát giác ra sẽ có trong hệ thống của nó, cũng sự vận hành đặc biệt đi đến phía Tây. Những định luật bất di bất dịch của toán-pháp khoa-học là 'lộn vòng' (surent mises à mal) -(theo người ta nói)- do những kinh nghiệm và những quan sát của chúng nó. Cái ý-niệm sai lầm này của Ông Laplace thường được ưu thắng cho đến ngày nay. Nhưng vài nhà thiên-văn, rút cuộc chứng minh (?) rằng : sự sai lầm là do ở sự nhìn nhận Ông Laplace sai lầm, và người ta đang rón rọc cái sửa sự sai quấy trên mà không làm lưu ý quân chúng. Nhiều sự

bất ngờ không vui như vậy đến với các giả thuyết của các nhà thông thái của chúng ta, dù chúng nó chỉ có tánh cách thuần vật-chất mà thôi. Và người ta thất vọng bao nhiêu, khi người ta hỏi những câu thuộc về huyền môn và thiêng liêng ?

Tóm lại, Huyền môn dạy rằng : cái ngờ là : 'sự vận hành thụt lùi' là một sự kiện.

Nếu không có một trí khôn ngoan nào của óc xác thịt có thể đếm được những hạt cát trải vài cây số trên bờ sông, hoặc giả hiểu được bản tánh uyên thâm và tinh ba của sự đóng cục này (sự đóng cục này tự nhiên rờ đạng và thấy được) thì làm sao một người vật chất có thể hạn định được những định luật cai trị sự biến đổi bề thế và sinh hoạt của những hạt nguyên tử trong lúc hỗn loạn đầu tiên ? Hỏi làm sao người ấy có thể biết được một chuyện chắc chắn về trọng lượng và về khả năng của những hạt nguyên tử và những phân tử trước và sau khi chúng đã dùng để tạo ra thế giới. Những phân tử vĩnh cửu và bất di dịch này rất có nhiều trong không gian hơn là những hạt cát ở mé biển. Chúng nó dị biệt trong sự cấu tạo của chúng nó, tùy theo con đường đi trên các cõi sinh hoạt của chúng nó, cũng chất khí của linh hồn dị biệt với xác thân vậy.

Mỗi một hạt nguyên tử có bảy cõi sinh hoạt, người ta nói thế với chúng ta, và mỗi cõi bị cai trị bằng những định luật đặc biệt của sự tiến hóa và sự thu hút. Những nhà thiên văn (1), những nhà địa chất học và những nhà bác học - trong lúc cố gắng quyết định tuổi của tinh cầu chúng ta hay nguồn gốc của Thái dương hệ mà không có thời giờ dù là tiêm tiêm - để quả quyết lúc khởi điểm ; nên họ dang xa thực thể với mỗi giả-thuyết mới của họ - và họ lút mất trong đáy uyên-thâm vô lượng của thuần-lý bản-thể luận (Ontologie spéculative).

(1) Tuy nhiên những nhà Huyền môn có đức tin hoàn toàn về những niên-giám đúng đắn của họ về toán pháp và về thiên văn của họ. Họ toán tuổi của nhơn loại, và quả quyết rằng : con người (với sự phân biệt nam nữ) đã có trong cuộc tuần →

Định luật của sự Tương tự trong Cơ đô kiến thiết của những Hệ thống bên kia mặt trời và những tinh cầu trong vòng mặt trời không cân áp dụng với những điều kiện hữu hạn mà mọi vật khách quan dưới đời đều phải tuân phục. Trong Khoa học Huyền môn, cái định luật của sự Tương-tự này là cái chìa khóa thứ nhất và quan trọng nhất trong vũ trụ vật, nhưng, phải học nó cho kỹ lưỡng từ chi tiết và 'nghiên ngẫm bảy lần' trước khi có khả năng hiểu được nó. Triết học Huyền môn là một Khoa duy nhất có thể dạy về nó mà thôi. Lúc bấy giờ làm sao người ta bác đặng đề nghị của các nhà Huyền môn biết rằng: vũ trụ là vĩnh cửu trong tập-đoàn của nó, vô điều kiện và nó hữu hạn chỉ trong sự biểu lộ của nó có điều kiện. Về vấn đề đó, thì người ta nói rằng : 'thiên nhiên cân phải tự hao mòn.' (Đoạn bình luận của Thánh kinh thứ VI này sẽ nói ở sau.)

(tiếp theo từ cuối trang 265)

hườn hiện thời từ 18.618.727 năm nay, đúng với Giáo lý Brahma-
ques và cũng đúng với vài lịch của Ấn độ.

BÌNH LUẬN ĐOẠN THÁNH KINH VI, 4
(tiếp theo)

Vài sự-khiến và những giải thích

Với câu thứ tư này là hết Đoạn Thánh kinh nói về Võ Trụ, khởi sự sau cuộc Đại Ngồi Nghỉ Chót (le dernier Mahapralaya) hay là Cuộc Tan Rã vũ trụ, nghĩa là Cuộc Tan Rã Tổng quát. Khi xảy đến Cuộc Tan Rã Tổng quát, thì nó xua đuổi trong trí mọi điều sai-biệt từ các vị Thiên Thân cho chí đến những hạt nguyên tử như quét sạch lá khô. Từ câu thứ tư này, thường thường những Đoạn Thánh kinh chỉ lo đến Thái Dương Hệ chúng ta và những dãy hành tinh của Thái Dương Hệ đó, nhất là lịch sử của bầu thế giới của chúng ta (là bầu thứ tư) và dãy của nó.

Vậy tất cả câu kinh ở sau, trong quyển sách này, liên quan đến sự tiến hóa đang diễn trên Trái Đất chúng ta. Có một luận cứ kỳ quặc thuộc về Trái Đất này ; nó chẳng phải kỳ quặc về ý khoa học của nó ; mà chúng ta phải nên phổ truyền.

Tuy nhiên, trước khi trình cho độc giả những lý thuyết mới và hơi lạ, thì nên giải thích vài lời. Điều này tuyệt nhiên cần thiết, bởi vì những lý thuyết này chẳng những chống lại khoa học tân tiến, mà bởi vì chúng nó nói nghịch vài điểm do các vị Thông Thiên Học giả khác đã viết. Các vị này hy vọng căn cứ lập luận của họ và những giải thích đặt trên cùng một uy quyền của chúng ta.

Điều này có thể xui cho người ta có ý nghĩ rằng : có mâu thuẫn ngay giữa những người cùng dạy một giáo lý. Lại nữa,

thật ra, sự khác biệt đó là do : sự báo cáo cho các tác giả đầu tiên không toàn vẹn ; nhưn đó, họ kết luận sai, và truy-cứu quá sớm, trong khi họ muốn đưa cho công chúng một hệ thống toàn hảo. Nhưn đó, độc giả nào đã là nhà học giả Thông Thiên Học đưng ngạc nhiên thấy trong những trang này sự sửa chữa vài luận cứ đã dạy trong nhiều sách Thông Thiên Học ; và họ cũng đưng ngạc nhiên khi thấy sự giải nghĩa vài điểm tối tăm vì bởi, bất đắc dĩ, chúng nó bất toàn. Có nhiều vấn đề mà tác giả quyển 'Le Bouddhisme ésotérique' (là quyển hay nhất và ít trật nhất trong các quyển đã đề cập đến) - không giải thích. Lại nữa, chính tác giả đã thêm vào nhiều ý niệm sai lầm mà hiện nay phải trình bày nó dưới ánh sáng bí ẩn thực sự mà tác giả này có tài làm đặng. Vậy chúng ta hãy ngưng một lát giữa các câu Slokas mà chúng ta vừa giải nghĩa với những câu kế tiếp : bởi vì những thời gian võ trụ phân chia chúng nó thật là thăm thẳm ! Điều này cho chúng ta thời giờ để nhìn theo cánh chim bay- vài điểm thuộc về Giáo lý Bí truyền và chúng nó đã được trình bày cho công chúng trong ánh sáng hơi lu mờ và đôi khi sai quấy.

Vài ý niệm sai lầm được ấn ghi mới đây về các hành tinh, các cuộc tuần hườn và về con người.

Trong 11 câu kinh Stances bỏ quên, có một câu giải nghĩa rõ ràng về sự miêu tả của sự tạo lập liên tục nhẽ dãy hành tinh, sau lúc phân chia lần thứ nhứt về võ trụ và về nguyên tử, khi võ trụ đầu tiên chưa lập thành. Vô ích mà nói đến những 'định luật đã được dựng lên khi Thượng Đế chuẩn bị để hóa sanh', bởi vì những định luật hay hơn nữa là các định luật đều trường cửu và không ai tạo ra chúng nó, cũng như Thượng Đế là Định Luật và trái ngược lại. Lại nữa, Định luật Duy nhất, Trường cửu, khai mở tất cả trong thiên nhiên (thiên nhiên phải biểu lộ theo một Nguyên lý gồm có bảy : năm, tháng, ngày vân vân ...) Cái nguyên lý gồm có bảy đó tác động vô số dãy quay vòng tròn của thế giới,

của dãy cõnbảy bầu (thế giới) trên bốn cõi thấp của vũ trụ đang tạo thành. Ba cõi kia thuộc về võ trụ lý tưởng (archetypes). Trong bảy bầu thế giới chỉ có một bầu thấp nhất và vật chất nhất là thuộc về cõi hồng trần của chúng ta, hay nói cách khác, nó vừa tầm với giác quan của chúng ta. Còn sáu bầu thế giới khác ngoài cõi trần này, như đó với mắt xác thịt của chúng ta, chúng ta không thấy chúng nó đặng. Mỗi một dãy hành tinh này là kết quả và là sự sanh sản (hay nói cách khác là sự tái sanh) của một dãy ít tiến hóa và đã chết. Để được rõ hơn, chúng ta sẽ nói rằng : 'Người ta dạy chúng ta rằng mỗi một hành tinh trong những hành tinh, dù biết hay không biết, là gồm bảy cũng như dãy trái đất vậy. Trong các hành tinh của võ trụ chỉ có bảy hành tinh gọi là thiêng liêng bởi vì chúng nó do các vị cai trị gia cao cả hay thiêng liêng cai quản, chớ chẳng phải vì các vị xưa không biết các Đấng Thiêng liêng này.' (1)

Tỷ như mọi hành tinh như Mercure, Vénus, Mars, Jupiter, Saturne vân vân ... hoặc trái đất ta, mắt phàm thấy đặng bởi vì tất cả đều đồng mực trên một cõi. Còn những hành tinh bạn cao hơn các hành tinh này đều ở trên cõi hoàn toàn ngoài giác quan vật chất của chúng ta. Như chúng ta đã nói ở trước và ở trong đồ hình số 1, trong câu số 6 về địa vị liên quan của chúng nó, chỉ cần thêm vào đây vài lời giải nghĩa. Những người bạn vô hình này liên quan khá dị kỳ đến điều mà chúng ta gọi là : 'những nguyên lý trong con người'. Bảy hành tinh bạn ấy choán ba cõi vật chất và một cõi tinh thần để đáp ứng với ba Upâdhis (là căn cứ vật chất) và một cái thể tinh thần (là Vâhana) của bảy nguyên lý của sự phân chia con người để có một ý niệm rõ rệt, nếu chúng ta tưởng tượng những nguyên lý con người xấp xếp theo đồ hình số 1 liên quan đến những điều sau đây :

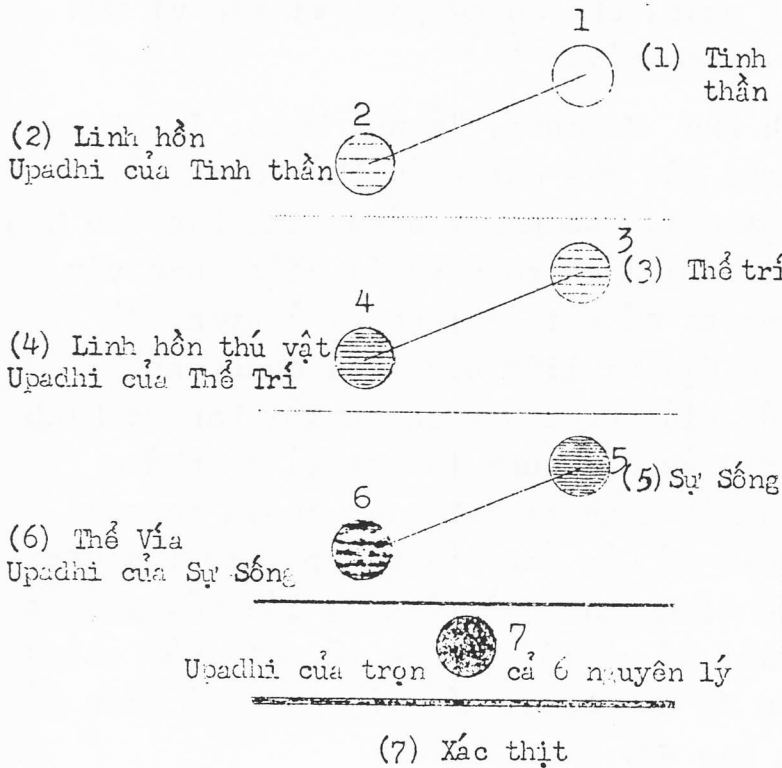
(1) Người ta kể trong sách bí ẩn nhiều hành tinh hơn là trong những sách thiên văn tân tiến.

Như chúng ta đang tác động từ đoàn thể đến đơn vị, trong khi chúng ta dùng phép quy nạp của Ông Aristote để số ngược chiều. Người ta để tinh thần ở chỗ thứ nhất, trong khi để ở cõi thứ bảy, như người ta thường làm, nhưng thật ra người ta không nên làm như vậy.

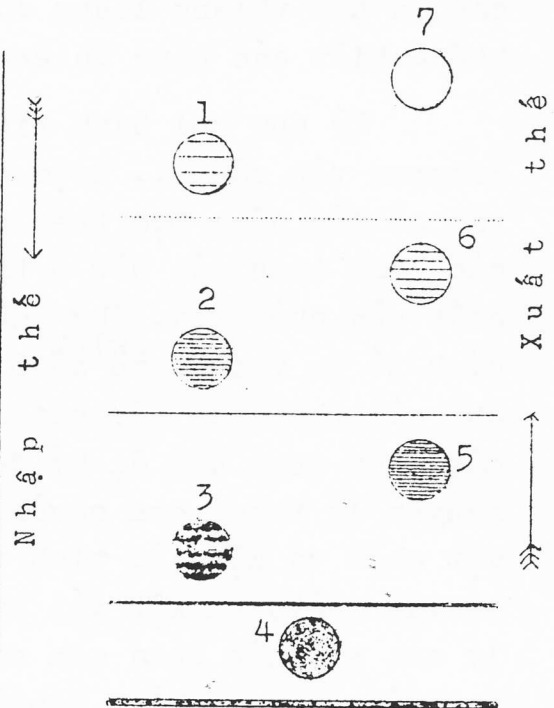
Những nguyên lý con người - như đã thường kể ra trong quyển 'Le Bouddhisme ésotérique' và các quyển khác là : 1) Atmã, 2) Bouddhi (hay là Linh hồn tinh thần), 3) Manas hay là Linh hồn con người, 4) Kâmarupa hay là thể ham muốn và đam mê, 5) Prâna, 6) Linga-sharira, 7) Stûla-sharira.

Đồ hình số 1

NHỮNG NGUYÊN LÝ CON NGƯỜI



SỰ PHÂN CHIA HÀNH TINH



D. Trái đất của chúng ta hay là một hành tinh nào thấy được

Những đường ngang đậm ở cõi thấp là những hạn chế biểu lộ, ấy là những Upâdhis trong trường hợp những nguyên lý con người và các cõi trong dãy hành tinh. Không cần nói cũng biết rằng : đối với ^{những} nguyên lý con người, bảng đồ hình trên đây không đặt theo trật tự ; tuy nhiên nó chỉ sự liên quan và sự giống nhau mà chúng tôi muốn độc giả lưu ý. (Như độc giả sẽ thấy trong trường hợp hai linh hồn đi xuống nhập thể) sự qui chỉnh (ajustement) theo nghĩa bí ẩn và vật chất của cả hai và sự hòa tan của cả hai trong 'sự tranh chấp sống còn' đang chờ đợi chúng nó. Có lẽ người ta sẽ lặp rằng : chữ 'linh hồn' là một danh từ đặc-dị dùng trong trường hợp nói về bầu thế giới. Nhưng những vị triết lý gia xưa thấy trái đất là 'một con thú' to lớn; họ khôn ngoan hơn là những ^{nhà} địa dư tân tiến của thời họ và Ông Pline gọi trái đất là người mẹ và người vú tốt. Người ta cho nó là một cái Hành Duy Nhất, không phải là kẻ chống đối với con người. Ông Pline nói một cách chân thật hơn rằng : Ông Watts tưởng thấy Trái Đất là một bàn đạp để đi đến Trời.

Trái Đất chỉ là bàn đạp của con người - trong khi con người trèo lên các khu vực ^{cao hơn} /^{ay} là : tiên phòng (le vestibule) là những nơi trú ngụ vinh quang ; 'ở đây một đám đông luôn luôn lật đật' thấy sang.

Nhưng điều này chỉ tỏ triết học huyền môn đáp ứng một cách đáng khen biết chừng nào - với tất cả cái gì trong thiên nhiên và những luận cứ của nó hữu lý hơn những quan sát ước thuyết của khoa vật lý biết bao !

Điều này học xong, thì nhà bí ẩn sẽ được chuẩn bị hay hơn để hiểu giáo lý huyền môn dù chắc chắn là mọi học giả cân mẫn của khoa học tân tiến đều cho giáo lý này là một điều phi lý. Nhà học giả huyền môn, tuy nhiên, quả quyết rằng : cái lý thuyết mà chúng ta đang thảo luận lúc này là triết lý và chắc

chấn hơn là cái lý thuyết kia. Ít ra nó hợp lý hơn là cái lý thuyết mới đưa ra làm cho mặt trăng thành một miếng của trái đất tung ra, khi trái đất còn là một bầu thế giới đang bị nóng chảy. Ông Samuel Laing, tác giả quyển 'Modern Science and Modern Thought' có nói rằng :

'Những kết quả thiên văn đều là những lý luận căn cứ trên những luận cứ khả nghi cho đến đối trong vài trường hợp, chúng nó cho những số quá yếu, không thể tin được, - như số 15 triệu năm để chỉ định sự diễn tiến viên mãn của sự tạo lập thái dương hệ - ; trong những trường hợp khác, các kết quả thiên văn này đưa đến một thời gian quá dài khiến cho chúng ta không thể tin được. Tỉ như khi người ta phỏng định rằng : mặt trăng đã bị văng ra, trong khi trái đất xoay vòng tròn là 3 giờ, mà rồi ^{sự} trở nhất hiện nay do sự quan sát là 600 triệu năm để làm cho nó xoay trong 23 giờ chỗ không phải là 24 (trang 48, quyển 'Modern Science and Modern Thought').'

Và nếu các nhà vật lý học cứ năng nung trong sự nghiên cứu như vậy, thì tại sao người ta lại chế nhạo về niên-đại-ký (chronologie) của người Ấn Độ giáo bằng cách cho rằng họ phỏng đại ?

Người ta còn nói rằng : những dãy hành tinh có 'những Ngày' và 'những Đêm' của chúng nó, nghĩa là lúc chúng nó sống và linh động, và lúc chúng nó hôn mê hay chết, và chúng nó trên trời cũng như con người dưới thế gian, chúng nó cũng già, cũng tự chết và cũng để lại những nguyên lý tinh thần cho các con cái. Như đó mà chúng nó còn sống lâu.

Không phải chú ý đến việc làm khó khăn của sự diễn tả trọn vẹn cách diễn tiến của vũ trụ trong từ chỉ tiết, người ta có thể nói khá nhiều về nó để cho nó một ý niệm tiệm tiệm (approximative). Khi một dãy hành tinh đang ở trong một cuộc tuần hoàn chót của nó, thì bầu thế giới A trước khi tắt, tung rải tất cả

sanh lực và tất cả nguyên lý (ses principes) của nó trong một trung điểm (centre neutre) thân lực tiềm tàng 'một trung điểm Laya' để làm linh động, và như đó, nó đem lại sự sống cho một trung tâm mới của vật chất hay của chất chưa đi-biệt. Chúng ta hãy tưởng tượng một sự diễn tiến như thế đó đã xảy ra trong dãy hành tinh nguyệt cầu. Chúng ta hãy tưởng tượng nốt để lập luận - (dù người ta đã phủ nhận, lúc sau này, lý thuyết của Ông Darwin mà chúng ta sẽ nói ở sau) - rằng : mặt trăng già hơn trái đất nhiều. Chúng ta hãy tưởng tượng 6 bầu thế giới, bạn của mặt trăng, có tuổi nhiều trước bầu thứ nhất trong bảy bầu đã được tiến hóa. Sáu bầu thế giới bạn có giữa chúng nó những vị trí giống với những vị trí của những bầu thế giới bạn ở dãy hành tinh địa cầu chúng ta ngày nay. Bây giờ, để tưởng tượng bầu thế giới A của dãy Nguyệt tinh làm linh động bầu thế giới A của dãy Địa cầu ; và rồi nó gập chết. Đến bầu thế giới B của dãy Nguyệt tinh đưa thân lực ^{xuống} đến bầu thế giới B của dãy mới (là dãy Trái đất). Đoạn bầu thế giới C tạo con cái của nó trên bầu thế giới C của dãy Địa cầu. Và tóm lại, mặt trăng (là vệ tinh của chúng ta) trút trên bầu thế giới thấp nhất của dãy hành tinh Địa cầu chúng ta - là bầu thế giới D, là trái đất chúng ta, - tất cả sự sống, tất cả sinh lực và tất cả quyền năng. Bởi mặt trăng - như đó - đã di-chuyển chúng nó đến một trung tâm mới, nên được xem như là một hành tinh chết. Từ khi bầu trái đất được sanh ra, sự quay tròn của nó gập như ngựa hỏn. Người ta chỉ phủ nhận rằng : mặt trăng không phải là vệ tinh của trái đất, nhưng điều này không bác bỏ cái lý thuyết rằng : mặt trăng đã cho trái đất tất cả, chỉ trừ các xác chết của nó. Muốn cho lý thuyết của Darwin còn giữ vững, thì phải gặp, - ngoài cái giả thuyết mà chúng ta vừa nói tới, và ngày nay bị đảo ngược, - những quan sát còn vạm nan hơn (des spéculations impossibles encore). Người ta có nói rằng : mặt trăng đã nuôi 6 lần hơn trái đất. Nếu trái đất bị một lớp thạch-khô bao bên ngoài từ 14 triệu năm nay, thì

mặt trăng, từ thuở ấy, chỉ già có 11 triệu và 2/3 triệu năm mà thôi ... Và nếu mặt trăng của chúng ta chỉ làm vấy bùn trái đất của chúng ta thì tại sao không rút kết quả về mặt trăng đối với các bầu hành tinh khác ? Những vị thiên-văn 'không' biết chi về đó'. Tại sao Vénus và Mercure không có vệ tinh ? Và khi nếu có những vệ tinh này, thì chúng nó sẽ được tạo tập với chất gì ? Các nhà thiên văn không biết về điều đó, bởi vì họ chỉ có một bầu trời - ấy là bầu trời vật chất - để mở cửa bí ẩn của thiên nhiên, còn nhà triết học huyền môn lại có bảy chìa khóa; họ các nghĩa cái gì mà khoa học không thể biết được. Mercure và Vénus không có vệ tinh mà chúng nó có 'Cha Mẹ' như trái đất. Cả hai đều già hơn trái đất rất nhiều ; và trước khi trái đất đi đến cuộc tuần hoàn thứ bảy, thì mẹ nó là Mặt trăng sẽ tan rã trong không khí nhẹ nhàng, như những mặt trăng của các hành tinh khác đã tan rã, hoặc không tan rã tùy trường hợp, bởi vì có nhiều hành tinh có nhiều 'mặt trăng' . Đó là một bí ẩn mà không một vị Oedipe nào trong Thiên văn đoàn giải nổi !

Hiện nay, mặt trăng là những bụi náuội, là một bóng mờ, sau khi đã di chuyển những năng lực sống và những 'nguyên lý' của nó qua một hình thể mới khác. Hiện nay, nó bị bắt buộc phải theo sau trái đất trong nhiều thế kỷ ; nó rút trái đất và bị trái đất rút lại. Mặt trăng luôn luôn bị cơn mình là trái đất rút rĩa (vampérisée) nên chống trả lại bằng cách đem thân lực xấu xạ xuống và đầu độc bằng cái gì thuộc về thành phần huyền môn của bản tánh nó phát lộ ra bởi vì mặt trăng là một xác chết, mà vẫn sống. Những mảnh vụn của xác thân nó đang sinh có đây sự sống linh động và phá hoại, dù xác thân mà thuở kia chúng nó đã tạo ra, bị không hồn và không có sự sống. Như đó, những cái bốc hơi (ses émanations) vừa là tốt vừa là xấu. Đó là trường hợp mà người ta thấy giống như vậy trên trái đất, tức là sự kiện mà cỏ và cây không mọc đâu tốt bằng mọc trên má ; còn những bốc hơi của nghĩa địa và của thầy ma rất sanh bệnh độc. Giống như mọi

ma hút máu, ma hiện hình, mặt trăng là bạn của kẻ phù thủy và thù nghịch với người khờ dại. Từ thời vô thủy vô chung xưa xưa và thời cận đại nhất, những vị phù thủy ở Thessalie và vài người Tântrikas hiện nay tại Bengale, cùng tất cả nhà huyền môn, đều biết bản tánh và đức tánh của mặt trăng ; nhưng các nhà phù thủy đều là những sách đóng kín trước nhà vật lý học.

Đó là mặt trăng được xem về thiên văn, vật lý và địa chất học. Còn về bản tánh siêu hình và tinh thần của nó thì nó là một sự bí mật huyền môn trong quyển sách này cũng như trong quyển nhan đề 'Bouddhisme ésotérique' dù quyển đó có tuyên bố hơi liều lĩnh rằng : 'Không còn có nhiều ẩn-ngữ nữa trong cái bầu thế giới tứ tám.' Thật ra, đó là một trong nhiều đề tài mà các vị Chân sư rất dễ dặt trong sự thông tin cho các đệ tử chưa được điểm Đạo ; và bởi chúng nó chưa được phê chuẩn, và chưa được phép đưa ra công chúng, nên tốt hơn là nói ít nhất về đó.

(Câu 4 của đoạn Thánh Kinh VI
còn tiếp.)

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

Tập số 33

Đoạn Thánh kinh thứ VI, Câu 4

(tiếp theo)

Tuy nhiên, không nói đến vùng đất cấm của 'Bầu thế giới thứ tám' thì chắc chắn là có ích phải thêm nơi đây vài sự kiện chạm đến những cựu Chơn-thần (ex-monades) của Dãy Nguyệt tinh -(là những Tổ tiên Nguyệt tinh)- bởi vì họ đóng một vai tuồng quan trọng trong Thử nguyên nhưn loại thuyết (Anthropogènèse) mà chúng ta sẽ nói đến. Điều này đưa thẳng chúng ta đến sự tạo lập bảy thế con người và như người ta vừa rồi đã thảo luận về cách sắp xếp hảo hạng những sự phân chia các sinh linh nhỏ tí ti, chúng ta đưa dưới đây hai hệ thống để dễ so sánh. Bài nhỏ kèm theo đây do ngòi bút của Ông Subba Row là nhà bác học Phệ Đà. Ông thích sự phân chia thuộc về Bà la môn giáo của Raja Yoga và về điểm Siêu hình học thì Ông có lý. Nhưng không phải đó là vấn đề lựa chọn và dễ dàng, chúng ta giữ trong sách này sự phân chia được tôn trọng và ngày giờ 'ở trong Trường Bí giáo La hán' xuyên qua Hy mã Lạp sơn. Bảng sau đây và lời giải nghĩa đều rút trong tờ 'The Theosophist' và chúng nó cũng có ở trong 'Five Years of Theosophy'. (p.p. 185-6)

Bouddhisme ésotérique: Védanta : Taraka Raja Yoga

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|---------------------------------|---|----------------|----------------|---|---------------|--------------|---|------------------|------------------|---|----------------|--|---|--------------|--|
| 1- Sthûla Sharira (thể xác) | Annamaya kôsha (4) (thể xác) | Sthûlopâdhi hay là Sthûla-upadhi (2) | | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Prâna. (1) Sự Sống. | Prânamaya kôsha (cái phách) | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3- Véhicule de Prâna (5) (thể của Prâna) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4- Kama Rûpa (Cái vĩa) | | Sûkshmopâdhi (véhicule Kama- manasique) | | | | | | | | | | | | | | |
| 5- <table border="0" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td style="font-size: 2em; vertical-align: middle;">{</td> <td style="padding: 0 5px;">a)Quyết chí và</td> <td>Mânomaya kôsha</td> </tr> <tr> <td style="font-size: 2em; vertical-align: middle;">{</td> <td style="padding: 0 5px;">tình cảm v.v.</td> <td>(thể hạ trí)</td> </tr> <tr> <td style="font-size: 2em; vertical-align: middle;">{</td> <td style="padding: 0 5px;">b)Vijnânânam. Sự</td> <td>Vijnânamayakôsha</td> </tr> <tr> <td style="font-size: 2em; vertical-align: middle;">{</td> <td style="padding: 0 5px;">hiểu biết phân</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="font-size: 2em; vertical-align: middle;">{</td> <td style="padding: 0 5px;">tách sự vật.</td> <td></td> </tr> </table> | { | | a)Quyết chí và | Mânomaya kôsha | { | tình cảm v.v. | (thể hạ trí) | { | b)Vijnânânam. Sự | Vijnânamayakôsha | { | hiểu biết phân | | { | tách sự vật. | |
| { | a)Quyết chí và | Mânomaya kôsha | | | | | | | | | | | | | | |
| { | tình cảm v.v. | (thể hạ trí) | | | | | | | | | | | | | | |
| { | b)Vijnânânam. Sự | Vijnânamayakôsha | | | | | | | | | | | | | | |
| { | hiểu biết phân | | | | | | | | | | | | | | | |
| { | tách sự vật. | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6- Linh hồn tinh thân (3) (âme spirituelle) | Anandamayakôsha (Thế Bồ Đễ) | Kâranopâdhi Chân Thân | | | | | | | | | | | | | | |
| 7- Atmâ. | Atmâ. | Atmâ. | | | | | | | | | | | | | | |

Giải nghĩa

- 1 - Sự Sống.
- 2 - Sthûla-upadhi hay là nền gốc nguyên lý.
- 3 - Thế Bồ Đễ.
- 4 - Kôsha có nghĩa là cái bọc.
- 5 - Linga Sharira hay là cái vĩa, điều mà ngày nay người ta gọi là cái phách.

(Lời D.G. 'N.D.T.')

'Người ta sẽ thấy trên bảng này cái nguyên lý thứ ba của sự phân chia bên Phật giáo không phải đặc biệt chỉ trong sự phân chia của Phệ Đà : bởi vì nó chỉ là cái vỏ của Prâna. Người ta cũng sẽ thấy rằng : người ta hiểu cái nguyên lý thứ tư trong lớp bọc kosha thứ ba ; bởi vì cũng cái nguyên lý ấy chỉ là cái bọc của quyền năng ý chí ; mà ý chí chỉ là nghị lực của cái trí. Cũng nên quan sát rằng : Vijnanamayakosha (là cái thể con người gồm có những nguyên lý Vía và Hạ trí) được xem riêng biệt với Mânomayakosha (là thể Hạ trí) bởi vì sau khi chết, một sự chia ly xảy ra giữa phân dưới của cái trí, nó có một sự hấp dẫn mạnh đối với nguyên lý thứ tư hơn là nguyên lý thứ sáu ; và phân trên của nó trái lại hút vào nguyên lý thứ sáu và nguyên lý thứ sáu là nền tảng thực/của cá tính tinh thần cao của con người.

Chúng ta cũng có thể nhớ nơi đây rằng : sự phân chia trong cột chót là để cho tất cả mọi thực dụng liên quan đến Raja Yoga là thứ Yoga hảo hạng và đơn giản nhất. Dù trong người có bảy nguyên lý, chỉ có ba Upadhis (là nền tảng) rõ rệt, trong mỗi cái Upadhis, Atma có thể tác động một cách độc lập. Một vị Chơn Tiên có thể tách ba Upadhis ra mà không tự diệt, chớ Ngài không thể tách riêng ra bảy nguyên lý đó mà không tự phá sự cấu tạo mình.'

Học giả, hiện nay, sẽ được chuẩn bị hơn để hiểu rằng : giữa ba Upadhis của Đạo pháp Raja Yoga và những Atma của chúng nó, và ba Upadhis của chúng ta, Atma và ba sự chia bổ sung, thật ra chỉ có chút đỉnh sự sai biệt mà thôi. Lại nữa, như trong Ấn Độ bên này núi Hy mã Lạp sơn hay xuyên qua Hy mã Lạp sơn, trong những Trường của Patanjali (l'Âryâsanga, một trong những người đệ tử chánh của Đức Phật Thích Ca đã lập lần đầu tiên Trường Yogacharya hay là Mahâyâna (là tên một Trường chính-thống-giáo, bí ẩn bên Phật giáo do Đức Nagarjuna lập ra)-

- mọi Chơn Tiên đều phải trở thành nhà Raja Yogi và Ngài đã nhìn nhận trên lý thuyết và trên thực tế sự sắp xếp mà Ngài dùng về những chuyện khác. Như đó mà không quan trọng gì khi người ta nói đến Upadhis và ba đặc tánh của chúng nó, - thêm vào đó Atma, là cái tổng quát trường cửu và bất diệt hay người ta nói về 'bảy nguyên lý'.

Để giúp những kẻ không có đọc và không hiểu rõ những lời dạy Thông Thiên Học về Giáo lý của các Dãy Hành tinh gồm bảy trong Thái dương hệ, chúng ta sẽ đưa ra mới đây những lời dạy vắn tắt.

1 - Tất cả, trong võ trụ siêu hình cũng như trong võ trụ hữu hình đều gồm bảy. Như đó mà mỗi thiên-thể (corps sidéral), mỗi hành tinh, thấy đặng hay không thấy đặng đều được xem như có sáu bầu thế giới bạn đi theo. Sự tiến hóa tinh thân diễn tiến trên bảy bầu thế giới, từ bầu thứ nhứt đến bầu thứ bảy, bằng bảy cuộc tuần hườn hay chu kỳ.

2 - Những bầu thế giới này được tạo ra bằng một sự diễn tiến mà nhà Huyền môn gọi là 'sự tái sinh của Dãy (hay của mắc) hành tinh. Khi cuộc tuần hườn thứ bảy hay cuộc tuần hườn chót của những 'mắc hành tinh' đó đã khởi sự, thì cái bầu trước hết hay bầu thứ nhứt, là A - với nó lần lượt đến các bầu khác cho tới bầu chót, chỗ không phải ngơi nghỉ lâu hay mau (tối tăm) như trong các cuộc tuần hườn trước, nó khởi sự tàn. Sự tan rã hành tinh hâu kê (Pralaya) giờ của nó đã đến; mỗi bầu thế giới phải di chuyển sự sống và nghị lực của nó qua một bầu hành tinh khác.

3 - Trái đất của chúng ta ^{bạn} = vốn là đại diện thấy đặng của những bầu thế giới cao hơn và không thấy đặng - (những sáu bầu thế giới bạn đó là những 'bậc trưởng thượng (seigneurs) của nó' hay là 'những nguyên lý của nó'; trái đất ấy phải sống, cũng như các bầu bạn kia, trong thời gian 7 cuộc tuần hườn.

Trong ba cuộc tuần hườn trước, trái đất đang được tạo thành và được giữ vững chắc. Trong cuộc tuần hườn thứ tư, nó từ từ trở về với hình dáng dĩ thái cố hữu của nó, có thể nói nó đang tinh-thân hóa.

4 - Nhơn loại của trái đất chỉ được mở mang đầy đủ trong cuộc tuần hườn thứ tư - là cuộc tuần hườn của chúng ta hiện thời. Cho chí cuộc tuần hườn này, nhơn loại chỉ được gọi là nhơn loại : vì thiếu danh từ hảo hạng hơn. Cũng như con ấu-trùng trở thành con nhộng, rồi con bướm, con người, hay hơn là cái gì về sau trở thành con người, đều đi qua tất cả mọi hình thức, và mọi loại trong cuộc tuần hườn thứ nhất, và xuyên qua mọi hình thức con người trong hai cuộc tuần hườn kế tiếp. Đi đến trái đất chúng ta, trong lúc đầu cuộc tuần hườn thứ tư, trong những giống dân và các chu kỳ hiện hữu, có thể nói con người có hình thể thứ nhất của con người : bởi vì nó chỉ có trước nó là ^{hai loại} loại kim thạch và thảo mộc - và loại thảo mộc còn phải tiếp tục hoàn tất sự tiến hóa xuyên qua loài người. Đó là điều mà người ta sẽ giải thích trong quyển kế. Trong ba cuộc tuần hườn sắp tới, nhơn loại (cũng như bầu thế giới trên đó có nhơn loại sống) sẽ luôn luôn có khuynh hướng lấy hình cố hữu của y, theo Đại đoàn Huyền Thiên Thượng Đế. Nhơn đó, mà con người, như mọi nguyên tử trong vũ trụ, tất cả đều có khuynh hướng trở thành một người trời, rồi sau trở thành Trời. Nếu quý Bạ khởi sự xem sự vật từ lúc cuộc tuần hườn thứ hai, thì chúng ta sẽ thấy rằng sự tiến hóa đã diễn tiến trên một cõi hoàn toàn khác biệt. Chỉ trong cuộc tuần hườn thứ nhất, con người (Con người Trời) trở thành con người trên bầu thế giới A, một kim thạch, một thảo mộc, một con thú trên những bầu B, C vân vân ... Sự diễn tiến thay đổi hoàn toàn lúc cuộc tuần hườn thứ hai. Nhưng vì quý Bạ đã học qua sự 'cẩn thân' nên tôi khuyên quý Bạ chớ nói gì trước thì giờ đã đến. (1)

(1) Trích lục những bức thơ của các Chơn Sư về nhiều vấn đề khác nhau.

5 - Mỗi một chu kỳ, trên bầu thế giới (là Trái đất chúng ta) (1) gồm có bảy giống dân chánh. Chúng nó khởi sự bằng tinh khí (hay dĩ thái 'ether') và đi đến tận cùng là tinh thần, theo hai đường tiến hóa là vật chất và luân lý. Từ lúc khởi thủy của cuộc tuần hườn (ở trái đất ta) cho tới lúc cáo chung. Một cuộc 'tuần hườn hành tinh' đi từ bầu A đến bầu G là bầu thứ bảy. Còn cuộc tuần hườn kia là 'cuộc tuần hườn của bầu' (ronde globale ou terrestre).

Điều này đã có miêu tả trong quyển 'Bouddhisme ésotérique' và nó không cần giải thêm nữa hiện nay.

6 - Giống dân chánh thứ nhứt - nghĩa là những 'người' thứ nhứt trên trái đất (dù là hình dáng nào) đều là con cái của các 'Con Trời' (nói một cách đúng đắn). Trong triết lý Ấn Độ, họ là những vị Tổ tiên từ mặt trăng đi xuống, hay là 'những vị Pitris'. Họ gồm có bảy hạng hay là bảy thứ (ou Hiérarchies). Bởi tất cả các điều này sẽ giải nghĩa nơi các đoạn kế khác và trong quyển ba, dài hơn, nên không cần nói nhiều nơi đây.

Nhưng hai quyển sách đã kể ra trước đều có giải về Giáo lý Huyền môn ; chúng nó cần vài sự quan sát đặc biệt. Một quyển là 'Le Bouddhisme ésotérique', đã được giới Thông Thiên Học biết, và ngoài những người này, cũng có người biết nữa, nên cũng cần nói nơi đây sự hữu ích tài tình của nó. Nó là một quyển sách hảo hạng ; nó đã hoàn tất một công trình còn tốt đẹp hơn nữa. Nhưng điều này không thay đổi được điều nó đã chứa đựng những ý niệm sai lầm, và nó là nguyên nhân tạo nhiều độc giả, nhiều người Thông Thiên Học hay không Thông Thiên Học có một ý niệm sai quấy về Giáo lý Bí truyền Đông Phương. Đường thế nó cũng có một chút trạng thái vật chất.

(1) Chúng ta chỉ nói thỉnh thoảng về những bầu thế giới khác trong quyển này.

Còn một quyển nữa, nhan đề là 'Man' (nghĩa là con người) xuất bản sau hơn. Nó có mục đích giới thiệu Giáo lý cổ ngữ dưới điểm lý tưởng để dịch vài bản ấn tượng trong Ánh sáng Trung giới (Quelques tableaux imprimés dans la Lumière Astrale) để lập lại vài lời dạy lấy một phân trong Tư Tưởng của một Đức Chơn Sư rủi thay bị người ta không hiểu. Quyển sách này cũng nói về sự tiến hóa của Giống Dân (con người) thứ nhất trên Trái Đất, và nó có vài chương hảo hạng, với tính cách rất là triết lý. Nhưng dù vậy, nó chỉ là một pho tiểu thuyết nhỏ lý thú thuộc về loại bí ẩn. Nó cũng không đạt được mục đích của nó : bởi vì ^{cần yếu để phiên dịch những} những điều kiện / ^{đang} bảng về Trung giới không có kèm theo. Như đó, nhà độc giả không nên ngạc nhiên, nếu những quyển hiện nay nói nghịch nhiều nơi với những sự miêu tả thứ nhất.

Vũ trụ khảo luận huyền môn - nói một cách tổng quát - và sự tiến hóa của Chơn Thân con người - nói một cách riêng biệt - đều khác nhau rất rõ rệt trong hai quyển sách đó (cùng những sách do các vị học giả sơ sơ xuất bản). Thì khó mà tiếp tục viết quyển 'Giáo lý Bí truyền' này không nói đến chúng nó ; lại nữa, cả hai đều có một số đông người hoan nghinh - nhất là quyển 'Bouddhisme ésotérique'. Vậy, đến lúc chúng ta phải giải nghĩa về đó. Phải rán sửa lại, trước ánh sáng của những lời dạy thí nguyên, những điểm mà người ta lầm lẫn. Nếu một trong những sách đó có khuynh hướng rất đậm về khoa vật-chất, thì quyển kia, tới phiên nó, lại rất lý tưởng và cũng hơi kỳ quặc. Những điều khó khăn ban đầu và những lập luận sai lầm đều do cái giáo lý - mà người Tây Phương khó hiểu. Cái giáo lý ấy nói về sự Tối tăm (Obscurations) tạm thời và những cuộc Tuần hườn liên tiếp của những Bầu thế giới, dài theo những Dây quay vòng tròn. Một trong những sự sai lầm ấy thuộc về điều mà người ta gọi là những người của cuộc Tuần hườn thứ Năm và những người của cuộc Tuần hườn thứ Sáu. Những kẻ nào biết rằng : mọi cuộc Tuần hườn được thực

hiện đều có trước nó và sau nó một thời gian Ngời Nghỉ dài hạn (Pralaya) tạo ra một cái hố khó qua được giữa hai cuộc Tuần hườn, cho tới chừng nào Chu kỳ Sống trở lại. Máy người này không thể hiểu được 'sự lâm lạc' nên nói rằng : những người của cuộc 'Tuần Hườn thứ Năm và thứ Sáu' đều hiện ở trong cuộc Tuần hườn thứ Tư. Có phải nói trong một của hai cuốn sách này rằng : Đức Phật Gautama là thuộc về cuộc Tuần hườn thứ Sáu chăng ? Hiên giả Platon cùng vài triết lý gia vĩ đại hay vài nhà trí thức là những người của cuộc Tuần hườn thứ Năm. Tại sao có thể nói được vậy ? Một vị Chơn Sư đã nói và đã quả quyết hiện tại trên quả Đất này có thật sự những người thuộc về cuộc Tuần hườn thứ Năm dấu người ta đã dạy rằng : Nhân loại chỉ còn ở vào cuộc Tuần hườn thứ Tư. Vả lại quyển sách xem dường nói rằng : chúng ta đang ở vào cuộc Tuần hườn thứ Năm. Về chuyện đó, một vị Giáo chủ khác, trong một câu trả lời mờ-ám (réponse apocalyptique) cho ta biết rằng : 'Một vài giọt mưa không làm nên gió mùa, dù là mưa báo hiệu có gió mùa đến ... Không ! Chúng ta không ở trong cuộc Tuần hườn thứ Năm, mà con người thuộc về cuộc Tuần hườn thứ Năm có khởi đến trong cuộc Tuần hườn của chúng ta từ vài ngàn năm nay.' Điều này trở nên khó giải hơn là lời đố của Sphinx (là quái vật đầu đàn bà, mình sư tử). Những nhà học giả huyền môn đem óc mình để tìm kiếm và truy cứu thật kỹ lưỡng nhất. Trong thời gian khá lâu, họ rán cạnh tranh với Oedipe (là người sáng trí dạy các điều mê-ẩn của Sphinx) và hòa giải hai luận cứ. Và như các Đức Chơn Sư lặng thinh không nói như Sphinx, người ta cho các Ngài là 'không định kiến', là 'mâu thuẫn' và là 'không điều-hòa'. Nhưng các Ngài cứ để sự tra cứu ấy đi ngon tròn, hầu cho trí óc người Phương Tây một bài học chắc chắn cần kíp. Trong sự kiêu căng và ngạo mạn của chúng nó, trong cách duy-vật-hóa, mọi ý niệm siêu-hình, không để lê cho một thí dụ, một ẩn ý nào của Phương Đông, các người Phương Đông đã làm một bài thập cẩm (là lộn xộn)

của triết học Ấn Độ công chúng ! Và đây là những người Thông Thiên Học cũng tác động như thế ấy đối với những lời dạy bí truyền. Cho tới ngày nay, chắc chắn rằng : những nhà Thông Thiên Học này đều tỏ ra sự bất khả năng của mình - một cách hoàn toàn là mình không hiểu nổi ý nghĩa của danh từ : 'Những con người của cuộc Tuần hườn thứ Năm và thứ Sáu.'

Đây là ý nghĩa của danh từ ấy :

Mỗi một cuộc Tuần hườn đem lại một sự mở mang mới mẻ ; và nó cũng đem lại một sự thay đổi hoàn toàn trong sự cấu tạo thể xác, tâm linh, trí não và tinh thần con người. Tất cả nguyên lý đều tiến hóa trên một chiếc thang luôn luôn hướng thượng. Như đó, mà những người như Confucius và Platon có tâm linh, trí não và tinh thần đều thuộc về những cõi cao tiến hóa, đều ở trong cuộc Tuần hườn thứ Tư của ta ; các vị này cũng như mà những bậc thượng hơn của cuộc Tuần hườn thứ Năm, và, trong nhóm loại trước họ, là những người choán một cấp bậc trên thang tiến hóa rất cao hơn là cấp bậc của nhóm loại hiện hữu. Cũng như Đức Phật Thích Ca - là hiện thân của sự Minh triết - rất cao hơn là những người mà chúng ta vừa nói và người ta gọi là những người của cuộc Tuần hườn thứ Năm hay những người của 'Fifth Rounders'. Cũng như với Shankarâchârya, người ta có gọi biểu tượng một 'Sixth Rounder' hay 'một người của cuộc Tuần hườn thứ Sáu'. Người ta cũng thấy sự Minh triết, ẩn trong câu trả lời 'không nhất quyết' rằng : 'Vài giọt mưa, không làm nên gió mùa, dù chúng nó báo hiệu gió mùa.'

(còn tiếp)

Đoạn Thánh kinh thứ VI, Câu 4

(tiếp theo)

Hiện giờ, người ta cũng sẽ hiểu đầy đủ cái Chơn lý của đoạn sau đây trong quyển 'Bouddhisme ésotérique'.

" Khi người ta đưa ra lần thứ nhất - cho những tâm hồn không được điều luyện - các sự kiện phức tạp của một Khoa học chưa quen thuộc, thì khó mà có mọi đức tánh cần yếu để hiểu sự này, và cũng khó mà có mọi chi tiết tất yếu. Trước nhất, phải an phận về những định luật chung, và chỉ lo về sau những cái 'ngoại lệ' nhất là trong trường hợp này. Khi nói về một sự 'nghiên cứu' trong đó, theo lối truyền thông giảng dạy mà người ta thường theo là có mục đích ghi ấn mỗi ý niệm mới trong ký ức, bằng cách kêu gọi trước nhất một sự khó xử ; sự khó xử này về sau sẽ tan mất."

Như tác giả của đoạn văn này, theo lời thú nhận của Ông, là một trong những tâm hồn (không được luyện tập trong Huyền môn); những sự suy luận riêng tư của Ông, thêm vào đó sự hiểu biết vĩ đại hơn những vấn đề thiên văn tân tiến hơn là Giáo lý xưa, tự nhiên khiến cho Ông lâm lỗi - lỗi về chi tiết - hơn là không rõ điều quan trọng, mà Ông không biết. Chúng ta, hiện nay, nói đến một trong những điều không trúng đó. Nó không quan trọng lắm, mà tuy nhiên, nó có thể làm hơn người mới học Đạo có những ý niệm sai lầm. Và như những ý niệm sai lầm nêu lên trong những kỳ xuất bản đầu, đã được sửa chữa trong những cước chú của kỳ xuất bản thứ năm ; có thể kỳ xuất bản thứ sáu còn sẽ được xem lại và được hoàn thiện. Có nhiều nguyên nhân cho những sự lầm lạc này. Trước nhất ấy là sự cân kiếp mà trong đó các Đức Chơn Sư được xem như

là có những câu trả lời 'Không nhất quyết'. Sự cần kíp đó là do những câu hỏi rất hối thúc và rất trì-dai làm cho người ta không thể trả lời được ; vả lại, người ta có thể trả lời phân nửa thôi. Tuy nhiên, và dù như vậy, câu chơn ngôn có nói rằng : 'Thân nửa ổ bánh mì còn hơn là không có chút bánh mì nào cả.' Cái địa thế thường thường ít được hiểu và ít khi được xác nhận đúng giá trị của nó. Kết quả là những người đệ tử thế tục Âu Châu đôi khi vui lòng về sự suy luận vô thường (spéculations gratuites). Trong những cái địa thế ấy, có 'sự bí mật của bầu thứ tám' giữa sự liên lạc với Mặt trăng và những luận cứ sai lầm của những Đẩu cao của Dãy Trái đất là những hành tinh mà ai cũng biết : 'Người ta nói : ngoài trái đất ta, chỉ có hai bầu thế giới khác của Dãy hành tinh chúng ta là thấy đặng mà thôi ... Ấy là Hỏa tinh (Mars) và Thủy tinh (Mercure). ('Bouddhisme ésotérique', trang 181, 3e Edition)

Chính đó là một lỗi lầm to. Nếu đổ lỗi vừa cho câu trả lời bất toàn và viên vong của Đức Thầy vừa cho chính câu hỏi còn mập mờ và không rõ rệt của người đệ tử. Câu hỏi như thế này : 'Ngoài hành tinh Mercure ra, hỏi những hành tinh nào mà khoa học thông thường biết đặng thuộc về Hệ thống thế giới của chúng ta ?'

Nếu nói 'Hệ thống Thế giới' thì người ta muốn nói 'Dãy của chúng ta' hay là Dãy trái đất, trong khi nói 'Thái dương hệ' ; điều này phải như thế đó. Vậy, đừng ngạc nhiên mà thấy câu trả lời không được hiểu bởi vì câu ấy như thế này : 'Mars và bốn bầu hành tinh kia đều không được Thiên văn thấy gì cả. Không A, B, không Y, Z được biết gì cả. Không lấy mắt phàm trông được chúng nó, dù chúng nó có hoàn thiện cho thế mấy cũng vậy nữa.'

Tất cả mấy điều này đều được rõ ràng (a) Thật ra, cho tới ngày nay, Thiên văn không biết gì những bầu Hành tinh xưa hoặc những bầu Hành tinh mà người ta vừa mới phát giác ngày nay.

(b) Từ A tới Z, khó mà thấy những bầu Hành tinh bạn, nghĩa là những bầu thế giới cao của một Dãy nào trong Thái dương hệ, thật ra, chỉ trừ mọi hành tinh ở hàng thứ tư như bầu Trái đất ta,

như Mặt trăng vân vân ... Còn Mars và Mercure và 'bốn Hành tinh khác' chúng nó có với trái đất một sự liên quan mà không một Đức Thầy nào, không một nhà Huyền môn cao nào nói đến bao giờ, và Ngài còn ít giải nghĩa hơn về bản tánh của nó.

Cũng trong một bức thơ này, một trong những vị Giáo chủ nói rõ về sự vạ nan của tác giả quyển 'Bouddhisme ésotérique'. 'Người hãy răn hiểu rằng : người đã hỏi ta nhiều câu về sự Điểm Đạo cao nhất. Ta chỉ cho người một ý niệm tổng quát, nhưng Ta không dám và cũng không muốn đi vào chi tiết ...' Các bản sao của mọi bức thơ đã nhận hay gửi đến -(trừ phi vài bức riêng tư, trong đó Đức Thầy nói không có lời dạy nào.) - đều do tác giả của quyển sách này giữ. Như bộ phận của tác giả lúc ban đầu là giải thích vài điều mà người chưa nói. Chắc chắn hơn rằng : dù có một số cước chú yết dán trên những bản sao của các thơ này, tác giả hiện nay vì chưa hiểu được Anh ngữ trong thời đó và vì sợ nói nhiều e làm rối beng cái tin tức cho hay đó. Tác giả, trong mỗi trường hợp đều chịu sự khuyên-trách cho mình. Nhưng người không thể nào chịu đặng khi để những học giả phải chịu đựng hơn nữa những sự lỗi lầm, hoặc để cho họ tin tưởng rằng : lỗi do hệ thống bí giáo mà ra.

Chúng ta hãy nói rõ bây giờ rằng cái lý thuyết đã được đưa ra là vạ nan, người ta có nhờ hoặc không nhờ sự chứng minh của nhà Thiên văn tân tiến. Khoa vật lý học có thể hiểu một bằng chúng - dù rất bất ổn - nhưng chỉ liên quan đến những Tiên Thể ở cùng cõi vật chất của Võ trụ khách quan chúng ta (notre univers objectif). Các hành tinh Mars, Mercure, Vénus và Jupiter như tất cả những Hành tinh khác đã được phát giác hay sẽ được phát giác về sau, tất cả đều là những đại diện trên cõi của chúng ta, những Dây giống với Dây của chúng ta. Người ta đã đặt để trong một của nhiều bức thơ do Sư phụ của Ông Sinnett viết rằng : 'Trung Thái dương hệ chúng ta, và ngoài Thái dương hệ đó, có vô số Dây hoạt động của thế giới ; trên các Dây này có các Sinh linh Khôn ngoan.'

Nhưng Mars và Mercure không thuộc về Dãy của chúng ta. Chúng nó, với các Hành tinh khác, là những Đơn vị gồm Bảy trong khối Dãy của Thái dương hệ chúng ta, và chúng nó cũng thấy được như là những bầu thế giới cao của chúng nó không thấy được vậy.

Nếu người ta muốn rằng : trong những bức thơ của Sư phụ, có vài hàng xui dục làm quấy, thì chúng ta sẽ nói : 'Amen ! Đó là chơn lý ! ' Tác giả quyển 'Bouddhisme ésotérique' đã hiểu điều đó, khi Ông viết rằng : 'Cách dạy cổ truyền ... là kêu gọi sự khó xử và làm cho nó mất đi hay không, tùy trường hợp.' Nếu người ta thêm rằng : người ta sẽ phải nói điều này trước tiên và chỉ rõ bản tánh thật của các Hành tinh, như chúng ta đã làm nơi đây, thì câu trả lời sẽ là người ta không gặp cơ hội để làm hiện nay bởi vì điều này sẽ mở cửa cho một loạt câu hỏi phụ thuộc, mà người ta không bao giờ trả lời đặng vì bản tánh bí giáo của chúng nó và chúng nó sẽ tạo ra sự khó khăn. Từ lúc khởi đầu người ta đã lặp đi lặp lại và công nhận rằng :

1 - Không một người Thông Thiên Học nào cho chỉ một vị Đệ tử được thấu nhận (Chéla accepté) (để không nói đến những vị độc giả ngoại đạo) mà có thể hy vọng đón tiếp những lời dạy huyền bí với những lời giảng giải đầy đủ, trước khi đã hẳn thệ nguyện với Quần Tiên Hội và đã trải qua ít nhất một cuộc Điểm Đạo : bởi vì người ta không thể đưa ra công chúng những số (les nombres), những chữ số (les chiffres). Những chữ số và những số là chìa khóa của hệ thống huyền môn.

2 - Tất cả cái gì mà người ta tiết lộ chỉ là lớp lột của Huyền môn ở trong hầu hết tất cả mọi Kinh cho công chúng ^{trong} các tôn giáo dưới trần, nhất là trong Kinh Brâhmanas, Kinh Upanishads của Védas và cũng có trong Purânas nữa. Vậy, đó là một phần ít của cái gì mà người ta sẽ gặp đầy đủ hơn trong những quyển sách hiện nay, dấu chính bài luận của chúng ta vẫn chưa đủ và còn từ khúc.

Khi quyển 'Giáo lý Bí truyền' này vừa mới khởi sự, thì tác giả H.P.B. được xác tín rằng : ý niệm về Mars và Mercure là lầm lạc, nên mới viết thư hỏi Sư phụ một sự giải thích, một thứ bản dịch có thẩm định (une version autorisée). Bà được toại nguyện hoàn toàn, và đưa nơi đây những trích yếu nguyên văn những câu trả lời mà Bà đã tiếp nhận :

"... Tuy nhiên quả thật Mars hiện nay đang ở trong trạng thái tối tăm và Mercure đang khởi sự ra khỏi cảnh đó. Con có thể thêm rằng : Vénus đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ Hai của nó ... Nếu không có Mercure, không có Vénus có vệ tinh, là vì có những lý do ...⁽¹⁾ ... và cũng vì Mars có tới hai vệ tinh mà nó không có quyển ... Phobos là một 'vệ tinh nội' (satellite intérieur), nó đáng ngờ là không phải là một vệ tinh. Như Ông Laplace và Ông Fayes đã lưu ý (xin xem bài tường thuật quyển 'XC trang 569) - đến chu kỳ qui thuộc về Phobos, do khoa học, là rất ngắn, và nhưn đó, Ông Fayes nói : 'Phải có vài khuyết điểm trong ý niệm chánh của lý thuyết' ... Lại nữa, Mars và Mercure đều là những Dây gồm Bảy ; chúng nó độc lập cũng như các vị Thiên thân, và cao cả như các Vị Thiên thể của Trái Đất, chúng nó độc lập cũng như quý vị độc lập với 'những nguyên lý của Däumling (Petit Foucet) có lẽ, ở với 6 người anh không có dạ mữ ... 'Sự thỏa mãn tánh tò mò đối với vài người là 'chấm dứt mọi hiểu biết' Ông Bacon nói như thế. Ông Bacon cũng là chơn thật khi đưa ra cái chơn lý tầm thường, cũng như các người đã xác nhận cái chơn lý ấy, trước Ông, có lý chia rẽ/sự minh triết của hiểu biết và hạn chế điều gì mà người ta phải nói trong một lúc nhất định ... Quý vị hãy nhớ rằng ... 'Nếu sự biết có thể ngụ trong óc đang nuôi dưỡng những tư tưởng kẻ khác, thì sự Minh triết chỉ có được là bằng cách quan sát những tư tưởng từ trong lòng chúng ta sanh ra ...'

(1) Những lý do đã nói nơi trường 140 (Doctrine Secrète).

'Con không bao giờ ghi dấu dặng thật thâm sâu trong đầu
những kẻ mà con dạy vài điều huyền môn.'

(còn tiếp)

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN
=====

Tập số 35

Đoạn Thánh kinh thứ VI, Câu 4

(tiếp theo)

Đây là những Câu trích lục rút trong bức thơ khác, cũng do Đảng Ủy quyền ấy viết, để trả lời vài điều dị luận đã đưa ra trước Đức Giáo chủ. Những điều dị luận này căn cứ vào các lý lẽ vừa khoa học, vừa vô ích nói về cơ hội thuận tiện để hòa giải những lý thuyết huyền môn với những quan sát khoa học tân tiến. Chúng nó do một người Thông Thiên Học trẻ tuổi viết ra với ý định đề phòng kẻ chống đối với 'Giáo lý Bí truyền' và vấn đề hiện hữu. Chúng ta chỉ-trích rằng nếu có thật những bầu thế giới bạn 'thì chúng nó sẽ rất ít vật chất hơn là bầu thế giới chúng ta! 'Vậy tại sao ta không thấy chúng nó?'

Câu trả lời như vậy : 'Nếu người ta hiểu rõ hơn những lời dạy về tâm linh và tinh thần, thì người ta cũng sẽ chẳng có ý gì về sự không vững chắc của bầu thế giới như đó. Nếu người ta không chịu khó để giải hòa điều gì không thể giải hòa được - nghĩa là khoa hình-nhĩ-thượng-học và tinh-thần-học với khoa triết lý hữu hình và tự-nhiên - danh từ 'tự-nhiên' (đối với các người hoa học) là đồng nghĩa với chất trước sự tri giác của những giác quan xác thật họ -, thì không thể đoạt được sự tiến hóa thật sự được. Bầu trái đất của chúng ta - như người ta đã nói lúc đầu - là ở vào phía thấp của vòng cung đi xuống ; nơi đây, bản tính tri giác của chúng ta hiện lên trong hình thức thô kệch nhất của nó.... Như đó, những bầu thế giới che bóng cho trái đất ta là đúng lý mà thôi ; chúng nó ở trên các cõi

khác và cao hơn. Tóm lại vì là bầu thế giới, chúng nó 'Đồng là Đơn vị' chớ chẳng phải 'đồng tính chất' với Trái đất ta, nhưn đó chúng thuộc về một trạng thái tâm thức khác. Hành tinh của ta (như mọi hành tinh khác mà chúng ta ngó thấy) đều thích hợp với trạng thái đặc biệt của dân chúng con người của nó ; cái trạng thái này làm cho chúng ta thấy - bằng mắt trần - những thiên thể đồng tính ba với cõi chúng ta, và đồng chất với trái đất, cũng như với các dân cư của nó, giống như các hành tinh Jupiter, Mars và những hành tinh khác, đều có thể thấy cái thế giới của chúng ta : bởi vì các cõi tâm thức của chúng ta chỉ dị biệt từ 'độ' và chúng nó đồng loại với nhau, và đồng ở trên lớp chất khí đã biến-dị ... Đây là những điều mà tôi (Bà Blavatsky) đã viết : 'Tiểu Ngời nghĩ (Pralaya mineur) chỉ nói về xâu thế giới nhỏ của chúng ta (chúng ta gọi là 'Dãy hành tinh' trong thời kỳ hay bị lộn xộn về danh từ) ... Bầu thế giới của chúng ta thuộc về một trong những Hành tinh này. Điều này phải chỉ tỏ rõ-ràng rằng : những Hành tinh khác cũng là những 'xâu' những 'Dãy'. Nếu lời chỉ trích của chúng ta chỉ hé thấy dạng cái dáng hình lò mò của những 'Hành tinh' này, trên những cõi cao hơn, thì nó phải vén tận những vầng mây mỏng thanh khí của cõi Trung.giới ở giữa nó và cõi kế cận.'

Vậy, để cho chúng ta hiểu tại sao chúng ta không thể thấy dù với những thiên văn kính tốt nhất cái gì ở ngoài thế giới vật chất chúng ta. Chỉ có các Vị.mã chúng ta gọi là 'các Đấng Chơn Tiên' biết cách điều khiển trí huệ của các Ngài và di chuyển Tâm thức hồng trần và Tâm linh của các Ngài qua các cảnh khác của con người ; các Ngài có thể nói một cách uy quyền về đó ; và các Ngài nói với chúng ta rõ-ràng rằng :

'Các con hãy sống một đời sống cân kíp để hoạch đắc sự hiểu biết và những thân thông này ; và sự Minh triết sẽ đến với con một cách tự nhiên. Khi mà con có thể để tâm thức của con đồng nhịp với bất cứ một trong 7 sợi dây đàn của 'Tâm thức Hoàn

câu', thì những sợi dây này chạy dài trên mặt đàn của Vũ trụ và run rẩy từ thời gian lai sanh này đến thời gian lai sanh khác, khi mà con người đã học tận cùng cái 'Âm nhạc của các bầu thế giới', thì chỉ chừng ấy thôi, con sẽ có mọi tự do chia sẻ sự hiểu biết của con với những người nào mà con đã cận thận trong sự chia sẻ ấy. Trong khi chờ đợi, các con hãy cẩn thận. Chớ tiết lộ cho dân tộc hiện nay của chúng ta những Đại Chơn lý vốn dĩ là gia tài của các Giống dân tương lai. Chớ răn sức tiết lộ sự bí mật của 'Con Người' và của 'Đấng không phải Con Người' cho những ai không hiểu được ý nghĩa bí ẩn của 'Cây đàn 7 dây của Thần Apollon' là chiếc Thất Huyền cầm của Trời chói sáng ; trong mỗi dây của Thất Huyền cầm có tâm linh, có linh hồn và có cái vía của Vũ trụ này. Chỉ cái vỏ của Vũ trụ đều xa vào tay của khoa học tân tiến. Các con hãy cẩn thận ; Chúng ta nói cẩn thận và khôn ngoan. Và trên hết, các con nên thận trọng mà biết những người thọ lãnh lời dạy của con, tin tưởng cái gì, e rằng : trong khi họ tự bị phỉnh gạt, họ lại phỉnh gạt kẻ khác ... : bởi vì đó là số phận của ^{mọi} chơn lý chưa trở thành quen thuộc với con người. Tốt hơn là để các Dây hành tinh và các sự bí ẩn của Trên và Dưới Vũ trụ trong xứ mộng, cho các người nào không thể thấy, và cũng thể tin điều mà kẻ khác thấy đặng.'

Rất tiếc là trong chúng ta, ít có người tự bắt buộc mình phải theo lời chỉ dạy khôn ngoan này. Và nhiều hạt trân châu vô giá, nhiều món nữ trang Minh triết đã bị đưa vào tay kẻ nghịch không thể hiểu được giá trị của chúng nó, và chúng nó sẽ trở về với chúng ta để làm khổ chúng ta.

Đức Chơn sư có viết cho 2 vị 'đồ đệ thế tục' như Ngài gọi tác giả quyển 'Bouddhisme ésotérique' và một người nữa, là Bạn của người trước, một trời gian như vậy : 'Các anh có tưởng tượng rằng : Trái đất của chúng ta là một thành phần của Khóm Hành tinh gồm bảy, hay là những bầu thế giới có nhưn loại (bảy bầu Hành tinh này là bảy Bầu Hành tinh linh thánh của thời xưa) và

chúng nó luôn luôn gồm bảy sức thúc đẩy của sự sống, hiện nay đi đến A, hay nói rõ hơn, nó có bốn phần trở thành A, thì chỉ là cát bụi vô trụ (một trung tâm Laya) ... vân vân ...

Trong những bức thơ chót này, (trong đó phải bày ra danh từ và tạo ra từ ngữ) danh từ 'những mắc' đôi khi trở thành 'Những cuộc Tuần hườn' và 'Những cuộc Tuần hườn' trở thành 'Chu kỳ của sự sống' và trái ngược lại. Đức Giáo chủ viết cho vị thông tín viên khi y cho rằng : 'một cuộc Tuần hườn' là 'một khoen của đời sống'. Ngài viết như vậy : 'Tôi tin rằng điều đó, về sau, sẽ tạo ra sự lộn xộn mới. Tất cả chúng ta đều đồng ý gọi một 'cuộc Tuần hườn' là sự đi qua của vị Chơn Thân (La Monade) từ Bầu A đến bầu G hay là Z ...' Danh từ 'khóm của đời sống' là đúng. Hãy khuyến khích đặc biệt M ... đồng ý với bảng ngữ vựng, trước khi đi xa hơn ...'

Dẫu vậy, cũng có nhiều sai lầm xen vào những lời dạy đầu tiên, do sự lộn xộn đó. Cho chí những Giống dân đôi khi cũng lộn với 'Các cuộc Tuần hườn' và 'các khoen'. Trong quyển 'Man, Fragment of a Forgotten Truth', có những sai lầm giống như thế. Đức Chơn Sư có viết rằng : 'Như tôi không được phép cho anh biết trọn cả sự thật, cũng không thể bộc lộ những tiểu số (fractions) lẻ loi... Tôi không thể làm thỏa mãn anh được.'

Điều này trả lời câu hỏi : 'Nếu chúng ta có lý, thì số kết chung dự tính của đời sống thuở có loài người là 637'... vân vân... Cho những câu hỏi thuộc về số thì câu trả lời như vậy : 'Anh hãy giải quyết bài toán đó '777 kiếp' ... và dẫu tôi bị bắt buộc phải nhận nói với anh về đó ... Tuy nhiên, nếu anh tự tìm được bài giải đáp, thì bốn phần của tôi là phải nói cho anh biết.' Nhưng điều này không như định và nếu không có nói tiếp những sự khó khăn, những sự lộn xộn mãi tái diễn.

Chính Giáo lý về sự tạo lập gồm bảy của những thiên thể và đại vô trụ, - (như đó mới có sự chia gồm bảy của tiểu vô trụ hay con người) - đến nay vẫn là những luận cứ về Huyền môn

thượng thặng. Thuở xưa, người ta chỉ tiết lộ nó vào lúc Điểm Đạo mà thôi, nghĩa là lúc người ta cho biết số linh-thánh của các Chụ kỳ. Bây giờ, chúng ta hãy nói -(như một tờ Tạp chí Thông Thiên Học đã báo trước)- ⁽¹⁾ rằng : lúc ấy người ta không dự định bộc lộ tất cả hệ thống võ trụ, và người ta cũng không nghĩ rằng : điều này có thể làm đặng, trong lúc đó, -(là lúc phải trả lời vô số câu hỏi của tác giả quyển Bouddhisme ésotérique)- thì chỉ giải bày vài chỗ mà thôi.

Trong những câu hỏi này, có những câu liên đới với những bài toán đồ như câu : 'Không một Đức Chơn sư nào, dù cao cả và độc lập đến đâu, cũng không có quyền trả lời mấy câu hỏi đó, và tiết lộ như thế cho đời biết những bí ẩn được kính trọng nhất và là xưa nhất của các đền thờ và trường học Đạo cũ kỹ.' Như đó, chỉ có bộc lộ vài giáo lý mà chỉ nói một cách tổng quát mà thôi ; còn những chi tiết luôn luôn được giấu nhem ; và mọi cố gắng để thấu hoạch các sự hiểu biết thêm về đó đều một mực và luôn luôn vô bổ.

Đó là điều hoàn toàn tự nhiên ! Bốn cái Vidyâs -(rút trong Bảy Nhánh Hiểu biết mà người ta nói trong Puranas)- nghĩa là Yajna Vidyâ (làm nhiều nghi lễ tôn giáo để đạt ^{vai} kết quả), Mahâ Vidyâ (là Đại Hiểu biết hiện giờ hư hoại trở thành sự cúng kiến) (Tantrika), Guhya Vidyâ (là khoa thân chú, và đúng nhíp của chúng nó khi ngâm những câu hát bí ẩn vân vân ...) và Atmâ Vidyâ hay là sự Minh triết Tinh thần và Thiên liêng thật sự. - Chỉ cái Atmâ Vidyâ này là Thánh kinh chót - có thể rải một ánh sáng cuối cùng và tuyệt đối trên các lời dạy về ba cái Vidyâs trước kia. Không nhờ Atmâ Vidyâ giúp đỡ, mấy cái Vidyâs kia chỉ là những Khoa ngoài mặt, những bê đơ kỹ-hà-học, có bề dài, bề ngang, mà không có bề sâu !

(1) Lucifer, 1888, Mai.

Chúng nó hơi giống với linh hồn, tứ chi và cái trí của một người đang ngủ. Chúng nó khả năng làm những cử động máy móc, nằm chiêm bao rời rạc, cho chí vừa ngủ vừa đi. Chúng nó có thể tạo ra nhiều hậu quả thấy được ; nhưng những hậu quả này sanh ra bởi những lý do tự nhiên, chớ không có tính toán trước, và nhất là không do sự thúc đẩy tinh thần, với tràn đầy ý thức. Người ta có thể dạy và giảng nhiều về ba khoa Vidyâs thứ nhất, nhưng cái chìa khóa của sự dạy dỗ này, khoa Atmâ Vidyâ không trao lại ; chúng nó giống như những thành phần của một quyển sách không có tựa ; chúng nó giống như cái bóng của các Đại Chơn lý, cái bóng vừa mới trông thấy bởi các Vị Tinh thần nhất, nhưng đã bị biến dạng do những kẻ muốn đóng đinh trên vách tường bất cứ một bóng nào !

Còn một điều khó xử cho cái trí của các học giả nữa, khi họ phải đứng trước một sự trình bày bất toàn của giáo lý tiến hóa về Chơn Thân. Muốn thấu triệt cái giáo lý này trọn vẹn, thì phải vừa quan sát chính sự diễn tiến của nó, và sự diễn tiến của sự sanh hóa các Bâu Thế giới, và vừa quan sát nó dưới trạng thái siêu hình nhiều hơn là dưới trạng thái mà chúng ta gọi là 'thông kê', nghĩa là trạng thái đó chỉ trình bày những số và chữ số : bởi vì sự sử dụng đầy đủ những số và những chữ số ít khi được phép. Rủi thay, chỉ có ít người quan sát cách siêu hình mấy giáo lý đó mà thôi. Tác giả Phương Tây hảo hạng viết về chính đề tài đó trong quyển sách của Ông, trong lúc Ông nói về sự tiến hóa của Chơn Thân : 'Chúng ta hiện nay không lo về phần siêu hình thuần lý như thế đó.'⁽¹⁾ Nhưng, lúc bấy giờ như vị Chơn Sư của Ông đã nói : 'Tại sao giảng một giáo lý ? Tại sao có tất cả việc làm cực nhọc ấy ? Và tại sao có chuyện lợi ngược đó ? Tại sao Phương Tây lại học với Phương Đông ?...'

(1) Bouddhisme ésotérique, trang 73.

Cái điều không bao giờ làm thỏa mãn dạng thị-hiếu đặc biệt của nhà trọng mỹ thuật ! ' Và Ngài lưu ý vị thơ tín viên của Ngài về những nỗi khó khăn to lớn mà các vị Chơn Tiên gặp phải mỗi lần các Ngài răn giảng về sự siêu hình cho tinh thân Tây Phương.

Và, phải như thế mới đặng, bởi vì không có sự siêu hình, thì không có một triết lý huyền môn nào, một sự huyền linh nào có được. Cũng như người ta răn các nghĩa lòng hoài bão, tình thương yêu, lòng bác ái và sự oán ghét, những việc mật thiết nhất, linh thánh nhất của linh hồn và trí óc con người sống bằng cách miêu tả sự giải phẫu của ngục và của óc.

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

NHỮNG LỜI GIẢI THÍCH VỀ
ĐOẠN THÁNH KINH DZYAN THỨ VI, CÂU 4.

Tập số 35

Những sự kiện bổ xung và những lời giải thích về các
bầu và các Chơn thân.

Giờ đây, chúng ta hãy quan sát hai luận cứ mà chúng ta vừa nói ở trên, và đã đề cập trong quyển 'Le Bouddhisme ésotérique', và chúng ta ^{sức} thêm vào :

'Những sự kiện bổ xung và những lời giải thích về các bầu và các Chơn thân.'

Chúng ta hãy kể lại hai câu trong quyển 'Le Bouddhisme ésotérique' và những ý kiến của tác giả :

' ... Những Chơn thân tinh thần không hoàn tất trọn vẹn đời sống kim thạch trên bầu A, nhưng chúng nó hoàn tất trọn vẹn trên bầu B, và vân vân ... Chúng nó đi nhiều lần xung quanh trọn vòng tròn như là kim thạch, rồi đi nhiều lần như là thảo mộc và đi nhiều lần như là thú cầm. Chúng ta, hiện nay, cố ý không cho chữ số vân vân và vân vân ...'

Đó là điều khôn ngoan giữ kín số và chữ số. Hiện nay, người ta có một phân buông lỏng, nhưng có lẽ tốt hơn là nên cho những số thật ; những số này điều khiển những cuộc tuần hườn và những chu kỳ tiến hóa, hoặc giả đưng cho gì tất cả. Ông Sinnett hiểu rõ sự khó khăn này, khi Ông nói :

'Vì những lý do khó đoán được cho công chúng, các nhà hiểu biết huyền môn đặc biệt ít sẵn sàng đưa ra những sự kiện liên quan đến võ trụ: mặc dù khó cho những vị chưa được điểm Đạo hiểu lý do của sự cố ý này.'

Tự nhiên có lý do về đó. Tuy nhiên, chính vì sự ẩn ý này mới sanh ra đa số ý niệm lộn xộn của vài người đệ tử phương Đông cũng như phương Tây. Những nỗi khó khăn, mà sự nhìn nhận hai luận cứ trên, gặp phải rất là vĩ đại, bởi vì chính không có cái luận cứ gì mà người ta có thể nương tựa được. Mà như thế đó : bởi vì như Đức Chơn sư đã có một lần tuyên bố, người ta không thể đưa ra những số thuộc về những bài toán Huyền môn, ngoài vòng của người đệ tử (Chéla) - (Chéla là người đệ tử Huyền môn đã được nhập môn, dưới sự điều khiển của một vị Sư phụ (Gourou) mà y có liên đới vài môn đệ) - và các người Chéla này không thể vi phạm nhiều cái luật này.

Để các nghĩa sự việc rõ ràng hơn mà không chạm đến toán số của Giáo lý, người ta có thể mở rộng lời dạy và giải đáp vài điểm tối tăm. Như sự tiến hóa của những hữu thể và những Chơn thân đều ăn khớp nhau chặt chẽ, nên chúng ta sẽ hiệp một 2 giáo lý này. Nói về Chơn thân, xin đọc giả lưu ý rằng : cái triết lý phương Đông gạt bỏ giáo lý Tây phương rằng : một linh hồn mới được tạo thành đều được chuẩn bị cho đứa trẻ sơ sinh : bởi vì cái giáo lý ấy cũng ít triết học và khó cho sự cân kiệm thiên nhiên. Số Chơn thân phải giới hạn. Chúng nó phải tiến hóa và trở nên hoàn toàn dần dần, nhờ thu nhập liên tiếp những phạm trù ở mỗi kỳ tái kiếp Manvantara.

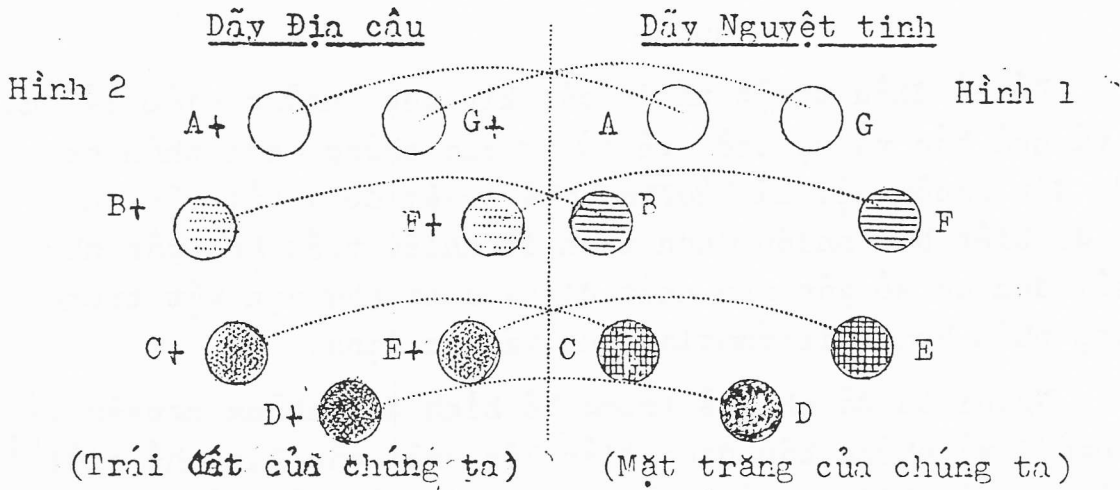
Đó là điều tuyệt nhiên cần kíp cho những giáo lý luân hồi và quả báo và sự trở về từ từ của những Chơn thân con người đến nguồn cội là PhúcThượngGiê tuyệt đối. Bởi vậy cho nên, dù biết bao nhiêu Chơn thân ít nhiều tiến hóa gần như vô số, đều có số gần như nhứt định, cũng như vạn vật trong vũ trụ phân hóa (differentiation) và hạn định.

Người ta đã chỉ vẽ trong Đồ hình đôi những nguyên lý con người và những bầu đang tiến lên trên các Dây thế giới⁽¹⁾ có một sự kết liên trường cửu giữa nhân và quả, và một sự tương tự toàn vẹn ngự trị khắp cùng ; nó nối liền mọi nẻo tiến hóa. Cái này là nguyên nhân cái kia - nói về các bầu cũng như nói về các phạm nhơn. Nhưng chúng ta hãy khởi sự lúc đầu.

Chúng ta vừa đưa ra một phác họa chung cho sự diễn tiến của những Dây hành tinh được kế tiếp tạo thành. Muốn ngăn chặn những sự lầm lẫn về sau, người ta có thể thêm vài chi tiết đem ánh sáng trong lịch sử loài người ở Dây của chúng ta (là Dây do ^{dây} Nguyệt tinh làm ra).

Trong Đồ hình số II này, nơi hình 1 tượng trưng 7 bầu của Dây nguyệt tinh, lúc cuộc tuần hườn thứ bảy hay cuộc tuần hườn chót, và hình 2 tượng trưng Dây Địa cầu sẽ sanh sau, chưa ra đời. Bảy bầu của mỗi Dây đều khác nhau do thứ tự của chu kỳ bằng những chữ từ A đến G, và những bầu của Dây Địa cầu lại ghi bằng chữ thập (+), ấy là biểu hiệu của Trái đất.

(1) Xem lại Đồ hình trang 270.



Đồ hình số II

Đồ hình này phải xem từ phải qua trái.

Giờ đây, nên nhớ rằng : những Chơn thân xoay xung quanh một Dãy Hành tinh đều chia làm Bảy Nhóm, hay Bảy Trật tự, tùy theo bậc tiến hóa của họ về tâm thức và về tài năng. Vậy, chúng ta nên noi theo thứ tự xuất hiện của chúng nó trên bầu A, lúc cuộc tuần hoàn thứ nhất. Khoảng thời gian chia cách sự xuất hiện của những cấp bậc này, trên một bầu, đã được chỉnh đốn hẳn hoi, nên khi cấp bậc Bảy là cấp bậc chót hiện lên trên Bầu A, thì cấp bậc I là cấp bậc thứ nhất mới đi qua bầu B, và cứ liên tiếp như vậy mãi, từ từ, trọn cả Dãy.

Cũng y như thế, trong cuộc tuần hoàn thứ Bảy của Dãy nguyệt tinh, khi cấp bậc thứ bảy là cấp bậc chót, rời bỏ bầu A, thì bầu này trong khi ngủ mở màng, như trong các cuộc tuần hoàn trước, lại khởi sự chết (nghĩa là đi vào trạng thái nghỉ ngơi của hành tinh),⁽¹⁾ và trong khi nó hấp hối, nó lần lượt đi

(1) Nhà Huyền học sắp đặt những thời kỳ nghỉ ngơi ra nhiều loại : có nghỉ ngơi cố định qua lối bầu, xảy ra lúc nhân loại và sự sống di chuyển đến bầu kế tiếp. Như đó mới có bảy

chuyển như chúng ta vừa nói, những nguyên lý của nó (hay những yếu tố sống và nghị lực) cái này nói cái kia đến một điểm laya (là điểm biên cái) mới, để khởi sự làm ra bầu A cho Dây Địa cầu. Sự diễn tiến như thế đều xảy ra cho mỗi bầu của Dây nguyệt tinh và mỗi bầu của Dây nguyệt tinh lần lượt tạo thành như thế đó một bầu mới cho Dây Địa cầu. Mặt trăng là bầu thứ tư của Dây Nguyệt tinh, nó cũng ở cùng một cõi được nhìn thấy như cõi trái đất của chúng ta. Nhưng Bầu A của Dây Nguyệt tinh không hoàn toàn (chết) trước khi các Chơn thân đầu tiên của hạng đầu đã đi từ bầu G hay Z - là bầu chót của Dây Nguyệt tinh, qua cõi Niết Bàn. Nơi đây chỗ chúng nó giữa 2 Dây. Và cũng y như thế đối với các bầu đối xứng khác của Dây Địa cầu.

Đoạn, khi bầu A của Dây mới tạo thành đã sẵn sàng, thì hạng thứ nhất hay cấp bậc Chơn thân thứ nhất của Dây Nguyệt tinh mới đầu thai trên bầu ấy, trong loài thấp nhất, và cứ như thế mãi. Rốt cuộc, chỉ có các Chơn thân hạng nhất đạt đến trình độ tiến hóa con người, trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, còn các hạng Chơn thân thứ nhì trên mỗi bầu, vì đi đến trễ hơn, nên không có ngày giờ đạt đến trình độ tiến hóa nói trên. Nhưn đó mà những Chơn thân hạng ba chỉ đạt đến buổi đầu của cuộc tiến hóa con người tại cuộc tuần hoàn thứ nhì, và cứ như vậy cho mãi cho đến chính giữa cuộc tuần hoàn thứ tư. Nhưng về điểm

tiếp theo nơi cuối trang 304 -

thời kỳ Pralaya trẻ trong mỗi cuộc tuần hoàn. Cuộc Pralaya hành tinh đến, khi 7 cuộc tuần hoàn đã được bổ túc. Cuộc Pralaya mặt trời đến, khi trọn cả hệ thống đã chấm dứt, và rồi cuộc Pralaya vũ trụ là Maha hay là Brahma Pralaya đến là khi nào hết tuổi của Brahma (311.040.000 triệu năm), (còn ngày của Brahma hay là Maha Manvantara là 4320 triệu năm) (Dict. Khéa). Đó là những Pralaya chánh hay là 'thời gian phá hoại'. Có nhiều Pralaya trẻ, nhưng hiện nay chúng ta không phải lo đến chúng nó.

này, - và trên cuộc tuần hườn thứ tư này - là nơi phát triển đầy đủ cái giai đoạn làm người - 'Cánh Cửa' đất đến loài người đã bị đóng, và kể từ nay số Chơn thân 'Con người' nghĩa là ở giai đoạn mở mang về con người đã đầy đủ. Những Chơn thân không đạt dạng, lúc này, cái giai đoạn con người, thì do chính sự kiện tiến hóa nhưn loại, sẽ ở rất hậu-tập, nên chúng nó chỉ đi đến trình độ con người vào cuối cuộc tuần hườn thứ bảy, nghĩa là cuộc tuần hườn chót. Chúng nó, vì vậy, sẽ không làm người trong Dãy này ; mà chúng nó sẽ tạo thành nhưn loại của một Đại kiếp (Manvantara) ở tương lai ; và chúng nó sẽ được tăng trưởng bằng cách trở thành những 'Con người' trên một Dãy cao hơn Dãy của chúng ta ; nhưn đó, chúng nó tiếp nhận được sự bồi thường do Nhân quả. Theo Luật đó, chỉ có một ngoại lệ, do lý chánh đáng mà chúng ta sẽ nói về sau. Nhưng đó là sự dị biệt giống nòi.

Bây giờ, người ta thấy rõ rằng sự tương tựa giữa Thiên nhiên trong Võ trụ và các nhân con người là bao ! Con người sanh ra trong chu kỳ một kiếp rồi chết ; những 'Nguyên lý cao' của y - trong sự mở mang một Dãy hành tinh, liên quan đến những Chơn thân đang tiến hóa, sẽ di chuyển qua cõi Dévakhan (Thiên Đàng) tương như 'cõi Niết Bàn' và những trạng thái nghỉ giữa 2 Dãy. Những 'Nguyên lý thấp' của con người tan rã với thời gian ; và Thiên nhiên dùng sự tan rã đó để đưa ra những nguyên lý mới. Sự diễn tiến giống như vậy cũng đã xảy ra lúc các thế giới tan rã và tạo thành. Sự tương tựa này là một sự đất dẫn chắc chắn nhất để hiểu Giáo lý Huyền môn.

Đó mà một trong 'Bảy Bí mật của Mặt trăng' này đã được tiết lộ ra. Bảy 'cái Bí mật' được các nhà Nhật bốn Yamabōshis (là những nhà bí ẩn của Giáo phái Lão tử và Tu sĩ ép xác Kioto) gọi là những Dzen oodoo, là 'Bảy Nữ trang'. Những các nhà tu ép xác và các vị Phật-tử Nhật bốn đã được Điểm Đạo và các nhà

Trung Hoa - nếu có thể -- đều ít sẵn sàng hơn là những Ấn Độ để bày tỏ lòng mình về vấn đề này.

Nhưng độc giả đừng quên lưu ý đến những Chơn Thân hoặc luân lỵ học điều gì hơn bản tánh của chúng nó ; học nhiều chủng nào càng tốt chủng này, mà không đi vào những bí ẩn cao siêu nhất, bởi vì tác giả không dám biết đến lời cuối cùng.

Người ta có thể chia đạo-bình Chơn Thân làm ba hạng :

1) Hạng Chơn Thân tiên hóa nhất - là những vị Thiên Thân Nguyệt tinh thay là 'những 'Thân-Linh' (les Esprits) bên Ấn Độ gọi là 'Pitris' ; các Ngài có nhiệm vụ, trong Cuộc Tuần hườn I di chuyển trong Chu kỳ của ba loài (kim thạch, thảo mộc và thú cầm) dưới hình thức của chúng nó bằng dĩ thái, nhẹ nhàng nhất, đơn giản nhất và lộ mở như hơi nước nhất, hầu đảm đương và đồng hóa với bản tánh của những Dây mới tạo thành. Đó là những Chơn Thân có hình người luân đầu tiên - (nếu có thể có hình-thức trong một cõi gân như chủ quan) - trên Bầu A trong cuộc Tuần hườn I. Vì vậy, chính những Chơn Thân này dắt dẫn và đại diện cho yếu tố con người trong các cuộc Tuần hườn II và III và chính chúng nó, rốt cuộc, tiến về số, lúc đầu cuộc Tuần hườn thứ tư, cho hạng Chơn Thân thứ nhì và hạng Chơn Thân kế tiếp.

2) Hạng Chơn Thân - đạt đến trình độ con người luân thứ nhất - trong ba cuộc Tuần hườn rưỡi đầu tiên và sẽ trở thành 'những con người'.

3) Hạng Chơn Thân trẻ bước vì lý do chúng ngại như quả. Chúng nó không đạt đến trình độ con người trong Chu kỳ của chúng ta hay là trong những cuộc Tuần hườn của chúng ta, trừ phi một ngoại lệ mà chúng ta sẽ nói về sau, như chúng ta đã hứa.

*
* * *

GIÁO-LÝ BÍ-TRUYỀN
=====

Tập số 37

NHỮNG LỜI GIẢI THÍCH VỀ
ĐOẠN THÁNH KINH DZYAN THỨ VI, CÂU 4.
(Tiếp theo)

Chúng ta bị bắt buộc phải dùng, như nói ở trên, danh-từ " Con Người ". Điều này chỉ tỏ rõ-rệt ngôn-ngữ Phương Tây dùng để phân-biệt sự tế-nhi là ít-òì dường bao! Tri-giác cho biết rằng : " những con người này " không giống nơi con người ngày nay về hình dáng và về bản tánh. Vậy tại sao - người ta có thể hỏi - gọi họ là " những con người " ?

Bởi vì không có danh-từ nào khác trong ngôn-ngữ Phương Tây để diễn-tả ý-niệm mà người ta muốn nói. Danh-từ " con người " ít ra chỉ tỏ rằng: các sanh-linh này là những " Manus ", những linh-hồn biết suy-nghĩ - dù khác nhiều về hình-thức và trí-thức với con người hiện-thời. Thật ra, về phần tinh-thần và về sự khôn-ngoại chúng nó quả là " Thần Thánh " chứ chẳng phải con người.

Sự khó-khăn về ngôn-ngữ sẽ diễn lại, khi người ta muốn miêu-tả " những trình-độ " mà các Chơn-Thần phải đi qua. Nói về cách siêu-hình-học, thì dĩ-nhiên là vô-lý, khi đề-cập đến sự phát-triển của một Chơn-Thần hay nói rằng: Chơn-Thần trở thành " con người ". Nhưng, một chút xiểu ý-toan bảo-tồn sự đúng-đắn về siêu-hình-học trong việc sử-dụng một ngôn-ngữ Tây Phương nào, cần ít nhứt ba quyển sách nhiều hơn ; và điều này sẽ kéo theo biết bao nhiêu câu lập đi lập lại, khiến nghe khó chịu. Cố-nhiên, một Chơn-Thần không thể tiến-hóa, cũng không thể phát-triển, và cũng không chịu ảnh-hưởng bởi sự biến-đổi của trạng-thái mà nó đi qua. Một Chơn-Thần là một vật không phải ở thế-giới này, không phải ở cõi này; nó có thể chỉ so-sánh với một Ngôi Sao Ánh Sáng và Lửa Thiên , bất-hoại, ném xuống trái đất chúng ta như là một tấm ván cứu-tình

cho những phàm-nhơn, mà nó ở trong đó. Chính các phàm-nhơn này phải bám lấy, và trong khi chúng nó tham-dự vào bản-tánh thiêng-liêng nên có được sự trông-cửu. Nếu để một mình, Chơn-Thần không bám víu vào ai được; mà nó như là một miếng ván ; nó đầu-thai, và bị dòng nước tiến-hóa luôn luôn mang đi.

Sự tiến-hóa về hình-thức bên ngoài, hay là xác-thân, xung quanh cái viá, đều theo ảnh-hưởng của mãnh-lực trái đất, cũng như trong trường-hợp của các loài thấp kém. Nhưng sự tiến-hóa của con người thật hay là " con người bên trong " thì thuần-túy tinh-thần. Bấy giờ, không phải là cảnh bước qua của Chơn-Thần vô-ngã trong những hình-thức phức-tạp và dị-biệt của vật-chất - (những hình-thức này có nhiều lắm là bản-năng (instinct) và tâm-thức trên một cõi hoàn-toàn dị-biệt) - như trong trường-hợp tiến-hóa bên ngoài. Nhưng chính đó là một cuộc lữ-hành của " Linh-Hồn của kẻ Hành - Hương " xuyên qua các trạng-thái dị-biệt, chẳng những về vật-chất, mà còn về chính tâm-thức và chính tri-giác, hay là sự tri-giác từ chỗ trực-giác phát-lộ ra ngoài.

Từ chỗ trạng-thái tinh-thần vô-tâm-thức và từ chỗ trạng-thái Khôn-Ngoan - Chơn-Thần đi ra, bước qua hai cõi thứ nhất, đứng rất gần với Đấng Tuyệt-Đối - để có một sự quan-hệ nào với một cõi thấp kém.- Chơn-Thần đi ngay xuống cõi Thượng-Giới. Nhưng trong võ-trụ, không có cõi nào, có một lẽ-lối rộng-rãi hơn, một sân-trường hoạt-động rộng lớn hơn là cõi Thượng-Giới. Cõi này có nhiều bực-gàn như vô số- về những đức-tánh tri-giác và cảm-giác. Và nó lại có một cõi thấp thích-ứng với " mỗi hình-thức " của Chơn-Thần kim-thạch, lúc mà sự tiến-hóa làm cho Chơn-Thần đó nảy-nở và trở-thành Chơn-Thần Thiêng-Liêng. Nhưng, trong tất cả thời-gian ấy, nó luôn luôn vẫn là một cái duy-nhất và cũng là một cái Chơn-Thần y như vậy. Nó xem dường chịu ảnh-hưởng của sự biến-đổi chỉ nhờ những kiếp và những chu-kỳ kế-tiếp mà nó đi xuyên qua - những chu-kỳ đó là những chu-kỳ tối-tăm từ phần hay trọn vẹn của tinh-thần hay vật-chất - là hai cực-đoan trái ngược - tùy theo lúc nó đi lên cõi tinh-thần của trí, hay lúc nó đi xuống trong cõi âm-u của vật-chất.

Chúng ta hãy trở về với Bouddhisme ésotérique:

Lời xác-ngôn thú nhì liên-quan đến thời-buổi vĩ-đại xen vào giữa đời kim-thạch trên Bầu A với đời " con người " - (danh-từ " đời con người " là do sự cần kíp cho một tên cho loài thú tư, theo sau loài cầm-thú, dù thật ra, " con người " trên Bầu A - trong cuộc Tuần Hườn thú nhất, chẳng phải là con người, mà chỉ là cái " mô-phạm " con người, cái hình-ảnh không bề đo " con người đi từ cõi Trung-Giới đến. Đây là đoạn mà ta đề-cập đến.

Sự phát-triển đời kim-thạch trên Bầu A được hoàn-bì là chuẩn-bì con đường nảy-nở cho loài thảo-mộc. Và , vừa khi con đường thảo-mộc mới khởi-sự, thì luồng thần-lực của kim-thạch lại đổ vào Bầu B. Khi sự nảy-nở của thảo-mộc trên Bầu A đã hoàn-bì và sự nảy-nở của thú-cầm tại đó đã khởi-sự, thì luồng thần-lực thảo-mộc đã đến Bầu B, còn luồng thần-lực kim-thạch, thì đi qua Bầu C. Chính đó mà, chung qui lại, đến luồng thần-lực " con người " ; nó đến trên Bầu A." (I)

Và vì vậy mà luồng/^{sống}thần-lực loan truyền ra ba Cuộc Tuần Hườn, cho tới lúc nó chậm bước lại, và rớt cuộc ngừng tại ngưỡng-cửa của Bầu chúng ta, trong lúc cuộc Tuần-Hườn thú tư. Nó ngừng lại: bởi vì đó là thời-kỳ con người - (con người xác-thịt thật - sự phải đến) (of the true physical men to be) Cuộc Tuần-Hườn thú bảy đã đạt đến. Chính thật vậy: bởi vì người ta nói rằng :

Có những diễn-tiến tiến-hóa xảy ra trước loài kim-thạch, như đó có một lượng sống = hay những lượng sống - tiến-hóa - xảy ra trước lượng sống kim-thạch, trong lúc nó triển sang xung-quanh các Bầu ". (2)

Giờ đây chúng ta nên kể một bài khác là: " Chơn-Thần kim-thạch " trong quyển " Five years of Theosophy " như sau :

" Có 7 loài . Loài thú nhất của 7 loài đó có 3 bậc tinh-hoa - hay là những trung-tâm sanh ra sức-lực - từ khi ở giai-đoạn thú nhất của sự phân-hóa của Mûlaprakriti (hay là Pradhâna là chất

(I) - trang 76.

(2) - cũng nơi trang 76.

khí đầu-tiên thuận-chất) - cho tới độ thứ ba của nó nghĩa là từ lúc hoàn-toàn vô-tri-thức cho tới bản tri-thức.

Loại thứ nhì + thuộc về nhóm cao hơn - gồm các loài từ thảo-mộc tới con người.

Vậy loài kim-thạch tạo nên điểm quan-trọng, hay trung-tâm, trong các trình-độ của Tinh-Hoa Chơn-Thần xem như một thần-lực đang tiến-hóa. Bà trình-độ (dưới vật-chất) về phần tinh-hoa, cõi kim-thạch, ba trình-độ của phần khách-quan vật-chất: như bảy dây nhỏ (thứ nhất hay đầu-tiên) của Dây đang tiến-hóa " (I)

" Đầu-tiên " như chúng ta vừa nói, bởi vì chúng nó còn chuẩn-bị (préparatoire) dấu thật ra chúng nó thuộc về sự tiến-hóa tự-nhiên. Đúng hơn là nói rằng : chúng nó thuộc về phạm-vi tiến-hóa tự-nhiên bổ-khuyết (sous-naturelle). Sự diễn-tiến này ngưng tại trình-độ thứ ba của nó, trên ngưỡng của thứ tư, khi nó trở-thành trình-độ thứ nhất thật-sự đi đến con người, (đó là theo cơ-đồ tiến-hóa tự-nhiên). Và như thế, nó tạo ra cùng với 7 loài, làm ra 10 loài. Số 10 đây là số Sephiroth. (2) Chính về điểm này, mới khởi-sự:

" Linh-hồn đi xuống trong vật-chất ngang bằng với một sự thăng-thiên trong sự tiến-hóa vật-chất. Linh-hồn từ cõi âm-u thấp nhất của vật-chất (là kim-thạch) đi đến hiện-trạng với một sự ly-tán đối-xứng về phần hữu-cơ cụ-thể - cho tới Niết-Bàn - là điểm chất-khí phân-hóa tiêu tan ." (3)

Thật ra, lúc ấy, tại sao người ta gọi một cách có lý, trong quyển " Bouddhisme Esotérique " là một " lượng sóng tiến-hóa " và một sự " thúc đẩy của kim-thạch, thảo-mộc, thú-cầm và con người " lại ngưng ở ngưỡng của của Bàu chúng ta, tại cuộc Tuần-Hườn thứ tư

(I) Danh-từ "vật-chất" đây có nghĩa là phân-hóa cho những mục-đích và những công-việc vô-trụ; Du sạo đi nữa, " phân vật-chất này " dù là khách-quan khi các nhơn-vật của các cõi khác tri-giác đặng, cũng là chủ-quan đối với chúng ta, trên cõi của chúng ta.

(2) Giải-thích Sephiroth - (nghĩa căn-bản là: số) Theo tư-diễn Rhea - thì Sephiroth là: những nguyên-ly của Trời, từ đặng Ain Sof sanh ra 10 Đức là : 1) tự-tượng 2) sự Minh-Triết 3) sự Khôn-Ngoan 4) sự duyên-dạng 5) sự cứng-rắn 6) sự Mỹ-lệ, 7) sự thăng-tran 8) sự vinh-quang, 9) sự lập-nên, 10) cõi của vua. Bảy Sephiroths thứ nhất gọi là Sephiroths cao. Bảy cái kia gọi là Bảy Sephiroths thấp để kiến-thiết. (Lời dịch-giã)

(3) PP 267 et seq.

hay Chu-Kỳ. Chính tại điểm này mà Chơn-Thần võ-trụ (Buddhi) hiệp nhất với tia-sáng Niết-Bàn và trở-thành một cái Thế, nghĩa là Thế Bồ-Đề thức-tỉnh trước sự tự-giác Atmâ và bảy giờ mới để bước thứ nhất trên chiếc thang mới tiến-hóa có 7 tầng. Chiếc thang này, về sau, phải đưa Chơn-Thần tới mức thứ mười của cây Sephiroth là ' Vương Mệnh ' (đọc từ phía dưới lên phía trên thang).

Tất cả trong võ-trụ đều có sự tương-tựa. " Dưới đất cũng như trên Trời "; con người là tiểu võ-trụ. Điều gì đã xảy ra trên cõi tinh-thần sẽ lập-lại trên cõi võ-trụ. Sự kết-thế theo con đường trừ-tượng: cái thấp nhất phải liên-hệ đến cái cao nhất; vật-chất phải liên-hệ đến tinh-thần. Như đó, cái " Vương Mệnh Sephiroth ' hay là Tam-Thế-Thượng (La triade supérieure) liên-hệ đến ba loài tinh-hoa, có trước hơn là loài kim-thạch. Và những loài tinh-hoa này -(để dùng ngôn-ngữ của người Cabale) (I) liên-hệ - (trong lúc phân-hóa võ-trụ) - đến giới hình-thể và vật-chất, từ cái tinh-thần siêu-việt cho chí Nghi-hình.

Một Chơn-Thần là gì ? Và những cái liên-hệ gì của nó với hột nguyên-tử. Câu trả lời sau đây căn-cứ vào lời giải-thích những câu hỏi trong bài đã kể (The Mineral Monad) và chính tác-giả viết bài đó. Về câu hỏi thứ nhì, thì người ta trả lời rằng :

" Chơn-Thần không có liên-hệ gì với hột nguyên-tử cả, hay với một phân-tử nào cả, như hiện nay khoa-học đã hiểu. Người ta không thể so-sánh nó với chất hữu-cơ nhỏ li-ti (phải dùng kính hiển-vi mới thấy được) mà thuở xưa người ta sắp chung với loại trích-trùng (infusoires) có nhiều vị-dịch (polygastriques) và hiện nay người ta hiểu như là những thảo-mộc theo loại rong biển, và người ta cũng không nhìn-nhận rằng đó là loại Monas des Péripatéticiens (là loại tiêu-dao học-phái). Về mặt vật-chất hay về mặt bẩm-sinh, Chơn-Thần kim-thạch chắc-chắn là dị-biệt với Chơn-Thần con người. Chơn-Thần con người không phải là vật-chất; nó có một sự cấu-thành không thể tượng-trung bằng những biểu-tượng và bằng những yếu-tố hóa học ". (2)

(I) Giải-thích Cabale là giáo-lý bí-mật, trong Cựu-Uớc-Kinh của người Do Thái.

(2) Op. cit. pp. 273 - 74.

Tóm lại, cũng^y như Chơn-Thần tinh-thần là một^{là} võ-trụ, là vô bờ bến, là không riêng rẽ - (dầu các tia-sáng của nó tạo ra điều mà vì dốt-nát, chúng ta gọi là "những Chơn-Thần cá-tánh" con người) - thì Chơn-Thần kim-thạch - (ở tại vòng cung đối chiếu của vòng tròn) - cũng là một; từ Chơn-Thần đó mà ra vô số hạt nguyên-tử hồng trần; và khoa-học khởi-sự xem như là cá-tánh-hóa.

" Bằng không, làm sao người ta có thể giải-thích một cách toá,-học sự tiến-hóa tăng-cường và sự đi xoáy tròn ốc của bốn loài? Chơn-Thần là sự phối-hợp của hai "nguyên-ly" chót trong con người; ấy là nguyên-ly thứ sáu và thứ bảy. Và muốn nói cho trúng danh-từ "Chơn-Thần con người" là chỉ áp-dụng cho Linh-Hồn đôi (Âme double) (Atmâ Buddhi) chớ chẳng phải cho cái nguyên-ly cao, là Atmâ, tinh-thần và linh-hoạt. Nhưng, nếu linh-hồn tinh-thần chia riêng với Atmâ, thì nó không thể có đặng; nên người ta gọi nó như thế.

... Tinh-hoa Chơn-Thần hay tốt hơn là tinh-hoa võ-trụ (nếu người ta có thể dùng danh-từ đó) dù cũng đồng chất với loài kim-thạch, thảo-mộc và thú-cầm, xuyên qua một dọc chu-kỳ, từ loài tinh-hoa thấp nhứt cho chí các vị Thiên-Thần; nó dị-biệt, tuy-nhiên, tùy theo bậc tiến-hóa của nó. Sẽ đi đến sự lầm-lạc, nếu người ta tưởng-tượng Chơn-Thần như là một sinh-vật riêng-biệt từ từ đi trên đường lộ riêng rẽ xuyên qua các loài thấp và này-nở, sau khi bị một loạt biến-đối vô cùng thành ra một con người; tỷ như Chơn-Thần của Humboldt thuộc về Chơn-Thần của một thứ đá lục (horn blende). Trong khi nói "Chơn-Thần kim-thạch" thì - (để dùng cú-pháp đúng hơn của khoa vật-ly-học) - phải phân hóa mỗi hạt nguyên-tử trình-bày cách khác và nói rằng: "Chơn-Thần đang bộc-lộ trong cái hình-thức Prakriti này được gọi là loài kim-thạch". Hạt nguyên-tử, tượng-trung trong giả-thuyết khoa-học, thường chỉ là một mảnh nhỏ của một sự vật nào đó; mảnh nhỏ này sau nhiều thời-đại, được linh-động bởi một điều tâm-linh để làm phát-triển ra một con người. Chính đó là một sự biểu-lộ cụ-thể của Thần-Lực Võ-Trụ - (chưa cá-tánh-hóa) - một sự biểu-lộ hậu-lai của "Monas" võ-trụ duy-nhất. Biến cả vật-chất không chia ra những giọt có

tiềm-thế năng-lực và kết-tạo trước khi lượng sóng của sự thúc-đẩy sinh-hoạt đạt tới trình-độ tiến-hóa con người. Cái khuynh-hướng chia-ly ra Chơn-Thần cá-tánh dần dần. Và trong các cảm-thú tiến-hóa cao, cái khuynh-hướng ấy đi gần đúng nhịp. Những nhà tiêu-đạo-học-phái và trong phiếm-thần-luận đều áp-dụng danh-từ " Monas " để gọi võ-tru hoàn-toàn. Những nhà huyền-học, trong khi chấp nhận cái ý-niệm này cho dễ-dàng lại phân-biệt những trình-độ tiến dần của sự tiến-hóa từ trừu-tượng đến cụ-thể, bằng những danh-từ đặc-biệt như: " Chơn-Thần thảo-mộc, kim-thạch và thú-cầm v.v..." Danh-từ chỉ giải-nghiã rằng: luồng sóng tiến-hóa tinh-thần đi xuyên qua cái vòng-cung của chu-vi nó. " Cái tinh-hoa Chơn-Thần " khởi-sự đi-biệt một cách không ^{nhận} thấy rõ để đến tâm-thức cá-tánh trong giới thảo-mộc. Những Chơn-Thần là những điều không kết-tập, như ông Leibnitz đã giải rất đúng. Chính Tinh-Hoa tinh-thần làm cho nó linh-động trong nhiều độ đi-biệt - để tạo-thành Chơn-Thần chớ chẳng phải những nguyên-tử kết-hợp - nói cách trắng ra. Những nguyên-tử kết-hợp này chỉ là khí-cụ, là chất khí; xuyên qua nó những mực-độ khôn-ngoan cao và thấp, rung-động.

Ông Leibnitz xem những Chơn-Thần như là các đơn-vị thấp-kém và bất-hoại; chúng nó có quyền-năng cho ra cho các đơn-vị khác, và nhận lãnh của chúng nó, như đó, các Chơn-Thần này có quyền-năng khản-định mọi biến-cố tinh-thần và vật-chất. Chính ông Leibnitz bày đặt ra danh-từ " tự-giác " (aperception). Danh-từ này hiệp với danh-từ cảm-giác (không phải sự tri-giác thuộc về thần-kinh) nói lên trạng-thái tâm-thức của Chơn-Thần xuyên qua mọi loài cho tới con Người.

Vậy, về mặt thuần siêu-hình-học không đúng mà gọi " Atmâ-Buddhi) là một Chơn-Thần: bởi vì về mặt vật-chất " Atmâ-Buddhi " là đôi, như đó nó kết-hợp. Nhưng vật-chất đây là tâm-linh (và trái ngược lại) Võ-tru và Thần-Minh lay-động nó ; người ta không thể tưởng-tượng chúng nó chia-ly nhau. Đối với Atmâ-Buddhi thì cũng thế. Buddhi là khí-cụ của Atmâ. Buddhi đối với Atmâ cũng như Adam-Kadmon - (là Đức Thượng-Đế của người Cabale) - đối với Ain Soph(I) hay Mûlaprakriti đối với Parabrahman.

(I) Ain-Soph; đang không ai nói đến được và tưởng đến được. Do Đấng ấy mới sanh ra 10 Sephiroths.

GIÁO-LÝ BÍ-TRUYỀN

Tập số 37

NHỮNG LỜI GIẢI THÍCH VỀ ĐOẠN THÁNH KINH DZYAN THỨ VI, CÂU 4.

(Tiếp theo)

Chúng ta bị bắt buộc phải dùng, như nói ở trên, danh-từ " Con Người ". Điều này chỉ tỏ rõ-rệt ngôn-ngữ Phương Tây dùng để phân-biệt sự tế-nhi là ít-ỏi dường bao! Tri-giác cho biết rằng : " những con người này " không giống nơi con người ngày nay về hình dáng và về bản tánh. Vậy tại sao - người ta có thể hỏi - gọi họ là " những con người " ?

Bởi vì không có danh-từ nào khác trong ngôn-ngữ Phương Tây để diễn-tả ý-niệm mà người ta muốn nói. Danh-từ " con người " ít ra chỉ tỏ rằng: các sanh-linh này là những " Manus ", những linh-hồn biết suy-nghĩ - dù khác nhiều về hình-thức và trí-thức với con người hiện-thời. Thật ra, về phần tinh-thần và về sự khôn-ngoa, chúng nó quả là " Thần Thánh " chứ chẳng phải con người.

Sự khó-khăn về ngôn-ngữ sẽ diễn lại, khi người ta muốn miêu-tả " những trình-độ " mà các Chơn-Thần phải đi qua. Nói về cách siêu-hình-học, thì dĩ-nhiên là vô-lý, khi đề-cập đến sự phát-triển của một Chơn-Thần hay nói rằng: Chơn-Thần trở thành " con người ". Nhưng, một chút xiếu ý-toan bảo-tồn sự đúng-đắn về siêu-hình-học trong việc sử-dụng một ngôn-ngữ Tây Phương nào, cần ít nhất ba quyển sách nhiều hơn ; và điều này sẽ kéo theo biết bao nhiêu câu lập đi lập lại, khiến nghe khó chịu. Cố-nhiên, một Chơn-Thần không thể tiến-hóa, cũng không thể phát-triển, và cũng không chịu ảnh-hưởng bởi sự biến-đổi của trạng-thái mà nó đi qua. Một Chơn-Thần là một vật không phải ở thế-giới này, không phải ở cõi này; nó có thể chỉ so-sánh với một Ngôi Sao Ánh Sáng và Lửa Thiên, bất-hoại, ném xuống trái đất chúng ta như là một tấm ván cứu-tinh

GIÁO-LÝ BÍ-TRUYỀN

Tập số 37

NHỮNG LỜI GIẢI THÍCH VỀ ĐOẠN THÁNH KINH DZYAN THỨ VI, CÂU 4.

(Tiếp theo)

Chúng ta bị bắt buộc phải dùng, như nói ở trên, danh-từ " Con Người ". Điều này chỉ tỏ rõ-rệt ngôn-ngữ Phương Tây dùng để phân-biệt sự tế-nhi là ít-ôi dường bao! Tri-giác cho biết rằng : " những con người này " không giống nơi con người ngày nay về hình dáng và về bản tánh. Vậy tại sao - người ta có thể hỏi - gọi họ là " những con người " ?

Bởi vì không có danh-từ nào khác trong ngôn-ngữ Phương Tây để diễn-tả ý-niệm mà người ta muốn nói. Danh-từ " con người " ít ra chỉ tỏ rằng: các sanh-linh này là những " Manus ", những linh-hồn biết suy-nghĩ - dù khác nhiều về hình-thức và trí-thức với con người hiện-thời. Thật ra, về phần tinh-thần và về sự khôn-ngoan chúng nó quả là " Thần Thánh " chứ chẳng phải con người.

Sự khó-khăn về ngôn-ngữ sẽ diễn lại, khi người ta muốn miêu-tả " những trình-độ " mà các Chơn-Thần phải đi qua. Nói về cách siêu-hình-học, thì dĩ-nhiên là vô-lý, khi đề-cập đến sự phát-triển của một Chơn-Thần hay nói rằng: Chơn-Thần trở thành " con người ". Nhưng, một chút xiếu ý-toan bảo-tồn sự đúng-đắn về siêu-hình-học trong việc sử-dụng một ngôn-ngữ Tây Phương nào, cần ít nhứt ba quyển sách nhiều hơn ; và điều này sẽ kéo theo biết bao nhiêu câu lặp đi lặp lại, khiến nghe khó chịu. Cố-nhiên, một Chơn-Thần không thể tiến-hóa, cũng không thể phát-triển, và cũng không chịu ảnh-hưởng bởi sự biến-đổi của trạng-thái mà nó đi qua. Một Chơn-Thần là một vật không phải ở thế-giới này, không phải ở cõi này; nó có thể chỉ so-sánh với một Ngôi Sao Ánh Sáng và Lửa Thiên , bất-hoại, ném xuống trái đất chúng ta như là một tấm ván cứu-tình

cho những phạm-nhơn, mà nó ở trong đó. Chính các phạm-nhơn này phải bám lấy, và trong khi chúng nó tham-dự vào bản-tánh thiêng-liêng nên có được sự trông-cửu. Nếu để một mình, Chơn-Thần không bám víu vào ai được; mà nó như là một miếng ván; nó đầu-thai, và bị dòng nước tiến-hóa luôn luôn mang đi.

Sự tiến-hóa về hình-thức bên ngoài, hay là xác-thân, xung-quanh cái viá, đều theo ảnh-hưởng của mãnh-lực trái đất, cũng như trong trường-hợp của các loài thấp kém. Nhưng sự tiến-hóa của con người thật hay là " con người bên trong " thì thuần-túy tinh-thần. Bấy giờ, không phải là cảnh bước qua của Chơn-Thần vô-ngã trong những hình-thức phức-tạp và dị-biệt của vật-chất - (những hình-thức này có nhiều lắm là bản-năng (instinct) và tâm-thức trên một cõi hoàn-toàn dị-biệt) - như trong trường-hợp tiến-hóa bên ngoài. Nhưng chính đó là một cuộc lữ-hành của " Linh-Hồn của kẻ Hành-Hương " xuyên qua các trạng-thái dị-biệt, chẳng những về vật-chất, mà còn về chính tâm-thức và chính tri-giác, hay là sự tri-giác từ chỗ trực-giác phát-lộ ra ngoài.

Từ chỗ trạng-thái tinh-thần vô-tâm-thức và từ chỗ trạng-thái Khôn-Ngoan - Chơn-Thần đi ra, bước qua hai cõi thứ nhất, đứng rất gần với Đấng Tuyệt-Đối - để có một sự quan-hệ nào với một cõi thấp kém.- Chơn-Thần đi ngay xuống cõi Thượng-Giới. Nhưng trong võ-trụ, không có cõi nào, có một lẽ-lối rộng-rãi hơn, một sân-trường hoạt-động rộng lớn hơn là cõi Thượng-Giới. Cõi này có nhiều bực-gần như vô số- về những đức-tánh tri-giác và cảm-giác. Và nó lại có một cõi thấp thích-ứng với " mỗi hình-thức " của Chơn-Thần kim-thạch, lúc mà sự tiến-hóa làm cho Chơn-Thần đó nảy-nở và trở-thành Chơn-Thần Thiêng-Liêng. Nhưng, trong tất cả thời-gian ấy, nó luôn luôn vẫn là một cái duy-nhất và cũng là một cái Chơn-Thần y như vậy. Nó xem dường chịu ảnh-hưởng của sự biến-đổi chỉ nhờ những kiếp và những chu-kỳ kế-tiếp mà nó đi xuyên qua - những chu-kỳ đó là những chu-kỳ tối-tăm từ phần hay trọn vẹn của tinh-thần hay vật-chất - là hai cực-đoan trái ngược - tùy theo lúc nó đi lên cõi tinh-thần của trí, hay lúc nó đi xuống trong cõi âm-u của vật-chất.

Chúng ta hãy trở về với Bouddhisme ésotérique:

Lời xác-ngôn thú nhì liên-quan đến thời-buổi vĩ-đại xen vào giữa đời kim-thạch trên Bầu A với đời " con người " - (danh-từ " đời con người " là do sự cần kíp cho một tên cho loài thú tư, theo sau loài cầm-thú, dù thật ra, " con người " trên Bầu A - trong cuộc Tuần Hườn thú nhất, chẳng phải là con người, mà chỉ là cái " mô-phạm " con người, cái hình-ảnh không bề đo " con người đi từ cõi Trung-Giới đến. Đây là đoạn mà ta đề-cập đến.

Sự phát-triển đời kim-thạch trên Bầu A được hoàn-bị là chuẩn-bị con đường nảy-nở cho loài thảo-mộc. Và, vừa khi con đường thảo-mộc mới khởi-sự, thì luồng thần-lực của kim-thạch lại đổ vào Bầu B. Khi sự nảy-nở của thảo-mộc trên Bầu A đã hoàn-bị và sự nảy-nở của thú-cầm tại đó đã khởi-sự, thì luồng thần-lực thảo-mộc đã đến Bầu B, còn luồng thần-lực kim-thạch, thì đi qua Bầu C. Chính đó mà, chung qui lại, đến luồng thần-lực " con người " ; nó đến trên Bầu A." (I)

Và vì vậy mà luồng ^{sóng}thần-lực loan truyền ra ba Cuộc Tuần Hườn, cho tới lúc nó chậm bước lại, và rớt cuộc ngừng tại ngưỡng-cửa của Bầu chúng ta, trong lúc cuộc Tuần-Hườn thú tư. Nó ngừng lại: bởi vì đó là thời-kỳ con người - (con người xác-thịt thật - sự phải đến) (of the true physical men to be) Cuộc Tuần-Hườn thú bảy đã đạt đến. Chính thật vậy: bởi vì người ta nói rằng :

Có những diễn-tiến tiến-hóa xảy ra trước loài kim-thạch, như đó có một lượng sóng - hay những lượng sóng - tiến-hóa - xảy ra trước lượng sóng kim-thạch, trong lúc nó triển sang xung-quanh các Bầu ". (2)

Giờ đây chúng ta nên kể một bài khác là: " Chơn-Thần kim-thạch " trong quyển " Five years of Theosophy " như sau :

" Có 7 loài . Loài thú nhất của 7 loài đó có 3 bậc tinh-hoa - hay là những trung-tâm sanh ra sức-lực - từ khi ở giai-đoạn thú nhất của sự phân-hóa của Mûlaprakriti (hay là Pradhâna là chất

(I) - trang 76.

(2) - cũng nơi trang 76.

khí đầu-tiên thuần-chất) - cho tới độ thứ ba của nó nghĩa là từ lúc hoàn-toàn vô-tri-thức cho tới bán tri-thức.

Loài thú nhì - thuộc về nhóm cao hơn - gồm các loài từ thảo-mộc tới con người.

Vậy loài kim-thạch tạo nên điểm quan-trọng, hay trung-tâm, trong các trình-độ của Tinh-Hoa Chơn-Thần xem như một thần-lực đang tiến-hóa. Ba trình-độ (dưới vật-chất) về phần tinh-hoa, cõi kim-thạch, ba trình-độ của phần khách-quan vật-chất: như bảy dây nhỏ (thứ nhất hay đầu-tiên) của Dây đang tiến-hóa " (1)

" Đầu-tiên " như chúng ta vừa nói, bởi vì chúng nó còn chuẩn-bị (préparatoire) dẫn thật ra chúng nó thuộc về sự tiến-hóa tự-nhiên. Đúng hơn là nói rằng : chúng nó thuộc về phạm-vi tiến-hóa tự-nhiên bổ-khuyết (sous-naturelle). Sự diễn-tiến này ngưng tại trình-độ thứ ba của nó, trên ngưỡng của thú tư, khi nó trở-thành trình-độ thứ nhất thật-sự đi đến con người, (đó là theo cơ-đồ tiến-hóa tự-nhiên). Và như thế, nó tạo ra cùng với 7 loài, làm ra 10 loài. Số 10 đây là số Sephiroth. (2) Chính về điểm này, mới khởi-sự:

" Linh-hồn đi xuống trong vật-chất ngang bằng với một sự thăng-thiên trong sự tiến-hóa vật-chất. Linh-hồn từ cõi âm-u thấp nhất của vật-chất (là kim-thạch) đi đến hiện-trạng với một sự ly-tán đối-xứng về phần hữu-cơ cụ-thể - cho tới Niết-Bàn - là điểm chất-khí phân-hóa tiêu tan ." (3)

Thật ra, lúc ấy, tại sao người ta gọi một cách có lý, trong quyển " Bouddhisme Esotérique " là một " lượng sóng tiến-hóa " và một sự " thúc đẩy của kim-thạch, thảo-mộc, thú-cầm và con người " lại ngưng ở ngưỡng cửa của Bầu chúng ta, tại cuộc Tuần-Hườn thú tư

(1) Danh-từ "vật-chất" đây có nghĩa là phân-hóa cho những mục-đích và những công-việc vô-trụ; Dù sao đi nữa, " phân vật-chất này " dù là khách-quan khi các nhơn-vật của các cõi khác tri-giác đặng, cũng là chủ-quan đối với chúng ta, trên cõi của chúng ta.

(2) Giải-thích Sephiroth - (nghĩa căn-bản là: số) Theo tư-điển Rhea - thì Sephiroth là: những nguyên-lý của Trời, từ đấng Ain Soph sanh ra 10 Đức là : 1) tự-tượng 2) sự Minh-Triết 3) sự Khôn-Ngoan 4) sự duyên-dạng 5) sự cứng-rắn 6) sự Mỹ-lệ 7) sự thăng-trần 8) sự vinh-quang, 9) sự lập-nền 10) cõi của vua. Bảy Sephiroths thứ nhất gọi là Sephiroths cao. Bảy cái kia gọi là Bảy Sephiroths thấp để kiến-thiết. (Lời dịch-giã)

(3) PP 267 et seq.

hay Chu-Kỳ. Chính tại điểm này mà Chơn-Thần võ-trụ (Buddhi) hiệp nhất với tia-sáng Niết-Bàn và trở-thành một cái Thể, nghĩa là Thể Bồ-Đề thức-tỉnh trước sự tự-giác Atmâ và bảy giờ mới để bước thứ nhất trên chiếc thang mới tiến-hóa có 7 tầng. Chiếc thang này, về sau, phải đưa Chơn-Thần tới mức thứ mười của cây Sephiroth là " Vương Mệnh " (đọc từ phía dưới lên phía trên thang).

Tất cả trong võ-trụ đều có sự tương-tựa. " Dưới đất cũng như trên Trời "; con người là tiểu võ-trụ. Điều gì đã xảy ra trên cõi tinh-thần sẽ lập-lại trên cõi võ-trụ. Sự kết-thể theo con đường trừ-tượng: cái thấp nhất phải liên-hệ đến cái cao nhất; vật-chất phải liên-hệ đến tinh-thần. Như đó, cái " Vương Mệnh Sephiroth " hay là Tam-Thể-Thượng (La triade supérieure) liên-hệ đến ba loài tinh-hoa, có trước hơn là loài kim-thạch. Và những loài tinh-hoa này - (để dùng ngôn-ngữ của người Cabale) (I) liên-hệ - (trong lúc phân-hóa võ-trụ) - đến giới hình-thể và vật-chất, từ cái tinh-thần siêu-việt cho chí Nghi-hình.

Một Chơn-Thần là gì ? Và những cái liên-hệ gì của nó với hột nguyên-tử. Câu trả lời sau đây căn-cứ vào lời giải-thích những câu hỏi trong bài đã kể (The Mineral Monad) và chính tác-giả viết bài đó. Về câu hỏi thứ nhì, thì người ta trả lời rằng :

" Chơn-Thần không có liên-hệ gì với hột nguyên-tử cả, hay với một phân-tử nào cả, như hiện nay khoa-học đã hiểu. Người ta không thể so-sánh nó với chất hữu-cơ nhỏ li-ti (phải dùng kính hiển-vi mới thấy được) mà thuở xưa người ta sắp chung với loại trích-trùng (infusoires) có nhiều vị-dịch (polygastriques) và hiện nay người ta hiểu như là những thảo-mộc theo loại rong biển, và người ta cũng không nhìn-nhận rằng đó là loại Monas des Péripatéticiens (là loại tiêu-dao học-phái). Về mặt vật-chất hay về mặt bẩm-sinh, Chơn-Thần kim-thạch chắc-chắn là dị-biệt với Chơn-Thần con người. Chơn-Thần con người không phải là vật-chất; nó có một sự cấu-thành không thể tượng-trung bằng những biểu-tượng và bằng những yếu-tố hóa học ". (2)

(I) Giải-thích Cabale là giáo-lý bí-mật, trong Cựu-Uớc-Kinh của người Do Thái.

(2) Op. cit. pp. 273 - 74.

Tóm lại, cũng^y như Chơn-Thần tinh-thần là một, là võ-trụ, là vô bờ bến, là không riêng rẽ - (dầu các tia-sáng của nó tạo ra điều mà vì đốt-nát, chúng ta gọi là "những Chơn-Thần cá-tánh" con người) - thì Chơn-Thần kim-thạch - (ở tại vòng cung đối chiếu của vòng tròn) - cũng là một; từ Chơn-Thần đó mà ra vô số hạt nguyên-tử hồng trần; và khoa-học khởi-sự xem như là cá-tánh-hóa.

"Bằng không, làm sao người ta có thể giải-thích một cách toá,-học sự tiến-hóa tăng-cường và sự đi xoáy tròn ốc của bốn loài? Chơn-Thần là sự phối-hợp của hai "nguyên-lý" chót trong con người; ấy là nguyên-lý thứ sáu và thứ bảy. Và muốn nói cho trúng danh-từ "Chơn-Thần con người" là chỉ áp-dụng cho Linh-Hồn đôi (Âme double) (Atmâ Buddhi) chớ chẳng phải cho cái nguyên-lý cao, là Atmâ, tinh-thần và linh-hoạt. Nhưng, nếu linh-hồn tinh-thần chia riêng với Atmâ, thì nó không thể có đặng; nên người ta gọi nó như thế.

... Tinh-hoa Chơn-Thần hay tốt hơn là tinh-hoa võ-trụ (nếu người ta có thể dùng danh-từ đó) dù cũng đồng chất với loài kim-thạch, thảo-mộc và thú-cầm, xuyên qua một dọc chu-kỳ, từ loài tinh-hoa thấp nhứt cho chí các vị Thiên-Thần; nó dị-biệt, tuy-nhiên, tùy theo bậc tiến-hóa của nó. Sẽ đi đến sự làm-lạc, nếu người ta tưởng-tượng Chơn-Thần như là một sinh-vật riêng-biệt từ từ đi trên đường lộ riêng rẽ xuyên qua các loài thấp và nầy-nở, sau khi bị một loạt biến-đổi vô cùng thành ra một con người; tỷ như Chơn-Thần của Humboldt thuộc về Chơn-Thần của một thứ đá lục (horn blende). Trong khi nói "Chơn-Thần kim-thạch" thì - (để dùng cú-pháp đúng hơn của khoa vật-lý-học) - phải phân hóa mỗi hạt nguyên-tử trình-bày cách khác và nói rằng: "Chơn-Thần đang bộc-lộ trong cái hình-thức Prakriti này được gọi là loài kim-thạch". Hạt nguyên-tử, tượng-trung trong giả-thuyết khoa-học, thường chỉ là một mảnh nhỏ của một sự vật nào đó; mảnh nhỏ này sau nhiều thời-đại, được linh-động bởi một điều tâm-linh để làm phát-triển ra một con người. Chính đó là một sự biểu-lộ cụ-thể của Thần-Lực Võ-Trụ - (chưa cá-tánh-hóa) - một sự biểu-lộ hậu-lai của "Monas" võ-trụ duy-nhất. Biến cả vật-chất không chia ra những giọt có

Tóm lại, cũng^y như Chơn-Thần tinh-thần là một, là võ-trụ, là vô bờ bến, là không riêng rẽ - (dầu các tia-sáng của nó tạo ra điều mà vì đốt-nát, chúng ta gọi là "những Chơn-Thần cá-tánh" con người) - thì Chơn-Thần kim-thạch - (ở tại vòng cung đối chiếu của vòng tròn) - cũng là một; từ Chơn-Thần đó mà ra vô số hạt nguyên-tử hồng trần; và khoa-học khởi-sự xem như là cá-tánh-hóa.

"Bằng không, làm sao người ta có thể giải-thích một cách toá,-học sự tiến-hóa tăng-cường và sự đi xoáy tròn ốc của bốn loài? Chơn-Thần là sự phối-hợp của hai "nguyên-lý" chót trong con người; ấy là nguyên-lý thứ sáu và thứ bảy. Và muốn nói cho trúng danh-từ "Chơn-Thần con người" là chỉ áp-dụng cho Linh-Hồn đôi (Âme double) (Atmâ Buddhi) chớ chẳng phải cho cái nguyên-lý cao, là Atmâ, tinh-thần và linh-hoạt. Nhưng, nếu linh-hồn tinh-thần chia riêng với Atmâ, thì nó không thể có đặng; nên người ta gọi nó như thế.

... Tinh-hoa Chơn-Thần hay tốt hơn là tinh-hoa võ-trụ (nếu người ta có thể dùng danh-từ đó) dù cũng đồng chất với loài kim-thạch, thảo-mộc và thú-cầm, xuyên qua một dọc chu-kỳ, từ loài tinh-hoa thấp nhứt cho chí các vị Thiên-Thần; nó dị-biệt, tuy-nhiên, tùy theo bậc tiến-hóa của nó. Sẽ đi đến sự làm-lạc, nếu người ta tưởng-tượng Chơn-Thần như là một sinh-vật riêng-biệt từ từ đi trên đường lộ riêng rẽ xuyên qua các loài thấp và nầy-nở, sau khi bị một loạt biến-đổi vô cùng thành ra một con người; tỷ như Chơn-Thần của Humboldt thuộc về Chơn-Thần của một thú đá lục (horn blende). Trong khi nói "Chơn-Thần kim-thạch" thì - (để dùng cú-pháp đúng hơn của khoa vật-lý-học) - phải phân hóa mỗi hạt nguyên-tử trình-bày cách khác và nói rằng: "Chơn-Thần đang bộc-lộ trong cái hình-thức Prakriti này được gọi là loài kim-thạch". Hạt nguyên-tử, tượng-trưng trong giả-thuyết khoa-học, thường chỉ là một mảnh nhỏ của một sự vật nào đó; mảnh nhỏ này sau nhiều thời-đại, được linh-động bởi một điều tâm-linh để làm phát-triển ra một con người. Chính đó là một sự biểu-lộ cụ-thể của Thần-Lực Võ-Trụ - (chưa cá-tánh-hóa) - một sự biểu-lộ hậu-lai của "Monas" võ-trụ duy-nhất. Biến cả vật-chất không chia ra những giọt có

tiềm-thế năng-lực và kết-tạo trước khi lượng sống của sự thúc-đẩy sinh-hoạt đạt tới trình-độ tiến-hóa con người. Cái khuynh-hướng chia-ly ra Chơn-Thần cá-tánh dần dần. Và trong các cảm-thú tiến-hóa cao, cái khuynh-hướng ấy đi gần đúng nhịp. Những nhà tiêu-đạo-học-phái và trong phiếm-thần-luận đều áp-dụng danh-từ " Monas " để gọi võ-trụ hoàn-toàn. Những nhà huyền-học, trong khi chấp nhận cái ý-niệm này cho dễ-dàng lại phân-biệt những trình-độ tiến dần của sự tiến-hóa từ trừu-tượng đến cụ-thể, bằng những danh-từ đặc-biệt như: " Chơn-Thần thảo-mộc, kim-thạch và thú-cầm v.v..." Danh-từ chỉ giải-nghiã rằng: luồng sống tiến-hóa tinh-thần đi xuyên qua cái vòng-cung của chu-vi nó. " Cái tinh-hoa Chơn-Thần " khởi-sự đi-biệt một cách không/ ^{nhân}thấy rõ để đến tâm-thức cá-tánh trong giới thảo-mộc. Những Chơn-Thần là những điều không kết-tập, như ông Leibnitz đã giải rất đúng. Chính Tinh-Hoa tinh-thần làm cho nó linh-động trong nhiều độ đi-biệt - để tạo-thành Chơn-Thần chớ chẳng phải những nguyên-tử kết-hợp - nói cách trắng ra. Những nguyên-tử kết-hợp này chỉ là khí-cụ, là chất khí; xuyên qua nó những mực-độ khôn-ngoan cao và thấp, rung-động.

Ông Leibnitz xem những Chơn-Thần như là các đơn-vị thấp-kém và bất-hoại; chúng nó có quyền-năng cho ra cho các đơn-vị khác, và nhận lãnh của chúng nó, nhưn đó, các Chơn-Thần này có quyền-năng khản-định mọi biến-cố tinh-thần và vật-chất. Chính ông Leibnitz bày đặt ra danh-từ " tự-giác " (aperception). Danh-từ này hiệp với danh-từ cảm-giác (không phải sự tri-giác thuộc về thần-kinh) nói lên trạng-thái tâm-thức của Chơn-Thần xuyên qua mọi loài cho tới con Người.

Vậy, về mặt thuần siêu-hình-học không đúng mà gọi " Atmâ-Bud-dhi) là một Chơn-Thần: bởi vì về mặt vật-chất " Atmâ-Buddhi " là đôi, nhưn đó nó kết-hợp. Nhưng vật-chất đây là tâm-linh (và trái ngược lại) Võ-trụ và Thần-Minh lay-động nó ; người ta không thể tưởng-tượng chúng nó chia-ly nhau. Đối với Atmâ-Buddhi thì cũng thế. Buddhi là khí-cụ của Atmâ. Buddhi đối với Atmâ cũng như Adam-Kadmon - (là Đức Thượng-Đế của người Cabale) - đối với Ain Soph(I) hay Mûlaprakriti đối với Parabrahman.

(I) Ain-Soph; Đấng không ai nói đến được và tương đến được. Do Đấng ấy mới sanh ra 10 Sephiroths.